NGUYỄN-KHẮC-NGỮ

Mỹ-thuật CỔ-TRUYỀN Việt-nam

TỦ-SÁCH NGHIÊN-CỨU SỬ-ĐỊA

NGUYỄN-KHẮC-NGỮ

Mỹ-thuật CỔ-TRUYỀN VIỆT-NAM

DISCARDED

TỦ SÁCH NGHIÊN-CỨU SỬ-ĐỊA

LỜI NÓI ĐẦU

Trong việc Nghiên-cứu Lịch-sử Văn-minh, Nghệ-thuật nói chung hay Mỹ-thuật nói riêng, đóng một vai-trò quan-trọng vì Mỹ-thuật cũng với Văn-học, phản-ánh đời-sống tinh-thần của con người, của dân-tộc.

Với đời-sống hằng-ngày, Mỹ-thuật đóng-góp cho mọi người những cái thú-vị của cuộc sống vì ai là người không ưa-thích cái đẹp.

Mỹ-thuật một mặt mang những ý-nghĩa sâu-sắc của một triết-lý nhưng mặt khác nó hiện-diện ở khắp-nơi, từ bức tranh treo trên tường (Hội-hoa), pho-tượng để ở góc phòng (Điêu-khắc), căn-nhà ta đang ở (Kiến-trúc), nét khắc trên cánh cửa tủ (Trang-trí), bình hoa trên mặt bàn (đồ gốm), đều là những cái đẹp cụ-thể mà Mỹ-thuật đã đóng-góp cho sự tươi-đẹp của đời-sống hằng ngày của chúng-ta.

Dân-tộc chúng-ta là một dân-tộc có nhiều ngàn năm văn-hiến nên Mỹ-thuật Việt-nam đã có nhiều sắc-thái đặc biệt. Song vai-trò của nó chưa được nhiều người chú-ý vì chúng-ta chưa có nhiều người nghiên-cứu về vấn-đề này, cũng như chưa có nhiều sách nói lên những cái đẹp cái hay của nó.

Từ khi còn ở trong nước, chúng-tôi đã sưu-tập được khá nhiều tài-liệu và hình-ảnh để chuẩn-bị viết cuốn sách này thật đầy đủ và thật đẹp nhưng phút cuối cùng đã phải ra đi với hai bàn tay trắng. Trong những năm gần đây chúng-tôi phải bắt đầu sưu-tầm lại và cuốn sách nhỏ này hôm nay được ra đời, chỉ mong đáp-ứng được phần nào sự khao-khát của các bạn đọc đang mong mỏi tìm lại những cái hay, cái đẹp của dân-tộc. Nó cũng chỉ là cái sườn để mọi người chúng-ta sẽ đóng-góp thêm để tạo dựng một cái nhà Mỹ-thuật Việt-nam đẹp hơn và đầy-đủ hơn.

Cuốn Mỹ-thuật Cổ-truyền Việt-nam này chỉ trình-bầy Mỹ-thuật Việt-nam từ đầu đến đời nhà Nguyễn. Chúng-tôi đang tiếp-tục Nghiên-cứu giai-đoạn thứ hai từ thời Pháp thuộc đến ngày nay để viết cuốn Mỹ-thuật Việt-nam Hiện đại.

Tất-nhiên, trong cuốn sách này, chúng-tôi khó có thể tránh được những sai-lầm và thiếu sót. Chúng tôi ước-mong được Quí-Vị cao-minh chỉ-giáo cho để trong lần xuất-bản tới chúng ta có một cuốn sách hoàn-toàn hơn.

Montreal mùa Tuyết 1981.

NGUYỄN-KHẮC-NGỮ.

NỘI - DUNG

Lời nói đầu
Nội-dung

CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN-ĐỀ CĂN-BẢN TRONG VIỆC NGHIÊN-CỨU MỸ-THUẬT VIỆT-NAM 17
Nguồn-gốc Văn-minh Việt-nam.
Cương-vực Văn-minh Việt-nam.
Phân-chia Thời-kỳ trong Lịch-sử Mỹ-thuật Việt-nam 19
Các bộ-môn trong Mỹ-thuật Việt-nam 21

CHƯƠNG 2. MỸ-THUẬT THỜI ĐỒ ĐÁ. 22

Mỹ-thuật thời Cựu-thạch.
Mỹ-thuật thời Trung-thạch 24
Mỹ-thuật thời Tân-thạch 28

CHƯƠNG 3. MỸ-THUẬT ĐÔNG SƠN. 35

Rìu đồng Đông-sơn 36
Trống đồng Đông-sơn 38
Thạp đồng 42
Điêu khắc. 45
Hội-họa. 48
Trang-trí 52
Giao-long và Chim Lạc, hai vật-tổ của người Lạc-Việt 53
Đồ gốm . 55
Kiến-trúc thành Cổ-loa 57
Kiến-trúc 59.

CHƯƠNG 4.MỸ-THUẬT ĐẠI LA. 60

Kiến-trúc thành Đại-la. 61
Kiến-trúc nhà cửa
Điêu khắc 65
Mở đầu ảnh-hưởng Phật-giáo
trong Mỹ-thuật 68
Đồ đồng, đồ gốm đã mang nhiều ảnh-hưởng
Trung-hoa 70
Trang-trí 76
Hội-họa 80

CHƯƠNG 5 . MỸ-THUẬT HOA-LƯ. 84

Kiến-trúc thành Hoa-lư.
Kiến-trúc lăng mộ 87
Điêu-khắc 88
Ảnh-hưởng Phật-giáo càng ngày càng mạnh 92

CHƯƠNG 6 . MỸ-THUẬT THĂNG-LONG ĐỜI LÝ.

Kiến-trúc thành Thăng-long 94
Kiến-trúc cung-điện 95
Kiến-trúc tôn-giáo 97
Dáng cấu-trúc đời Lý 103
Điêu-khắc 106
Đồ-gốm Bát-tràng và Thanh-hóa. 115
Trang-trí 118
Trang-trí hình Rồng trong Mỹ-thuật
đời Lý 127
Hội-họa đời Lý 135

CHƯƠNG 7 . MỸ-THUẬT THĂNG-LONG ĐỜI TRẦN.

Kiến-trúc Thăng-long đời Trần. 144
Kiến-trúc ở Tức-mạc. 145
Kiến-trúc Lăng-mộ 146
Thành nhà Hồ và Tây-đô. 148
Kiến-trúc tôn-giáo 150
Kỹ-thuật kiến-trúc 160
Kiến-trúc dân-gian 163
Điêu-khắc đời Trần 164
Hội-họa đời Trần 171
Trang-trí đời Trần 176
Trang-trí hình Rồng đời Trần 179
Trang-trí hình Người đời Trần 182
Đồ gốm đời Trần 193

CHƯƠNG 8 . MỸ-THUẬT ĐÔNG-KINH ĐỜI HẬU-LÊ.

Kiến-trúc thành Đông-kinh	201
Kiến-trúc Lam-kinh	209
Kiến-trúc lăng-mộ	212
Cấu-trúc đời Hậu-Lê	214
Kiến-trúc tôn-giáo	215
Điêu-khắc đời Hậu-lê	224
Trạm nổi và tượng đá	251
Rồng trong Mỹ-thuật đời Hậu-Lê	260
Hội-họa đời Hậu-Lê	269
Trang-trí đời Hậu Lê	274
Đồ gốm đời Hậu-lê	278
CHƯƠNG 9 . MỸ-THUẬT HUẾ ĐỜI NGUYỄN	287
Đặc-điểm của mỹ-thuật Huế	287
Kiến-trúc thành Huế	291
Thành Phiên-an	292
Thành Hà-nội	294
Kiến-trúc cung-điện	298
Kiến-trúc lăng-mộ	299
Sự suy-thoái của Kiến-trúc cổ-truyền	315
Kiến-trúc tôn-giáo	316
Kiến-trúc dân-gian	326
Nghệ-thuật đúc đồng	329
Điêu-khắc đá	336
Đồ sứ màu Lam Huế	337
Hội-họa	345
Trang-trí	360

HÌNH - ẢNH

Hình 1	Riù đá ở núi Đọ	t 23
2	Riù đá Xuân-lộc	24
3	Đồ đá Sơn-vi	24
4	Riù đá ở Tam-hang (Hoà-bình)	25
5	Đá sỏi có khắc hình ở hạng Kỳ	25
6	Đá cơ khắc hình ở Len-đất.	25
7	Hình khắc I ở hang Thượng-phú	26
8	Hình khắc II ở hang Thượng-phú	26
9	Hình khắc ở Mường Hoa	27
10	Riù có tay cầm ở Bàu Trớ và Đa-phúc.	28
11	Lọ gốm Sa- huỳnh	29
12	Hình-dáng và trang-trí đồ gốm Sa-huỳnh	30
13	Lọ gốm Sa-huỳnh	31
14	Chậu gốm Sa-huỳnh	31
15	Đồ-gốm Sa-huỳnh	32
16	Đồ gốm Sa-huỳnh	32
17	Đồ gốm Sa-huỳnh	33
18	Đồ gốm Sa-huỳnh	33
19	Hình trang-trí trên đồ gốm, Phú-lộc	34
20	Hình trang-trí trên đồ gốm, Hoa-lộc	33
21	Riù đồng có trạm hình Kỳ-hà, Đông-sơn	36
22	Riù trạm hình bơi thuyền, Đông-sơn	37
23.24	Rìu trạm hình nhảy múa và thú-vật, Đông-sơn	37
25	Trống đồng Ngọc-lũ	39
26	Mặt trống đồng Ngọc-lũ	40
27	Hình thuyền trên tang trống đồng Ngọc-lũ	41
28	Hình thuyền trên tang trống đồng Hoàng-hạ	41
29	Thạp Đào-thịnh	43
30	Thạp Việt-khê	44
31	Thạp Vạn-thắng	44
32	Thạp Đông-sơn	44
33	Trang-trí trên chậu, Đá-bạc	45
34a	Tượng sư-tử và Chim	45
34b	Tượng gà trống và tượng vịt	46
34c	Tượng bao, nai, voi, hổ và chó	46
35	Tượng đá, Vắn-điển	47
36	Tượng người cõng, Đông-sơn	47
37	Người thổi khèn, Việt-khê	47

38	Tượng người ngồi canh	48
39	Chiến-sĩ nghênh chiến	49
40	Nhảy múa	49
41	Chim đang bay và đứng dưới đất	49
42	Cầm thú khắc trên trống đồng Ngọc-lũ	50
43	Giao-long khắc trên rìu chiến Núi voi	51
44	Giao-long Đào-thịnh, Đông-sơn và Ninh-bình	51
45	Thuyền hình Rồng trong mỹ-thuật Đông-sơn	52
46	Thuyền hình chim trong mỹ-thuật Đông-sơn	53
47	Các hình trang-trí kỷ-hà Phùng-nguyên và Đông-sơn	54
48	Lọ gốm Đông-sơn	55
49	Bình gốm Đông-sơn	55
50	Chậu gốm Đông-sơn	56
51	Bát và liễn gốm có chân	56
52	Các đồ gốm có hình-dáng lạ	56
53	Bản-đồ thành Cổ-loa	58
54a	Nhà sàn trên trống-đồng Ngọc-lũ và Hoàng-hạ	59
54b	Nhà sàn của người Mường ở phủ Nho-quan	59
55	Mô-hình nhà thành Nghi-vệ-sơn	62
56	Mô-hình nhà đao được ở Thanh-hóa	63
57	Mô-hình nhà mái đôi đao được ở Thanh-hóa	64
58	Gạch có trang-trí và xây chéo nhau	64
59	Vòm cuốn bằng gạch đầu to đầu nhỏ	65
60	Cây đèn Lạch-trường	66
61	Tượng người hầu bằng đá đời Hán	66
62	Tượng người nô-lệ Đông-sơn	67
63	Chùa Dâu (Khương-tự, Hà-Bắc)	69
64	Tháp bát vạn của Cao-biền	69
65	Hồ đồng, Thanh-hóa	70
66	Đỉnh đồng , Thanh-hóa	71
67	Gương đồng đời Hán, Thanh-hóa	71
68	Thanh quất, Sơn-tây	72
69	Thanh quất, Hà-nam, Trung-quốc	72
70	Thanh quất, Thái-nguyên	73
71	Thanh quất, Hà-giang	73
72	Đỉnh gốm, Lạch-trường	74
73	Ấm-gốm, Lạch-trường	74
74	Hồ gốm , Lạch-trường	74
75	Nậm gốm, Lạch-trường	74
76	Đồ-gốm Lạch-trường: Liễn có nắp, bát có chân, chậu sành, đĩa bầu dục, xanh	75

77	Thạp hình trụ, Lạch-trường	76
78	Lọ gốm xám, Bình-yên	76
79	Lọ sành có hình cá nổi, Bắc-ninh	76
80	Trang-trí trên các viên gạch	77
81	Trang-trí trên gạch	78
82	Trang-trí trên gạch	79
83	Viên gạch khắc chữ Hán	79
82a	Hình khắc trên gạch, làng Lim, Bắc-ninh	80
82b	Mảnh gốm có in hình	81
82c	Mảnh gốm khắc hình ngựa và kỳ-lân	82
82d	Mảnh gốm khắc hình người săn sư-tử	82
82e	Mảnh gốm khắc hình Rồng	83
82f	Mảnh gốm khắc hình	83
82g	Mảnh gốm hình Rồng	83
82h	Mảnh gốm hình Rồng	83
97	Bản-đồ thành Thăng-long đời Lý	96
98	Các kiểu chùa : Chữ đinh, chữ công, nội công ngoại quốc	98
99	Viên gạch có khắc chữ, Chùa Phật-tích	99
100a	Chùa một cột, Hà-nội	100
100b	Khám đất nung làm theo mô-hình một nhà có lầu	103
100c	Mô hình một mái tháp lợp ngói âm-dương	104
100d	Một viên ngói gắn hình trang-trí	104
100e	Mô hình tháp Bát-tràng	105
101	Tượng Đức Phật ở chùa Phật-tích	107
102	Tượng Kim-cương chùa Phật-tích	109
103	Tượng Kim-cương chùa Long đọi	110
104	Tượng Thần-điểu chùa Phật-tích	111
105	Tượng sư-tử chùa Bà-tấm	112
106	Tượng Kỳ-lân thành Thăng-long	113
107	Tượng Thiếu-nữ tháp Tiên-sơn	114
108	Liễn men xanh, Thăng-long	115
109	Bát nhỏ hình hoa sen	116
110	Ấm men nâu	117
111	Liễn hoa sen	117
112	Trang-trí trên bệ-tượng chùa Vạn-phúc	118
113	Trang-trí hình hoa sen, chùa Vạn-phúc	119
114	Trang-trí hình Rồng, chùa Vạn-phúc	119
115	Chi-tiết hình Rồng, chùa Vạn-phúc	120
116	Trang-trí hoa và Rồng, Tháp Chương-sơn	121
117	Bệ chân cột chùa Vạn-phúc	122
118	Chi-tiết hình trang-trí trên bệ chân cột...	123
119	Tượng vũ-nữ tháp Chương-sơn	124
120	Trang-trí hình Phượng, chùa Bà Tấm	124
121	Trang-trí một chân cột, Thăng-long	125

122	Trang-trí trên gạch vuông đời Lý	126
123	Trang-trí trên ngói phẳng	127
124	Trang-trí trên những mảnh gốm gắn trên ngói	128
125	Rồng trang-trí trong một hình tròn	129
126	Rồng trang-trí trong hình lá bồ-đề	129
127	Rồng trang-trí trong nửa lá bồ-đề	130
128	Rồng trang-trí trong hình giọt lệ	130
129	Đầu rồng đời Lý	128
130a	Trang-trí hình Phượng đời Lý	131
130b	Trang-trí hình Chim	132
131	Mô-hình gốm Bát-tràng trình-bầy một ngọn tháp đời Lý (phần chân tháp)	133
132	Trang-trí các đường viền hình lá cây	134
133	Trang-trí hình sóng nước bằng những hình trông tựa như cánh lá cây	134
134	Trang-trí bằng hình đồng tiền, Liễu-giai.	134
135	Hình vẽ trên thống bằng sứ đời Lý	137
136	Hình voi đời Lý, Thăng-long	136
137	Hình chim đứng, vẽ trên đồ gốm đời Lý	138
38,138b	Hình chim vẽ trên gốm đời Lý,	139 140
139	Hình chim đang mổ hạt trên đất	139
140	Chim đang tha mồi, vẽ trên gốm, Thăng-long	141
141	Hình cọp vẽ trên gốm, Thăng-long	141
142	Đĩa trang-trí hình hoa đồi Lý	142
143	Bình trang-trí hình hoa đời Lý	143
144	Sơ-đồ lăng Trần Anh-Tông ở Đông-thái	147
145	Thành Tây-đô	148
146	Sơ-đồ cổng Nam thành nhà Hồ	149
147	Sơ-đồ cổng Bắc thành Nhà Hồ	149
148	Sơ-đồ chùa Phổ-minh, Nam-định	151
149	Toàn-cảnh chùa Phổ-minh, Nam-định	152
150	Mặt tiền chính-điện chùa Phổ-minh, Nam-định	153
151	Tháp Bình-sơn, Vĩnh-phú	155
152	Chi-tiết nền và tầng thứ nhất tháp Bình-sơn	156
153	Mái giả tháp Bình-sơn	157
154	Thượng-điện và tòa Cửu-phẩm chùa Bút-tháp	159
155	Toàn-cảnh chùa Bút-tháp	158
156	Sơ-đồ chùa Bút-tháp	159
157	Tòa Cửu-phẩm, một kiến-trúc điển-hình	160
158	Cấu-trúc chùa Thái-lạc	161
159	Vài mẫu ráp nối con chống và đấu kê	162
160	Vì nóc chùa Bối-khê	162
161	Mô-hình nhà cửa chôn theo mộ, Nam-định	163
162	Tượng bảo ở lăng Trần-Thủ-Độ, Thái-bình	165
163	Tượng Kỳ-lân ở chùa Thông, Thanh-hóa	166

164	Tượng quan hầu, lăng Trần-Hiển-Tông,An-sinh	167
165	Tượng chơ đá ,Lăng Trần Hiển-Tông,An-sinh	167
166	Tượng trâu đá,lăng Trần Hiển-Tông	168
166b	Tượng sấu đá,chùa Phổ-minh	169
167	Tượng Rồng đá,lăng Trần- Hiển-Tông	169
168	Tượng Rồng ở thành Nhà Hồ	170
169	Hoa-lan,Nam-định	173
170	Hổ, Hà-đông	173
171	Dê,Hà-đông	174
172	Hình Rồng chùa Thanh-sam,Hà-đông	175
173	Hình Phượng ở chùa Thanh-sam,Hà-đông	175
174	Garuda ở chùa Thầy,Sơn-tây	176
175	Trang-trí hình Phượng bằng đất nung	177
176	Trang-trí hình Phượng bằng đất nung, Nam-định	177
177	Trang-trí hình Rồng trên cánh cửa chùa Phổ-minh	178
178	Đầu rồng ở tháp chùa Phổ-minh	179
179	Rồng bố-trí trong một hình chữ nhật,chùa Dâu	180
180	Hình Rồng, chùa Bối-khê	181
181	Hình Rồng, chùa Bối-khê	181
182	Rồng trên bệ đá chùa Ngọc-kham,Hà-đông	182
183	Tiên-nữ múa,chùa Hang Hoàng-liên-sơn	183
184	Tiên-nữ đầu người mình chim,chùa Thái-lạc	184
186	Tiên-nữ thổi kèn,kéo nhị,chùa Thái-lạc	184
185	Tiên-nữ đầu người mình chim, chùa Thái-lạc	185
187	Người đỡ tòa sen, Côn-thịnh	186
188	Người đỡ tòa sen, Côn-thịnh	186
189	Người đỡ tòa sen, chùa Thái-lạc	187
189b	Người đánh đàn nguyệt, thập-lục và tỳ-bà	188
190	Trang-trí hình lá bồ-đề,tháp Bình-sơn	189
191	Lưng ngai hình lá bồ-đề	191
192	Trang-trí bằng các cành lá, chùa Phổ-minh	190
193	Trang-trí hình lửa,sóng-nước	190
194	Trang-trí gạch vuông hình hoa sen kép	191
194b	Trang-trí hình hoa chanh đơn và kép	192
195	Đĩa men ngọc,Thiên-trường	193
196	Đĩa men ngọc,Thanh-hoá	194
197	Thạp gốm hoa nâu,Thiên-trường	195
198	Bình gốm hoa nâu,Bảo-tàng Hà-nội	196
199	Gốm hoa nâu,Bảo-tàng Hà-nội	197
200	Liễn gốm hoa nâu Thanh-hoá	197
201	Bát lớn hoa lam trang-trí hoa sen và mây	198
202	Bát (chén) nhỏ trang-trí hoa lá và hình kỷ hà	198
203	Nậm trang-trí hoa sen ,hoa lá và mây	199
204	Đĩa trang-trí hoa lá và mây,chén trang-trí hoa cúc và hoa sen	199

205	Đĩa men rạn ,Thanh hoá	200
206a	Bản-đồ thành Đông-kinh	202-203
206b	Điện Kính-thiên,Đông-kinh	205
206c	Bậc lên điện Kính-thiên có thành tạc Rồng	206
207	Phủ chúa Trịnh	207
208	Kinh-thành Đông-kinh thế-kỷ XVII	208
209	Tháp-rùa,Hà-nội	207
209b	Sơ-đồ Lam-kinh	211
210	Nhà bia Vĩnh-lăng	212
211	Cổng vào khu điện Lam-kinh	213
212	Cấu-trúc chính-điện Lam-kinh	215
213	Đình làng Đình bảng	217
214	Cấu-trúc dọc đình làng Đình-bảng	218
215	Cấu-trúc ngang đình làng Đình-bảng	218
216	Cấu-trúc bên trong đình làng Đình-bảng	219
217	Đình Yên-sơ'Hà-đông	219
218	Kiến-trúc điển-hình một ngôi chùa lớn đời Lê	220
219	Chùa Tây-phương ,Sơn-tây	221
220	Các hình trang-trí bằng đất nung trên nóc chùa Tây-phương	222
221	Toàn-cảnh chùa Keo, Thái-bình	223
222	Gác chuông chùa Keo, Thái-bình	224
223	Tượng Phật-bà Quan-âm nghìn mắt nghìn tay	226
224	Tượng Phật-bà Quan-âm chùa Tây-phương	227
225	Tượng Phật bà Quan-âm chùa Tây-phương	228
226	Tượng Tây-thiên Đông-đô Việt-nam lịch đại tổ	229
227	Tượng Tuyết-sơn Thích-ca Phật chùa Tây-phương	230
228	Tượng Phật Thích-ca ngồi trên Kỳ-lân	232
229	Tượng Phật-bà Quan-âm tống-tư'chùa Tây-phương	233
230	Tượng Phật Di-lặc chùa Tây-phương	231
231	Tượng La-hầu-la chùa Tây-phương	234
232	Tượng Thường-na-hoa-tư chùa Tây-phương	235
233	Tượng Phu-na-da-sa chùa Tây-phương	236
234	Tượng Ba-tư-mật chùa Tây-phương	237
235	Tượng Đồ-đa-đa chùa Tây-phương	238
236	Tượng Long-thư Tôn-giả chùa Tây-phương	239
237	Tượng A-nan-vương chùa Tây-phương	239
238	Tượng Phật-đa-nan-đề'chùa Tây-phương	240
239	Tượng Tăng-đa-nan-đề'chùa Tây-phương	240
240	Tượng Cưu-ma-la-đa chùa Tây-phương	242
241	Tượng Ma-minh-ba-la chùa Tây-phương	241
242	Tượng Hiệp-tôn-giả'chùa Tây-phương	242
243	Tượng Kim-cương chùa Thiên-phúc	243
244	Tượng Kim-cương chùa Thiên-phúc	244
245	Tượng Kim-cương chùa Tây-phương	245
246	Tượng Thiên-vương chùa Tây-phương	246

247	Tượng Hòa-thượng Minh-Hạnh	247
248	Tượng Hoàng-hậu Diệu-Viên	248
249	Tượng Hoàng-hậu, lăng Lê-Thái-Tổ'	249
250-251	Tượng Đồng-nữ, chùa Bút-tháp	250
252	Tượng Quan-Công và Châu-Xương ở' hang Nhồi	251
253	Trạm nổi hình võ-tướng múa giáo	252
254	Tượng Phật bằng đá ở' chùa Trăm	253
255	Tượng các Chức-sắc bằng đa ở' chùa Trăm	254
256	Tượng Phật Di-lặc ở' chùa Trăm	255
257	Tượng một vị Chức-sắc ở' chùa Trăm	256
260	Tượng ngựa đá ở' lăng họ Đỗ, Bắc-ninh	257
258	Tượng võ-quan ở' lăng họ Đỗ	258
259	Tượng người thường dân ở' lăng họ Đỗ	259
262	Tượng Rồng ở' đền An-dương-vương, Cổ-loa	260
263	Tượng Rồng ở' thềm bậc điện Kính-thiên	261
264	Tượng Rồng ở' thành bậc điện Lam-kinh	262
265	Tượng Rồng bằng đất nung ở' nóc chùa Tây-phương	263
266	Tượng Rồng ở' tháp chùa Bút-tháp	264
267	Tượng Rồng ở' thành bậc Văn-miếu	262
268	Tượng Kỳ-lân ở' lăng Lê-Thái-Tổ'	
269	Tượng Kỳ-lân bằng đất nung	266
270	Tượng Kỳ-lân bằng đất nung	266
271	Kỳ-lân trạm đá'	267
272	Tượng rùa ở' bia Vĩnh-lăng	267
273	Tượng bà Trưng trên mình Phượng	268
274	Tranh chân-dung Nguyễn-Trãi	269
275	Tranh vị Thiền-sư niệm kinh	271
276	Tranh chân-dung Lê-Thánh-Tông	272
277	Tranh chân-dung Hoàng-hậu	273
278	Mặt trước bia Vĩnh-lăng, Lam-sơn, Thanh-hóa	275
279	Trang-trí' hình Phượng ở' đình làng Đình-bảng	276
280	Rồng, Lân và Phượng trang-trí' ở' đền An-dương Vương	276
281	Dây hoa hình sin ở' bia Tiến-sĩ, Hà-nội	277
282	Hoa cúc, Lam-kinh	277
283	Hoa cúc, Đông-kinh	277
284	Hoa chanh, hoa lan	278
285	Hoa sen, hoa cúc	278
286	Mảnh gạch trang-trí' hoa mai và hoa lan	278
287	Bát ăn cơm trang-trí' hoa sen, hoa cúc	279
288	Bát ăn cơm trang-trí' hoa sen và hình Rồng	279
289	Nậm trang-trí' hoa cúc	280
290	Nậm trang-trí' hoa sen và chim	280
291	Bình trang-trí' 5 bông sen	280
292	Bình trang-trí' hoa sen và hoa dây	281
293	Bình trang-trí' hoa sen và hoa dây	281
294	Hình chim, cua, cá trang-trí' trên đĩa	282

Xin xem tiếp trang 382

Những vấn-đề căn-bản trong việc nghiên-cứu MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Nguồn-gốc Văn-minh Việt-nam

Trước đây người ta thường lầm-lẫn mà cho rằng nguồn-gốc Văn-minh Việt-nam bắt nguồn từ Trung-quốc mà ra.

Sự-thực, từ thời Thượng-cổ, Việt-nam và Trung-quốc đã có 2 sắc-thái Văn-minh khác-biệt.

Dựa vào các cuộc khảo-cổ ở Việt-nam, Thái-lan, Trung-hoa, Mã-lai, Nam-dương, Phi-luật-tân, người ta đã chứng-minh được rằng : Tổ-tiên những người Đông-Nam-Á đã biết trồng-cấy, mài đá làm đồ-dùng, làm đồ gốm trước người Trung-hoa, Ấn-độ và cả Cận-đông hàng mấy ngàn năm (1).

Về thuật đúc-đồng bằng khuôn đôi, theo một số chuyên-gia , vùng nầy đã có từ 3.000 năm trước Kỷ-nguyên Tây-lịch, nghĩa là trước cả người Trung-hoa và có thể trước cả người Cận-đông (2).

Tất-nhiên, sau nầy, qua các cuộc đô-hộ kéo dài hàng ngàn năm, ảnh-hưởng của Văn-minh Trung-quốc không thể tránh được, nhưng nó không thể xóa-bỏ hẳn nền văn-minh cổ-truyền của Việt-nam, mà nó chỉ đóng-góp thêm cho nền văn-minh Việt-nam càng thêm súc-tích mà thôi.

Cương-vực Văn-minh Việt-nam

Bàn về cương-vực của nước Việt cổ ngày xưa, sách Lĩnh-

---

1. *WILHELM G.SOLHEIM II , New light on a forgotten past, NATIONAL GEOGRAPHIC , Vol 139 No 3 Tháng 3 1971 t331.*

2. *WILHELM G.SOLHEIM II, bđd , t.332.*

nam trích quái việt : Nước Văn-lang Đông giáp Nam-hải, Tây tới Ba-Thục, Bắc giáp Động-đình hồ, Nam giáp Hồ-tôn (1).

Cương-giới này bị các Sử-gia Ngô-Thời-Sĩ, Phan-huy-Chú, và Maspero cho là quá rộng lớn. Họ cho rằng cương-giới nước Văn-lang phía Bắc chỉ đến Vân-nam, Quảng-tây và Quảng-đông, phía Tây chỉ đến Lào-qua (Lào) mà thôi (2).

Một số tác-giả Hà-nội cho rằng cương-giới nước Văn-lang chỉ là 2 Quận Giao-chỉ và Cửu-chân thời Hán. Họ lý-luận rằng: Miền Hoa-Nam từ Động-đình hồ trở xuống có nhiều nhóm người sinh sống, sử-sách gọi là Bách-Việt, trong đó có những nhóm người đã thành-lập được Quốc-gia riêng như Đông-Việt, Mân-Việt, Điền-Việt, Nam-Việt (3).

Song lý-luận trên không chính-xác vì theo thuyết Bách Việt thì các nước Việt trên chỉ có sau khi nước Việt của Câu-tiễn bị nước Sở thôn-tính, người Việt chạy xuống phương Nam, lập-thành nhiều bộ-lạc người Việt, tức là từ Thế-kỷ thứ VI về sau.

Ở đây chúng ta nghiên-cứu nền văn-minh của tổ-tiên chúng-ta, đã có từ nhiều ngàn năm trước Thiên-chúa giáng-sinh.

Dựa vào các sọ người đã đào được ở Hoa-nam, bán-đảo Đông-dương, người ta đã thấy những người sinh sống ở các vùng này trong thời Tiền-sử, thuộc các sắc dân Indonésiens, Mélanésiens, Malayo-Polynésiens và Négritos, nghĩa-là thuộc các sắc-dân từ các hải-đảo phía Nam đi lên. Họ là tổ-tiên của những người đã sống trên giải-đất của chúng-ta từ nhiều ngàn năm trước Thiên-chúa giáng-sinh.

---

1. *VŨ-QUỲNH và KIỀU-PHÚ , Lĩnh-nam trích quái (bản dịch của Đinh-Gia-Khác và Nguyễn-ngọc-San), Hà-nội 1960, t 37*

2 *NGÔ-THỜI-SĨ , Việt-sử tiêu-án, VĂN-HÓA Á CHÂU , Sàigòn 1961.*
PHAN-HUY-CHÚ , Lịch triều Hiến-chương Loại-chí .
MASPERO, HENRI , Le royaume de Văn-lang , BEFEO XVIII HANOI 1918.

3. *NGUYỄN-MẠNH-LỢI , Cương-vực nước Văn-lang , HÙNG-VƯƠNG DỰNG NƯỚC tập IV, HANOI 1974 , t.111.*

Do đó sách cổ của chúng ta viết rằng nước Văn-lang rộng lên đến Động-đình hồ cũng không hẳn hoàn- toàn vô-lý nếu chúng ta hiểu rằng vùng rộng lớn đó là nơi sinh-sống của các sắc dân về mình (Văn lang có nghĩa đen là người về mình) nếu không đồng chủng thì cũng đồng văn đồng hoa với tổ-tiên chúng ta.

Vì vậy, khi nghiên-cứu Mỹ-thuật của người Việt trong thời Tiền-sử, chúng tôi đã không giới-hạn trong lãnh-thổ Việt-nam ngày nay , mà mở rộng cương-vực về phía Bắc lên đến những tỉnh Hoa-Nam,về phía Tây sang đến Thái-lan, Miến-Điện,về phía Nam xuống đến Mã-lai,Nam-dương, nơi mà chúng tôi thấy có những sắc-thái Mỹ-thuật tương-đồng chứng tỏ rằng những người sống trong vùng đó nếu không có chung một nền văn-hoa thì cũng có chung một gốc nguồn.

PHÂN-CHIA THỜI-KỲ TRONG LỊCH-SỬ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM.

Để phân-chia các thời-kỳ của Mỹ-thuật Việt-nam, chúng tôi đã dựa vào các yếu-tố sau :

1. Bối-cảnh lịch-sử đã tạo ra các tác-phẩm Mỹ-thuật.

2. Nguồn-gốc các nhân-vật đặt làm và các nghệ-sĩ đã tạo ra tác-phẩm Mỹ-thuật.

3. Yếu-tố địa-phương về phương-diện vật-chất (vật-liệu để tạo ra tác-phẩm ...) và tinh-thần (óc sáng-tạo...).

4. Yếu-tố tôn -giáo.

5. Yếu-tố chính-trị, kinh-tế.

6. Ảnh-hưởng ngoại-quốc trên tác-phẩm.

7. Hình-thức tạo hình.

8. Hình dáng và đường nét của tác-phẩm.

Các yếu-tố trên cũng không ngoài những nguyên-tắc căn-bản của Lịch-sử Mỹ-thuật quốc-tế (1).

---

1. *HEINRICH WOLEFLIN, Principes of Art History. DOVER, NY 1950.*

Để thể-hiện các yếu-tố trên chúng tôi lấy tên các địa phương ,nơi Mỹ-thuật được đặc-biệt phát-triển trong từng thời-kỳ để đặt cho các giai-đoạn Mỹ-thuật như Mỹ-thuật Đông-sơn, Mỹ-thuật Hoa-lư, Mỹ-thuật Đại-la, Mỹ-thuật Thăng-long, Mỹ thuật Bát-tràng, Mỹ-thuật Lam-sơn, Mỹ-thuật Huế v.v...

Tất-nhiên sự trình-bầy vẫn phải lấy thứ-tự thời-gian Lịch-sử làm căn-bản.

Sự phát triển của Mỹ-thuật cổ-truyền Việt-nam có thể chia thành các thời-kỳ sau :

I. Mỹ-thuật Tiền-sử với các Thời-kỳ :

A. Cửu-thạch với các di-tích ở Núi Đọ, Sơn-vi, Hòa bình I, Bắc-sơn đã có cách nay khoảng 300000 năm.

B. Trung-thạch với các di-tích ở Hòa-bình II đã có cách nay khoảng 10.000 năm.

C. Tân-thạch với các di-tích ở Bắc-sơn II, Bầu-tró, Hạ-long đã có cách nay khoảng 5.000 năm.

D. Kim-loại với các di-tích ở Phùng-nguyên, Đông-sơn đã có cách nay khoảng 4.000 năm.

II. Mỹ-thuật Đại-la được phát-triển trong Thời Bắc-thuộc (Từ Thế-kỷ II trước Tây-lịch đến thế-kỷ X sau Tây-lịch)

III. Mỹ-thuật Hoa-lư thuộc Thời-kỳ củng-cố độc-lập dưới các Triều-đại nhà Ngô (938-968), nhà Đinh (968-981), nhà Tiền-Lê (981-1009).

IV. Mỹ-thuật Thăng-long phát-triển trong các Triều-đại nhà Lý (1009-1226), nhà Trần (1226-1400).

V. Mỹ-thuật Lam-sơn thuộc thời Hậu-Lê (1418-1788).

VI. Mỹ-thuật Huế bắt đầu từ đời Nhà Nguyễn đến khi Việt-nam bị Pháp đô-hộ (1801-1884).

Từ thời Pháp thuộc về sau sẽ được trình-bầy trong cuốn MỸ-THUẬT VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI.

CÁC BỘ-MÔN TRONG MỸ-THUẬT VIỆT-NAM.

Trong tập sách nhỏ này chúng tôi cố-gắng trình-bầy tất-cả các bộ-môn trong Mỹ-thuật Việt-nam từ các ngành Mỹ-thuật thuần-tuý cho đến các ngành Mỹ-thuật áp-dụng như:

1. Hội-họa.
2. Điêu-khắc và trạm nổi (bas relief).
3. Đồ gốm.
4. Kiến-trúc.
5. Trang-trí.

Trong các bộ-môn, chúng tôi cũng đi sâu vào các chi-tiết như về Kiến-trúc chúng-tôi phân-biệt :

1. Kiến-trúc Chính-quyền nói về các thành-lũy, cung-điện, lăng-mộ.

2. Kiến-trúc Tôn-giáo nói về các chùa chiền, tháp miếu đền-đài, văn-miếu v.v...

3. Kiến-trúc Dân- gian nói về nhà cửa , mộ phần của dân-chúng.

Về điêu-khắc chúng tôi phân-biệt :

1. Điêu-khắc đá.
2. Điêu-khắc gỗ.
3. Nắn đất (tượng đất).
4. Đúc kim-loại.

Tất-nhiên đây chỉ là sự nghiên-cứu sơ-khởi về Mỹ-thuật Việt-nam. Trong tương-lai chúng-tôi sẽ đi sâu vào từng Thời kỳ để nghiên-cứu cặn-kẽ hơn để độc-giả có thể có một cuốn sách viết về Mỹ-thuật Việt-nam đầy-đủ hơn.

Mỹ-thuật thời ĐỒ ĐÁ

Thời-kỳ đồ đá là giai-đoạn đầu tiên của thời Tiền-sử: Tiền-sử là giai-đoạn khai-nguyên của các dân-tộc, khi ấy con người chưa có chữ để ghi lại những biến-cố lịch-sử. Tuy-nhiên, người ta vẫn có thể tìm-hiểu những sinh-hoạt của họ qua những di-tích còn để lại.

Tiền-sử được chia thành 4 giai-đoạn : Cựu-thạch, Trung-thạch, Tân-thạch và Kim-khí.

I. Mỹ-thuật thời Cựu-thạch

Trong thời Cựu-thạch con người chỉ mới biết đẽo đá để làm các đồ-dùng nên còn được gọi là thời đá đẽo.

Những di-tích thời Cựu-thạch còn tìm thấy ở núi Đọ (Thanh-hóa), Xuân-lộc (Biên-hòa), Sơn-vi (Vĩnh-phú), Bắc-sơn (Lạng-sơn).

Từ năm 1963 đến năm 1968, các nhà Khảo-cổ Hà-nội đã tìm được ở núi Đọ hàng ngàn dụng-cụ bằng đá đẽo. Tuy-nhiên vì các dụng-cụ nầy nhặt được trên mặt đất nên khó có thể định được tuổi của chúng.

Năm 1961, Trần-quốc-Vượng cho là đã có đến hai ba trăm năm (1), năm 1966 Học-giả người Nga xếp vào Thời-kỳ Chelleen hay đầu Acheullien (2), năm 1976 Phạm-văn-Kính lại cho lên đến 500.000 năm (3). Ý-kiến của học-giả người Nga có vẻ hợp-lý vì chỉ dựa vào hình-dạng của dụng-cụ mà đinh. Tuy-nhiên ý-kiến nầy có thể hiểu rằng các dụng-cụ nầy không cổ như các ý-kiến trên vì đến ngày nay còn có những sắc-dân được xếp vào thời Tiền-sử.

Mỹ-thuật trong thời-kỳ này chưa có gì đặc-biệt ngoài sự đẽo đá cho gọn-gàng và đối-xứng mà thôi (Hình 1).

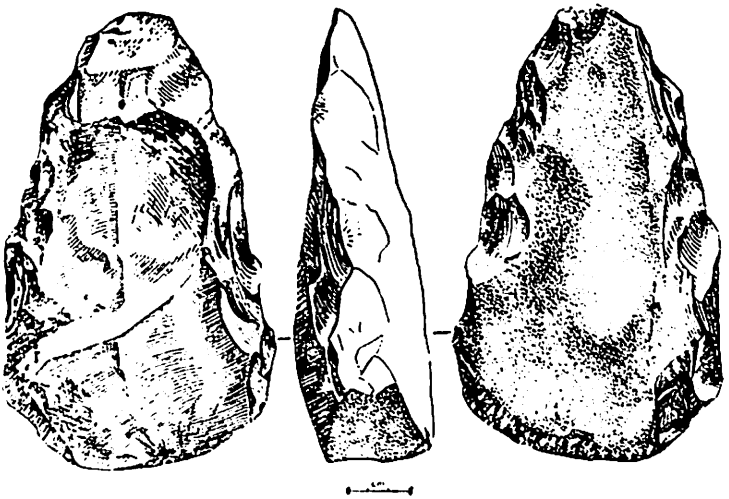

Hình 1 . Rìu đá ở Núi Đọ.

Các dụng-cụ tương-tự cũng tìm thấy ở Xuân-lộc (H. 2). Riêng ở Sơn-vi, các dụng-cụ lại đẽo từ đá cuội nên phần tay cầm nhẵn-nhụi hơn (H.3).

---

1. *TRẦN-QUỐC-VƯỢNG. Dấu vết của người Nguyên-thủy trên đất Việt-nam. VIỆN-KHẢO- CỔ HÀNỘI 1961.*

2. *BORISKOVSKY. Le passé primitif du Viêtnam MOUSCOU 1966.*

3. *PHẠM-VĂN-KÍNH., LƯU-TRẦN-TIÊU. La station paléolithique inférieur de Núi Đọ. Etudes Vietnamiennes.N 46 HANOI 1976.*

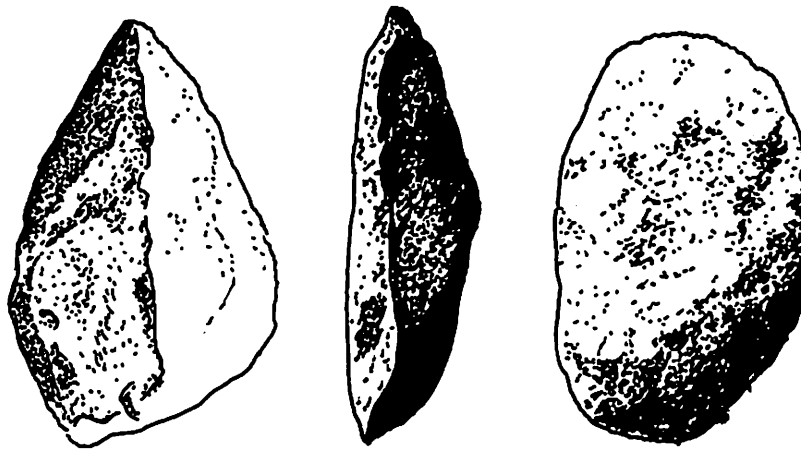

H. 2. Rìu đá XUÂN-LỘC.

H. 3. Đồ đá Sơn-vi.

II. Mỹ-thuật thời Trung-thạch

Di-tích thời Trung-thạch còn thấy ở Hòa-bình Quảng bình và Thanh-hóa.

Trong thời này các dụng-cụ bằng đá được trau chuốt một chút ở lưỡi cho sắc hơn nên người ta còn gọi là Thời đồ đá trau (Hình 4)

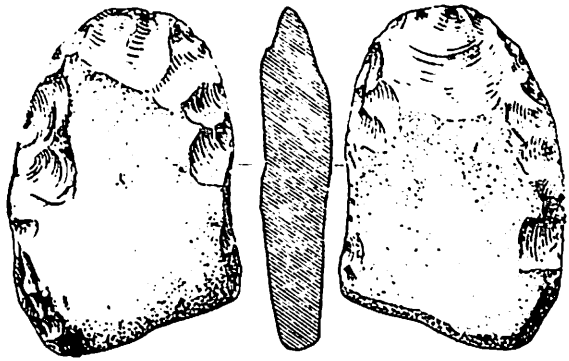

Hình 4 : Riu đá ở Tam-hang (Hoà-bình)

Ở hang Kỳ (Thái-nguyên), các nhà khảo-cổ đã tìm thấy mảnh đá cuội có khắc những hình vuông và hình thang trông tựa như một mái nhà và những thửa vườn. Cũng lưu-ý độc-giả là trong thời Trung-thạch con người đã bắt đầu biết trồng trọt (Hình 5)

Ở Len đất (Bắc-sơn) cũng có thấy hòn đá một mặt có khắc 2 đường song song, một mặt có khắc hình trông tựa như một con vật có 4 chân, có đuôi và có sừng. Theo ông Paul Lévy thì đó là cái cày . Xin để độc giả xem Hình 6 và tự thẩm-định lấy.

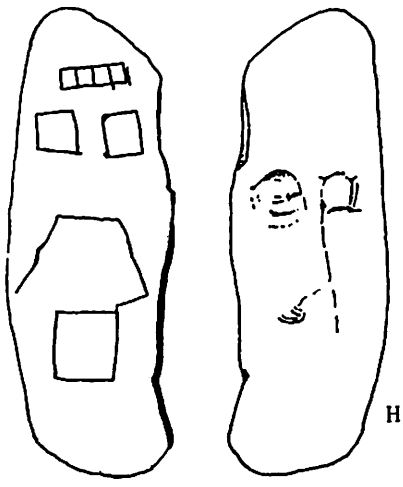

H. 5 : Đá sỏi có khắc hình ở hang Kỳ

H 6 : Đá có khắc hình ở Len đất.

Riêng ở hang Thượng-phú (gần Minh-cầm, Trung phần), nhà khảo-cổ M.Colani đã tìm thấy những hình khắc trên vách đá.

Hình thứ nhất, phía trên trông giống như một con chim đang bay. Ở giữa giống như một người đang cầm lao, đi săn. Phía dưới có một vài nét sơ-sài trông tựa như đầu những con thú có sừng (Hình 7).

Hình thứ hai phía dưới trông giống như con chó, phía trên trông tựa như một con hươu (Hình 8).

Hình 7 : Hình khắc I ở hang Thượng-phú.

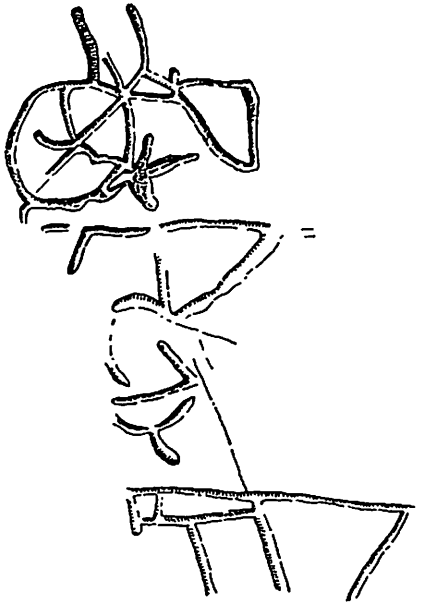

Hình 8 : Hình khắc II ở hang Thượng-phú.

Gần đây, các nhà khảo-cổ Việt-nam đã tìm thấy ở Mường hoa (Cao nguyên Tây-Bắc) trên mặt đá lộ thiên, những hình khắc trông tựa như hình người, đứng giữa những đường nét song-song, các vòng đồng tâm và hình mặt trời có tia sáng toe ra rất đều (Hình 9).

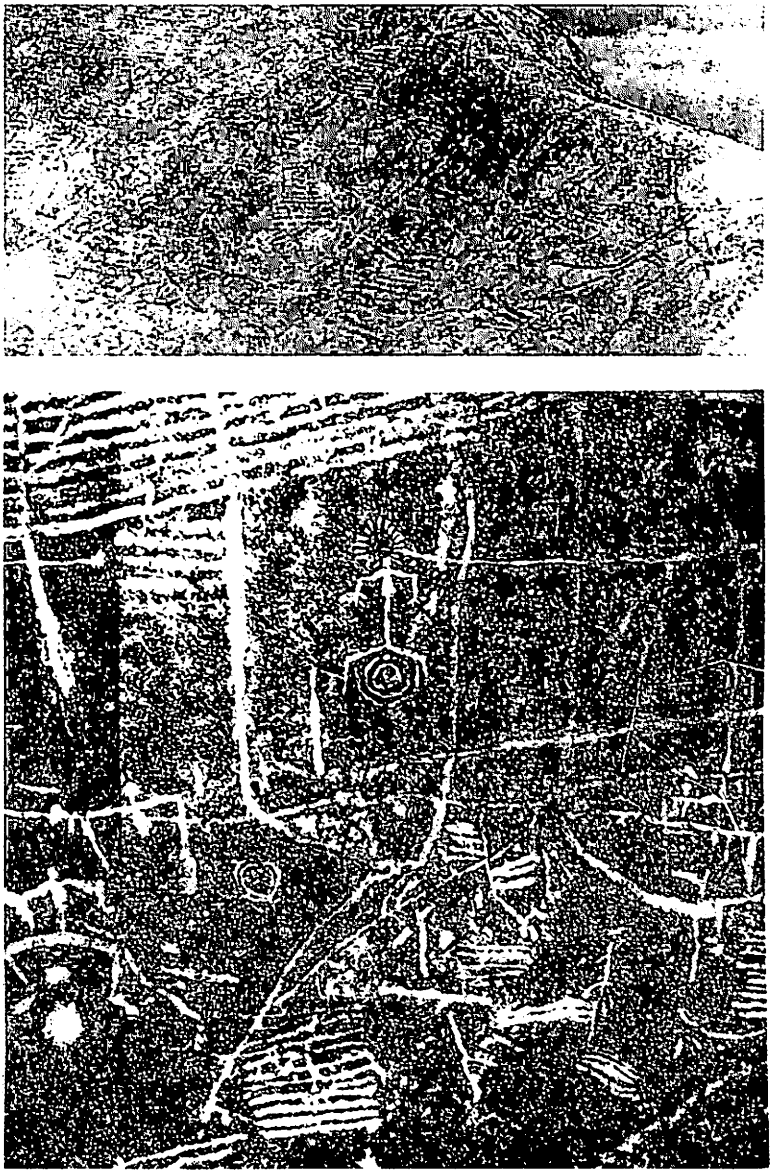

Hình 9 : Hình khắc ở Mường-hoa .

Ý-niệm đường song song, vòng đồng tâm và tia sáng mặt trời trên các hình vẽ trên chứng tỏ rằng con người thời Bấy-giờ đã tiến được một bước vững chãi trên đường nghệ-thuật.

III. Mỹ-thuật thời Tân-thạch

Sau thời Trung-thạch, kỹ-thuật con người đã tiến-bộ nhanh. Họ đã biết dùng các dụng-cụ để sản-xuất lấy thực-phẩm bằng cách trồng-trọt, nuôi thú-vật.

Nhờ sự bảo-đảm về thực-phẩm, dân-số tăng nhanh và con người bắt-đầu định-cư một chỗ. Họ làm lấy nhà để ở, sản-xuất ra nhiều dụng-cụ hơn để dùng và cũng bắt-đầu may lấy quần-áo để mặc.

Từ đó, các tổ-chức xã-hội bắt-đầu thành-hình nên theo quan-điểm của các nhà khảo-cổ thì từ lúc này con người mới được kể là bắt đầu cuộc- sống văn-minh.

Thời Tân-thạch ở Việt-nam có các di-tích tìm thấy ở Bắc-sơn, Bầu-tró, Hạ-long và Sa-huỳnh.

Các dụng-cụ lúc này được mài nhẵn-nhụi và sắc hơn, thường có làm cả tay để cầm nên người ta thường gọi là riu có vai (Hình 10).

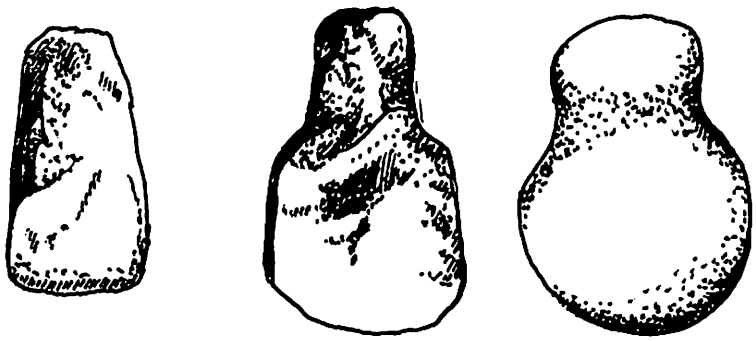

a b c

Hình 10 : Riu có tay cầm ở Bầu-tró (a,b) và Đa-phúc (c).

Các dụng-cụ tìm thấy thường nhã hơn các thời-kỳ trước và đặc-biệt có nhiều loại khác nhau, tuỳ theo công-dụng như dao, nạo, dũi và cào v.v...

Đặc-biệt là trong thời-kỳ này người ta đã biết làm đồ gốm khá đẹp. Các di-tích còn tìm thấy ở nhiều nơi như Đa bút (Thanh-hóa), Quảng-bình, Sa-huỳnh (Quảng-ngãi) và Hà-ng-gòn (Xuân-lộc).

Riêng ở Quảng-ngãi người ta đã tìm thấy hàng ngàn đồ gốm đủ loại.

Về hình-dáng, các đồ gốm này có rất nhiều kiểu, to nhỏ khác nhau, được chế-tạo theo công-dụng của từng thứ như nồi, chậu, vại, chum, bát, liễn v.v.. (Hình 11, 12,13 14,15,16,17,18).

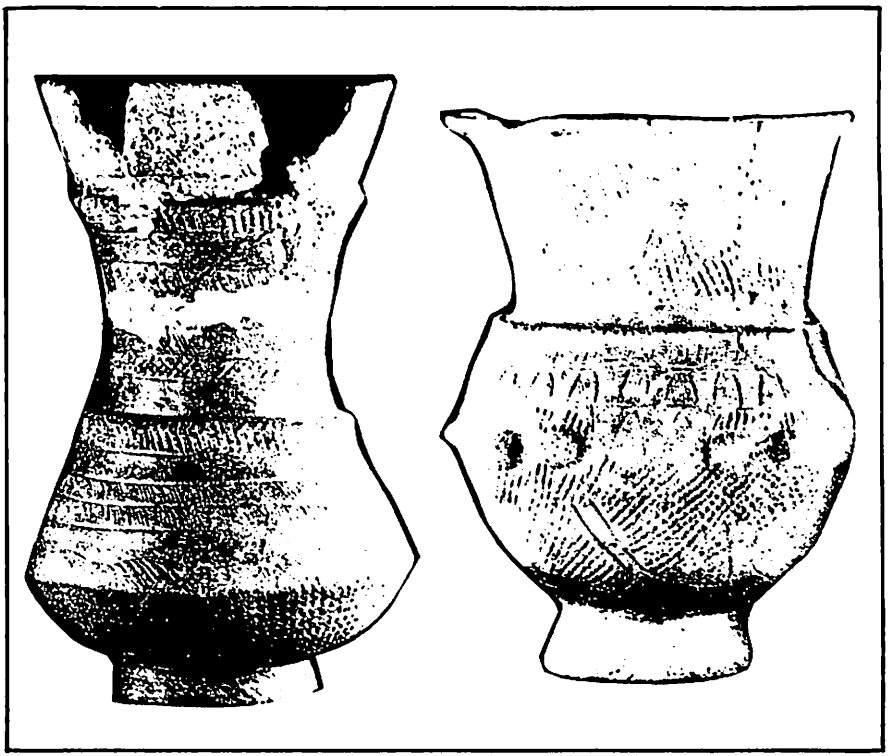

Hình 11 : Lọ gốm Sa-huỳnh.

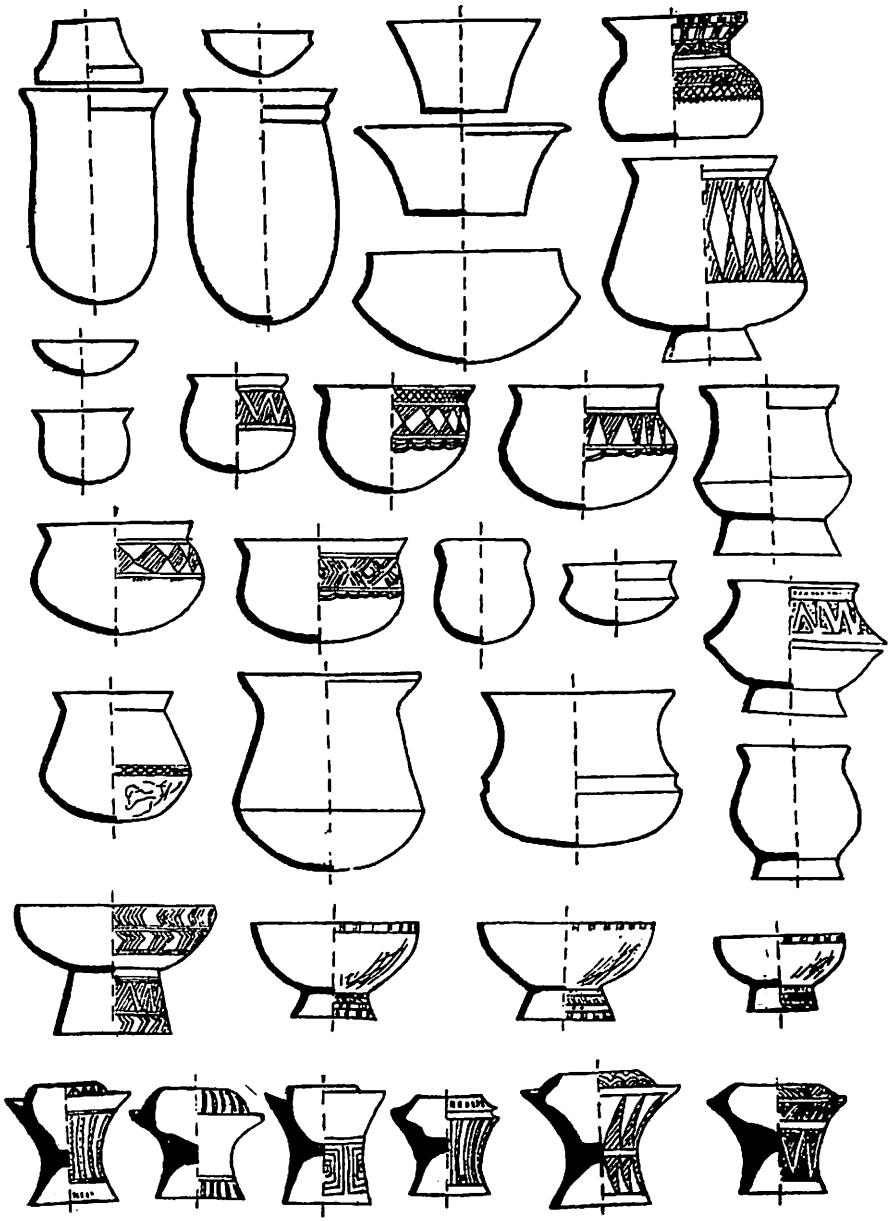

Hình 12 : Hình dạng và Trang-trí đồ gốm Sa-huỳnh.

Hình 6 : Lọ gốm Sa-huỳnh.

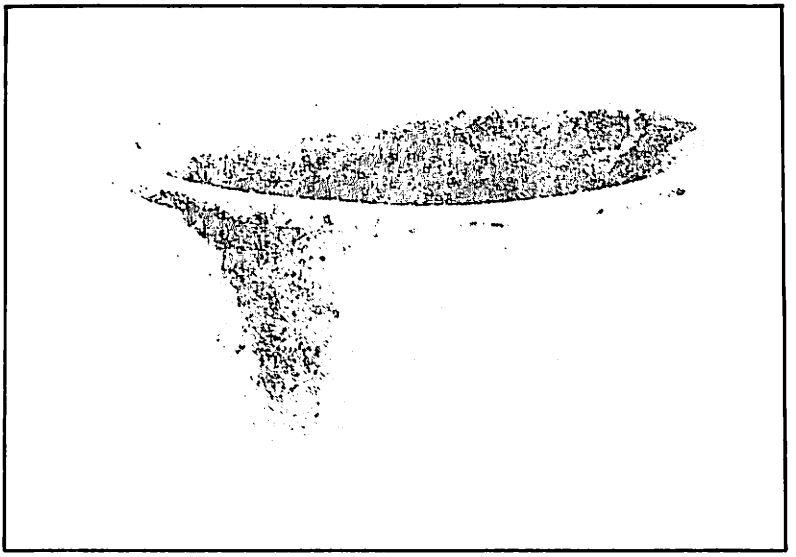

Hình 14 : Chậu gốm Sa-huỳnh.

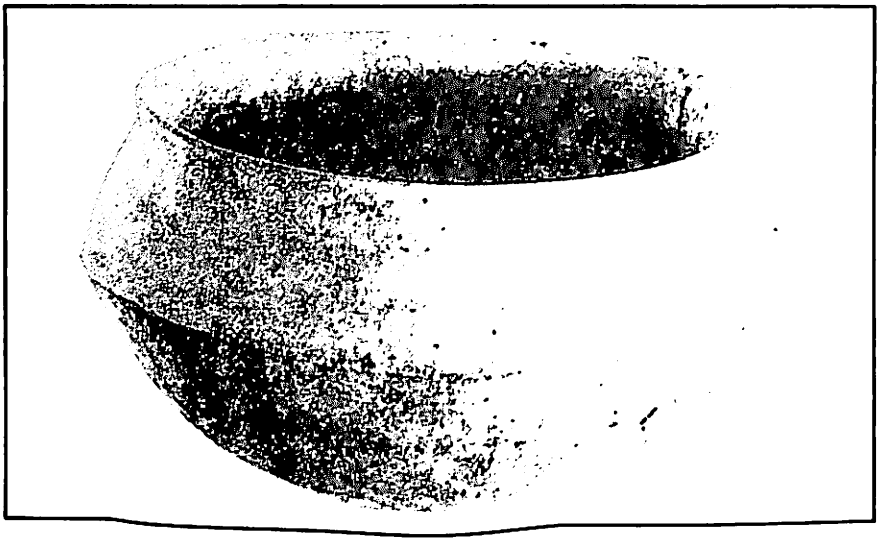

Hình 15 : Đồ gốm Sa-huỳnh.

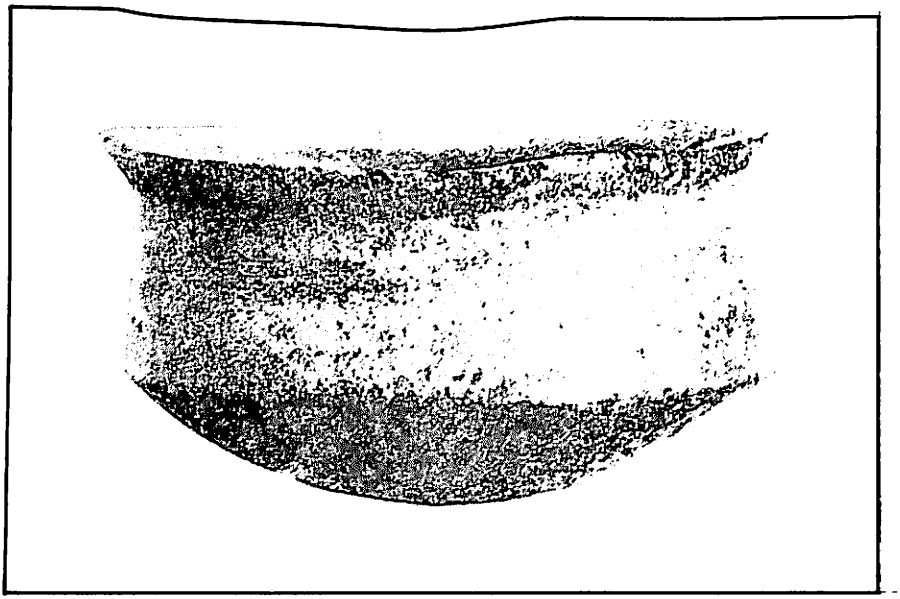

Hình 16 : Đồ gốm Sa-huỳnh.

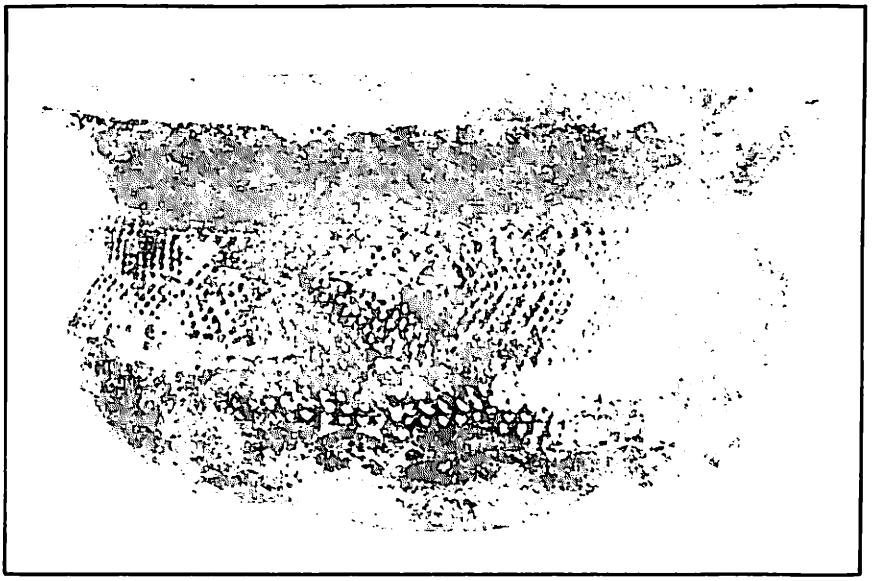

Hình 17 : Đồ gốm Sa-huỳnh.

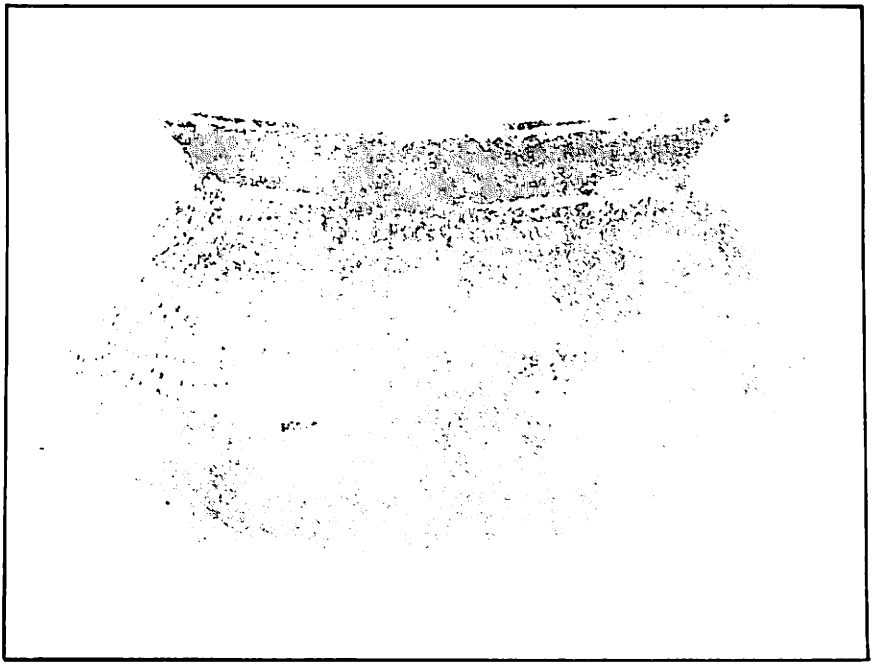

Hình 18 : Đồ gốm Sa-huỳnh.

Trên các đồ-gốm này đa số có khắc hình rọ (bện thưng) hay hình nan đan(Có thể họ dùng khuôn bằng nan đan nên trên mặt gốm có hình này).

Tiến-bộ hơn, một số đồ gốm có khắc các hình trang-trí kỷ hà như hình quả trám, hình răng cưa, hình ô kẻ chéo, hình chữ chi hay ô vuông đồng tâm vân vân ...(Hình 12)

Về phương-diện kỹ-thuật, các gốm này rất tròn chứng-tỏ rằng người thời bấy giờ đã biết dùng bàn xoay.

Trên các đồ-gốm ở Sa-huỳnh có tráng một lớp men bóng màu đỏ.

Điều này chứng-tỏ rằng ở đó người ta đã có một kỹ-thuật nung gốm với nhiệt-độ khá cao.

Gần đây tại Phú-lộc và Hoa-lộc các nhà khảo-cổ lại đào được một số đồ gốm thời Tân-thạch có những hình trang-trí kỷ-hà rất đẹp (Hình 19 và 20).

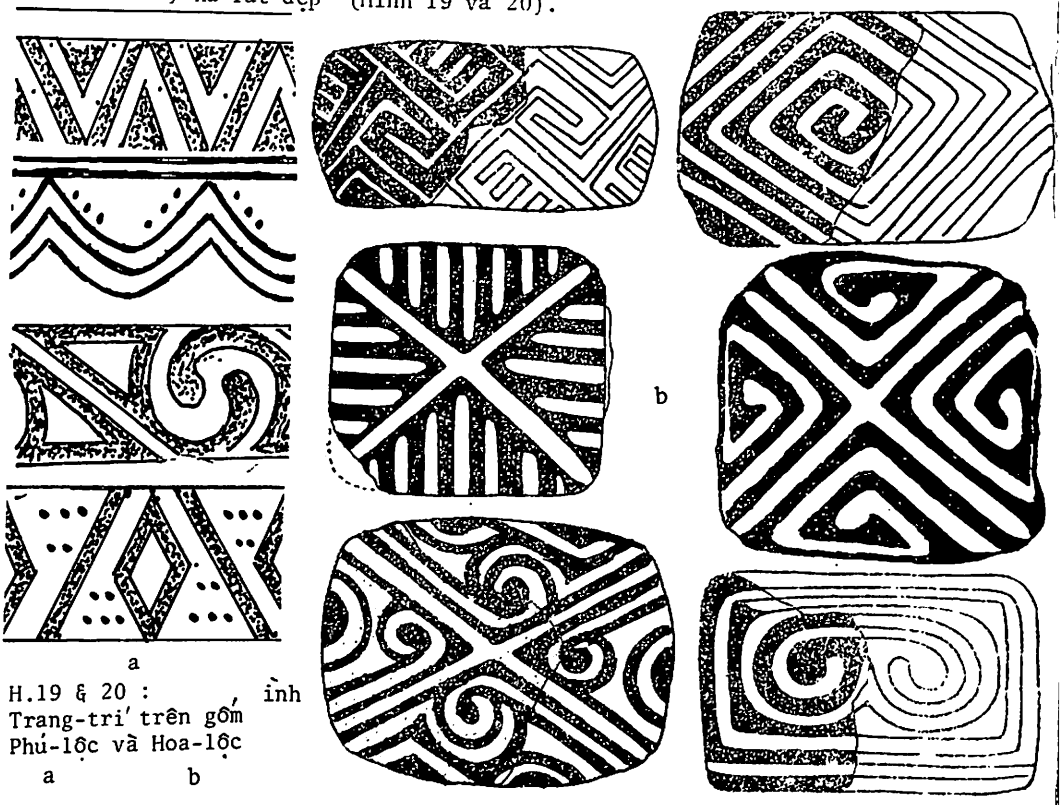

H.19 & 20 : Hình Trang-trí trên gốm Phú-lộc và Hoa-lộc

Mỹ-thuật ĐÔNG-SƠN

Mỹ-thuật Đông-sơn tượng-trưng cho thời cực-thịnh của mỹ-thuật thời kim-khí của người Lạc-Việt.

Thời-kỳ này đánh dấu một bước tiến khá dài của người Lạc-Việt về phương-diện kỹ-thuật cũng như về phương-diện Mỹ-thuật :

Về kỹ-thuật, thời bấy giờ, tổ-tiên chúng ta đã tìm ra quặng đồng, sắt , đã biết cách luyện các kim-khí đó, rồi lại còn biết pha chế để tạo ra các hợp-kim có đủ tính-chất cần-dùng cho dụng-cụ.

Về Mỹ-thuật, những dụng-cụ kim-khí trong thời-kỳ này ngoài các hình-dạng rất đẹp, lại còn được trang-trí bằng các hình vẽ, hình ký hà đủ kiểu, nói lên sự phong-phú của tổ-tiên chúng ta về óc thẩm-mỹ.

Mỹ-thuật Đông-sơn đã có một tầm ảnh-hưởng rất rộng.

Riêng ở Đông-sơn, các nhà khảo-cổ đã tìm được hàng ngàn dụng-cụ kim-loại đủ kiểu. Ngoài ra ở các vùng Hoa-nam, Lào, Căm-bốt, Thái-lan, Miến-điện, Mã-lai, Nam-dương, người ta cũng tìm thấy nhiều dụng-cụ có sắc-thái tương-tự (nhưng tất-nhiên không đẹp bằng) chứng-tỏ rằng Mỹ-thuật Đông-sơn đã chi phối khắp cả vùng Đông-Nam-Á.

Theo các sử-gia Hà-nội thì thời-kỳ này chính là thời-kỳ Hùng-vương.

Các di-tích đào được rất nhiều nhưng có 4 thứ được coi là rất mỹ-thuật là : Riu đồng, trống đồng, thạp đồng và đồ gốm.

Riu đồng Đông-sơn

Riu là một dụng-cụ để chặt và cũng là một loại vũ-khí thời bấy giờ. Các riu đẹp thường là những riu có trạm hình kỷ-hà hay các sinh-hoạt của con người thời đó.

Các hình kỷ-hà thường là những hình mà chúng ta đã thấy trên các đồ gốm (Hình 21).

Hình về các sinh-hoạt thường là những hình bởi thuyền (Hình 21), nhảy-múa (Hình 22), thú vật như hươu, nai, chó (Hình 23).

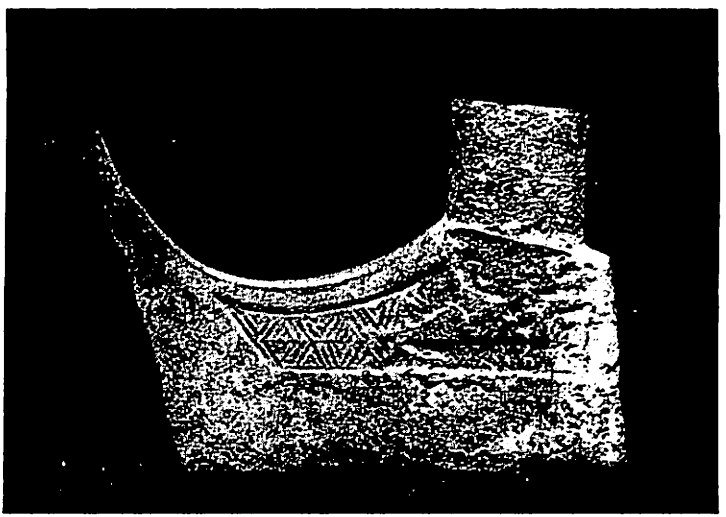

Hình 21 : Riu đồng có trạm hình kỷ-hà Đông-sơn.

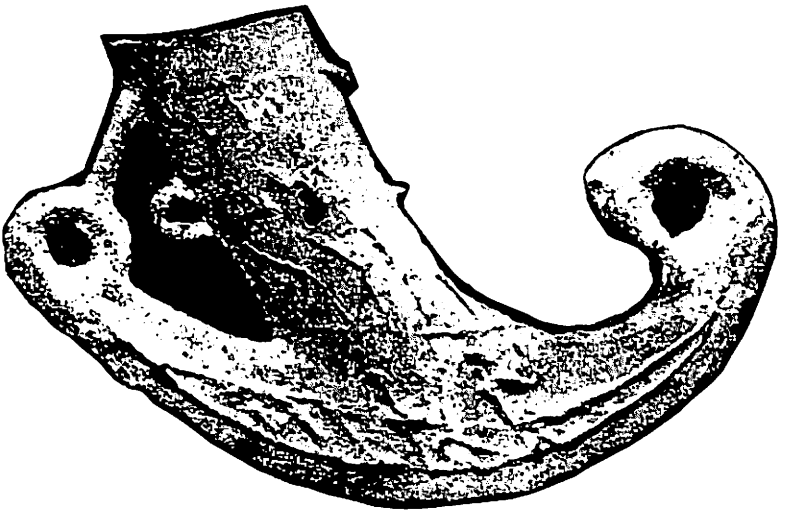

Hình 22: Riù trạm hình bơi thuyền (Đông-sơn).

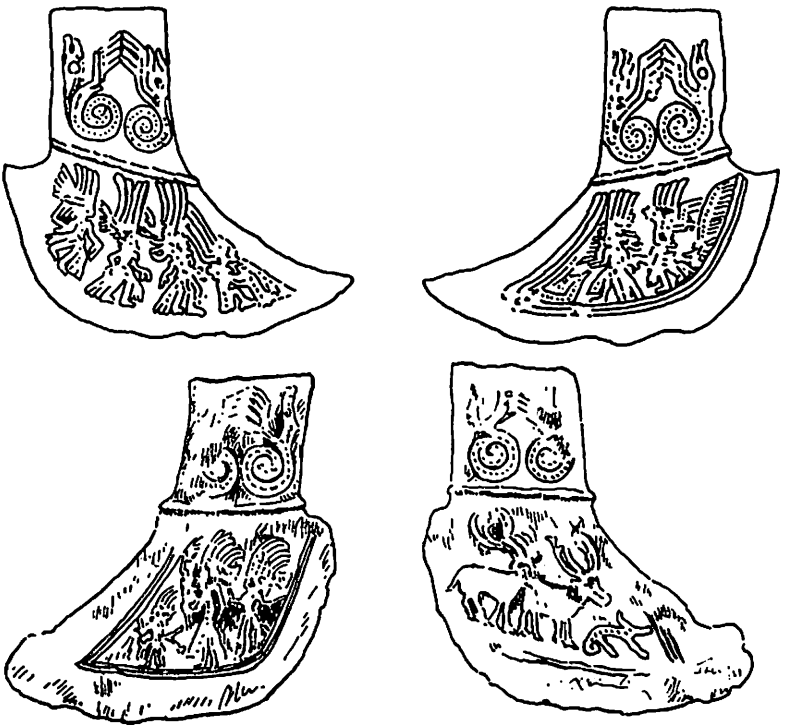

Hình 23 & 24 : Riù trạm hình nhảy múa và thú vật (Đông-sơn).

Trống đồng Đông-sơn

Trống đồng là một loại nhạc cụ dùng trong các buổi lễ hay khi đi đánh nhau.

Trống đồng được tìm thấy ở nhiều nơi trên đất Việt-nam như Thanh-hoá (Đông-sơn) (24 trống), Hà-đông (9 trống), Bắc-ninh, Cao-bằng (mỗi tỉnh 3 trống), Hà-nam , Hà-nội, Hòa-bình, Kiến-an (mỗi nơi 2 trống), Nam-định, Lào-cai, Sơn-tây, Yên-bái, Hải-dương, Nghệ-an, Thủ-dầu-một, Kontum (mỗi nơi 1 trống).

Ở Hoa-nam thì nhiều nhất tìm thấy ở Vân-nam (5 trống) các tỉnh khác thì Quế-châu, Quảng-tây, Tứ-xuyên (mỗi tỉnh tìm thấy 3 trống), Quảng-đông (2 trống).

Tại Cămbốt, Lào, Thái-lan-, Miến-điện, Mã-lai, Nam-dương cũng tìm thấy nhiều trống đồng cổ. Riêng Thái-lan và Lào cũng như ở xứ Mường (Việt-nam), người ta còn dùng trống đồng đến ngày nay.

Trống đồng đẹp nhất phải kể đến các trống Ngọc-lũ, Hòa bình và Hoàng-hạ.

Trống đồng Ngọc-lũ tìm thấy ở chùa Ngọc-lũ (Hà-nam) năm 1901.

Trống này cao 0,63 m, đường kính mặt trống 0,86 m, được trang-trí bằng các hình trạm sâu xuống cạ trên mặt trống lẫn tang trống.

Chính giữa mặt trống là một hình ngôi sao (hay mặt trời) 14 cánh. Chung quanh ngôi sao này là 16 vòng đồng-tâm có trang-trí bằng nhiều hình kỷ-hà hay hình vẽ khác nhau :

Giữa vòng thứ 5 và thứ 6 có khắc hình 2 căn nhà mái cong, có sàn, trong có người tóc dài ngồi. Trước nhà là 4 dân trống và đoàn vũ-nhạc đang nhảy múa, thổi khèn. Sau nhà có 2 người đang giã gạo.

Sen kế với 2 nhà sàn trên là 2 nhà sàn mái tròn trong có người cầm kiếm. Trước nhà này có một người tay phải cầm kiếm, tay trái cầm một con chim. Sau nhà là một đoàn võ-sĩ cầm lao, cầm kiếm đang múa.

Giữa vòng thứ 7 và thứ 8 có trạm hình 2 đàn hươu (10 con mỗi đàn) và xen kẽ với 2 đàn chim đang bay (mỗi đàn 8 con).

Giữa vòng thứ 8 và vòng thứ 9 có khắc 18 con chim mỏ dài đang bay, xen kẽ với 18 con chim đang đậu dưới đất.

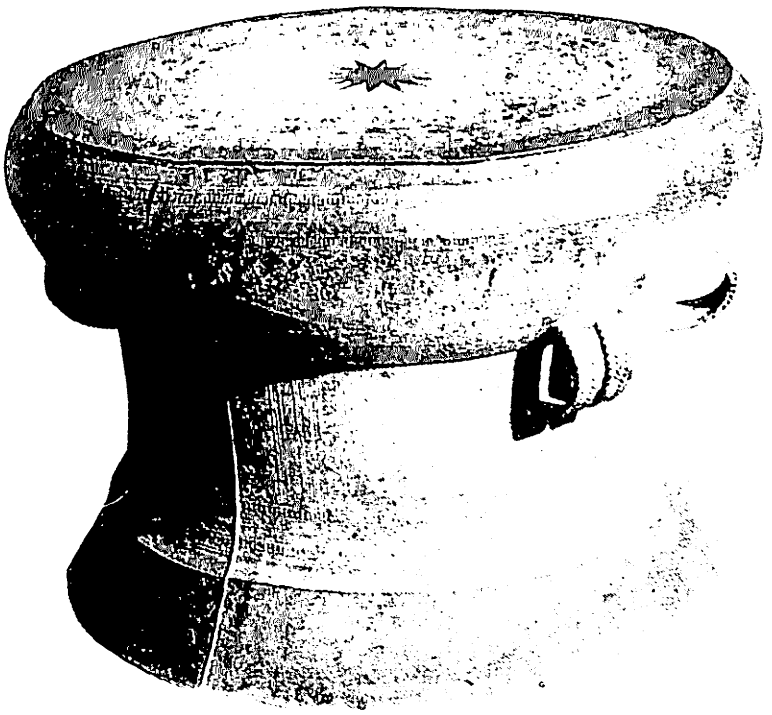

Hình 25 : Trống đồng Ngọc-lũ.

Trên tang trống, phần phình ra có khắc hình thuyền trên có những người cầm lao,kiếm, cung đang chuẩn-bị chiến-đấu,hoặc đang nhảy múa,hoặc chèo thuyền.

Trên phần thẳng đứng có những đường trang-trí kỷ-hà thẳng đứng hay nằm ngang đóng khung lấy những hình người cầm riu và la chắn (Hình 25 , 26 & 27)

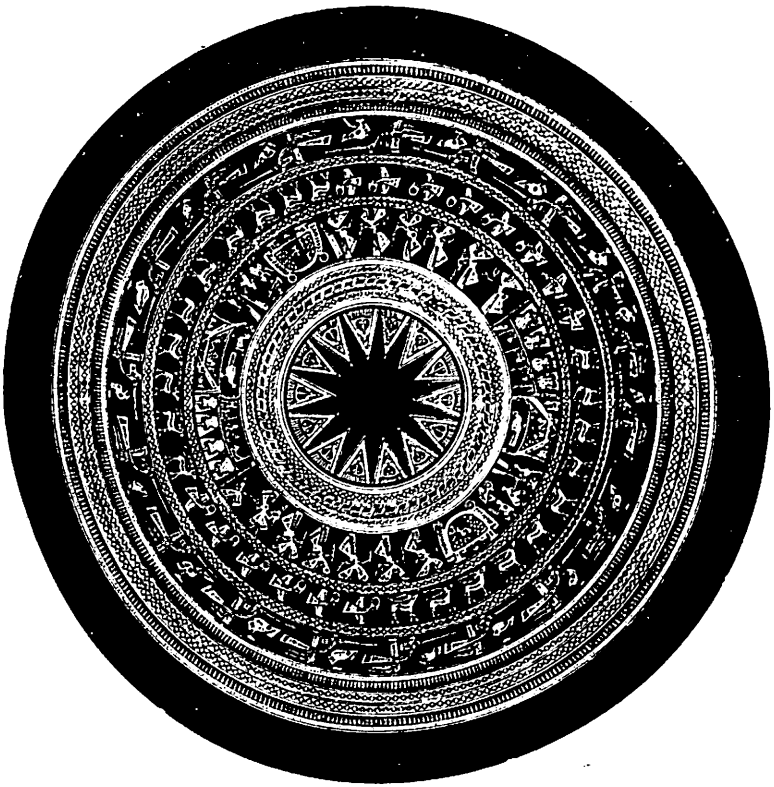

Hình 26 : Mặt trống đồng Ngọc-lũ
(Hình vẽ lại của Ngô-Quỳnh-Nga).

Trống đồng Hòa-bình tìm thấy ở Mường Dâu (Hòa-bình). Trống này thường gọi là trống Moulié (tên người mua được và tặng lại cho Viện Bảo-tàng). Trống này được tàng trữ trong Bảo-tàng Quân-đội Pháp, rồi được chuyển cho Bảo-tàng viện Guimet (Paris).

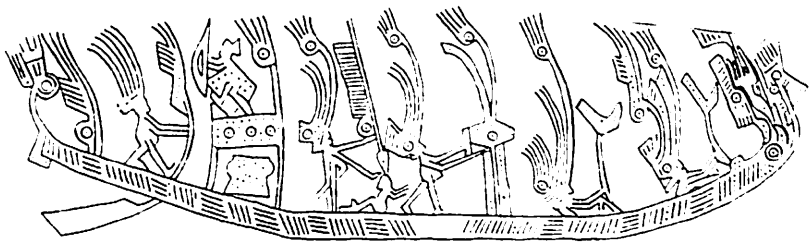

Hình 27 : Hình thuyền trên tang trống đồng Ngọc-lũ.

Trống này cao 0,61 m, đường kính mặt trống rộng 0,78 m

Mặt trống Hòa-bình trang-trí tương-đối giản-dị hơn mặt trống Ngọc-lũ , chỉ có 13 vòng trang-trí trong đó có 2 vành có hình khắc nhà sàn, người và chim mà thôi.

Vành có nhà sàn và người tương-tự như ở trống Ngọc-lũ nhưng vành thứ 2 chỉ khắc một loại chim mỏ dài đang bay mà thôi (Hình phụ-bản).

Trống Hoàng-hạ tìm thấy ở làng Hoàng-hạ (Hà-đông), cao 0,615 và đường kính mặt trống 0,78 m.

Mặt trống cũng trang-trí bằng các vòng đồng tâm trong đó có khắc hình nhà sàn, người , chim bay.

Tang trống chỗ phình ra cũng khắc hình thuyền. Các nhân-vật trên thuyền tương-tự như ở trống Ngọc-lũ nhưng thứ tự bố-trí hơi thay đổi một chút (Hình 28).

Hình 28 : Hình thuyền trên tang trống đồng Hoàng-hạ.

Các trống đồng tìm thấy ở Hoa-nam ,Lào, Căm-bốt, Mã-lai tuy về hình-thức (hình-dáng và trang-trí) có giống trống đồng Lạc-Việt nhưng những nét trạm-trổ còn thô-sơ vô cùng . Có thể đấy chỉ là những trống bắt-chước trống Lạc-Việt một cách vụng-về mà thôi.

Thạp đồng

Thạp là một dụng-cụ để đựng các thực phẩm và đồ uống như gạo, nước,rượu v.v... Thạp trước đây chỉ làm bằng gốm nhưng đến thời-kỳ Đông-sơn, người ta đã tìm thấy ở Đào-thịnh (Yên-bái), Việt-khê (Kiến-an) , những thạp bằng đồng có trạm-trổ rất mỹ-thuật (Hình 27).

Thân thạp Đào-thịnh được trang-trí bằng những đường kỷ hà song-song. Giữa những vòng kỷ-hà này là một vành rộng có khắc hình một đoàn thuyền trên có những chiến-sĩ đang chuẩn-bị đánh nhau.

Nắp thạp trang-trí bằng những vòng đồng-tâm có hình kỷ hà và một vành có những con chim mỏ dài đang bay, xen kẽ với những con chim đang đứng .

Đặc biệt là nắp này có 4 quai cầm . Mỗi quai là một tượng hình nam-nữ giao-hợp (Hình 29).

Thạp đào thấy ở Việt-khê (Kiến-an)có dáng thấp hơn thạp Đào-thịnh. Hình trang-trí ngoài các đường song-song kỷ hà người ta còn thấy 3 giải trạm hình chính :

Phía trên và phía dưới có 2 giải trạm hình hươu nai có đầu người.

Ở giữa trạm hình 2 thuyền lớn trên có hươu nai đội các mũ lông chim lớn.Trên thuyền còn có khắc đàn chim đang bay. Dưới nước ,ở đầu và đuôi thuyền có trạm hình cá trông tựa như cá mập (Hình 30)

Thạp đào được ở Vạn-thắng (gần Việt-trì), tương đối giản-dị hơn. Ngoài các vòng song-song trang-trí kỷ-hà chỉ có 2 vành trạm hình những con chim mỏ dài đang nằm ngủ mà thôi (Hình 31).

Thạp tìm thấy ở Đông-sơn (Thanh-hóa) chỉ có những hình trang-trí kỷ-hà mà thôi (Hình 32).

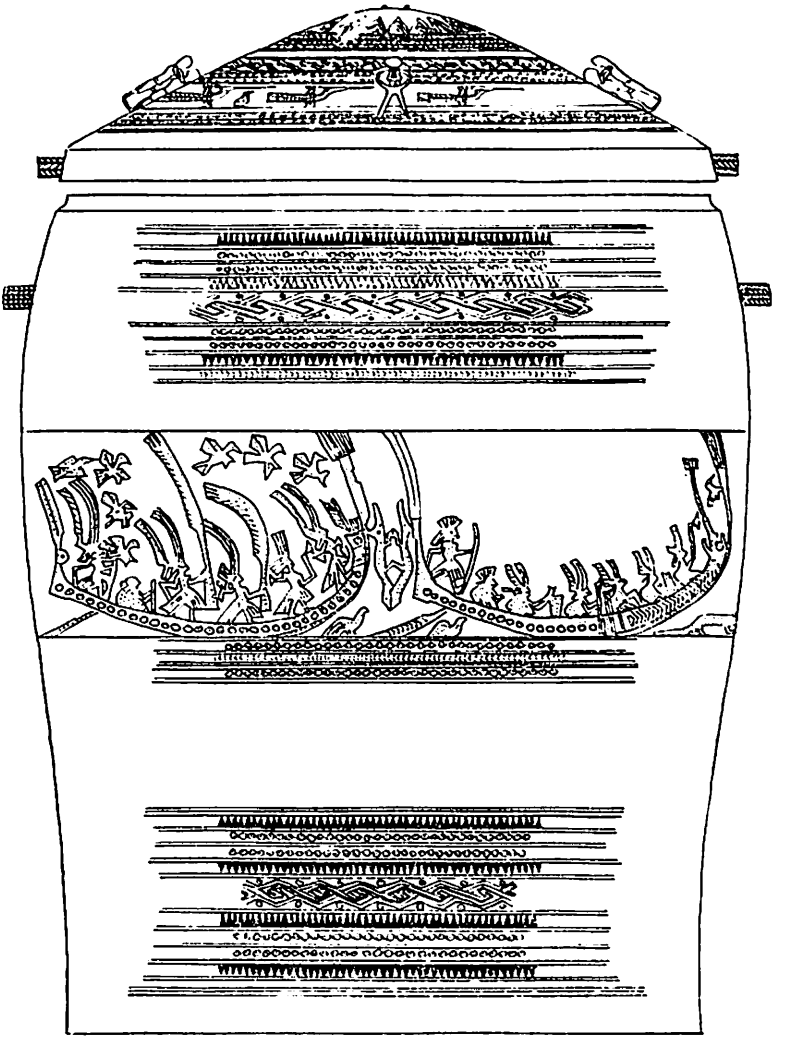

Hình 29 : Thạp Đào-thịnh .

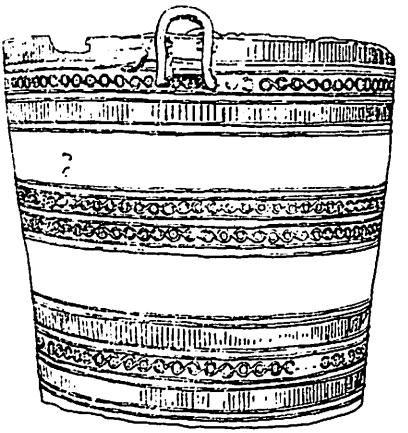

H. 32 : Thạp Đông-sơn.

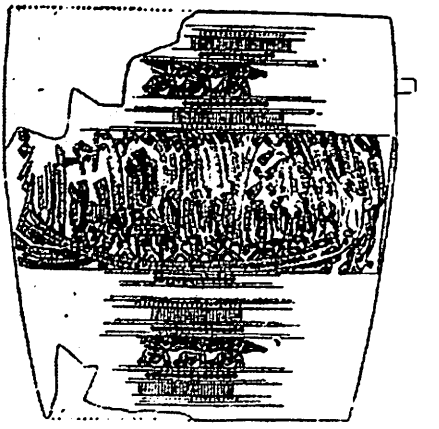

H. 30 : Thạp Việt-khê.

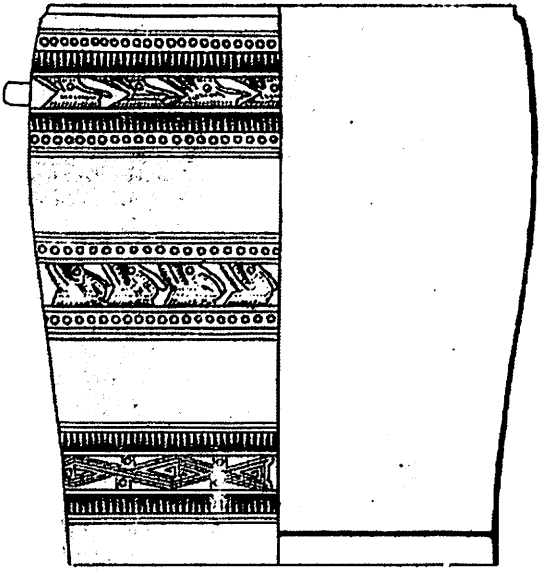

Hình 31 : Thạp Vạn-thắng.

Ở Đá-bạc (Quảng-ninh) cũng đào được một chậu đồng có trang-trí hình chiến-sĩ đội mũ lông chim, tương-tự như hình trang-trí trên các trống đồng tìm thấy ở Kontum và Mã-lai .

H. 33 : Trang-trí trên chậu Đá-bạc.

Điêu-khắc

Các tác-phẩm điêu-khắc thuần-túy thời Đông-sơn chưa tìm được nhiều nhưng các hình tượng điêu-khắc dùng để trang-trí cho các dụng cụ như trống đồng, môi đồng v.v. người ta đã tìm được khá nhiều.

Chủ-đề của các tác-phẩm điêu-khắc thường là những tượng thú vật, chim choc. Các tượng này tuy nét tạc còn thô-sơ nhưng khá linh-hoạt, chứng tỏ rằng người nghệ-sĩ đã phải nghiên-cứu rất nhiều cử-động của từng con vật mới có thể tạc nên được (Hình 34a, 34b,34c) .

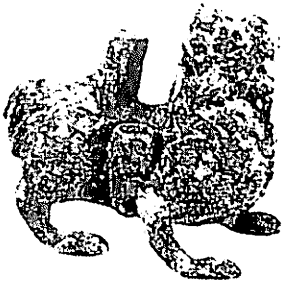

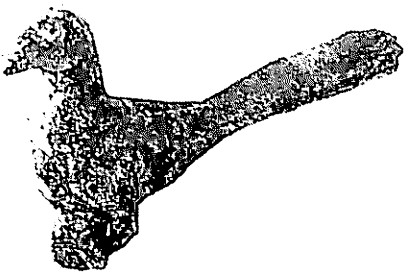

Hình 34a : Tượng sư-tử và Chim.

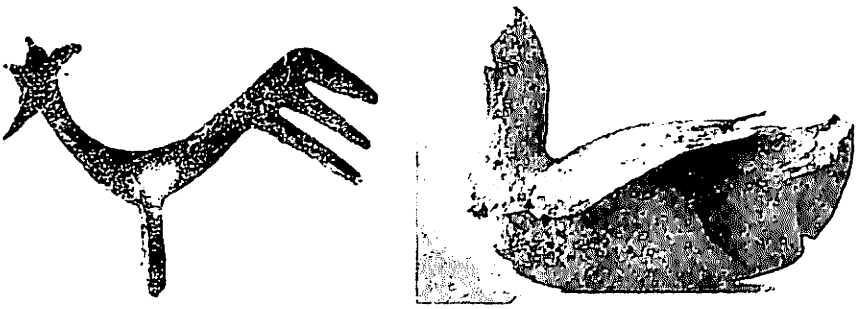

Hình 34b : Tượng gà trống và tượng vịt.

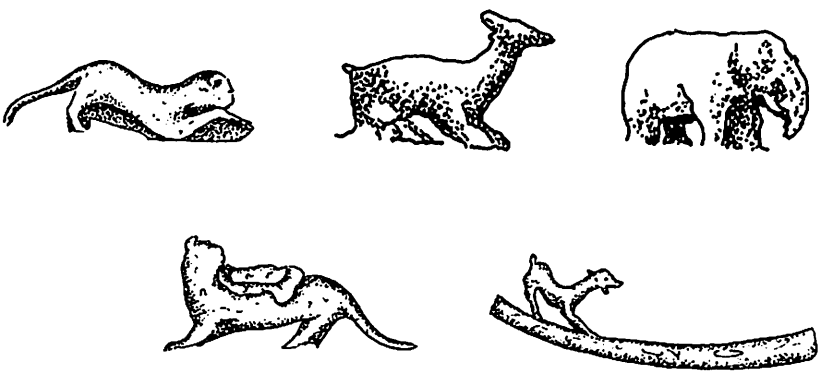

Hình 34c : Tượng báo, nai, voi, hổ và chó trang-trí trên các dụng-cụ đồi Đông-sơn.

Đôi khi người ta cũng tìm thấy các tượng người :

Ở Văn-điển người ta đã tìm ra được một tượng bằng đá bán thân. Tượng tuy còn đơn-sơ nhưng nét tạc đã mạnh-bạo chứng-tỏ người nghệ-sĩ đã có ý-thức nghệ-thuật cao (Hình 35)

Ở Đông-sơn đào được tượng một người cõng một người đang thổi khèn (Hình 36)

Ở Việt-khê (Kiến-an) trên một cán gáo đồng cũng có tạc một người thổi khèn (Hình 37).

Hình 35 :
Tượng đá (Văn điển)

Hình 37 : Người thổi khèn
(Việt-khê)

Hình 36 :
Tượng người cõng
(Đông-sơn)

Ở Đông-sơn người ta cũng tìm thấy một tượng người ngồi canh. Tượng tạc một người cầm gậy, vẻ mặt nghiêm-trang, đang ngồi nhìn thẳng về phía trước (Hình 38).

Các tác-phẩm điêu-khắc trên tuy không nhiều lắm nhưng về phương-diện Mỹ-thuật đã chứng-tỏ rằng trong thời-kỳ Đông-sơn, óc thẩm-mỹ của người Lạc-Việt đã tiến được một bước khá dài.

Hình 38 : Tượng người ngồi canh.

Hội-họa

Các tác-phẩm hội-họa thuần-tuý thời-đại Đông-sơn, người ta chưa tìm thấy, nhưng nếu muốn tìm các nét vẽ của người Lạc-Việt thời Đông-sơn, chúng ta có thể xét qua các hình trạm khắc trên các dụng-cụ còn để lại.

Chủ-đề của các hình vẽ vẫn là những sinh-hoạt của người Lạc-Việt như nghênh-chiến và nhảy múa (Hình 39,40).

Mặt khác các họa-sĩ còn vẽ những cầm-thú như chim (đang bay hay đứng dưới đất) cáo, hươu, nai (Hình 41 và 42).

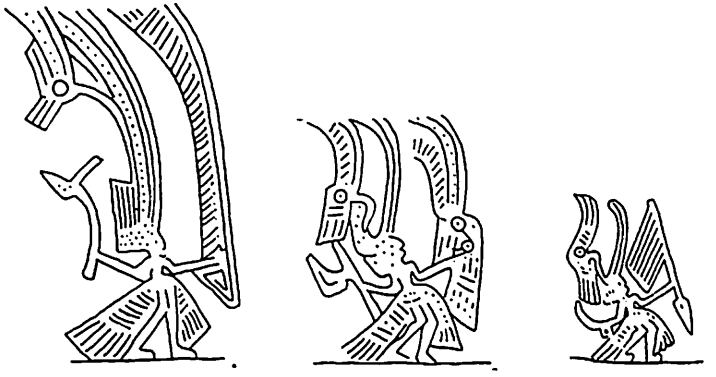

Hình 39 : Chiến-sĩ nghênh-chiến.

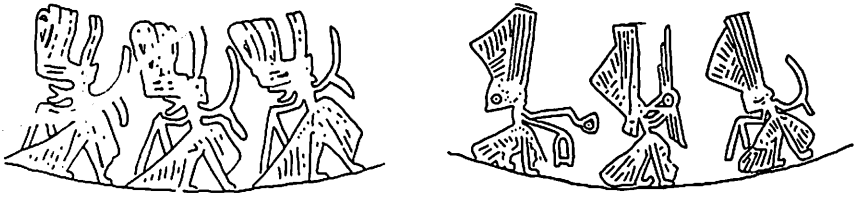

Hình 40 : Nhảy múa.

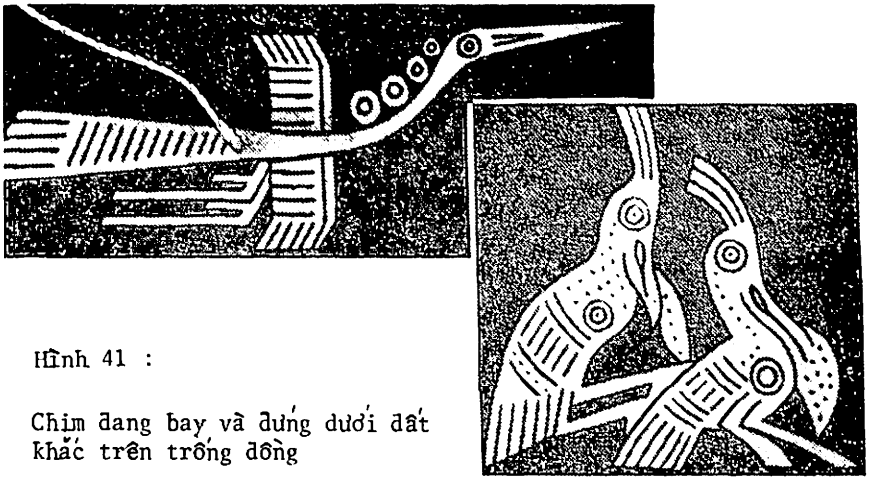

Hình 41 :

Chim đang bay và đứng dưới đất khắc trên trống đồng

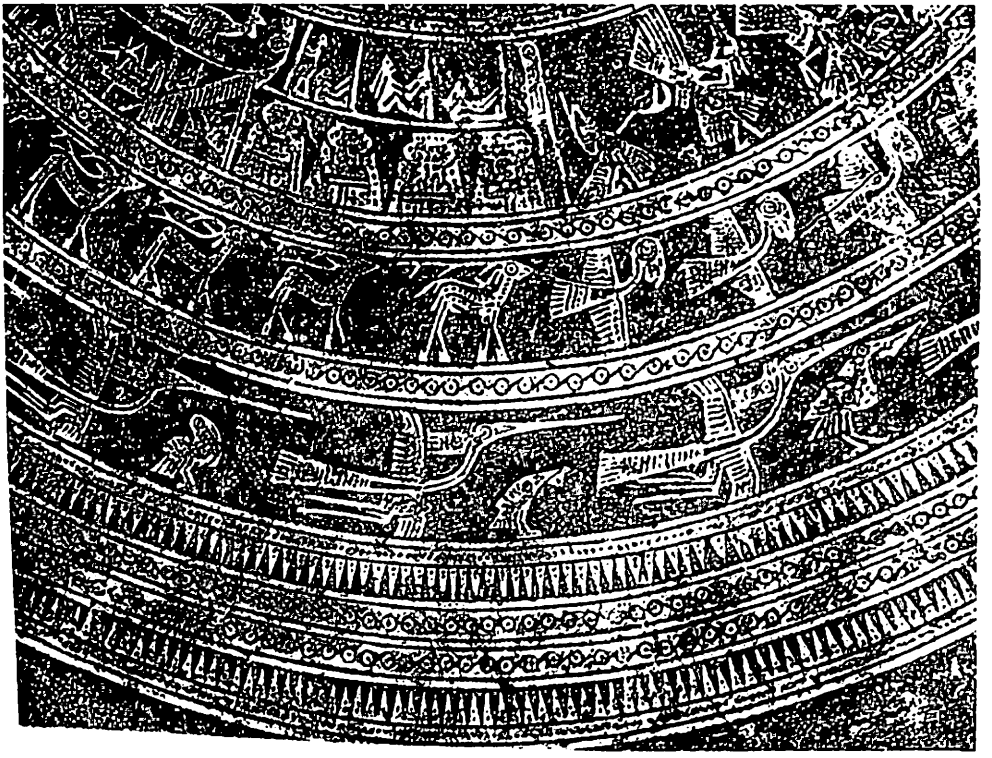

Hình 42 : Cầm thú khắc trên trống đồng Ngọc-lũ.

GIAO-LONG VÀ CHIM LẠC , HAI VẬT-TỔ CỦA NGƯỜI LẠC-VIỆT.

Theo Khảo-cổ học, khủng-long và khủng điểu là 2 sinh vật khổng-lồ đã có từ lâu trên trái đất.

Trong mỹ-thuật Việt-nam, Giao-long và Chim Lạc cũng được coi là 2 vật-tổ của người Lạc-Việt.

Ý-niệm Giao-long có lẽ bắt nguồn từ con cá-sấu , một loài thú dữ vừa ở dưới nước vừa đi được ở trên bộ , rất nguy-hiểm cho con người thời bấy giờ.

Trên các rìu chiến và trên trống đồng người Lạc-Việt thường khắc hình Giao-long (Hình 43, 44).

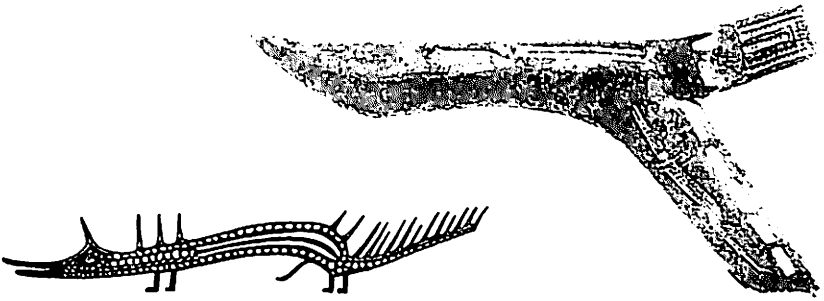

Hình 43 : Giao-long khắc trên riu chiến Núi Voi (Kiến-an).

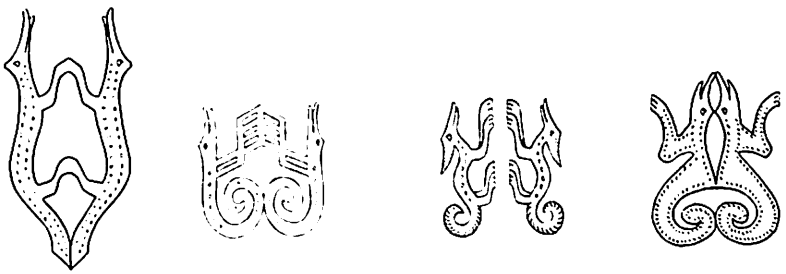

Hình 44 : Giao-long Đào-thịnh , Đông-sơn và Ninh-bình.
(trái) (2 giữa) (phải)

Những giao-long đầu-tiên giống hệt như cá sấu, nhưng dần dần được người họa-sĩ biến đổi đi ,khiến càng ngày càng giống con rồng hơn.Cũng lưu-ý độc-giả là con rồng trong mỹ-thuật Trung-hoa và Việt-nam chỉ là một linh vật do sự tưởng-tượng của người nghệ-sĩ mà ra thôi.

Rồng có lẽ đã trở thành vật-tổ của người Lạc-Việt vì trên các thuyền , trên các trống đồng, thạp đồng người ta đã thấy làm thành hình rồng với đầu rồng có nhiều râu hơn và đuôi rồng có hình mây ,đôi khi lại còn có những cánh nhỏ nữa (Hình 45).

Con rồng trong mỹ-thuật Lạc-Việt từ bấy giờ đã được coi là một thần vật hoàn-toàn có thể lội dưới nước,đi trên bộ và bay trên trời nữa.

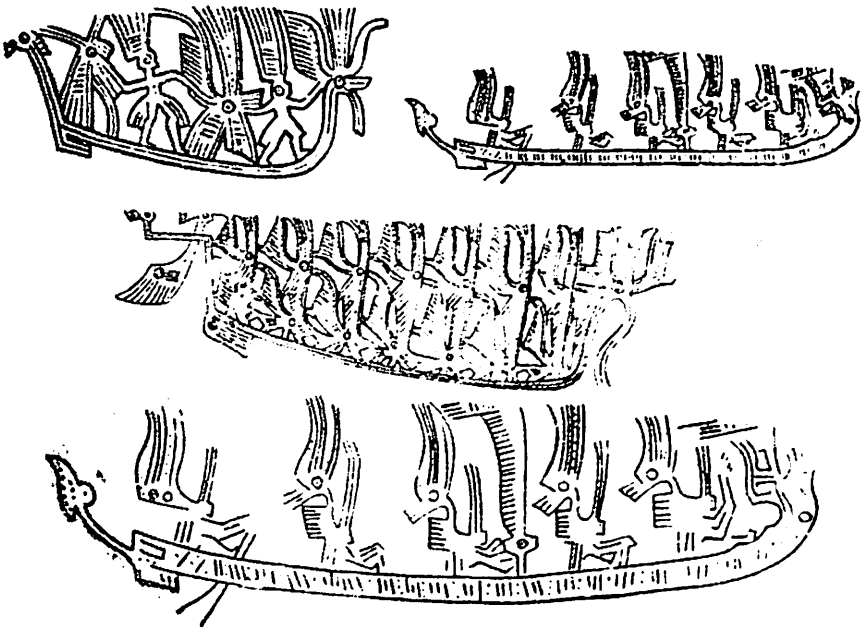

Hình 45 : Thuyền hình rồng trong mỹ-thuật Đông-sơn.

Chim Lạc cũng là một thần vật mà người Lạc-Việt đặc-biệt chú ý. Trong các hình khắc còn để lại người ta thấy các vũ-nữ (hay vũ-nam) , các chiến-sĩ đều hóa-trang thành hình chim, với những mũ lông chim rất dài dựng ngược lên trên đầu.

Người ta cũng thấy có rất nhiều thuyền khắc trên các trống đồng, các thạp làm theo hình chim (Hình 46).

Trang-trí

Nghệ-thuật trang-trí thời Mỹ-thuật Đông-sơn có thể coi là rất phong-phú.

Trong các đồ gốm, đồ đồng tìm được trong thời-kỳ này phần lớn được trang-trí bằng các hình kỷ-hạ rất đẹp, đủ kiểu.

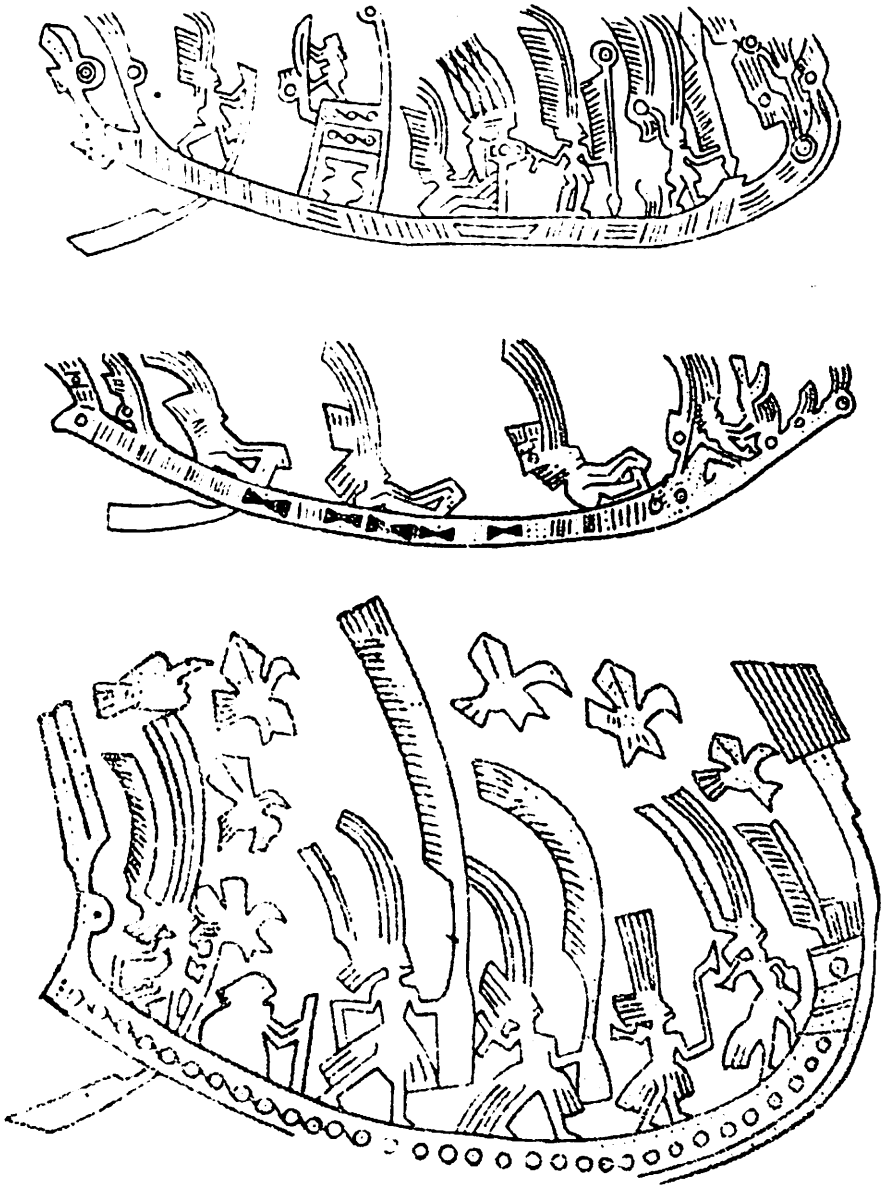

Hình 46 : Thuyền hình chim trong Mỹ-thuật Đông-sơn.

Chúng tôi lấy những hình kỷ-hà trang-trí trong các dụ-ng-cụ tìm thấy ở Phùng-nguyên và Đông-sơn dưới đây để độc giả có thêm những ý-niệm về nghệ-thuật trang-trí thời-đại này (Hình 47).

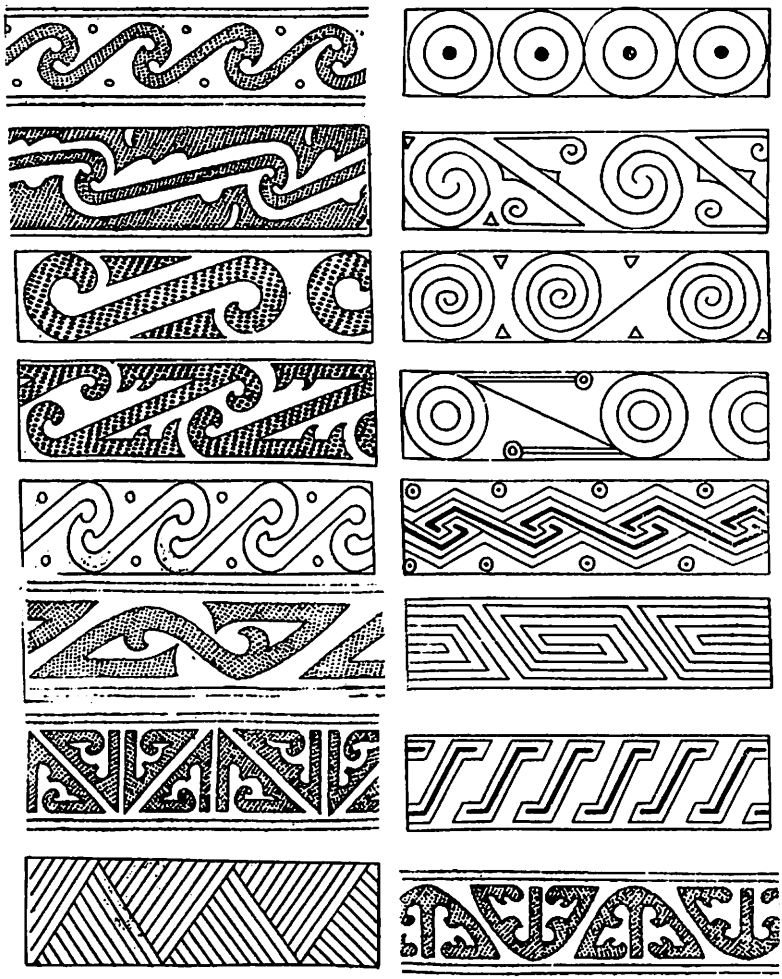

Hình 47 : Các hình trang-trí kỷ-hà trong
các dụng-cụ Phùng-nguyên và Đông-sơn.

Đồ gốm

Đồ gốm Đông-sơn được coi như đã tiến một bước khá dài trong kỹ-thuật cũng như mỹ-thuật. Ở Phùng-nguyên, Gò bông, Xóm Rền, Đồng-đậu, Đông-sơn người ta đã tìm được gần 300.000 mảnh gốm đủ loại.

Về kỹ-thuật, gốm Phùng-nguyên và Đông-sơn đã có độ nung nóng từ 700 đến 900 độ C.

Về các hình trang-trí thì độ 50 % các đồ gốm trên có trang-trí bằng hình quận thừng và chải. Các hình trang-trí khác thường chép lại các hình trang-trí trong các dụng-cụ khác mà chúng tôi đã nói ở trên. Có thể ngược lại những trang-trí trên các dụng-cụ bằng đồng chép lại các hình trang-trí trên gốm . Tuy-nhiên trên thực-tế, các hình trang trí trên các dụng-cụ bằng đồng phong-phú hơn các hình trang-trí trên gốm nhiều.

Về hình dáng, các đồ-gốm, thời-đại Đông-sơn cũng có thêm nhiều kiểu lạ khác hẳn các đồ gốm trong thời-kỳ trước (Hình 48 , 49, 50, 51, 52, 53)

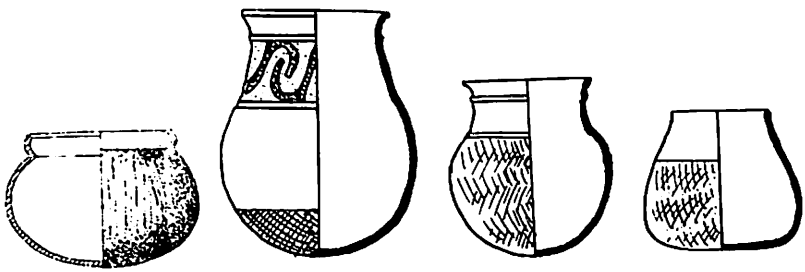

Hình 48 : Lọ gốm Đông-sơn.

Hình 49 : Bình gốm Đông-sơn.

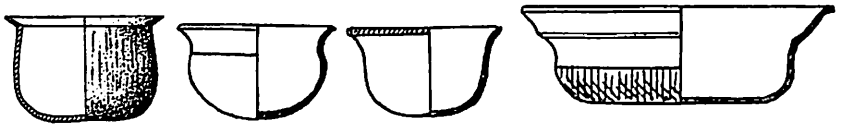

Hình 50 : Chậu gốm Đông-sơn.

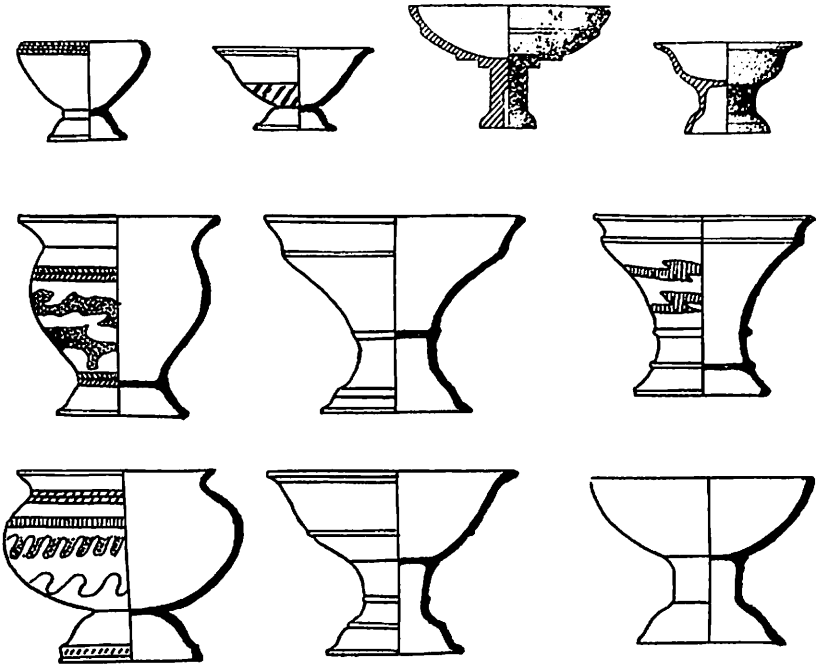

Hình 51 : Bát và liễn gốm cơ chân.

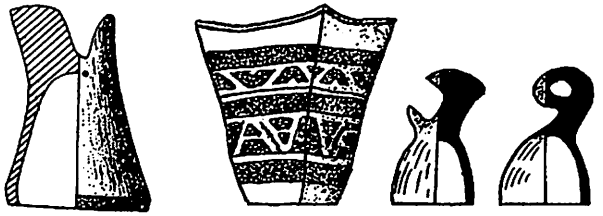

Hình 52 : Các đồ gốm cơ hình dáng lạ.

Kiến-trúc Thành Cổ-loa

Thành-lũy thời-đại Đông-sơn còn để lại vết-tích là thành Cổ-loa. Thành này ở làng Cổ-loa (Phúc-yên), cách Hà-nội độ 15 km về phía Bắc.

Theo truyền-thuyết, thành này xây vào đời An-dương-vương, tục-truyền rằng nhà vua xây thành này nhiều lần không xong, sau nhờ có thần Kim-qui hiện lên giúp mới hoàn tất.

Thành xây hình con ốc nên gọi là Loa-thành. Theo vết tích còn để lại thì thành ngoài hình bầu dục, bề dài 2,8 km, bề rộng 2 km, chu-vi độ 8 km.

Thành giữa hình đa-giác chỗ lồi, chỗ lõm.

Thành trong hình chữ nhật bề dài 500 m, bề rộng 350 m, chu vi độ 1,7 km.

Chân thành xây bằng đá tảng lớn, có tảng to bằng mặt bàn. Thành đắp bằng đất, phía chân dầy từ 20 m đến 30 m. Người ta đoán rằng thành có thể cao đến 4,5 m, mặt thành rộng đến 12 m.

Ngoài thành là hào sâu. Hào này thông với các sông chảy chung quanh nên lúc nào cũng có nước.

Trong thành còn nhiều vết tích của thời An-dương-vương như giếng Ngọc, mộ Mỵ-châu, đền An-dương-Vương, gò diễn binh v.v...

Đặc-điểm của thành Cổ-loa là bố-trí rất khéo để việc phòng-thủ được dễ dàng :

1. Chung quanh thành có nhiều vực sâu, đầm lớn như vực Dê, vực Tơ, đầm Cả, đầm dài, chứng tỏ rằng nhiều ngàn năm trước đây thành đắp giữa một vùng đầm lầy. Do đó mới có tích thành xây lên và bị đổ nhiều lần.

2. Các cửa thành ngoài, giữa và trong không nằm trên một đường thẳng. Đường nối giữa các cửa thành là đường quanh-co, 2 bên có các ụ phòng-ngự.

3. Trong thành có 18 ụ cao đắp nhô ra khỏi chân thành vài chục m khiến cho thành trông như hình con nhím, trên

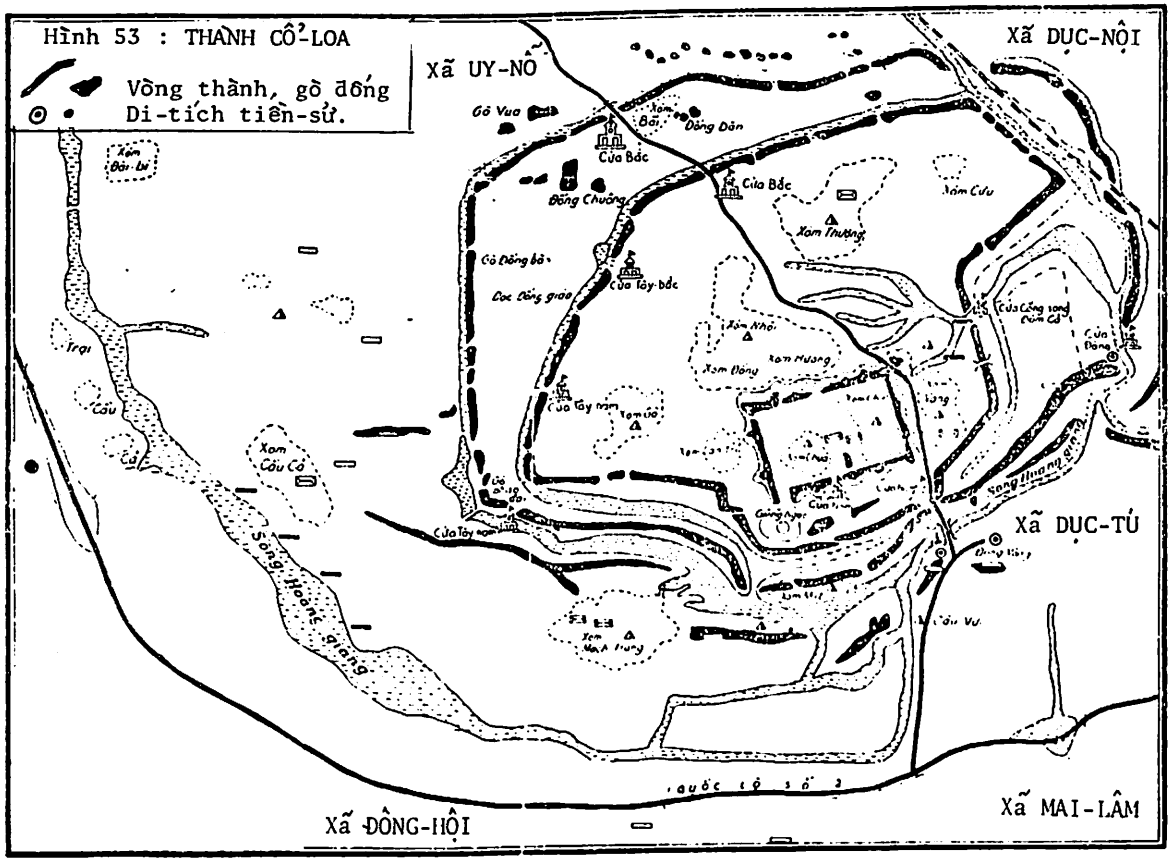
Hình 53 : THÀNH CỔ-LOA
Vòng thành, gò đống
Di-tích tiền-sử.
XÃ UY-NỖ
XÃ DỤC-NỘI
XÃ DỤC-TÚ
XÃ ĐÔNG-HỘI
XÃ MAI-LÂM
Gò Vua
Cửa Bắc
Đồng Chuông
Cửa Tây-bắc
Cửa Tây nam
Xóm Cầu Cỏ
Sông Hoàng giang
Quốc lộ số 3

đó các xạ thủ nỏ thần có lợi thế để tiêu-diệt địch trước khi chúng tiến lại gần chân thành.

Kiến-trúc dân-gian

Các tài-liệu cũng như di-tích về kiến-trúc nhà-cửa thời Đông-sơn rất hiếm. Chúng-ta chỉ có thể nghiên-cứu kiến-trúc nhà cửa qua một số hình khắc trên các trống đồng mà thôi.

Qua các hình này chúng ta thấy nhà cửa thời Đông-sơn là những nhà sàn, mái cong. Đầu các chồng nóc thường trang-trí bằng hình chim mỏ dài (Hình 54a)

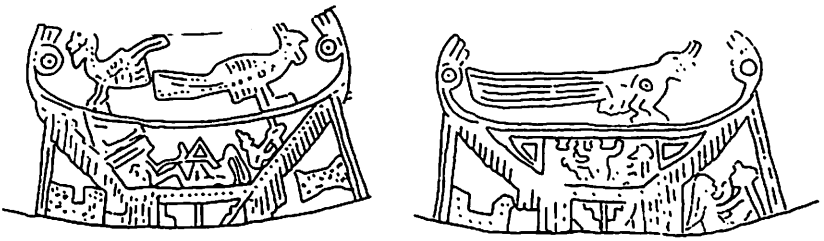

Hình 54a : Nhà sàn trên trống đồng Ngọc-lũ và Hoàng-hạ.

Những nhà này cũng tương-tự như nhà sàn của người Mường, sắc dân thường được các nhà nhân-chủng-học coi là người Việt cổ (Hình 54b).

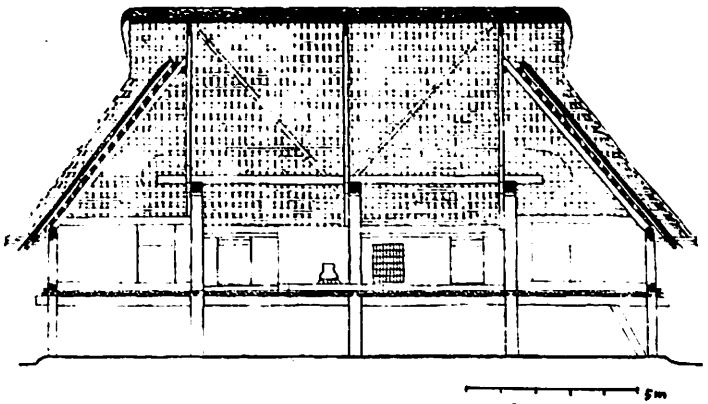

Hình 54b : Nhà sàn của người Mường ở phủ Nho-quan.

Mỹ-thuật ĐẠI-LA

Mỹ-thuật Đông-sơn, tượng-trưng cho nền nghệ-thuật thuần-túy của người Việt cổ ở phương Nam. Đến khi Đế-Minh, cháu 3 đời họ Viêm-đế Thần-nông đi tuần-thú phương Nam, đến Ngũ-lĩnh (5 dãy núi ở miền Hoa-Nam, lúc bấy-giờ do các sắc dân gốc phương Nam sinh sống), lấy bà Vụ-tiên sinh ra Lộc-tục và phong cho Lộc-tục làm Kinh-dương-vương, cai-trị đất, lấy tên nước là Xích-quỷ, thì đất phương Nam coi như đã bị người Bắc-phương cai-trị, mở đầu cho thời-kỳ Bắc thuộc trên giải đất này.

Kinh-dương-Vương lấy con gái Long-vương (giống Rồng), ở Động-đình-hồ, sinh ra Lạc-long-Quân, cho nối ngôi trị nước. Lạc-long Quân như vậy chỉ có một phần máu Bắc-phương, lại theo chế-độ mẫu-hệ (nhận là giống Rồng, ở nhà vợ) nên chịu ảnh-hưởng nhiều của người Lạc-Việt. Đó là gốc gác các vua Hùng-Vương, các vị vua đầu-tiên của người Lạc-Việt được các truyện-thần-thoại nhắc đến.

Sau Thục-phán người nước Ba-thục, một nước nhỏ ở vùng Tứ-xuyên (Trung-quốc) thôn-tính nước Âu-Việt và Lạc-Việt (Văn-lang) lập thành nước Âu-lạc, đóng đô ở đất Việt-thường, xây thành Cổ-loa để cai-trị. Vụ này đánh dấu cuộc Nam tiến thứ hai của người Trung-hoa xuống phương Nam.

Đến khi Triệu-Đà đánh nước Âu-lạc, đem sáp-nhập vào Nam Việt, rồi nhà Hán đánh Nam-Việt, Ngô-tôn-Quyền và nhà Đông Tấn đánh Nam-Triệu (con cháu Triệu-Đà ở phương Nam) và nhà Đường sai Cao-Biền đánh Lĩnh-Nam, xây thành Đại-la để cai-trị, đều là những đợt Nam-tiến liên-tiếp của người Bắc phương xuống phương Nam, mở đầu cho thời Bắc-thuộc kéo dài đến hơn ngàn năm.

Trong buổi đầu của thời Bắc-thuộc, Thủ-phủ được chọn là Liên-lâu nay là phủ Thuận-thành (Bắc-ninh), sau được rời về Đại-la. Từ đó Đại-la được coi là Thủ-phủ của hệ-thống cai-trị Bắc-phương, nên ở đó Nghệ-thuật được phát-triển hơn những nơi khác. Do đó chúng tôi gọi Mỹ-thuật Đại-la là Thời-kỳ Mỹ-thuật Lạc-Việt bị ảnh-hưởng Trung-hoa đó.

Kiến-trúc Thành Đại-la

Khi nhà Hán cai-trị xứ ta, đặt Quận-trị quận Giao-chỉ ở Liên-lâu (hay Luy-lâu), sang đời nhà Đông-Hán (133 sau Tây-lịch kỷ-nguyên), Thứ-sử Giao-chỉ là Chu-xưởng đặt Quận trị ở Long-biên (Yên-phong, Bắc-ninh).

Đến Thế-kỷ VI, năm 545 Lý-nam-Đế dựng thành-lũy bằng tre gỗ ở cửa sông Tô-lịch để chống nhà Lương. Sang thế-kỷ VII nhà Tùy tái chiếm Giao-châu, đặt Quận-trị ở thành Tống bình (Hà-nội ngày nay). Năm 1621 Khâu-hỏa xây ở Tống-bình một thành nhỏ gọi là Tử-thành (thành con) trên bờ sông Tô-lịch, chu-vi chỉ độ 900 bộ (bằng thành nhỏ ở Cổ-loa) và gọi là Giao-châu Tổng-quản-phủ. Năm 679 đổi thành Giao-châu Đô-hộ Phủ.

Sang thế-kỷ VIII, năm 757, Kinh-lược-sứ xây ở đó một thành lớn gọi là An-nam La-thành. Năm 808, Trương-châu sửa lại La-thành, xây cao đến 7 m với 3 cổng lớn:

Cổng chính quay về phía Nam, có 5 cửa, trên có lầu 5 gian.

Các cổng Đông và Tây có 3 cửa trên có lầu 3 gian.

Trong thành có 10 tòa nhà 40 gian có lầu để chứa vũ-khí.

Sau khi quân Nam-chiếu chiếm An-nam Đô-hộ phủ, nhà Đường sai Cao-Biền đem quân sang chiếm lại Giao-châu, xây lại thành cho lớn hơn gọi là Đại-la thành.

Theo Tư-mã-Quang, một sử-gia đời Tống, thì Đại-la-thành chu-vi 3.000 bộ (gần 6 km) trong có 60 gian nhà.

Đại-Việt sử-lược, chép vào đời Trần, viết : Thành Đại-la chu-vi 1.980 trượng (trên 6 km), cao 2 trượng 5 thước (trên 8m), chân thành rộng 2 trượng 6 thước (8,37 m). Bốn mặt xây nữ tường (tường nhỏ xây trên mặt thành) cao 5 thước 5 tấc (1,5 m) có 55 lầu dịch-vọng (vọng canh). Thành có 5 cửa lớn. Trên mỗi cửa đều có lầu canh. Ngoài ra còn có 6 ủng môn (cửa nhỏ). Trong thành có hơn 5.000 gian nhà(1)

---

1. *KHUYẾT-DANH, Đại-Việt sử-lược (bản dịch của Trần-quốc-Vượng. VĂN-SỬ-ĐỊA Hà-nội 1960. t 37.*

Để ngăn nước lũ tràn vào thành, Cao-biền còn cho đắp một con đê bao quanh.Đê này chu vi 2.125 trượng (6.589 m) cao 1 trượng 5 thước (5 m),chân đê rộng 3 trượng (9,3 m)

Kiến-trúc dân-gian

Trong các mộ ở Nghi-vệ-sơn (Bắc-ninh),còn tìm thấy một số mô-hình bằng đất nung một số nhà cửa thời Hán.(Từ thế kỷ I đến đầu thế-kỷ VII).Các nhà này dù lớn hay nhỏ đều xây theo kiểu một thành nhỏ.

Nhà thường hình vuông,chung quanh có tường bao .

Trong mô-hình ngôi nhà lớn nhất người ta thấy 4 góc trên thành có 4 vọng canh. Các căn nhà khác đều làm dọc theo 4 mặt thành dường như để cho những người sống trong đó có thể lo luôn việc phòng-thủ.

Chung quanh thành có những căn nhà nhỏ hơn,1 tầng,có lẽ là nơi ở của những người làm.(Hình 55).

Trong một mô-hình khác người ta thấy nhà cất đến 3 tầng ,mỗi tầng có một mái hiên chìa ra (Hình 56).

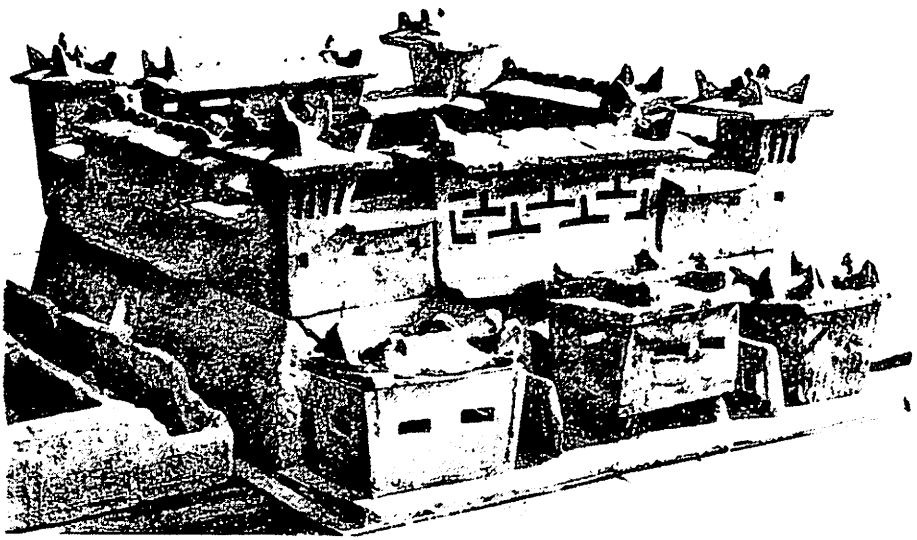

Hình 55 : Mô hình nhà thành (Nghi-vệ-sơn).

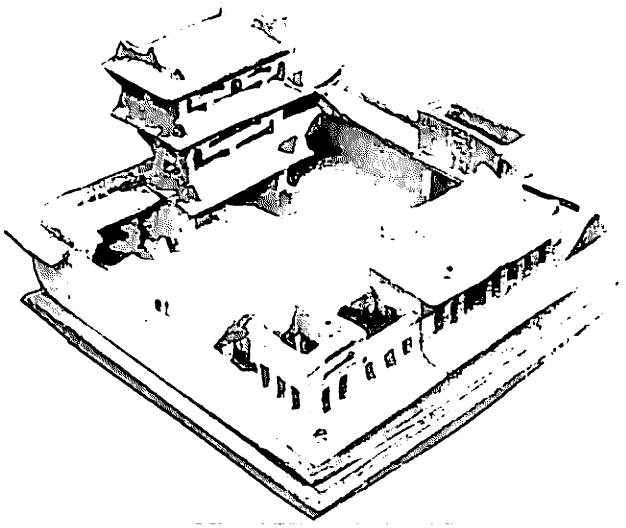

Hình 56 : Nhà (mô-hình) đào được ở Thanh-hóa.

Những nhà này có sắc-thái kiến-trúc khác hẳn kiến-trúc nhà lầu của người Hán chính-quốc ở các điểm :

a. Mái nhà cong ,trong khi mái nhà ở bên Tầu thường thẳng.Chống nóc làm lớn hơn để đáp-ứng nhu-cầu chống lại các trận bão nhiệt-đới.

b. Các tầng đều lớn bằng nhau trong khi nhà ở bên Tầu các tầng trên thường nhỏ dần đi.

c. Tầng sát đất thường thấp trông như những nhà sàn trong khi tầng sát đất của những nhà ở bên Tầu thường cao

d. Một số các nhà nhỏ (nhà thường dân) chỉ làm có 2 mái trong khi nhà của người Hán bên Tầu luôn luôn có 4 mái.Loại nhà 2 mái này chính là loại nhà điển hình của kiến-trúc Đông-sơn trước đó.

Về kỹ-thuật kiến-trúc ,dựa vào các mộ xây đào được ở Nghi-vệ-sơn (Bắc-ninh),Mạch-trường(Cổ-loa) ta thấy :

Gạch làm bằng đất nung có trang-trí các hình kỷ- .hà thường có in các niên-hiệu như *(Vĩnh-nguyên thập nhất niên trị, Vĩnh-nguyên thập thất niên trung-trị, Vĩnh-sơ ngũ niên* tức là các năm 99 Tây-lịch,105 TL và 111 TL.

Hoặc các câu chúc-tụng như :

Đường-cát, Phú-quí, Vạn-tuế.

Gạch thường làm khổ lớn cỡ 49 x8 x 24cm.

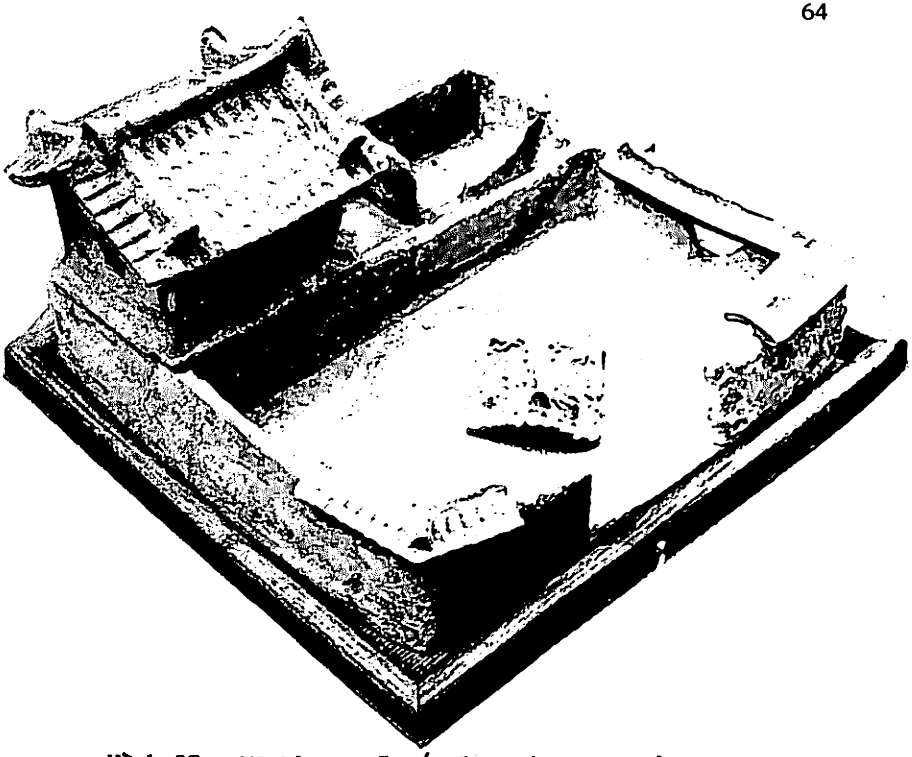

Hình 57 : Mô hình nhà mái đối đào được ở Thanh-hóa.

Lối xây gạch ngang cứng đặt viên nọ đè lên viên kia nửa viên như bây giờ.

Để xây các cửa hay nóc, người ta dùng lối xây cuốn bằng những loại gạch đặc-biệt đầu lớn đầu nhỏ. Để cho đủ sức chịu đựng, người ta đã xây đến 3 tầng cuốn song song với nhau (Hình 58).

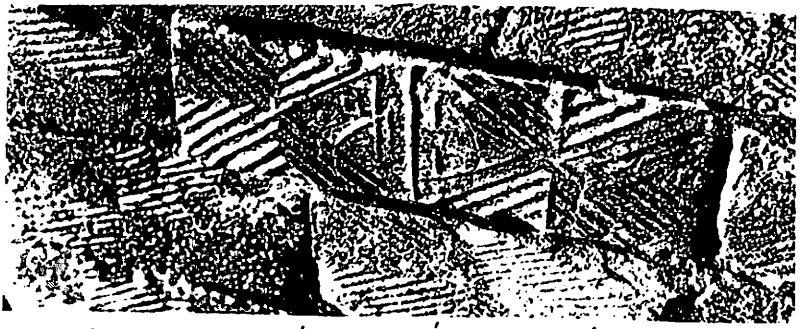

Hình 58 : Gạch có trang-trí và xây chéo nhau.

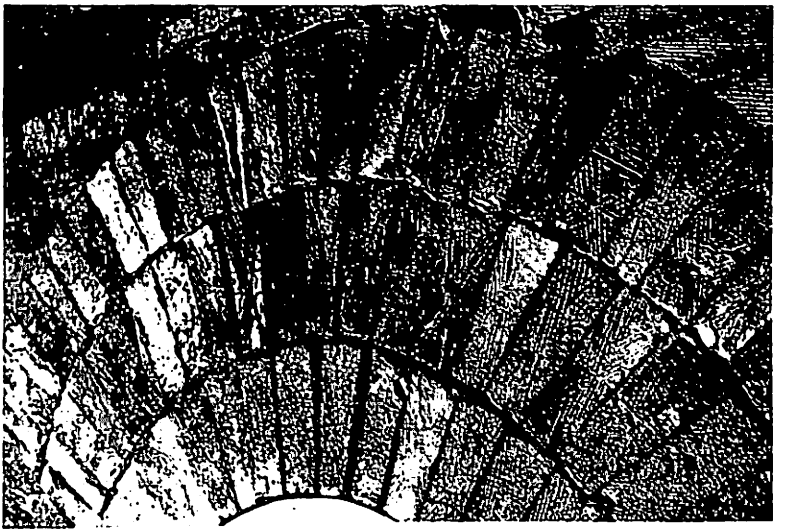

Hình 59 : Vòm cuốn bằng gạch đầu to đầu nhỏ (Nghi-vệ)

Điêu-khắc

Một trong những tác-phẩm điêu-khắc nổi-tiếng là cây đèn Lạch-trường (Thanh-hoá).Cây đèn này tạc hình một người nô-lệ ,ở trần, đóng khố quỳ dưới đất,hai tay nâng một đĩa đèn dầu .

Nét mặt khắc-khổ chịu-đựng của người nô-lệ này đủ diễn-tả nỗi-lòng của người dân mất nước,phải nén giận hầu hạ kẻ thù,hy-vọng còn tồn- tại để một ngày kia phục-quốc (Hình 60).

Cũng trong các mộ cổ đời Hán người ta còn tìm thấy một pho tượng bằng đá tạc một người đội nón hình hoa sen đang quỳ và bưng một liền trái cây.(Hình 61).

Cả hai tượng trên tác-giả đã diễn-tả nét mặt buồn thảm,trong khi một pho tượng khác ,cũng quỳ dâng đĩa đèn dầu,lại có nét mặt hăm-hở , vui-tươi. Mắt mở to và sáng lên.Cũng quỳ dâng đèn nhưng hai bức tượng trước chỉ quỳ một cách mỏi mệt, đít ép xuống chân, đằng này quỳ thẳng đứng lên.Có lẽ tác-giả muốn mô-tả một người cam-tâm làm nô-lệ cho ngoại-bang, chuyên nịnh-hót, lấy sự hầu-hạ người làm vui (Hình 61).

Hình 60 : Cây đèn Lạch-trường .

Hình 61 : Tượng người hầu bằng đá đời Hán.

Các tượng này đều tạc ra để chôn theo người chết, có mục-đích để cho người chết có người hầu-hạ ở thế-giới bên kia.

Đứng về phương-diện nghệ-thuật, các pho-tượng trên đã đạt đến một trình-độ mỹ-thuật khá cao chứng-tỏ rằng người Lạc-Việt thời bấy-giờ đã tiến một bước dài trên đường nghệ-thuật.

Hình 61 :

Tượng người nô-lệ

(Đông-sơn)

Bên cạnh các tượng hình người này, tượng các súc-vật hay gà vịt vẫn còn là một chủ-đề thông-dụng trong mỹ-thuật Đại-la.

Ở ngôi mộ ở Thanh-hoá người ta đã tìm thấy tượng một con vịt tạc rất tỉ-mỉ từng nét lông, từng cái gân chân.

Đây có thể coi như một tác-phẩm điêu-khắc rất hiện-thực của người Lạc-Việt thời bấy-giờ.

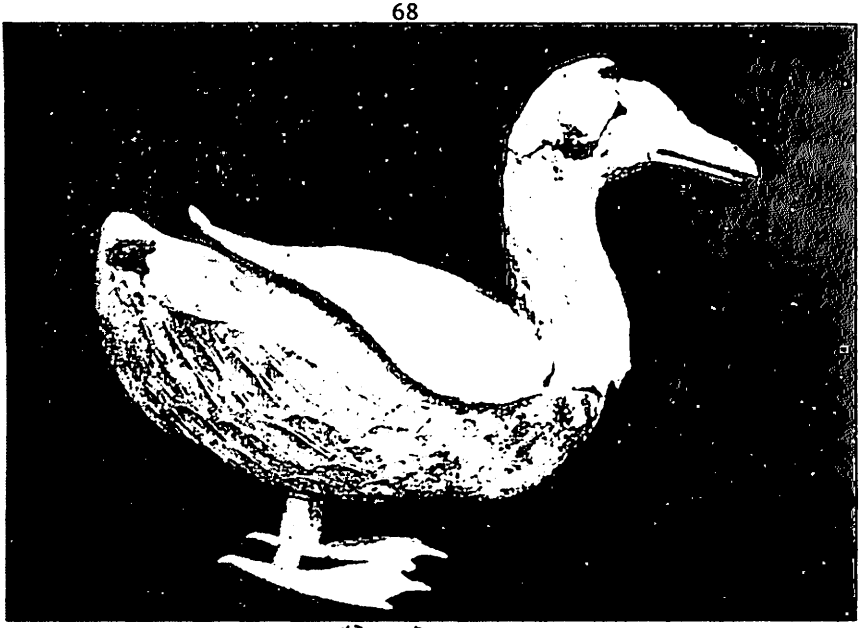

Hình 62 : Tượng vịt bằng đồng

MỞ ĐẦU ẢNH-HƯỞNG PHẬT-GIÁO TRONG MỸ-THUẬT.

Theo sách *Thiền-uyển tập anh ngữ lục*, thì trong khi nhà sư Tri-không đàm-luận với Hoàng-hậu Ỷ-lan (nhà Lý) có nhắc đến lời nhà sư Đàm-thiện (nhà Tùy) về Phật-giáo ở xứ ta như sau :

Xứ Giao-châu có đường thông-thương sang Thiên-trúc. Khi Phật-giáo truyền sang Trung-quốc chưa phổ-cập đến Giang-đông mà xứ ấy đã xây ở Luy-lâu hơn 20 ngọn bảo-tháp, độ được 500 vị tăng và dịch được 15 bộ kinh rồi .

Hiểu theo tinh-thần này thì đạo Phật vào xứ ta trước cả Trung-hoa.

Ngôi chùa cổ nhất còn tồn-tại đến ngày nay là chùa Dâu ở làng Khương-tự (Hà-bắc), tục-truyền rằng xây từ thế-kỷ II .

Trong chùa có các pho tượng Phật , tượng thần Pháp-vân, Tượng Kim-đồng, Ngọc-nữ và tượng bà Man-nương được coi là khá cổ.

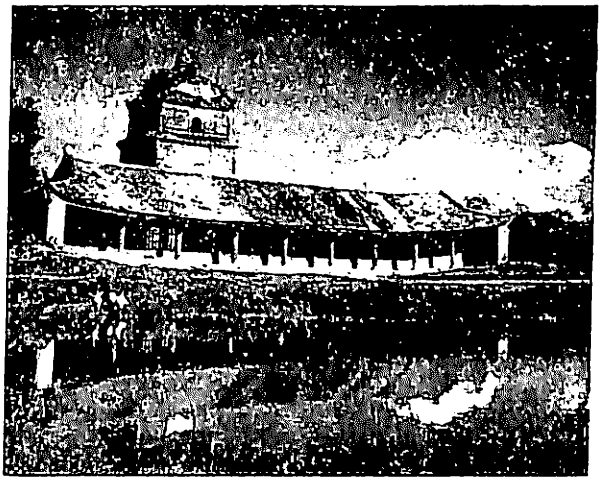

Hình 63 : Chùa Dâu (Khương-tự ,Hà-bắc).

Theo truyền-thuyết thì bà Man-nương thời Sĩ-nhiếp có công với chùa , được dân-chúng tạc tượng bằng gỗ dâu để thờ. Do đó chùa này mới có tên là chùa Dâu.

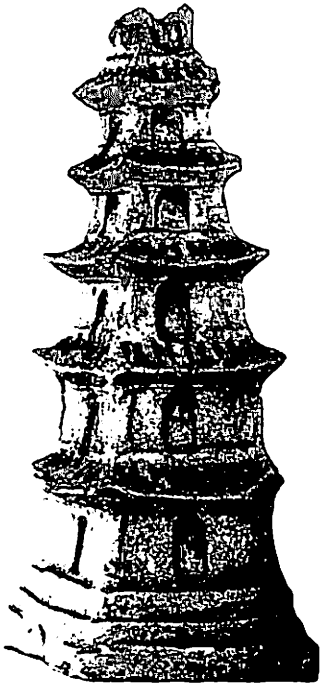

Cũng theo truyền-thuyết,sau khi Cao-biền dẹp xong quân Nam-chiếu,thấy xứ ta loạn-lạc (hay khởi-nghĩa chống quân Tàu) nên mới cho làm 80.000 ngọn tháp nhỏ bằng đất nung để yểm.

Sau này người ta đã tìm thấy nhiều ngọn tháp này chôn ở nhiều nơi trong nước.Tháp chỉ cao độ 30 hay 40 cm,có 9 tầng,hình-dáng tương-tự như tháp Bình-sơn.Mỗi tầng có một cửa giả có hình tượng Phật.

Tháp làm bằng tay (không phải đúc) mỗi ngọn một kiểu.Nhiều tháp điêu-khắc rất tỉ-mỉ.

Hình 64 : Tháp bát vạn của Cao-biền

ĐỒ ĐỒNG, ĐỒ GỐM ĐÃ MANG NHIỀU ẢNH-HƯỞNG TRUNG-QUỐC.

Kỹ-thuật đúc đồng đã phát-triển ở xứ ta từ thời Đông sơn, vẫn tiếp-tục mở-mang trong thời-kỳ Đại-la.Trong các ngôi mộ cổ đặc-biệt là ở Nghi-vệ-sơn (Bắc-ninh),Lạch-trường (Thanh-hóa), người ta đã tìm được rất nhiều đồ đồng rất đẹp.

Tất-nhiên trong thời Bắc-thuộc,những ảnh-hưởng trên phương-diện mỹ-thuật không thể tránh được.Do đó người ta đã thấy các đồ đồng này mang hình dáng của các đồ Trung-quốc như hồ (lọ) đồng, đỉnh đồng có 3 chân v.v. (Hình 65 và 66).

Hình 65 : Hồ đồng (Thanh-hóa).

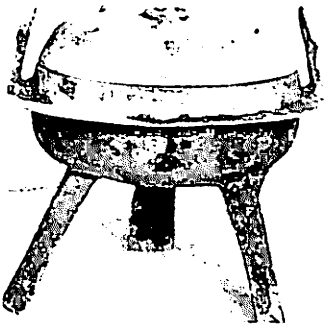

Hình 66 : Đỉnh đồng (Thanh-hóa).

Đặc-biệt hồ đồng trên lại có quai cầm tạc hình rồng và có dây xích chắng lại.

Một dụng-cụ mang sắc-thái Trung-hoa nữa là gương đồng. Chiếc gương đồng tìm thấy ở Thanh-hóa, được trang-trí bằng 5 vòng đồng tâm có các hình kỷ-hà tượng-tự như các hình trên trống đồng, nhưng bên trong lại có những hình khắc rồng phượng, với các kiểu đặc-biệt Trung-hoa (Hình 67).

Hình 67 :
Gương đồng đời Hán
(Thanh-hóa).

Thời Bắc-thuộc , người Tàu luôn-luôn phải dùng võ-lực để chống lại các cuộc khởi-nghĩa của dân ta nên việc chế tạo võ-khí được coi là cần-thiết .Do đó trong các di-tích còn để lại người ta thấy có khá nhiều võ-khí cổ như thanh quắt,đao.

Thanh quắt đào được ở Sơn tây ở chuôi có khắc hình 5 mặt người, ở lưỡi phía trên có khắc hình 3 mặt người và một hình mặt trời. Các hình trang trí này tương-tự như hình trang-trí của thanh quắt tìm thấy ở Hà-nam (Trung-quốc (Hình 68 và 69).

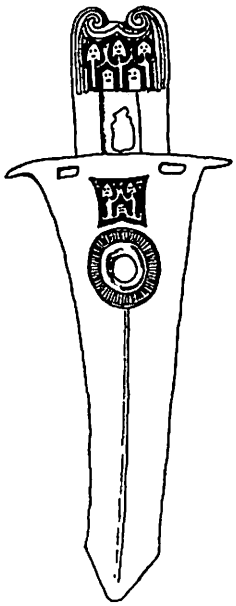

Hình 68 : Thanh quắt (Sơn-tây)

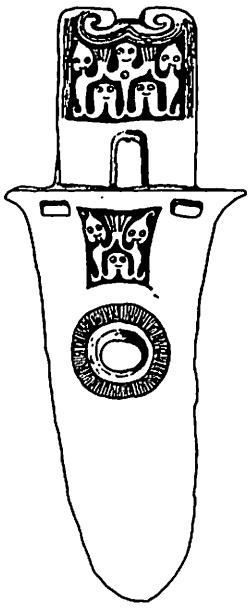

Hình 69 : Thanh-quắt (Hà-nam TQ)

Trên các thanh quắt tìm thấy ở Thái-nguyên và Hà-giang có trang-trí ở đầu chuôi, chuôi quắt, cản ngang và lưỡi quắt những hình kỷ-hà và hình vẽ đặc-biệt Đông-sơn (Hình 70 và 71).

Các đồ gốm thời-kỳ Đại-la cũng mang những hình-dáng mới mà chúng ta không gặp trong các thời-kỳ trước.

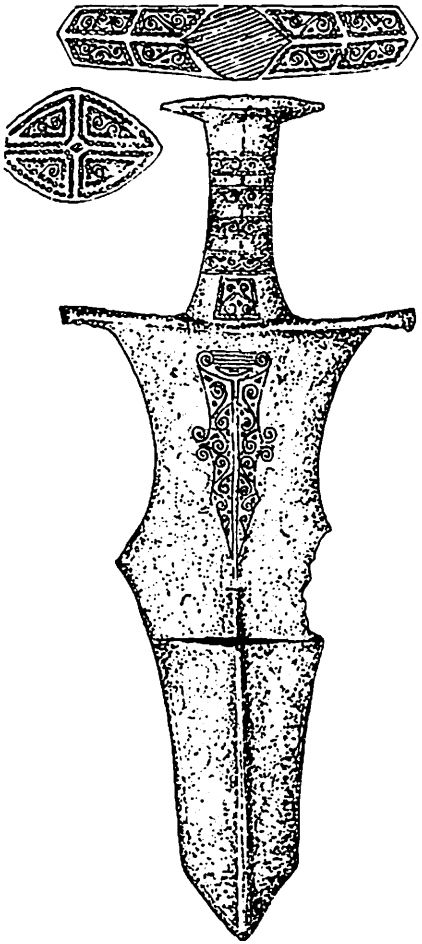

Hình 70 : Thanh quất (Thái-nguyên)

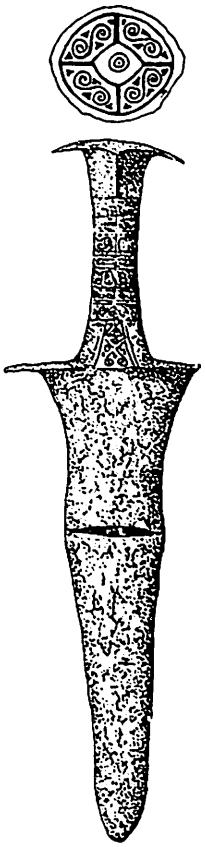

Hình 71 : Thanh quất (Hà-giang).

Các đồ này chính là sản-phẩm của ảnh-hưởng Trung-quốc trên đất Đại-la.

Trong số các đồ này ta thấy có đỉnh gốm 3 chân đào được ở Lạch-trường (Thanh-hoá), âm gốm 3 chân có tay cầm và có vòi hình đầu chim trĩ (Hình 72 và 73)
Các loại đồ gốm này tìm thấy rất nhiều ở Trung-hoa.

Kế đến là những hồ gốm và nậm gốm cũng bắt đầu hiện-diện ở xứ ta (Hình 74 và 75).

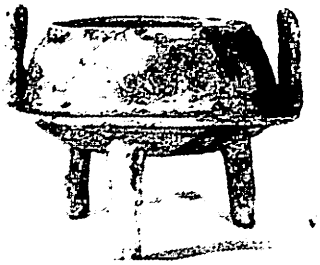

Hình 72 : Đinh gốm
(Lạch-trường)

Hình 73 : Ấm gốm
(Lạch-trường)

Hình 74 : Hồ gốm
(Lạch-trường)

Hình 75 : Nậm gốm.
(Lạch-trường).

Các đồ gốm khác ngoài các hình dáng cũ người ta còn thấy những đồ mới như liễn có nắp đậy, chậu sành, đĩa hình bầu dục hai bên có tay cầm, xanh v.v...

Hình cái xanh bằng sành này chính là hình cái vạc của Trung-hoa thu nhỏ lại (Hình 76).

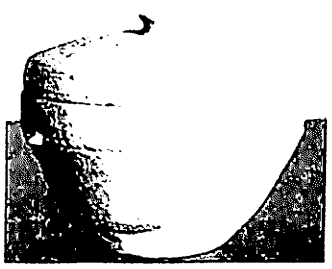

a

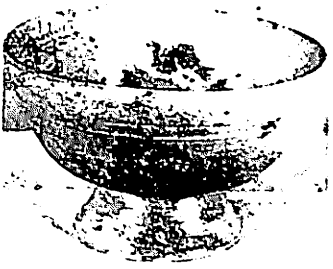

b

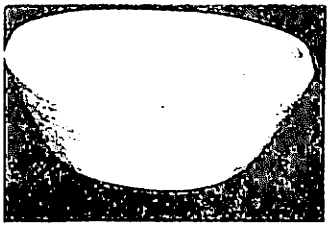

c

d

e

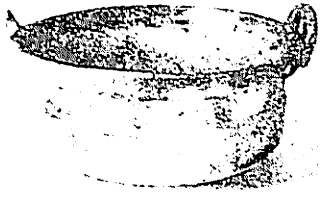

f

Hình 76 : Đồ gốm Lạch-trường : Liễn có nắp (a), bát có chân (b) , chậu sành (c , d), đĩa bầu-dục(e) Xanh (f).

Ngoài những đồ trên ở Lạch-trường người ta cũng tìm thấy một số đồ gốm khá đẹp như: Tháp hình trụ có 3 chân (Hình 77), ở Bình-yên (Thanh-hóa), một lọ gốm màu xám (Hình 78), ở Bắc-ninh một lọ sành có trang-trí bằng những con cá nổi hẳn lên (Hình 79).

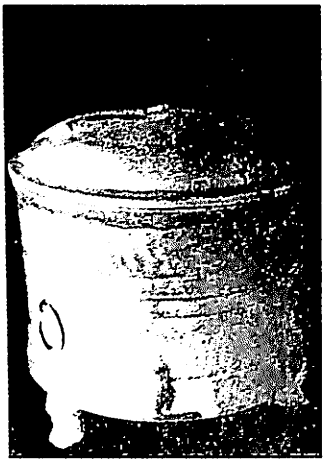

Hình 77 : Thạp hình trụ (Lạch-trường)

Hình 78 : Lọ gốm xám (Bình-yên)

Hình 79 : Lọ sành có hình cá nổi (Bắc-ninh).

Trang-trí

Nghệ-thuật trang-trí trong Mỹ-thuật Đông-sơn chúng-ta đã thấy khá súc-tích. Sang thời-kỳ Đại-la nghệ-thuật trang-

trí tiếp-tục phát-triển .Trong các mộ cổ người ta đã đào được những viên gạch khắc các hình trang-trí kỷ-hà đủ kiểu.Chúng tôi sưu-tập một số các hình trang-trí trên và trình-bầy dưới đây để độc-giả có một ý-niệm cụ-thể về nghệ-thuật trang-trí Đại-la.

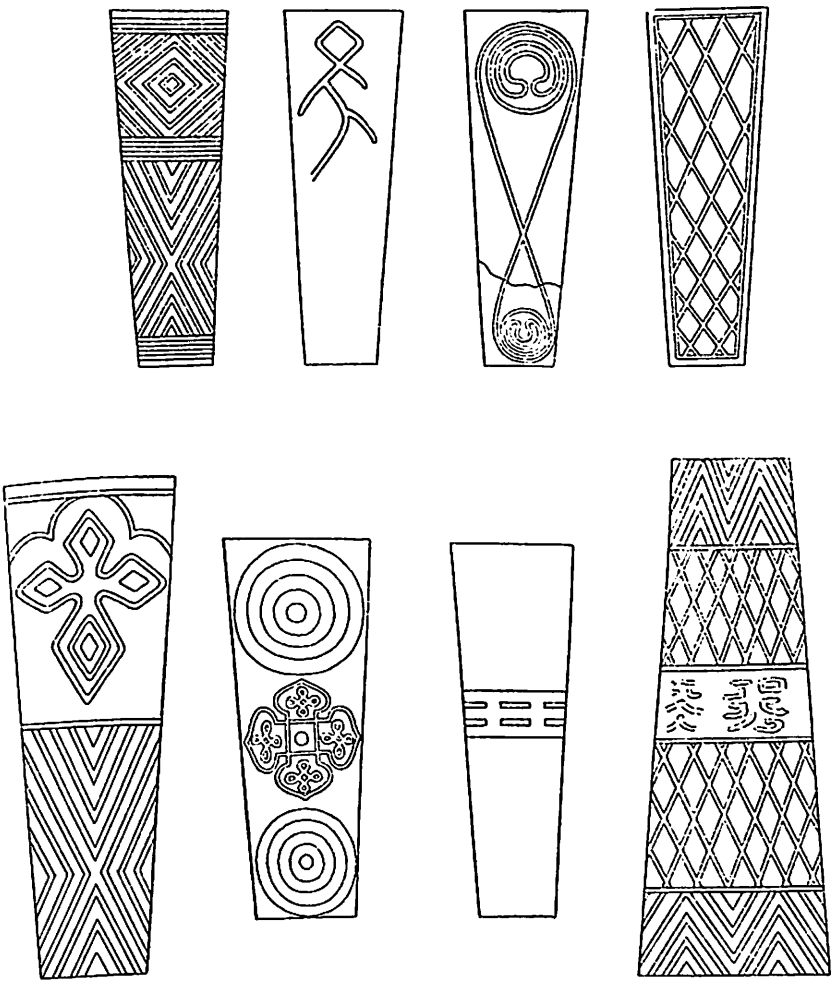

Hình 80 : Trang-trí trên các viên gạch đầu to đầu nhỏ dùng để xây các cửa cuốn ở Vĩnh-phúc (Hà-đông) Lạc-ý (Vĩnh-yên)

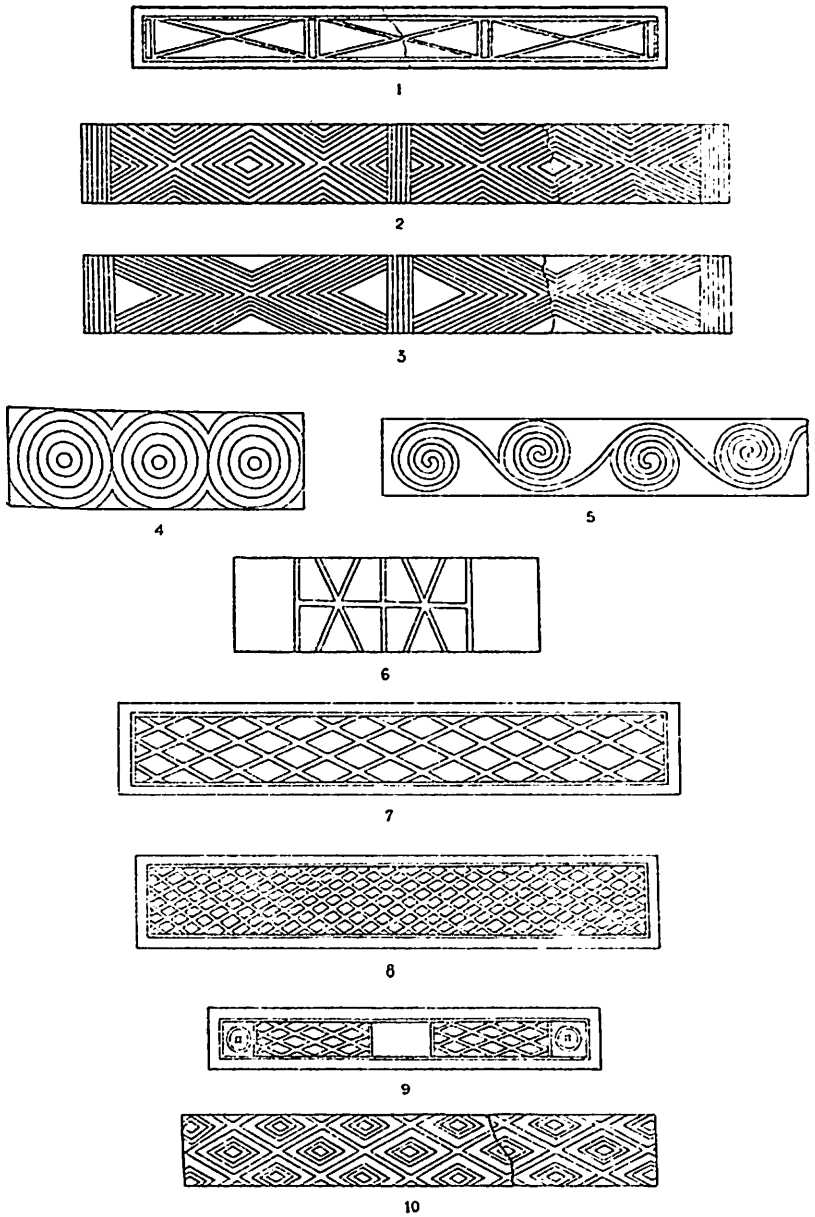

Hình 81 : Trang-trí trên gạch đào được ở Thất-miếu (1,5, 7,8,9 , Vĩnh-phúc (2), Cầu-giấy (Hà-đông)(4), Kim-mã (Hà-đông).(3,10 thất-lạc xuất-xứ).

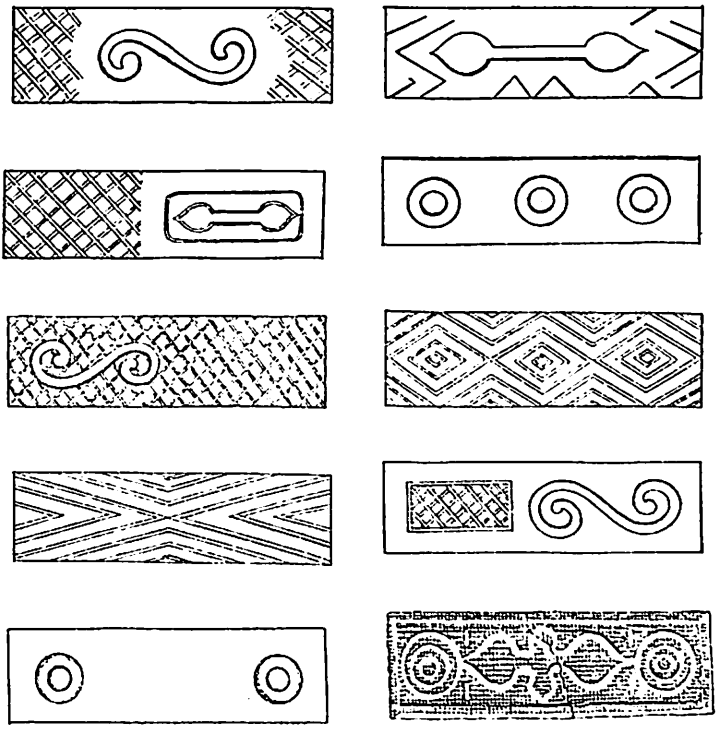

Hình 82 : Trang trí trên gạch (sưu-tập ở nhiều nơi).

Đấy là không kể những viên gạch khắc chữ Hán cũng tìm thấy ở nhiều nơi (Hình 80 và hình 83) chứng tỏ hùng hồn ảnh-hưởng Trung-hoa trên nghệ-thuật Việt-nam.

Hình 83 : Viên gạch khắc chữ Hán.

Hội-họa

Sang thời Đại-la, những nét vẽ còn để lại trong những viên gạch (vẽ để làm khuôn đúc) mang một sắc-thái khác hẳn những nét vẽ thời Đông-sơn.

Trong những viên gạch tìm thấy ở làng Lim (Bắc-ninh) có hình cầm-thú và các linh-vật như rồng, kỳ-lân, phượng.

Hình 82a: Hình khắc trên gạch (làng Lim ,Bắc-ninh).

Hình trên : Từ trái sang phải có : Rồng, người nhảy múa,cọp,phượng (hay chim trĩ), cây đèn 4 ngọn,phượng,sư-tử,người nhảy múa, kỳ-lân,tê-tê,chuột đánh trống.

Hình dưới : Kỳ-lân, trên lưng và dưới chân có chim cuốc và gà con,người nhảy múa, ngựa giã gạo, đèn 4 ngọn,người nhảy múa,rồng ,chim, tê-tê và gà.

Đặc-biệt là trong hình này những con rồng khác hẳn các con rồng trong mỹ-thuật Đông-sơn và giống hệt các con rồng khắc trong các mộ cổ đời Hán bên Trung-hoa.Sự hiện-diện của kỳ-lân và chim phượng (?) là 2 thần-vật của trung-hoa (Tứ linh là Long,Ly,Qui,Phượng; Rồng, Kỳ-lân,Rùa và Phượng) càng chứng-tỏ rằng ảnh-hưởng của Trung-quốc qua Mỹ-thuật Đại-la thật đã rõ-ràng.

Trong mảnh gốm có in hình vẽ dưới đây (Hình 82b) ta thấy gồm nhiều hình giống nhau ghép lại chứng tỏ rằng người ta đã dùng một mẫu in có sẵn để in vào và ghép thành một mảnh lớn.
Chính giữa là một hình chim phượng lớn và một người đang đứng rớn với chim.Chim phượng nầy có đuôi giống hệt như đuôi Công . (Lưu-ý độc giả là hình này bị đế ngược trong khi in).
Hai bên là nhiều hình chiến sĩ cầm đao và khiên đang đứng trước một ngôi nhà nhiều tầng.
Phía trên có 2 hàng in hình rồng và phượng.
Phía dưới có một hàng in hình phượng.

Hình 82b : Mảnh gốm có in hình.

Hình nhà và chiến-sĩ in trong mảnh gốm này cũng như hình rồng-phượng trên là những hình chịu ảnh-hưởng nhiều của hội-họa đời Hán.

Một mảnh gốm khác trang-trí trên và dưới bằng những hình kỷ- hạ, ở giữa có khắc hình ngựa và kỳ-lân.Hai hình này cũng rất quen thuộc trong nghệ-thuật cổ-điển Trung-hoa (Hình 82c)

Hình mảnh gốm dưới đây (Hình 82d) có khắc hình một người cưỡi ngựa đang giương cung bắn,phía trước là một con sư-tử đang chạy.

Hình 82c : Mảnh gốm khắc hình ngựa và kỳ-lân

Mảnh gốm (Hình 82 f) cũng do nhiều mảnh in sẵn ghép lại trong đó có hình khắc lá bồ-đề, săn-băn, nhân-vật và những hình trang-trí xoáy chôn ốc.

Trong Mỹ-thuật Đại-la người ta cũng còn tìm thấy nhiều di-tích vẽ hình Rồng khắc hoặc in trên những mảnh gốm, hoặc đúc thành những mảnh trang-trí nhỏ gắn vào các kiến-trúc đời này.

Trong một viên gạch tìm thấy ở Cổ-loa ,có vẽ hình rồng theo kiểu Trung-hoa (mình rồng lớn, đầu rồng ngắn và thô) (Hình 82 e).

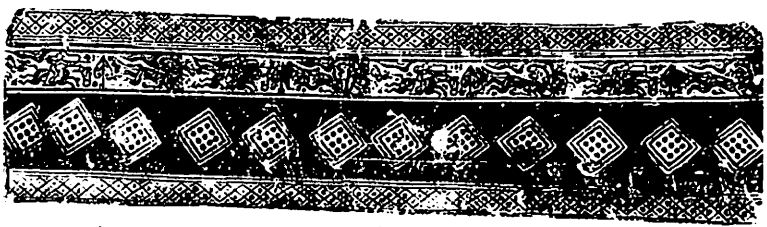

Hình 82 d : Mảnh gốm khắc hình người săn sư-tử.

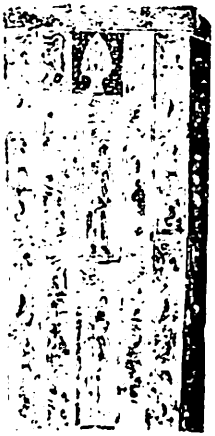

Hình 82 f : Mảnh gốm khắc hình Rồng. Ở Đại-yên và Hữu-tiệp, gần Đại-la người ta tìm thấy nhiều mảnh gốm trang-trí đầu Rồng khắc. Các đầu rồng này đều ảnh-hưởng Trung hoa (Hình 82h ,82g).

Hình 82 e : Gạch khắc hình Rồng.

Hình 82 h : Mảnh gốm hình Rồng (Đại-yên)

Hình 82 g : Mảnh gốm hình Rồng (Kim-mã).

Mỹ-thuật HOA-LƯ

Năm 968, Đinh-Tiên-Hoàng dẹp được 12 sứ-quân, thống-nhất đất nước, đóng đô ở động Hoa-lư (Ninh-bình), vốn là chốn quê nhà ông. Song ông chỉ làm vua được 11 năm thì bị ám sát chết. Lúc bấy giờ con ông là Đinh Liễn còn nhỏ, lại đúng khi quân Tống xâm lấn xứ ta nên triều-đình tôn quan Thập-đạo Tướng-quân Lê-Hoàn lên làm vua. Đó là Đại-hành Hoàng-đế nhà Tiền Lê. Nhà Tiền Lê tiếp tục đóng đô ở Hoa-lư, truyền được 3 đời nhưng chỉ dài có 29 năm.

Nhà Đinh thống-nhất đất nước, nhà Tiền Lê phá Tống, bình Chiêm, đã mở một kỷ-nguyên mới cho nền tự-chủ của xứ ta. Hai triều-đại này đã xây-dựng chốn Kinh-đô Hoa-lư, mở mang văn-hóa, nên vùng này đã thành một trung-tâm của nền nghệ-thuật tự-chủ.

Kiến-trúc Thành Hoa-lư

Hoa-lư là một vùng núi non hiểm-trở, sơ-dĩ được Đinh-bộ Lĩnh chọn làm Kinh-đô vì lúc bấy giờ dù ông đã dẹp được 12 sứ-quân nhưng tình-hình vẫn chưa yên hẳn, ông muốn dựa vào địa-thế hiểm-trở để có thể giữ vững được chính-quyền.

Hoa-lư nằm trong địa-phận xã Trường-yên, huyện Gia-khánh, Ninh-bình (nay là tỉnh Hà-nam-Ninh), cách Hà-nội độ 100 km về phía Nam. Theo các vết tích còn để lại người ta thấy thành Hoa-lư có 2 vòng thành.

Thành ngoài gồm nhiều đoạn tường xây bằng gạch nối những dãy núi nhỏ với nhau lập-thành một tuyến phòng-thủ kiên-cố. Dù phải xây ngang qua những vùng lầy-lội, những đoạn tường thành này có chỗ còn đứng vững đến ngày nay (Hình 84 và 85)

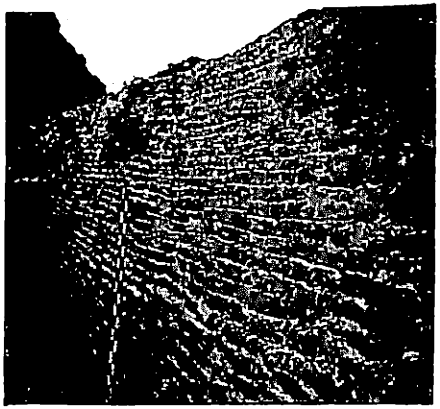

Hình 85: Một đoạn thành Hoa-lư

Vì chú-trọng đến sự phòng-thủ nên thành không xây vuông-vắn mà chỉ chạy theo địa-thế mà thôi.

Thành trong tương-đối nhỏ hơn nhưng vẫn lấy địa-thế núi non làm căn-bản.

Trong thành, nhà vua cho xây cung điện. Vì lúc bấy-giờ trong nước chưa yên nên Đinh Tiên-Hoàng đã phải áp-dụng các biện-pháp kỷ-luật cứng-rắn. Ngài cho đúc một vạc đồng lớn, đổ dầu vào và đun lên. Ngài lại cho đóng cũi nuôi cọp ở bên vườn. Nếu kẻ nào phạm pháp sẽ bị bỏ vào vạc dầu hay cho cọp ăn.

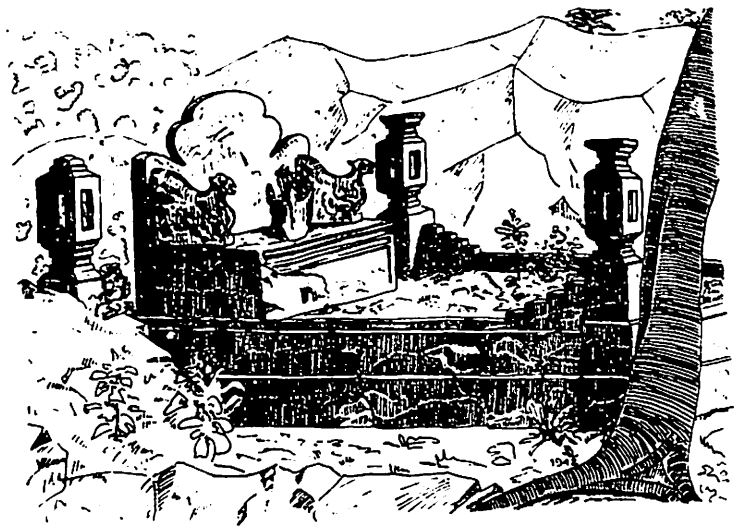

Hình 86 : Lăng mộ Đinh-Tiên-Hoàng ở núi Mã-yên (Hoa-lư).

Tuy-nhiên những cung-điện này cũng không lớn lắm. Năm 988,Song-Hao,một sứ-thần Trung-hoa sang thăm Hoa-lư,đã viết về kinh-thành này như sau:

Trong vòng thành không có dân-chúng,chỉ có vài ngàn nhà tranh dùng làm trại lính.Cung-điện thì nhỏ.Cửa cung có đề chữ *Thông-minh điện*. Trong thành có làm một tháp cao, cũng bằng gỗ,để lo việc phòng-thủ.Kiến-trúc này cũng giản-dị và không đẹp mắt (1).

Thời cực-thịnh của Nghệ-thuật Hoa-lư là thời vua Lê-Đại-hành.Nhà vua đã cho xây trên núi Đại-vân (Trường-yên) điện Bách-bảo thiên-tuế để làm nơi coi chầu.Cột điện này nạm vàng và bạc.Phía Đông điện này là điện Phong-lưu.Phía Tây là điện Tử-hoa,Bên mặt là điện Bồng-lai,bên trái là điện Cực-lạc.

Ngoài ra lại cho làm lầu Đại-vân,điện Trường-xuân và điện Long-lộc để làm nơi vua ngự.Mái các điện này đều lợp bằng ngói bằng bạc.

Đại-Việt sử-ký toàn-thư chép như sau :(Năm 982) nhà vua thân đi đánh Chiêm-thành,thắng được nước này ...bắt sống được binh-sĩ không biết bao-nhiêu mà kể,bắt kỹ-nữ trong cung trăm người và một người thầy tăng người Thiên-trúc,lấy các đồ quý mang về,thu được vàng bạc,châu báu kể hàng vạn (2).

1. *HERVEY DE ST DENYS. Ethnographie des peuples étrangers à la Chine,Méridionaux. t.319*

2. *NGÔ-SĨ-LIÊN Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư Bản-kỷ Quyển 1 (Bản dịch của Cao-huy-Giu) KHXH HÀ-NỘI 1967 t 169 .*

Hình 84 : Địa-thế hiểm-trở vùng Hoa-lư.

Nhà vua đi đánh Chiêm-thành rồi mới xây cung-điện ở Hoa-lư nên một số lớn các nhân-công tạo-tác nầy là các tù-binh hay các thợ khéo Chiêm-thành bị bắt về. Do đó ảnh-hưởng Chiêm-thành trên các kiến-trúc và điêu khắc không thể tránh được. Trong các di-tích còn sót lại đến ngày nay người ta còn thấy những dấu-vết của mỹ-thuật Chiêm-thành. Ngay cả việc dùng vàng và bạc để nạm cột cung điện, lợp mái bằng ngói bạc nói trên chính là các chứng-tích của ảnh-hưởng Chiêm-thành trên Mỹ-thuật Việt-nam.

Kiến-trúc lăng mộ

Các cung-điện ở Hoa-lư không còn để lại di-tích nên chúng ta không thể biết các chi-tiết của các kiến-trúc nầy ra sao. Riêng kiến-trúc lăng-mộ thì còn có 2 ngôi lăng còn để lại là lăng Đinh-Tiên-Hoàng và lăng Lê Đại-Hành.

Lăng Đinh-Tiên-Hoàng xây trên đỉnh núi Mã-yên,một ngọn núi đá vôi hiểm-trở với vách đá dựng ngược.Núi hình yên-ngựa nên mới có tên như trên.

Mộ nhà vua được chôn sâu trong núi đá.Bên trên xây thành hình chữ nhật,bốn góc có 4 trụ trên có 4 cây hường.

Chính giữa và về phía sau có xây một cái ngai lớn,phía sau ngai xây thành hình hoa sen,hai tay ngai là 2 con rồng (Hình 86).

Lăng Lê-Đại-Hành ở chân núi Mã-yên.
Lăng này xây tường-đối giản-dị,chỉ có 2 bức tường thấp xây thành hình 2 chữ U chầu vào nhau.Ở giữa là mộ,hơi đắp cao lên một chút, trên có mộ bia lớn.

Điêu-khắc

Ở Hoa -lư người ta còn tìm được một số các tác-phẩm điêu-khắc bằng đá rất đẹp.Chủ-đề của các tượng đá này là những linh-vật như Sư-tư (Hình 87),Voi (Hình 89), Tê giác (Hình 90) và Bò (Hình 88).

Đây là những linh-vật của Chiêm-thành khác hẳn với các linh-vật của thời Đại-la là rồng,kỳ-lân,phượng v.v...Có lẽ đây là do các nhà điêu-khắc Chiêm-thành tạo ra.Nhất là tượng bò thần thì giống hệt như những tượng bò ngày nay chúng ta còn thấy trong các tháp miếu Chiêm-thành (Chàm).

Hình 87 : Tượng Sư-tư (Hoa-lư)

Hình 88 : Tượng bò thần (Hoa-lư).

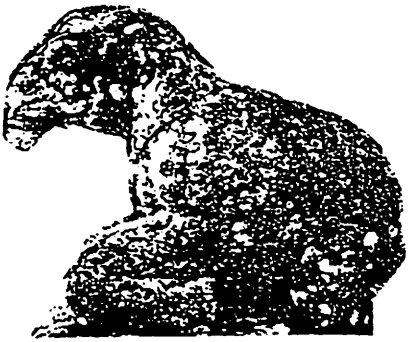

Hình 89 : Tượng voi thần (Hoa-lư)

Hình 90 : Tượng Tê-giác (Hoa-lư)

Ở chùa Phật-tích trong khi trùng-tu, các nhà khảo-cổ đã đào được ở dưới chân tường sâu 1,5 m, một khối đá trạm trổ tượng chim thần garuda của Chiêm-thành (Hình 91)

Hình 91 : Khối đá trạm hình garuda

Một trong các tác-phẩm rất mỹ-thuật là tượng sư-tử rống.

Tượng này có lối điêu-khắc khác hẳn lối điêu-khắc cổ-điển trên. Ở đây tác-giả đã dùng một số các đường nét có tính-cách qui-ước để làm cho tác-phẩm linh-hoạt hơn.

Tác-giả đã dùng các vạch song-song để tạc lông sư-tử, bờm sư-tử. Những chỗ đuôi bờm tác-giả đã dùng các đường xoáy chôn-ốc. Ở các khuỷu chân, tác-giả dùng hình chôn-ốc kép (2 hình ghép lại).

Nhờ đó mà lông sư-tử trông có vẻ mượt và uyển-chuyển tưởng chừng như nó đang rung lên vì tiếng rống của chúa sơn-lâm (Hình 91 b)

Hình 91 b : Tượng sư tử rống.

Ở Hà-đông, người ta cũng tìm được 2 pho tượng kỳ-lân (hay sư-tử), được xếp vào thời-kỳ mỹ-thuật Hoa-lư.

Một tượng tạc đầu kỳ-lân khá đẹp nhưng thân hình và chân nó giống như hình người đang chắp tay lại vậy

Bức kia chỉ tạc cái đầu thôi, lại dùng các đường nét thanh-tú hơn nên có giá-trị mỹ-thuật hơn nhiều (Hình 92)

Hình 92 : Tượng Kỳ-lân (Hà-đông)

Ở viện bảo-tàng Hà-nội còn tàng-trữ một pho tượng chó đá rất đẹp. Tượng này có đầu giống như đầu sư-tử, trên thân có những hình ngọn lửa, lại có đeo nhạc ở cổ đang ngồi chân trước thẳng đứng. Tượng này cũng có những nét của tượng chó đá Chiêm-thành (Hình 93).

Hình 93 : Tượng chó đá .

ẢNH-HƯỞNG PHẬT-GIÁO CÀNG NGÀY CÀNG MẠNH.

Thời Đinh, Tiền-Lê, Phật-giáo phát-triển mạnh ở xứ ta. Các nhà sư nổi tiếng như Đỗ-Thuận, Ngô-Chân-Lưu, Vạn-hạnh Khuông-Việt thường được nhà vua mời đến để hỏi những việc khó-khăn. Việc xây chùa tháp cũng được đặc-biệt chú ý. Riêng ở Hoa-lư năm 978, Nam-Việt-Vương Đinh-Liễn, con trai trưởng Đinh-Tiên-Hoàng, đã cho làm 100 cột đá khắc kinh Phật gọi là Kinh trăng để cúng vào các chùa (Hình 94).

Trong nghệ-thuật trang-trí, ảnh-hưởng Phật-giáo cũng rất cụ-thể. Người ta đã tìm được ở Hoa-lư những viên gạch trên có trạm nổi hình bông sen (hoa tượng-trưng cho đạo Phật) (Hình 95).

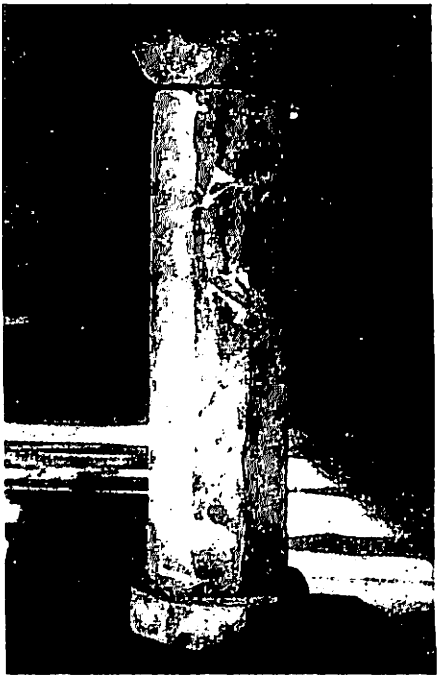

Hình 94 : Cột khắc kinh Phật
(Hoa-lư)

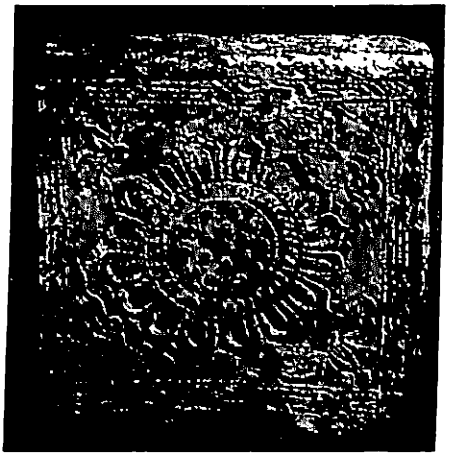

Hình 95 : Gạch trang-trí hình hoa-sen (Hoa-lư)

Trang-trí

Trang-trí thời Hoa-lư vẫn mang tính-chất cổ-truyền Đông-sơn với các hình trang-trí kỷ-hà nhưng cũng không từ-chối những ảnh-hưởng từ bên ngoài như ảnh-hưởng Phật giáo từ phía Nam đưa lên và ảnh-hưởng Trung-hoa từ phía Bắc đi xuống.

Chúng tôi lấy 2 viên gạch có trang-trí dưới đây để độc-giả có một ý-niệm cụ-thể về vấn-đề này:

Hình 96 vẽ lại hình trang-trí trên viên gạch trên (Hình 95) là hậu-quả của ảnh-hưởng Phật-giáo.

Hình 97 vẽ lại một viên gạch khắc có trạm hình một đôi chim phượng (một linh cầm Trung-hoa) giữa những hình kỷ-hà Đông-sơn.

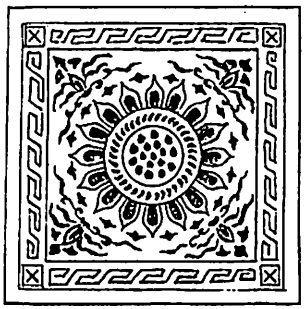

Hình 96 : Trang-trí hình hoa sen

Hình 97 :Trang-trí hình chim phượng

Mỹ-thuật THĂNG-LONG đời LÝ

Kiến-trúc Thành Thăng-long

Năm 1009, Lý-công-Uẩn lên ngôi mở đầu cho Triều-đại nhà Lý. Năm sau nhà vua rời đô từ Hoa-lư về Đại-la. Khi thuyền đến Đại-la, tạm đỗ ở dưới thành, có rồng vàng hiện ra ở thuyền ngự (1) nên nhà vua đổi tên Đại-la thành Thăng-long. Khi ấy nhà vua xuống chiếu nói rằng : Đó là nơi trung-tâm đất nước, đúng là cái thế Rồng cuộn, Hổ ngồi... có địa-thế núi sông sau trước, rộng mà bằng phẳng, cao mà sáng-sủa, dân sẽ không khổ vì ngập lụt, muôn vật phong-phú tốt tươi. Xem khắp nước Việt ta, chỗ ấy là hơn cả. Thật là chỗ hội-họp của 4 phương và là nơi Đô-thành bậc nhất của bậc Đế-Vương muôn đời.

Đứng về phương-diện chiến-lược, thành Thăng-long có địa-thế lợi-hại trong việc phòng-thủ. Phía Đông có 2 dòng sông Nhị (thời đó một nhánh gọi là sông Phú-lương hay sông Lô), phía Bắc có sông Tô-lịch và một đầm lấy rộng mênh mông gọi là Dâm-đàm (sau là hồ Tây). Phía Nam có một số các hồ nhỏ trong đó hồ lớn nhất được gọi là Đại hồ.

Tuy-nhiên đứng về phương-diện địa-lý cổ thì ở đây quá bằng-phẳng nên nhà vua đã cho đắp các ngọn núi đất ở trong thành như Nùng sơn, Tam-sơn, Ngũ-nhạc, Khán-sơn làm cho cảnh-trí thêm đẹp-đẽ mà lại còn tạo được cái thế, đứng trong thành có thể nhìn bao quát cả bên ngoài.

---

1. *NGÔ-SĨ-LIÊN Đại-Việt Sử-ký toàn-thư (Bản dịch của Cao huy-Giu) , Nxb KHOA-HỌC XÃ-HỘI , Hà-nội 1967, t 191.*

Thành ngoài gọi là La-thành hay thành Đại-la (Tên này được dùng từ đời Bắc-thuộc và còn dùng đến đời Trần Lê),là lũy đất chạy dọc theo sông Nhị (đoạn này vừa là thành vừa là đê ngăn nước sông không cho tràn vào thành trong mùa nước lũ),rồi dọc theo sông Kim-ngưu, ngược lên phía Bắc.

La thành có nhiều cửa ô,có lính canh gác như ô Cầu-giấy, ô Triều-đông, ô Yên-phụ,ô Ông Mạc (sau gọi là ô Đống-mác), ô Chợ dừa.

Thành giữa xây theo hình đa-giác, bằng gạch,chạy dọc theo sông Tô-lịch,đến sông Kim-ngưu thì vòng lên phía Bắc hồ Linh-lang rồi chạy ngược lên sông Tô-lịch. Thành này, cũng gọi là Hoàng-thành.Thành có 4 cửa : Phía Bắc có cửa Diệu-đức, Phía Đông có cửa Tường-phù, Phía Nam có cửa Đại hưng, phía Tây có cửa Quảng-phúc.Các cửa Đông,Tây, Bắc đều có 3 vòm cửa, cửa chính là cửa phía Nam có 5 vòm cửa.Trên cửa có lầu, dùng làm khán-đài cho nhà vua và triều-thần xem hội.

Thành trong là cấm-thành,là nơi nhà vua và hoàng-gia ở.

Thành này cũng có 4 cửa,mở ra 4 hướng.Cửa chính là cửa Nam gọi là Đoan-môn (Hình 98)

Kiến-trúc cung-điện

Chính giữa cấm-thành là điện Càn-nguyên là nơi vua ngự.

Trước điện Càn-nguyên là điện Thị-triều và điện Long-khánh là nơi nhà vua thiết-triều và làm việc với các quan.

Sau điện càn nguyên là cung thúy-hoa là nơi ở của các cungphi. 2 bên phía trước có 2 điện Tập-hiền(trái) và Giảng-võ (phải),2 bên phía sau có 2 điện Long-an và Long-thụy.

Phía Tây nhóm kiến-trúc này là khu thờ phụng,trong đó có điện Lệ-quang (giữa),Quảng-tự và Sùng-đường (2 bên).

Phía Tây cấm-thành và trong vòng Hoàng-thành có 2 hàng cung điện gồm các điện Diên-linh, Vĩnh-ninh, Tư-thần, Thiên-khánh,Hội-liên, Lệ-thiên,Thanh-hòa và Trường-xuân.

Đến đời Lý-thánh-Tông, nhà vua lại cho xây thêm điện Thiên-an ở nền điện Càn-nguyên cũ để làm nơi thiết-triều. Bên trái xây thêm điện Tuyên-đức và Diên-phú.

Phía trước xây thêm Long-trì, 2 bên có lầu chuông để dân-chúng ai có điều gì oan-ức thì đến đó đánh chuông xin khiếu-nại.

Hình 97

BẢN ĐỒ THÀNH THĂNG-LONG ĐỜI LÝ

(Vẽ theo bản-đồ cổ).

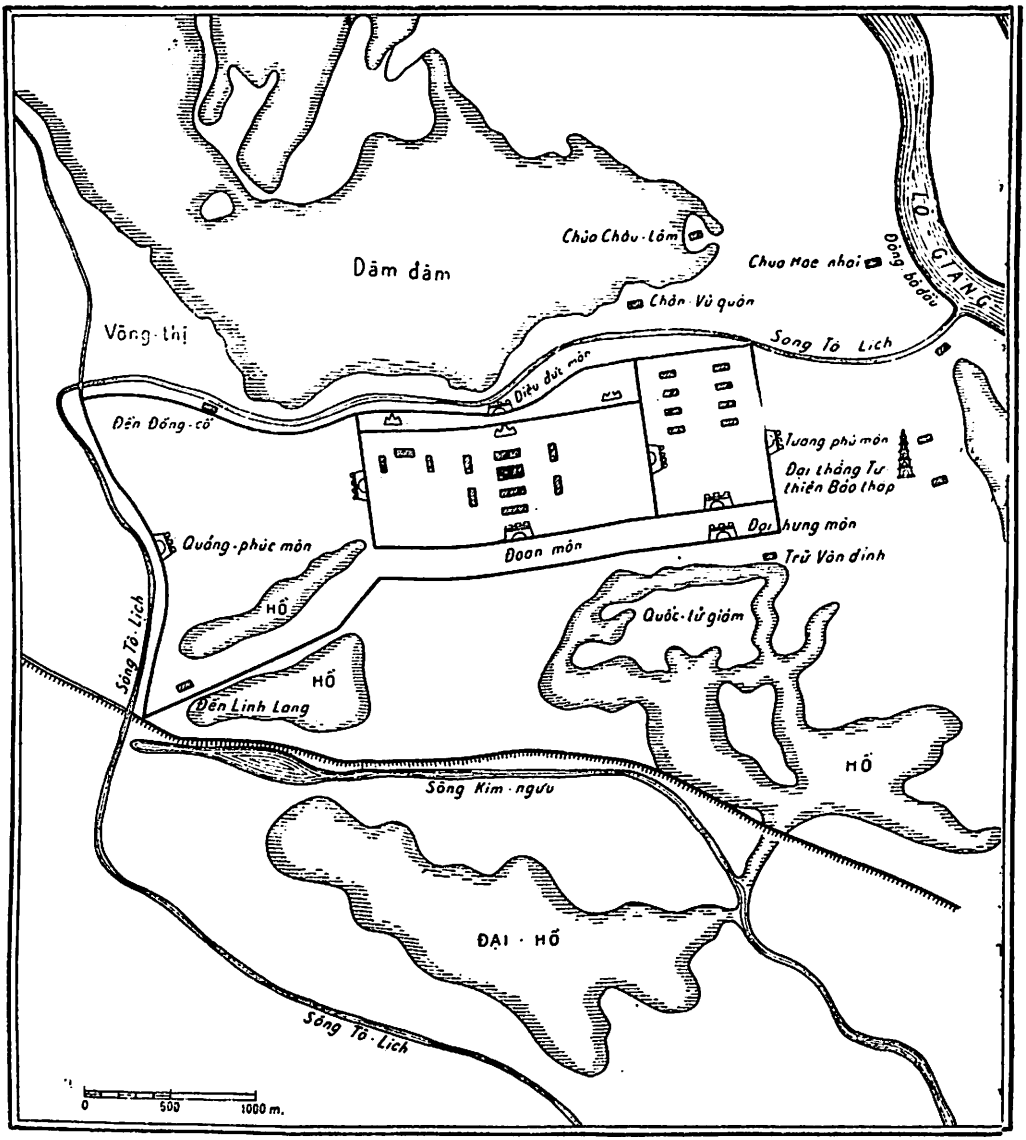

Nhà vua lại cho xây cung Long-đức ở ngoài thành cho Hoàng-Thái-tử ở, để người kế-vị sau này có dịp xem-xét việc dân.

Các cung-điện đều làm bằng gỗ, lợp ngói tráng men xanh hay men vàng. Loại ngói này thường là ngói ống, đầu ngói có hình rồng, phượng hay hoa sen.

Ngoài Hoàng-thành, dọc theo sông Nhị, có các điện Hàm quang và Thủy-tinh để nhà vua và các quan ra đó coi đua thuyền.

Phía Bắc, cạnh Dâm đàm có cung Dâm đàm để nhà vua ra đó xem đánh cá và nghỉ mát, sau lại xây ở đó cung Tử-hoa để Công-chúa Tử-hoa ra đó trồng dâu nuôi tằm.

Phía Nam Hoàng thành có đàn tế trời, tế đất là đàn Hòa-khâu và xã-tắc. Cũng trong khu-vực phía Nam này còn xây văn-miếu thờ Khổng-tử và 72 học-trò của ngài cùng Quốc-tử giám để dạy dỗ con cái nhà vua và các quan.

Kiến-trúc Tôn-giáo

Đời nhà Lý, Đạo Phật phát-triển mạnh. Chính Lý-Thái-Tổ thuở hàn-vi cũng sống ở trong chùa, rồi sư Vạn-hạnh còn vận-động để ông chiếm được ngôi vua, nên khi nắm được chính-quyền, ông đã hết sức chú-ý đến việc hoằng-dương Phật pháp. Năm 1031, nhà vua cho xây 950 ngôi chùa quán để thờ Phật. Giới quý-tộc và các nhà giàu có thường lấy việc làm chùa, xây tháp, đúc chuông là để phúc cho mình và con cháu nên chùa chiền mọc ra ở khắp nơi. Từ chốn kinh-đô đến các thắng cảnh ở trong nước, chỗ nào cũng có rất nhiều chùa. Riêng Thái-hậu Linh-nhân trước sau đã dựng đến 100 ngôi chùa

Đặc-điểm của các kiến-trúc tôn-giáo trong đời Lý là :

a. Chùa được xây-dựng lộng-lẫy hơn cả cung-điện nhà vua

b. Chùa được xây cất trên những ngọn đồi hay núi cao chiếm các địa-thế tốt trên các thắng-cảnh thiên-nhiên. Chùa Phật-tích xây trên núi Lạn-kha (Tiên-sơn), một thắng cảnh được truyền-tụng là nơi các bậc thần-tiên thường giáng hạ. Tục truyền rằng có một tiều-phu tên là Vương-chi đi đốn củi trên núi, nhìn thấy 2 vị tiên đang đánh cờ

trên một tảng đá lớn nằm dưới gốc thông. Vì thích coi cờ nên anh ta xin phép đứng coi và đã được tiên cho phép coi trong một giờ. Sau một giờ anh tiều phu trở thành già lụ-khụ vì một giờ trên cõi Tiên bằng 100 năm trên dương thế.

Chùa Giạm xây cất trên núi Giạm, chùa Quỳnh-lâm trên núi Tiên-du, Chùa Sùng-thiện diên-linh trên núi Đọi, chùa Chính-sơn trên núi Ngô-xá, chùa Bảo ân trên núi An-hoạch, Chùa Linh-xứng trên núi Ngưỡng-sơn, chùa Hương-nghiêm trên núi Can-ni (Thanh-hóa).

Ngay cả các chùa ở vùng đồng-bằng như chùa Hương-lãng (Hải-hưng), Bà-tấm (Gia-lâm), Báo-thiên (Hà-nội) cũng được xây cất trên những đồi cát hơi cao hơn vùng chung-quanh.

c. Chùa tháp được xây cất bằng đá và gạch có trạm hình. Tư kỹ-thuật xây cất đến các hình trang-trí cũng như các điêu-khắc phẩm ở chung quanh có những nét ảnh-hưởng Chiêm-thành.

Sử cũ chép rằng : Năm 1044, Lý Thái-Tông đi đánh Chiêm-thành bắt về hơn 5000 tù nhân và mang về nhiều đồ vàng bạc châu báu. Nhà vua xuống chiếu cho những tù-nhân Chiêm thành theo bộ thuộc ghép vào các ấp từ Viñh-khang đến Đăng châu, Năm 1069, Lý Thánh-Tông đi đánh Chiêm-thành bắt được vua nước ấy là Chế Củ và 50000 người. Trong số những người này có những thợ khéo, những vũ nữ, những nhạc công giỏi nên được dùng như những nô-lệ hầu-hạ trong cung, các nhà quan và làm các công-tác do nhà vua sai tại các chùa.

Vì thế nếu có những ảnh-hưởng Chiêm-thành trên các kiến-trúc và điêu-khắc thì đó cũng chẳng lạ gì.

KIẾN-TRÚC ĐIỂN-HÌNH CÁC CHÙA

Kiến-trúc một ngôi chùa Việt-nam thường có 3 loại : Chùa nhỏ thường làm theo kiểu chữ đinh gồm 2 dãy nhà ghép lại (Hình 98 a).

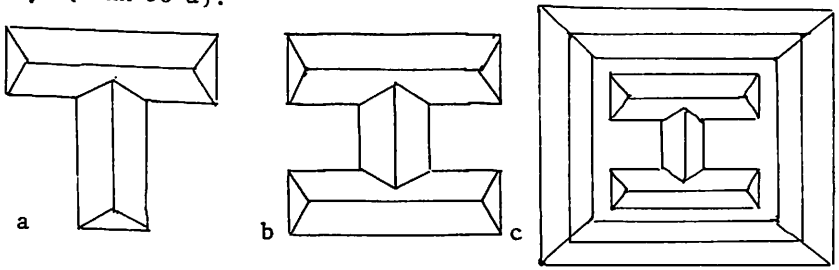

Hình 98 : Các kiểu chùa : a. chữ đinh b. Chữ công. c. nội công ngoại quốc.

Chùa trung-bình thường xây hình chữ công gồm 2 dãy nhà song song và một dãy nối lại ở chính giữa (Hình 98 b). Chùa lớn thường làm theo kiểu nội công ngoại quốc gồm một khu nhà ở chính giữa hình chữ công và chung quanh 4 phía đều có những dãy nhà vây lại thành hình vuông (Hình 98c)

Cổng chùa thường xây theo kiểu tam quan (cổng có 3 cửa vào). Nhiều chùa còn có lầu chuông, khánh và trống xây ngay trên nóc tam quan này.

Một ngôi chùa lớn thường được phân-bố các kiến-trúc như sau :

1. Chính-điện là nơi các tín-đồ đến làm lễ và cầu kinh.
2. Tam-bảo là nơi có 3 bàn thờ để các tượng Phật.
3. Bảo tháp là nơi để tro thiêu hài cốt các vị sư tổ.
4. Sau tam-bảo thường có nhà tổ, nơi thờ phụng các vị sư tổ. Ở đây thường có tượng các vị sư tổ.
5. Hai bên chính điện thường có hai dãy nhà dài gọi là nhà trai, nơi nhà chùa thiết đãi các tín-đồ đồ ăn chay.

CHÙA PHẬT-TÍCH.

Chùa Phật-tích ở làng Vạn-phúc cách Hà-nội 28 km về phía Bắc. Chùa này được xây cất từ đời Lý. Sử cũ còn ghi rằng năm Long-thụy Thái-bình 1057 đời Lý-Thánh-Tông, nhà vua cho xây ở đó một ngôi tháp cao 10 trượng (42 m) và lại tạc một pho tượng mạ vàng cao 6 thước và ban cho nhà chùa 100 mẫu ruộng. Nay cả chùa lẫn tháp đều bị phá nhưng vẫn còn di-tích để lại là nền tháp với viên gạch có khắc chữ *Lý gia Đệ tam đế Long-thụy Thái-bình tứ niên tạo* và đặc-biệt là ngôi tượng Phật tuyệt-tác mà chúng tôi sẽ nói đến trong phần điêu-khắc.

Hình 99 : Viên gạch có khắc chữ (Chùa Phật-tích)

CHÙA MỘT CỘT.

Chùa một cột hay chùa Diên-hựu xây ở Thăng-long năm 1049.Nguyên vua Lý-Thái-Tông chiêm bao thấy Phật bà Quan-âm ngồi trên tòa sen dắt vua lên tòa.Khi tỉnh dậy nhà vua đem mộng ấy kể lại cho Triều thần.Có người cho là điềm không lành.Nhà sư Thiên-tuệ khuyên vua làm chùa dựng cột đá ở giữa hồ,làm tòa sen của Phật Quan âm ở trên,giống như điều nhà vua đã thấy trong mộng rồi cho các sư chạy đàn chung-quanh để cầu cho nhà vua sống lâu.Vì thế mới gọi là chùa Diên-hựu.

Năm 1080, vua Lý Nhân-Tông cho đúc một quả chuông lớn và làm một gác chuông cao 8 trượng (33m) để treo chuông,nhưng khi đúc xong,chuông đánh không kêu,phải đem bỏ ở ngoài ruộng.Khu ruộng này có nhiều rùa nên chuông này được gọi là chuông Qui-điền. Chuông Qui-điền được liệt vào 1 trong 4 đại-khí của thời bấy giờ.

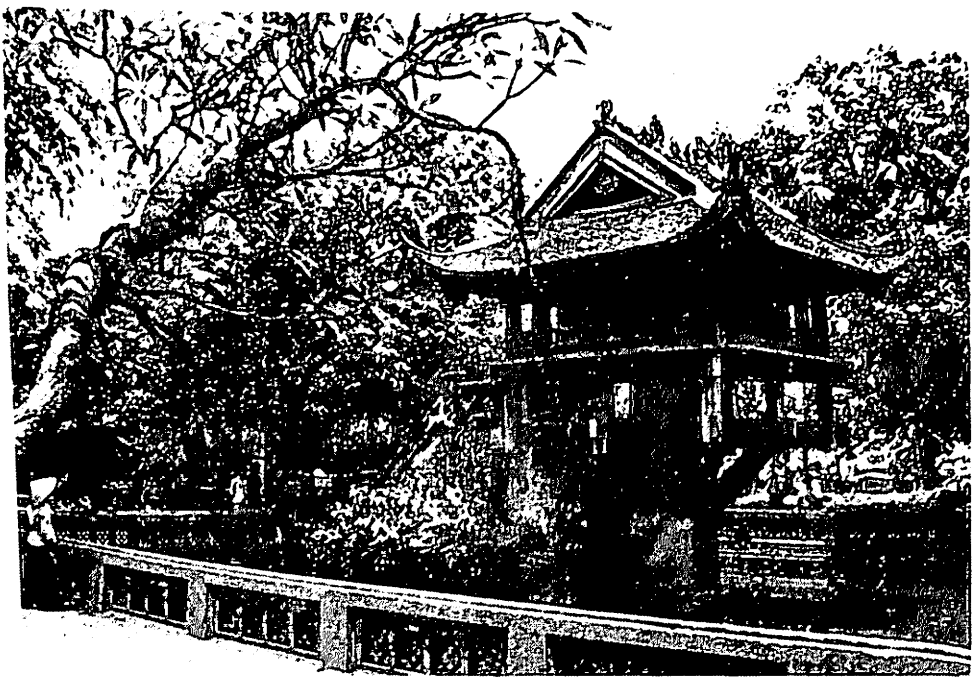

Hình 100 : Chùa Một-cột (Hà-nội).

Năm 1105 Lý-Nhân-Tông lại cho sửa chữa và xây 2 ngọn tháp chởm trắng.

Có giả-thuyết cho rằng chùa Một-cột trước kia lớn hơn bây-giờ song không có chứng-cớ gì rõ ràng.

Chùa xây cất trên một trụ đá hình bát giác lớn, mỗi cạnh có một khối gỗ lớn chống từ cột lên xà ngang. Từ xà ngang này có 8 cột chống lên sàn chùa.

Chùa cất hình vuông, mái lợp ngói. Từ bờ hồ đi vào có xây một bậc thang lầm lối lên xuống.

CHÙA VÀ THÁP BÁO-THIÊN.

Chùa Sùng-khánh Báo-thiên (gọi tắt là Báo-thiên) được xây trên một gò cao ở gần hồ Lục-thủy (Hồ Hoàn-kiếm bây-giờ) từ năm 1057, đời Lý Thánh-Tông.

Chùa có một ngọn tháp tên là Đại-thắng Tư-thiên Bảo-tháp nhưng người ta vẫn thường gọi là tháp Báo-thiên.

Theo Đại-Việt Sử-lược, tháp cao tới 30 tầng, nhưng các sách khác chỉ viết là cao 12 tầng và vài chục trượng (từ 60 đến 80 m).

Tháp xây bằng gạch và đá. Các viên gạch ở đây đều có khắc chữ:

Lý gia Đệ tam đế Long-thụy Thái bình tứ niên tạo nghĩa là tháp này được xây cùng năm với tháp chùa Phật tích.

Tháp có 4 cửa, chung quanh có những tượng người, Tiên, chim, thú, bằng đá. Cửa tầng thứ 3 có khắc chữ *Thiên-tử Vạn-thọ* để chúc cho nhà vua sống lâu muôn tuổi.

Chởm tháp đúc bằng đồng, có khắc chữ *Đạo lý thiên* ý nói Đạo lý xông lên tận trời xanh.

Đỉnh tháp này được coi là một trong tứ đại khí đương thời (1) Vì tháp cao, mà đỉnh lại bằng kim khí nên tháp thường hay bị sét đánh.

Năm 1426, Quân Minh bị Lê-lợi vây khốn trong thành Đông-quan đã phá đỉnh tháp lấy đồng đúc khí giới chống lại quân ta.

---

1. *Tứ đại khí là đỉnh tháp Báo-thiên, chuông Qui-điền, tượng Phật chùa Quỳnh-lâm và vạc chùa Phổ-minh.*

CHÙA QUỲNH-LÂM.

Chùa Quỳnh-lâm ở xã Tràng-an, huyện Đông-triều, tỉnh Quảng-ninh cũng là một ngôi chùa nổi tiếng đời nhà Lý. Lúc bấy giờ chùa này đã có một pho tượng Phật cao 6 trượng (hơn 20m) nên người ta phải xây một tòa điện cao 7 trượng để bầy tượng. Tượng này cũng được liệt hạng tứ đại khí thời bấy giờ.

CHÙA TRẤM GIAN.

Chùa Trấm gian hay chùa Quang-nghiêm ở Tiên-lữ do Pháp-sư Lý-Bình-Can xây năm 1185 (Đời Lý Cao-tông). Chùa chiếm một địa thế rất đẹp trên một quả đồi, cơ bậc thang rộng đi từ chân đồi lên đến sân chùa. Chùa rất lớn nhưng đã bị tàn phá khi quân Minh sang chiếm xứ ta và được trùng tu nhiều lần. Chùa đặc-biệt có một gác chuông bằng gỗ cất ở trước cửa chùa, là một trong những tác-phẩm kiến trúc gỗ đời Lý còn để lại. Chùa còn có một bệ thang đá ở trước cửa chùa, tạc hình rồng, là một trong những điêu-khắc phẩm đặc-biệt đời Lý.

Ngoài các chùa nổi tiếng trên, các kiến-trúc được xây dựng trong đời nhà Lý còn có các chùa như chùa Giam (Quế-võ, Hà-bắc), chùa Một mái (động Hoàng-xá, Hà-đông), Báo-ân (Đông-sơn, Thanh-hóa), Chương-sơn (Ý-yên, Nam-hà). chùa Bà Tấm (Gia-lâm), Chân-giáo (Hà-nội), Chiêu-Thiền tự (An-lãng tức làng Láng ở ngoại ô Hà-nội), chùa Thánh-chúa (Dịch vọng, Hà-nội).

Các kiến-trúc Khổng giáo cũng được xây dựng trong đời nhà Lý như Quốc-tử-giám, Văn-miếu nhưng các kiến-trúc này sau được trùng tu nhiều lần nên chúng tôi sẽ nói đến trong Nghệ-thuật đời Nguyễn.

DÁNG CẤU-TRÚC ĐỜI LÝ.

Kiến-trúc đời Lý tuy trải qua hàng ngàn năm đô-hộ nhưng vẫn giữ được dáng cấu trúc cổ-truyền thời Đông-sơn với những ngôi nhà mái cong.

Dù các vật-liệu xây cất lúc này đã phong-phú hơn thời Đông-sơn (dùng nhiều gạch, đá,ngói thay vì gỗ lá của thời trước),kỹ-thuật xây cất cũng tiến-bộ hơn nhưng dáng cấu-trúc vẫn theo lối cũ.

Bia Sùng-thiện Diên linh đã viết về chùa Hưởng-nghiêm như sau : Mái hiên cong cong như trì xoè cánh, ngói lợp lớp lớp như vảy rồng (1).

Nhà sư Pháp-bảo cũng mô-tả dáng cấu-trúc chùa Sùng-nghiêm Diên thánh như sau : Dương nhà cong cong như cầu-vồng quanh quế nhô ra,ngói uyên-ương phơi dưới gió như xập xoè muốn lượn.Nóc nhà uốn như trì bay xoè cánh, đầu trạm-trổ như phượng múa lại châu.Mái cong lấp-lánh dưới mặt trời , hiên lượn quanh co trước gió.Tường vách chung quanh,một cõi bụi trần không lấn.Hành lang bao bọc, 4 mùa hiên của thanh-hư (2).

Hình 100b : Khám đất nung làm theo mô hình một nhà có lầu.

1 và 2 :NGUYỄN DU CHI.Nghệ-thuật Kiến-trúc thời Lý.MỸ-THUẬT THỜI LÝ Nxb VĂN-HÓA, HÀ-NỘI 1973, 31, 32.

Các mái nhà thấp thường được lợp bằng ngói âm dương (hay uyên ương) hình cong với hai hàng ngói một ngửa một úp đặt chéo nhau. Những viên ngói ở đầu người ta còn gắn vào các hình trang-trí bằng sành hay sứ (Hình 100c và 100d)

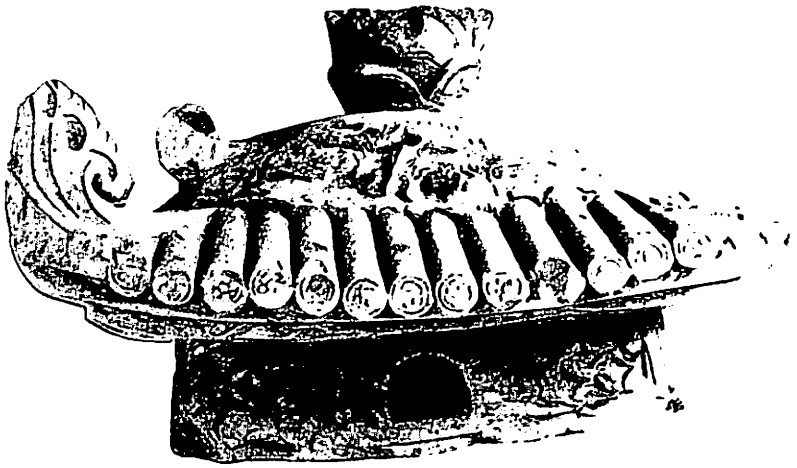

Hình 100c :Mô-hình một mái tháp lợp ngói âm dương.

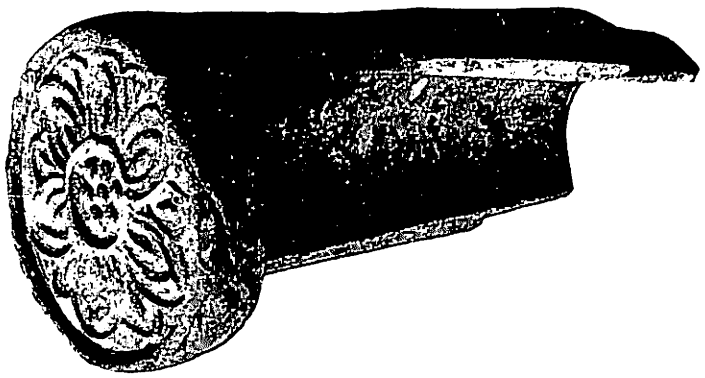

Hình 100d : Một viên ngói gắn hình trang trí.

Vì ảnh hưởng quá mạnh của đạo Phật nên các kiến-trúc cũng thường lấy dáng hoa sen làm biểu-tượng. Ngoài trường hợp chùa Một cột trong đó biểu tượng hoa sen đã quá rõ ràng, các tháp cũng thường kiến-trúc như được đế lên một tòa sen (Hình 100 e).

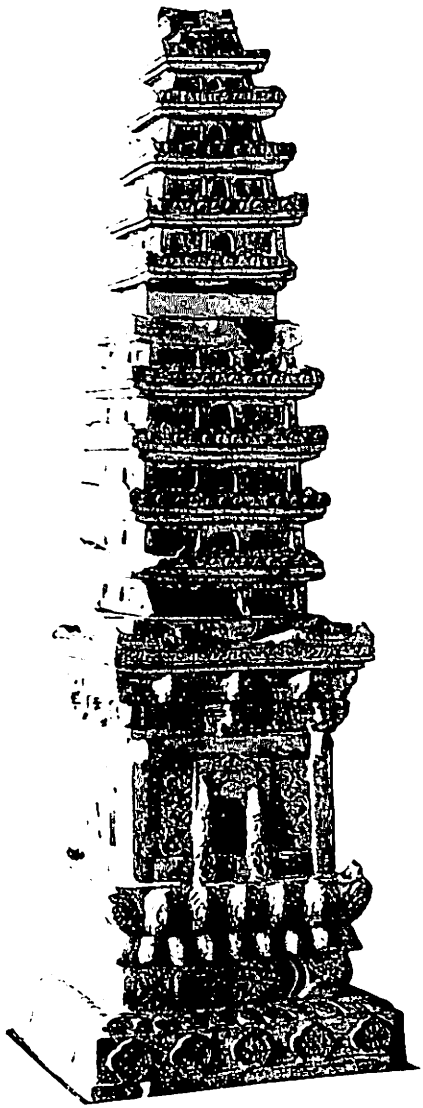

Hình 100e : Mô hình tháp Bát tràng.

Điêu-khắc

Đời nhà Lý Phật giáo cực-thịnh ở xứ ta nên các tác phẩm điêu-khắc còn để lại, phần lớn là các tượng ở các chùa. Các tượng này có thể chia thành 4 loại :

1. Tượng đức Phật Thích-ca Mâu-ni là tượng quan-trọng nhất trong các chùa. Thường thường các nhà điêu-khắc đã tạc Tượng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni theo 5 giai-đoạn của đời ngài : a. Tượng Cửu-long tạc lúc ngài mới sinh; b. Tượng Tuyết-sơn mô-tả giai-đoạn ngài đang đi tìm đạo c. Tượng Niệm-hoa diễn-tả lúc ngài cầm hoa thuyết pháp d. Tượng ngồi trên tòa sen là lúc đã thành Phật e. Tượng nhập Niết-bàn mô tả lúc ngài sắp mất, thường tạc ở thế nằm.

2. Tượng Phật Quan-âm cũng có 6 cách diễn-tả như sau : a. Quan-âm chuẩn-đề là một vị Phật nam thường tạc có 3 mắt và 18 tay b. Tượng thiên-thủ thiên nhãn cũng là một vị Phật nam có nghìn mắt, nghìn tay c. Quan âm tọa sơn cũng là một vị Phật nam đang ngồi tu niệm ở trên núi, d. Phật-bà Quan-âm trình bầy một vị Phật bà ngồi trên tòa sen e. Quan âm Thị-kính mô-tả vị Phật Quan-âm đặc-biệt của nước ta.

3. Tượng các nhân-vật phụ trình bầy các vị Bồ-tát, La-hán, Tổn giả, Thiên-vương v.v...

4. Tượng chân-dung được tạc theo các nhân-vật có thực hoặc là các vị sư tổ, hoặc là những người đã làm nhiều việc công-đức cho chùa.

Các tác-phẩm điêu-khắc nổi tiếng còn để lại từ đời Lý có :

TƯỢNG PHẬT CHÙA PHẬT-TÍCH.

Tượng tạc đức Phật ngồi trên tòa sen.

Riêng tượng cao 1,87 m, cả bệ cao 2,77 m.

Trong tượng này Phật ngồi theo kiểu kiết-già, với 2 bàn tay để ngửa trong lòng. Ngài mặc áo pháp có 3 lớp. Cũng như hầu hết các tượng Phật khác, tượng tạc đủ các qui tướng của ngài mà trong sách Phật đã nói như có khối u trên đầu, tóc xoắn hình chôn ốc, trái tai dài, cổ cao 3 ngấn. Tượng tạc thân hình Phật tuổng đối cao nên trông rất thanh-tú. Mặt tạc má hơi bầu như quan-niệm đẹp của người Việt thời xưa, mũi dọc dừa và hơi cao, miệng mỉm cười một cách rất thanh-thoát.

Hình 101 : Tượng đức Phật ở chùa Phật-tích.

Tượng này ảnh-hưởng rất nhiều của các tượng Trung-hoa.

Nhận-xét về lối ngồi kiết-già này, một số tác-giả đã cho rằng tượng này tương-đương với thời tượng Phật Long môn (khoảng 490-550) và đã xếp tượng này vào thời-kỳ Vạn xuân (Tiền-Lý 541-544) (1) hay Thời-kỳ Đại-la (2) song không có những luận-cứ chính-xác. Ở đây chúng tôi dựa vào Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư đã nói đến pho tượng do Lý-Thánh Tông cho tạc và các di-tích để lại trong chùa để xếp tượng này vào đời Lý (3).

TƯỢNG KIM-CƯƠNG CHÙA PHẬT TÍCH.

Kim-cương là thần-tướng nhà trời cho xuống để lo việc bảo-vệ đức Phật. Kim-cương thường có 8 vị gọi là Bát đại Kim-cương. Ở chùa Phật-tích chỉ còn thấy 1 pho tượng Kim-cương mà thôi. Pho tượng này cũng không còn toàn vẹn mà cũng đã bị mất đầu, mất tay.

Tượng tạc hình một võ quan đang đứng ở thế nghỉ, mặc áo chẽn, có giây lưng thắt ngang, đi ủng vải. Khác hẳn với lối tạc tượng Phật trên, tượng này tác giả đã dùng những chùm hình quạt có điểm các hoa nhiều cánh khiến cho vạt áo, giải áo thêm phần linh-động, trông tựa như đang tung bay trước gió (Hình 102).

TƯỢNG KIM-CƯƠNG CHÙA LONG-ĐỌI.

Tượng này tìm thấy ở chùa Long-đọi, làng Đọi-sơn, Duy-tiên, Hà-nam, cao khoảng 1,6 m, tạc hình một võ-tướng mặc áo giáp, chống gươm đứng gác.

Tượng này dùng các hình vòng xoáy chồn ốc ở trước ngực và những đoạn đường cong nối lại ở ngang vạt áo khiến cho bức tượng có vẻ mạnh-mẽ của người võ tướng.

Chùa Long-đọi hiện còn 6 vị Kim-cương trong số 8 vị có được nói đến trong bài văn bia *Sùng Thiện Diên Linh* còn để lại tại chùa này (Hình 103).

---

1. *NGUYỄN-PHÚC-LONG, Les nouvelles recherches archeologiques au Vietnam. ART ASIATIQUE XXXI PARIS 1975 t.117.*
2. *LOUIS BEZACIER. L' Art Vietnamien, UNION FRANCAISE PARIS 1954 t.140-142.*
3. *ĐẠI-VIỆT SỬ-KÝ TOÀN-THƯ Sdd t.230.*

Hình 102 : Tượng Kim-cương chùa Phật-tích.

Hình 103 : Tượng Kim-cương chùa Long-đọi.

TƯỢNG THẦN-ĐIỂU Ở CHÙA PHẬT-TÍCH.

Tượng này tìm thấy ở chùa Phật-tích và hiện nay đang trưng bầy tại Viện Bảo-tàng Hà-nội. Tượng tạc hình một chim thần đầu người mình chim có đeo chiếc trống cơm trước ngực. Tượng chỉ cao 40 cm thường dùng để trang-trí ở các tháp. Pho tượng tương tự tìm thấy ở các chùa Chưởng-sơn, Đọi-sơn. (Hình 104).

Đây là một thí-dụ điển hình của sự phối-hợp 2 nền nghệ thuật Trung-hoa và Chiêm-thành. Chủ-đề thần-điểu thường thấy trong nghệ-thuật Chiêm-thành (thần Kinnari) trong khi đầu người lại có sắc-thái Trung-hoa (Hình 104).

Hình 104 : Tượng thần-điểu chùa Phật-tích.

TƯỢNG SƯ-TỬ CHÙA BÀ TẤM.

Tượng tìm thấy ở chùa Bà-tấm (Đức-thắng,Gia-lâm,Hà-nội).Tượng tạc một đầu sư-tử đang nhe răng ra một cách dữ-dằn.Lông sư tử được trình bầy bằng những hình xoáy lại ,móng sư tử có những đường cong song song làm cho tượng rất sống động.(Hình 105).

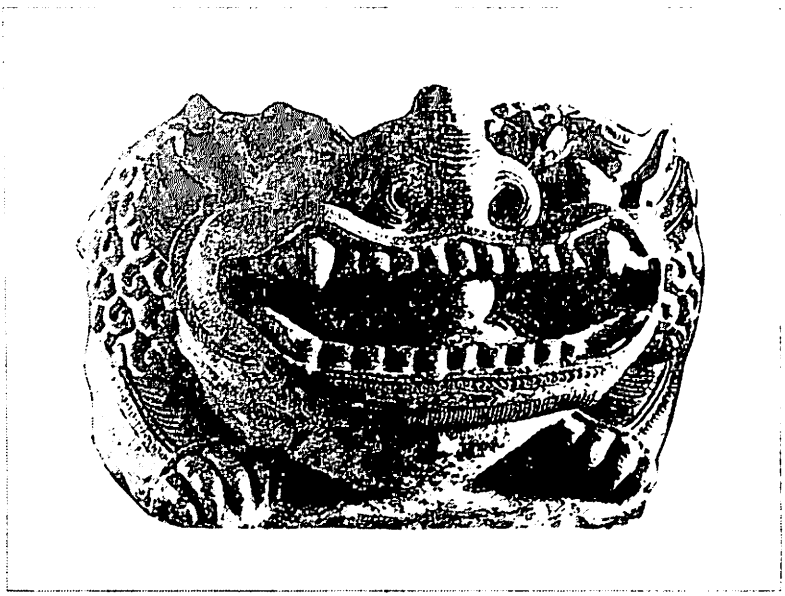

Hình 105 : Tượng sư tử chùa Bà Tấm.

TƯỢNG KỲ-LÂN THÀNH THĂNG-LONG.

Tượng tạc bằng đá,tìm thấy ở khu-vực thành Thăng-long (Hà-nội) dùng làm thành bậc lên xuống cửa một cung-điện hay đền đài nào đó.

Tượng tạc hình kỳ-lân,mắt lồi,nhe răng ngậm trái cầu.Bờm kỳ-lân, đuôi kỳ-lân và các nhóm lông ở khuỷu chân tạc bằng những đường gợn sóng song song khiến cho người ta có cảm tưởng như kỳ-lân đang bay trước gió (Hình 106)

Hình 106 : Tượng Kỳ-lân thành Thăng-long.

TƯỢNG THIẾU-NỮ THÁP TIÊN-SƠN.

Trong các tác-phẩm điêu-khắc xưa ta, tượng chân dung thường rất hiếm.Người ta chỉ tìm thấy ở tháp Tiên-sơn một pho tượng tạc đầu một thiếu-nữ Việt-nam thật đẹp.

Tượng tạc người thiếu-nữ có khuôn mặt rất thanh-tú, khác hẳn khuôn mặt bầu bĩnh thường thấy trong hầu hết các tượng chân-dung cả trước cũng như sau thời-đại này.

Thiếu-nữ này mắt bồ-câu, mũi dọc dừa, miệng không cười mà vẫn tươi.Thật là một vẻ đẹp thuần-túy Việt-nam ít thấy trong tác phẩm mỹ-thuật ở xứ ta (Hình 107)

Hình 107 : Tượng thiếu-nữ tháp Tiên-sơn.

Đồ gốm

BÁT-TRÀNG VÀ THANH-HOÁ.

Đồ gốm đời Lý được sản-xuất tại nhiều nơi nhưng phần lớn còn thô-sơ với loại men tráng đục gọi là gốm dân.

Riêng ở Bát-tràng và Thanh-hóa người ta đã sản-xuất được loại gốm quý gọi là gốm men ngọc. Loại gốm này tương đối khá trắng và được tráng một loại men dầy màu xanh mát và bóng nên được gọi là men ngọc.

Ngoài ra người ta cũng còn thấy một số các loại men khác màu trắng ngà, màu vàng nhạt hay màu da lươn.

Về hình-dáng, đồ gốm thời Lý có rất nhiều kiểu rất thanh-tú và nhất là có nhiều hình trang-trí khá mỹ-thuật.

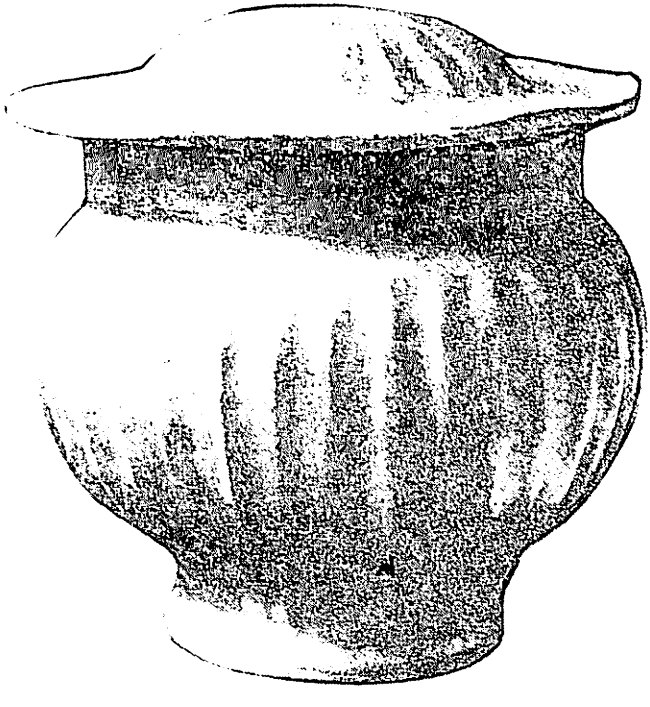

Hình 108 : Liễn men xanh (Thăng-long).

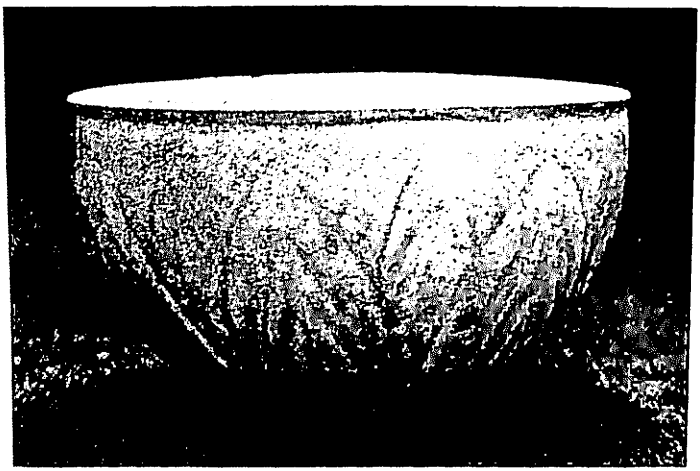

Hình 109 : Bát nhỏ hình hoa sen.

Các hình trang-trí thường là các hình trạm sâu xuống hay trạm nổi.Có những hình trạm hay vẽ bằng tay nhưng cũng có một số gốm dường như do một khuôn khắc sẵn rồi đem in lên vào lúc đất chưa khô.Sau đó các hình này còn được vẽ màu lên trước khi đem tráng men.

Gốm Bát-tràng được chế-tạo rất kỹ,lọc hết chất bẩn trong đất sét trắng nên trông rất mịn,rắn chắc. Tuy nhiên vì quan-niệm ăn chắc,mặc bền nên đồ gốm thường làm hơi dầy,do đó hơi nặng. Gốm men ngọc sản-xuất tại Bát-tràng có thể sánh với đồ gốm Long-tuyền đời Tống bên Trung-hoa.

Các đồ gốm thông-dụng thường là bát lớn để dựng canh, bát nhỏ (chén) để ăn cơm, đĩa ,liễn đựng cơm, tách uống nước v.v...

Đời Lý, đạo Phật thịnh-hành nên các đồ gia-dụng trên thường làm thành hình hoa sen, bông hoa tượng-trưng cho sự thanh-khiết của nhà Phật.Sau đây là vài thí-dụ điển-hình :

Liễn men xanh (Hình 108) dưới đây làm theo hình 2 bông sen; Một làm thân liễn, một làm nắp liễn.

Bát nhỏ (Hình 109) trang-trí hình hoa sen trên toàn thân bát.

Chiếc ấm men nâu (Hình 110) được cấu-trúc theo 3 hình hoa sen: Một ở chân ấm, một ở chỗ thắt lại và một trên toàn thân ấm. Ngay các hình trang-trí trên thân ấm cũng là những hình hoa sen đủ kiểu nữa.

Hình 110:Ấm men nâu.

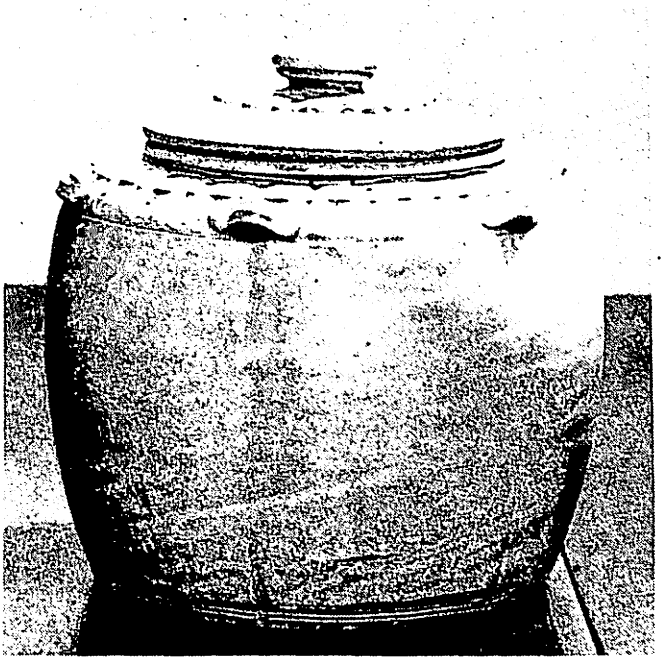

Hình 111: Liễn hoa sen.

Liễn men trắng ngà (Hình 111) nắp và miệng đều trang trí bằng hình hoa sen. Thân cũng là một hình hoa sen nhưng lớn hơn có 6 cánh.

Trang-trí các đồ gốm thời Lý đã hơi khác các thời trước. Những hình trang-trí kỷ-hà đã ít đi và thay vào bằng những hình hoa, lá, cầm thú và cả người nữa. Chúng tôi sẽ đi sâu vào chi tiết các hình vẽ này trong phần trang-trí và hội-họa.

Trang-trí

Nghệ-thuật trang-trí đóng góp rất nhiều cho các nghệ thuật khác như Kiến-trúc, điêu-khắc và đồ gốm, vì chính những hình trang-trí này đã làm tăng giá-trị của các tác phẩm trên.

Trang-trí đời Lý cũng có nhiều nét đặc-sắc hơn các đời trước:

TRANG-TRÍ BỆ TƯỢNG CHÙA VẠN-PHÚC.

Bệ tượng Phật chùa Vạn-phúc là một tác-phẩm trang-trí tuyệt đẹp. Bệ tượng hình bát-giác, trang-trí thành 2 lối khác nhau :

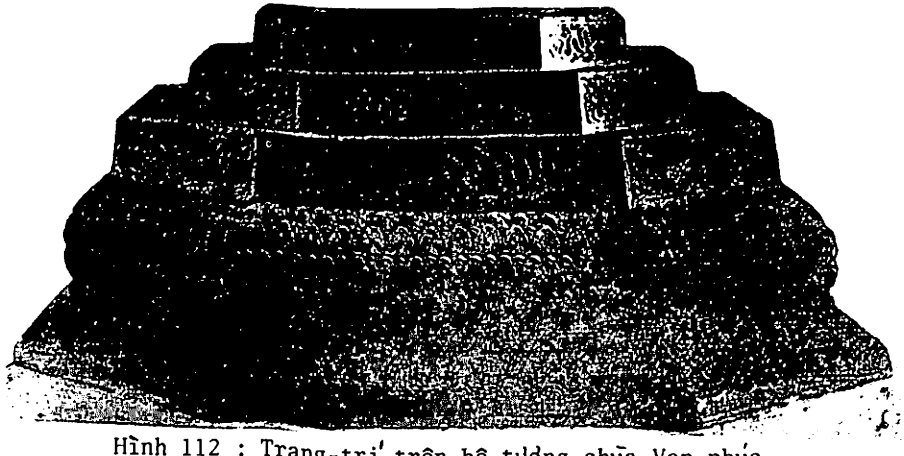

Hình 112 : Trang-trí trên bệ tượng chùa Vạn-phúc.

Phần dưới trang-trí hình sóng nước với 6 đợt sóng chồng lên nhau. Phần trên có 3 tầng bệ trang-trí rất tỉ mỉ.

Trong mỗi tầng này, mặt nằm ngang được khắc bằng một chuỗi những hình hoa-sen.

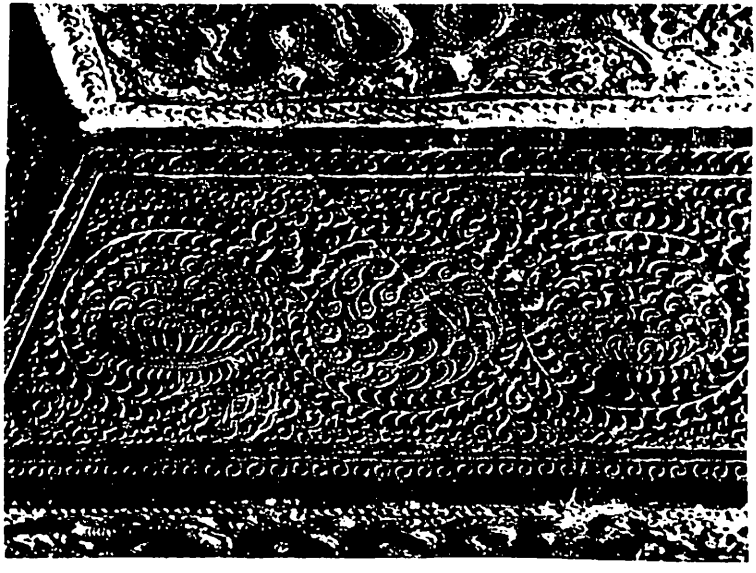

Hình 113 : Trang-trí hình hoa sen trên bệ tượng chùa Vạn-phúc.

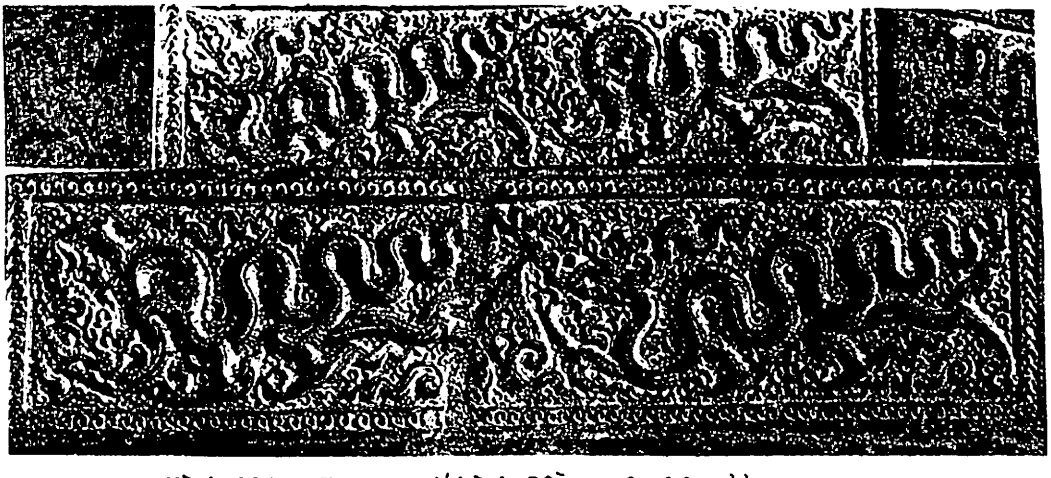

Hình 114 : Trang-trí hình Rồng trên bệ tượng chùa Vạn-phúc.

Các hoa này được đóng khung trong một hình chữ-nhật trang-trí hình lô so.Giữa các hoa và khung ngoài có khắc hình ngọn lửa.Giữa các hoa lại có một số hình người ở trần đang cầm vật gì, đang leo trèo hay đánh đu trông rất linh-hoạt.Các hình trang-trí tương-tự cũng thấy ở riềm các cửa cuốn chùa Chương-sơn và nền riềm cạnh các pho tượng kim-cương chùa Long-đọi (Hình 113).

Trên các mặt thẳng đứng trạm hình 2 con Rồng đang bay cùng chiều với nhau.Điều này khác hẳn lối trình-bầy của Trunghoa,thường là có 2 con Rồng chầu mặt trăng (Lưỡng long triều nguyệt) (Hình 114).

Con rồng trong nghệ-thuật trang-trí đời Lý không thô như Rồng Đại-la mà rất thanh.Rồng được trạm uốn khúc rất nhiều tương tự như con rắn đang bò trên mặt đất.Râu và các chùm lông ở khuỷu chân là các chùm trên trạm những đường song-song uốn khúc,xen lẫn với các đám mây trạm hình xoáy chôn ốc làm cho người xem có cảm tưởng rõ rằng là rồng đang bay trên không trung (Hình 115).

Ở tháp Chương-sơn cũng có những hình rồng nhưng được xếp trong 1 hình giọt lệ (hay nửa trái tim) xen lẫn với hình mây.Cũng ở tháp Chương-sơn người ta cũng gặp những hình trang-trí bằng hoa nhưng ở đây ngoài hoa sen người ta còn thấy có các hình hoa cúc và hoa mẫu đơn (Hình 116)

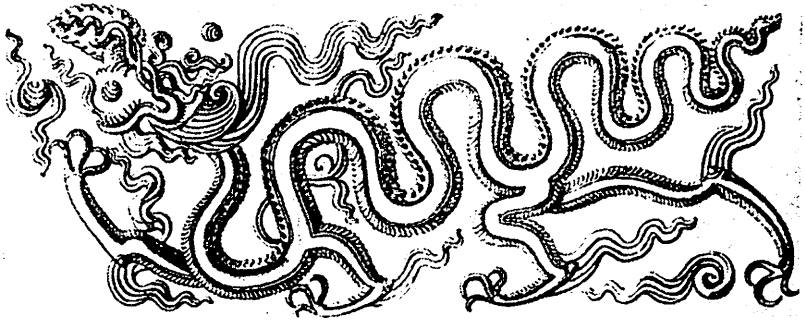

Hình 115 : Chi tiết hình rồng trên bệ tượng chùa Vạn-phúc.

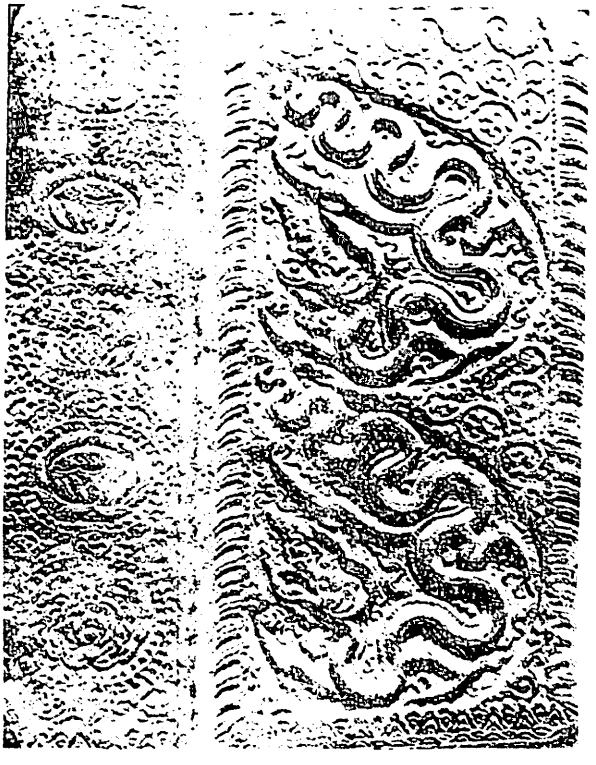

Hình 116 : Trang-trí hoa và Rồng ở tháp Chương-sơn (Nam-hà).

Khung cửa hình Rồng tháp Chương-sơn cũng được trang-trí đặc-biệt: Mặt dưới là hình sóng nước, hai bên là những đoạn đường cong song song. Phía trên là hình mây. Giữa khung và hình rồng là hình cành cây uốn quanh co có nhiều hoa, lá.

TRANG-TRÍ HOA SEN VÀ HÌNH NGƯỜI MÚA HÁT

Ở chùa Vạn-phúc người ta đã tìm thấy bệ chân cột trạm trổ rất tinh-vi.

Mặt nằm ngang của bệ này là một hình hoa-sen 16 cánh. Trong mỗi cánh hoa sen có hình hai Rồng đối-xứng với nhau. Cấu-trúc các con Rồng này tương-tự như các con rồng trên bệ tượng Phật chùa Vạn-phúc (Hình 117)

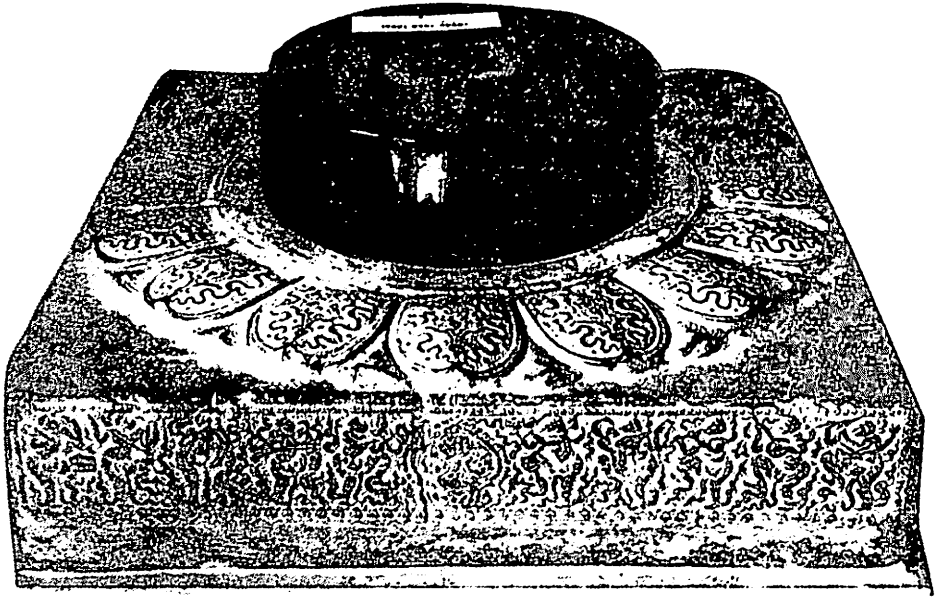

Hình 117 : Bệ chân cột chùa Vạn-phúc.

Mặt thắng đứng trạm hình người : Các nhạc công và vũ công đang múa hát,đánh đàn,thổi kèn, sáo v.v...
Từ trái sang phải ta thấy các hình : Nhạc công đánh mõ, kéo nhị, thổi sáo,đánh đàn tranh và người vũ công đang múa.,
Ở giữa là một hình trái tim để trên một bông sen.Trong trái tim có trạm hình hoa cúc.

Kế đến là một vũ công khác đang múa, nhạc công đánh đàn tỳ bà, thổi kèn,đánh đàn nguyệt và võ trống cơm.

Giữa các hình trên trạm hình mây với những đường gợn sóng song-song.

Hình này được đóng khung trong một hình chữ-nhật ,cạnh dưới trang-trí hình sóng nước, cạnh trên trang-trí bằng những hình lõ so trông như những đám mây.
Các cạnh 2 bên trang-trí bằng những vòng tròn tiếp súc với nhau (Hình 118).

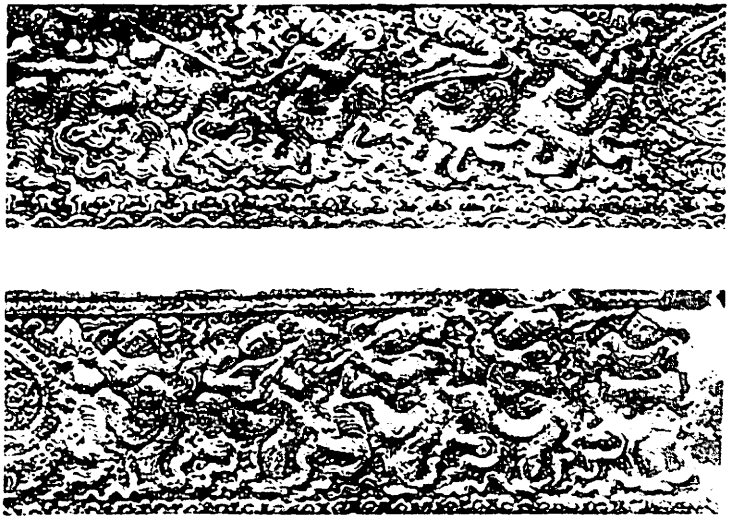

Hình 118 : Chi-tiết các hình trang-trí trên bệ chân cột chùa Vạn-phúc.

VŨ-NỮ THÁP CHƯỞNG-SƠN.

Ở thành bậc tháp Chưởng-sơn (Yên-lợi, Ý-yên, Nam-Hà) có trang-trí bằng một bức trạm nổi tạc một vũ-nữ đang múa. Về cách cấu-trúc thì hình vũ-nữ này tương-tự hình vũ nữ ở bệ tượng chùa Vạn-phúc, nhưng xem về chi tiết thì vũ nữ này có một vẻ đẹp rất Việt-nam, trong khi lối múa thì còn mang nhiều màu sắc Chiêm-thành. (Hình 119).

PHƯỢNG CHÙA BÀ TẤM.

Cũng ở thành bậc chùa Bà Tấm (Đức-thắng, Gia-lâm, Hà nội) có trạm hình chim Phượng xếp trong một hình tam giác vuông.

Chim Phượng ở đây tạc các cánh hơi ngắn như kiểu cánh các chim thần Garuda của Chàm. Chim Phượng này đứng một chân co một chân thẳng trên một bông hoa sen.

Đặc-biệt là chim Phượng này có một cái đuôi dài uốn khúc quanh-co. Xen kẽ với hình Chim Phượng là các hình hoa trạm nổi. Khung hình tam-giác cũng được trang-trí

Hình 119 : Tượng vũ-nữ tháp Chưởng-sơn.

mỗi cạnh một kiểu :

Đường huyền được trang-trí bằng một chuỗi hình hoa trạm nối cùng với những vân song-song.

Cạnh thẳng đứng được trang-trí bằng các vân song song

Cạnh nằm ngang trang-trí bằng hình sóng nước (Hình 120)

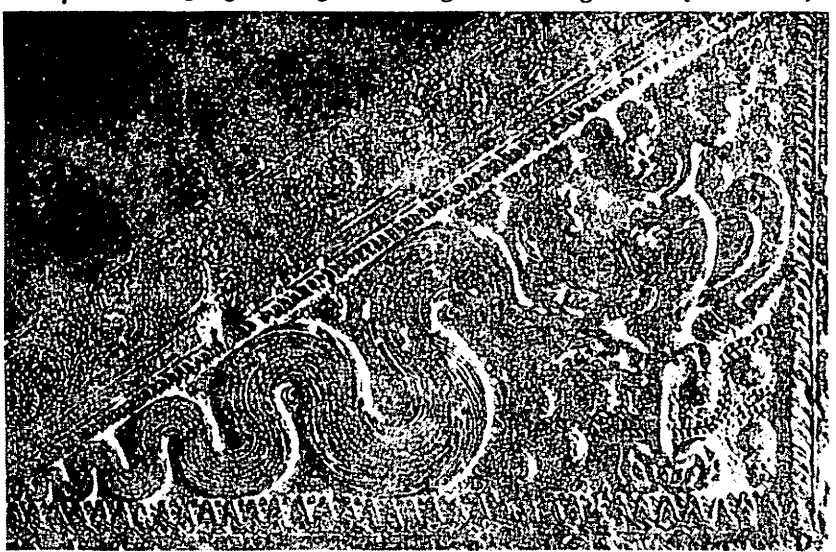

Hình 120 : Trang-trí hình Phượng chùa Bà Tấm.

TRANG-TRÍ CHÂN CỘT THĂNG-LONG.

Nghệ-thuật trang-trí đời Lý khá tỉ-mỉ. Ngay một chân cột cũng được trạm-trổ những hình rất phức-tạp. Trong một chân cột tìm được ở Thăng-long có trạm hình Rồng nằm trên đột sóng nước. Xen kẽ với hình rồng này là những lá bồ-đề đề trên những đóa hoa sen. Có lá bồ-đề lại do chính chân rồng cặp lấy (Hình 121).

TRANG-TRÍ TRÊN GẠCH NGÓI.

Gạch ngói đời Lý được trang-trí rất tỉ mỉ và rất đẹp. Những hình trang-trí kỷ-hà trên gạch vuông dùng để lát nền nhà dưới đây cho chúng ta thấy sự tân-kỳ của nghệ-thuật này. Thiết-tưởng những nhà trang-trí ngày nay chưa chắc đã thực-hiện nổi những hình như thế (hình 122).

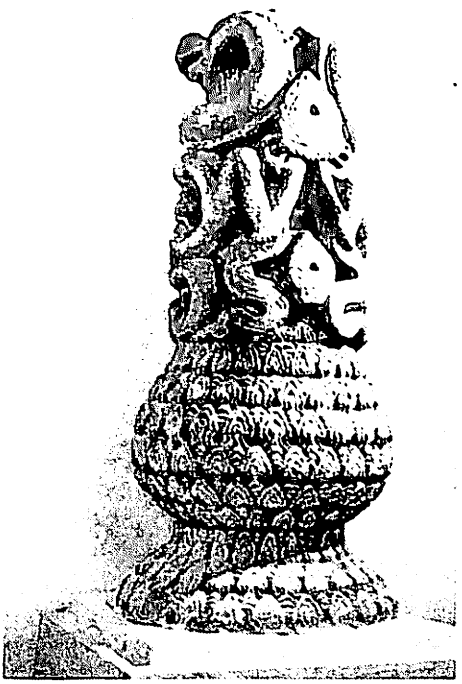

Hình 121 : Trang-trí một chân cột ở Thăng-long.

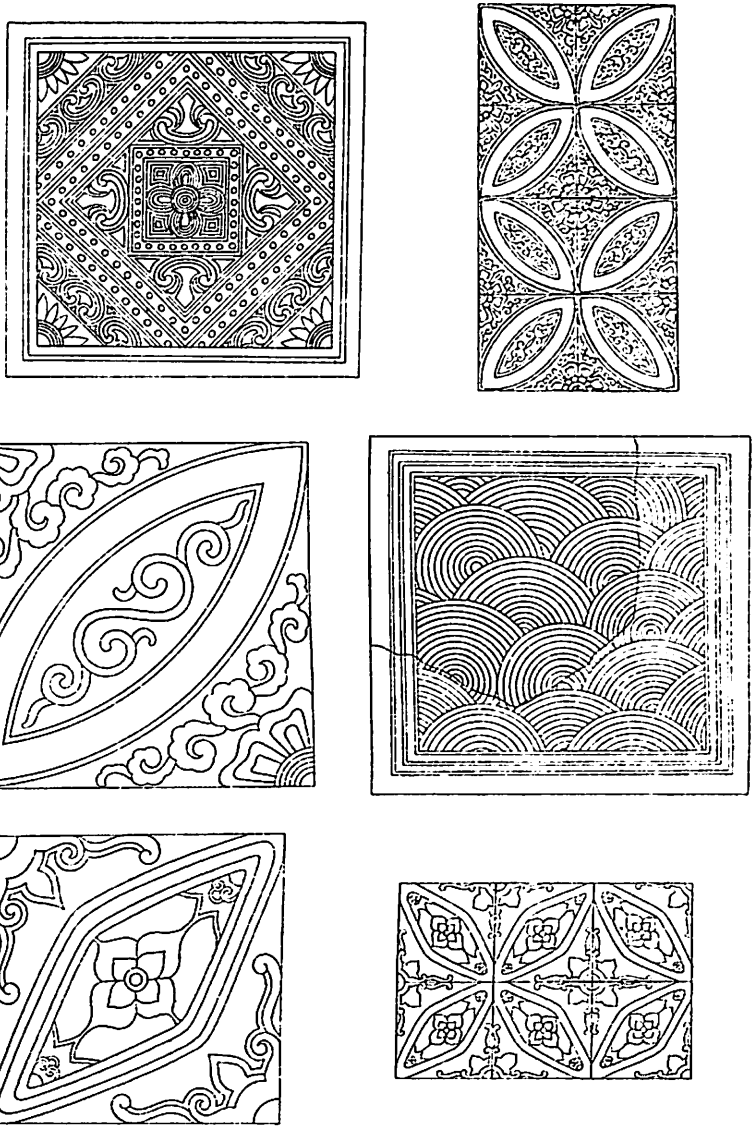

Hình 122 : Trang-trí trên gạch vuông đời Lý.

Những viên ngói thường một đầu tròn, một đầu vuông. Ở đầu tròn có một mấu nhỏ để ngói tựa vào mè gỗ cho chắc. Dưới mấu này thường có những hình trang-trí hình mạng nhện hay cành lá. Trang-trí này được trạm nổi lên, nên ngoài mục đích trang-trí nó còn có thể giúp cho những viên ngói bấu chặt lấy nhau nữa (Hình 123).

Hình 123 : Trang-trí trên ngói phẳng.

Các viên ngói âm dương thì không có hình trang-trí gì nhưng những viên ngói lợp ở đầu mái thường có gắn một mảnh gốm hình tròn hay hình lá bồ đề trên có trạm hình.

Phần lớn những hình trang-trí này đều có hình hoa sen đủ kiểu : cánh tròn, cánh nhọn hoặc cánh chéo. (Hình 124).

TRANG-TRÍ HÌNH RỒNG TRONG MỸ-THUẬT ĐỜI LÝ.

Rồng là một chủ-đề quan-trọng trong trang-trí đời Lý.

Như ta đã nói ở trên Rồng đời Lý khác hẳn rồng các đời trước : Mình gầy hơn, uốn khúc nhiều hơn. Đầu rồng thường nhỏ nhưng có bờm và râu khá dài.

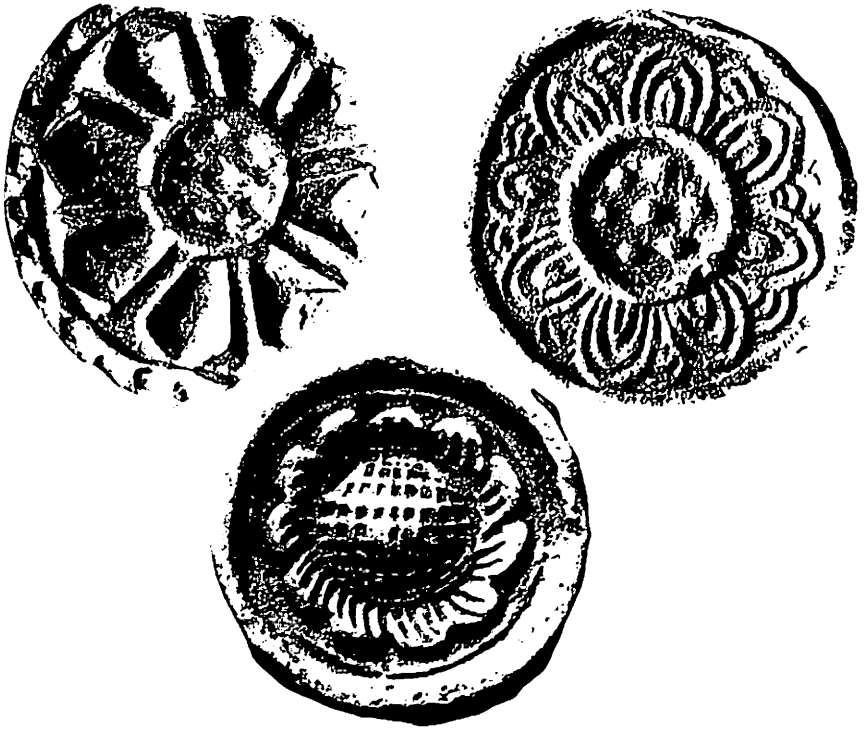

Hình 124 : Trang-trí trên những mảnh gốm gắn vào những viên ngói lợp ở đầu mái.

Rồng được trình-bầy theo nhiều hình-thức khác nhau: hoặc thu gọn trong một hình tròn (Hình 125), hình lá bồ-đề, (Hình 126), nửa lá bồ-đề (Hình 127), hình giọt lệ (Hình 128) hay hình chữ nhật (Hình 115)

Đôi khi người ta còn thấy những mảnh trang-trí chỉ có một cái đầu rồng mà thôi (Hình 129).

Hình 129 :
Đầu rồng đời Lý.

Hình 125 : Rồng trang-trí trong một hình tròn.

Hình 126 : Rồng trang-trí trong hình lá bồ-đề.

Hình 127 : Rồng trang-trí́ trong nửa lá bồ-đề.

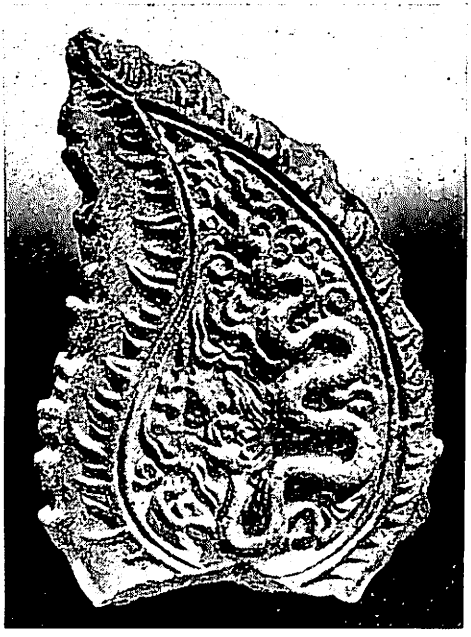

Hình 128 : Rồng trang-trí́ trong hình giọt lệ.

CHIM TRONG MỸ-THUẬT ĐỜI LÝ.

Song song với sự hiện-diện của Rồng, chim Phượng cũng là một chủ đề quan-trọng trong Mỹ-thuật đời Lý.

Phượng đời Lý, như chúng tôi đã trình-bầy trong phần chim Phượng chùa Bà Tấm ở trên, mô tả một chim Phượng dữ và mạnh, mỏ dài và cong, chân lớn, móng nhọn, cánh ngắn như cánh chim thần Garuda của Chàm.

Phượng đời Lý chỉ khác chim Garuda của Chàm ở điểm đuôi dài, những chùm lông ở cổ cũng dài.

Chim Phượng thường được trình-bầy trong một khuôn hình giọt lệ (Hình 129a).

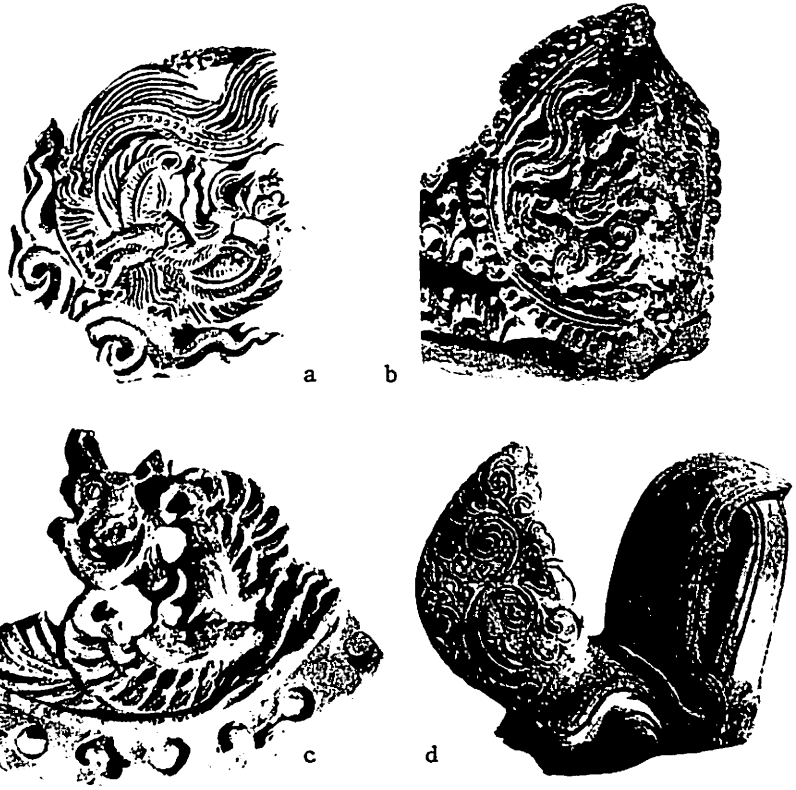

Hình 129a : Trang trí hình Phượng Đời Lý : a. Chùa Vạn-phúc b. và c . Vĩnh-phúc d. Mỏ chim phượng Cổ-loa.

Đôi khi người ta cũng tìm được các hình trang-trí hình các loại chim khác như gà, vịt, diều-hâu v.v..(H.130).

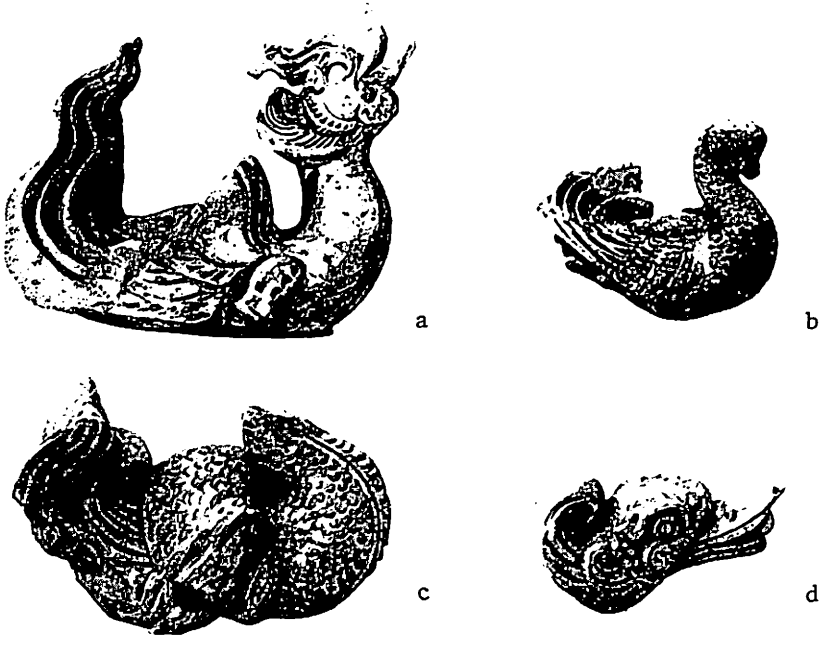

Hình 130 : Trang-trí hình chim : Gà (a), Vịt (b) Diều hâu (c) Đầu vịt (d).

TRANG-TRÍ HÌNH HOA LÁ.

Trong các phần trước đây chúng tôi đã nói đến những trang-trí hình hoa-sen.

Các loại hoa được dùng trong các trang-trí đời Lý là hoa sen, hoa mẫu đơn, hoa cúc... nhưng hoa được dùng nhiều nhất phải kể là hoa sen.

Hoa sen dùng để trang-trí bệ tượng Phật gọi là Tòa sen (Hình 101),đỉnh các tháp (Hình 100c),đầu các viên ngói (Hình 100c,124), các đồ gốm (Hình 108,109,110,111) và ngay cả các ngọn tháp lớn cũng thường được trang-trí để người xem có cảm tưởng cả ngọn tháp được để trên một tòa sen (Hình 131).

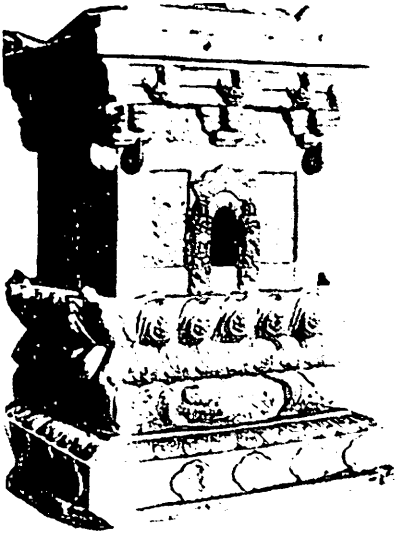

Hình 131 :

Mô hình tháp gốm Bát-tràng đời Lý.

Trang-trí hình lá thường dùng để làm các đường viền ở khung các hình trang-trí khác. Tuy-nhiên không vì vai trò phụ của nó mà các hình này kém mỹ-thuật. Trang trí hình lá cũng là một trong những điểm đặc sắc của Mỹ-thuật đời Lý (Hình 132).

Đôi khi người ta còn dùng các hình bắt chước hình các cành cây., lá cây để diễn tả các hình mây (Hình 116) hay hình sóng nước (Hình 133).

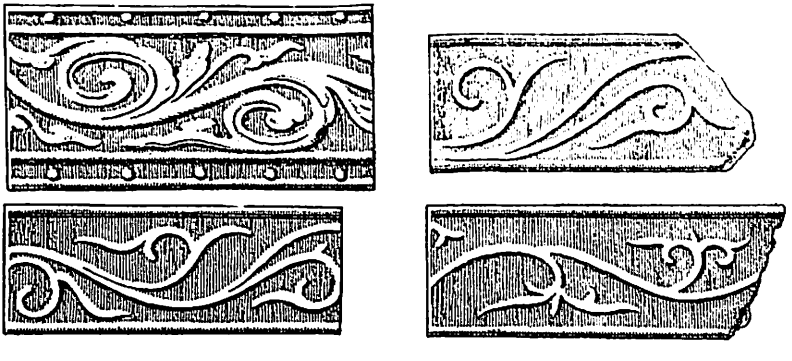

Hình 132 : Trang-trí các đường viền hình lá cây.

Người ta cũng dùng các hình tương-tự như các cành, lá cây để mô-tả hình mây (Hình 116) hay sóng nước (Hình 133).

Hình sóng nước in ở trang sau, tác-giả đã dùng hình những lá có tua cong ở đầu và những cành (có thể là cành giao) để diễn-tả một đợt sóng nước thật là linh-động.

Hình 133 : Trang-trí hình sóng nước bằng những hình trông tựa như cành lá cây.

TRANG-TRÍ HÌNH ĐỒNG TIỀN

Thỉnh thoảng người ta cũng có gặp một số hình trang trí kỷ-hà (Rất phổ-thông trong các thời Đông-sơn, Đại-la).

Trang-trí bằng những hình đồng tiền sau đây là thí-dụ (Hình 134).

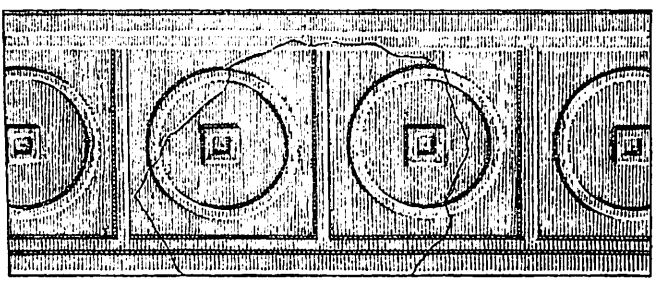

Hình 134 : Trang-trí bằng hình đồng-tiền (Liêu-giai).

Hội-họa

Rất tiếc là trong khi tìm các tài-liệu về Hội-họa đời Lý chúng tôi chỉ thấy nói đến các tranh vẽ qua sách vở và văn bia thôi chứ không tìm được chính các bức tranh đó.

Đại-Việt Sử-ký Toàn thư viết về việc sửa chùa Diên-hựu (Một cột) như sau : Bấy giờ nhà vua cho sửa lại chùa Diên-hựu đẹp hơn cả, lại vét hồ Liên-hoa dài gọi là hồ Linh chiểu. Ngoài hồ có hành lang trạm vẽ chạy chung quanh (1)

Bia chùa Sùng-nghiêm Diên-thánh ở Thanh-hóa viết về chùa này như sau : Tường vách có vẽ tranh chư duyên nhân quả, thiên biến vạn hoá rất là huyền-diệu...(2).

Bia chùa Linh-xứng trên núi Ngưỡng-sơn, Thanh hóa cũng viết : quanh tường thêu vẽ dung nghi đẹp đẽ của cực quả mười phương cùng với mọi hình tượng biến-hóa muôn hình vạn trạng không sao kể xiết (3)

Bia chùa Vạn-phúc cũng viết : (Chùa xưa) gác cao vẽ chim Phượng và sao Ngưu, sao Đẩu sáng lán ...cung Quảng-hàn vẽ hoa nhị hồng (4).

Tang-thường ngẫu-lục của Phạm-đình-Hổ và Nguyễn Án cũng viết về chùa này như sau : ...Cung sơn điện vẽ san-sát trên núi (5).

Tất cả những tài-liệu trên chứng tỏ rằng tranh vẽ đóng một vai trò quan-trọng trong việc trang hoàng các chùa chiền.

Do đó chúng ta có thể đoan-quyết rằng Nghệ-thuật hội-họa ở xứ ta đời Lý đã phát-triển lắm rồi. Tuy-nhiên vì xứ ta là xứ ẩm, lại nhiều loạn lạc nên các tác-phẩm hội-họa trên đã không còn nữa. Thật là đáng tiếc.

Để bổ-túc vào những thiếu xót đó, chúng tôi cố gắng kiếm những hình vẽ ở các di-tích cũ, nhất là các đồ gốm để trình-bầy phần nào nghệ-thuật vẽ hình của xứ ta thời đó.

---

1. NGÔ-SĨ-LIÊN Đại-Việt Sử-ký Toàn thư Sđd t 244,245.

2,3,4. CHU-QUANG-TRỨ. Tìm-hiểu yếu-tố hội-họa thời Lý MỸ-THUẬT THỜI LÝ Nxb VĂN-HOÁ, HÀ-NỘI 1973 t.52.

5. PHẠM-ĐÌNH-HỔ và NGUYỄN ÁN. Tang-thường ngẫu lục nxb VĂN-HÓA, HÀ-NỘI 1960 t 167.

Chủ-đề của các tranh vẽ trên gốm thường giản dị hơn các tranh vẽ tôn-giáo ở các chùa.

Đời nhà Lý là đời chinh-chiến (Phá Tống, bình Chiêm), nên chủ đề được nói đến nhiều là võ-nghiệp. Trong một thống bằng sứ tìm được ở Thăng-long, người ta thấy có vẽ hình 2 võ sĩ đang đấu khiên. Cả hai đều mặc áo giáp, đội mũ cứng, một tay cầm giáo, một tay cầm khiên tròn.

Đặc biệt là trên các khiên và trên đùi 2 người đều có vẽ Rồng. Khiên của người bên trái vẽ 2 con Rồng kiểu đời Lý châu một hình mặt trời màu đỏ. Hình khiên của người bên phải vẽ 1 con Rồng mà thôi (Hình 135)

Hình 136 : Hình voi đời Lý (Thăng-long).

Hình 135 : Hình vẽ trên thống bằng sứ đời Lý (Thăng-long).

Cạnh hình võ sĩ thứ hai có vẽ hình một con voi chiến trên có người cầm giáo.

Voi này cao lớn, vòi dài, ngà cũng dài và cong. Lông voi vẽ thành chùm dài, nổi lên nên trông voi khoẻ và dữ (Hình 136).

Một chủ-đề rất thông-dụng trong hội-họa đời Lý là vẽ chim chóc và thú vật.

Chim trong hội-họa đời Lý thường là những chim chân cao (chim vũng ngập nước), đuôi dài ,cổ dài và mỏ cũng dài.Có chim vẽ đang đi, có chim vẽ đang mổ hạt trên mặt đất và có chim vẽ đang ngậm một con nhái (Hình 137,138, 139, 140).

Đôi khi người ta cũng thấy vẽ trên đồ gốm hình cọp. Tuy-nhiên hình cọp dưới đây vẽ đầu không giống lắm lại có râu quá dài nên giá-trị mỹ-thuật trong hình vẽ này không cao lắm (Hình 141).

Hình 137 : Hình chim đứng,vẽ trên đồ gốm đời Lý.

Hình 138 : Hình Chim vẽ trên gốm đời Lý.

Hình 139 : Hình chim đang mổ hạt trên đất (vẽ trên gốm).

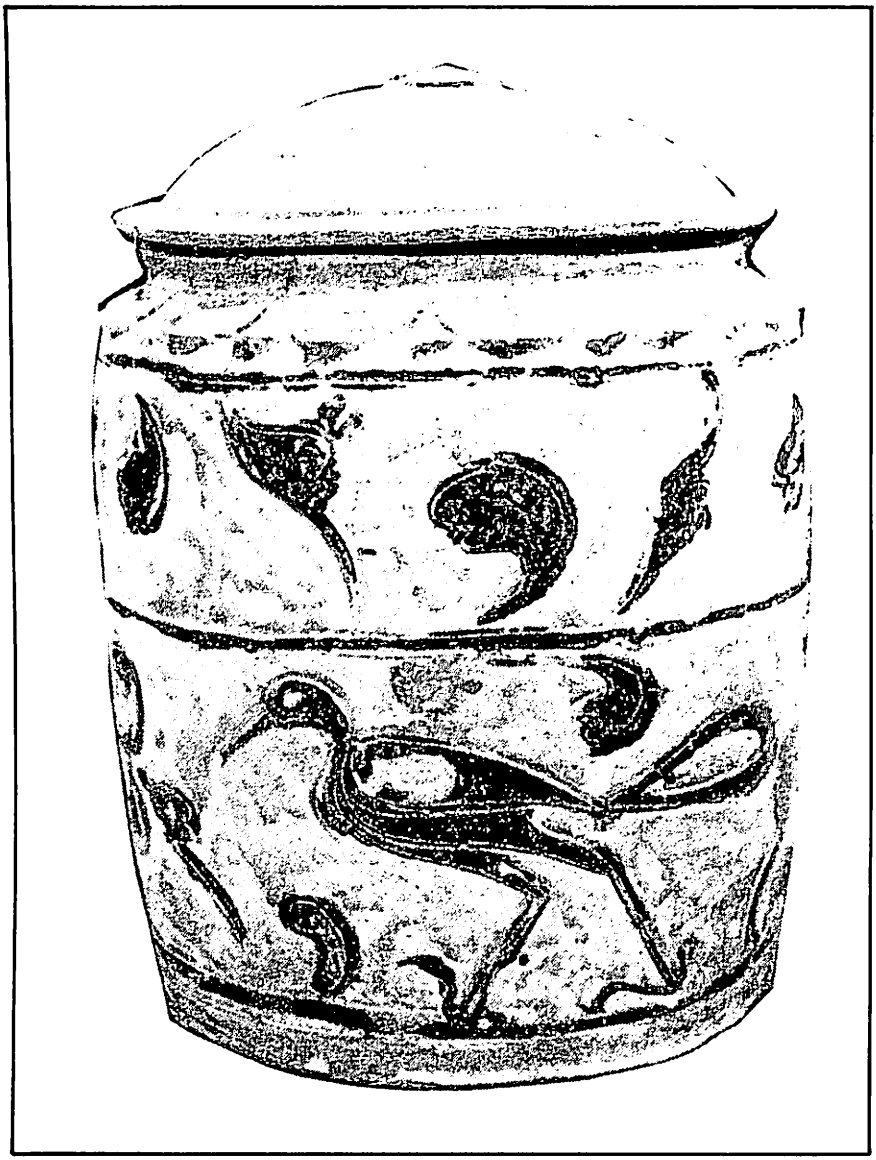

Hình 138b : Chim vẽ trên gốm đời Lý.

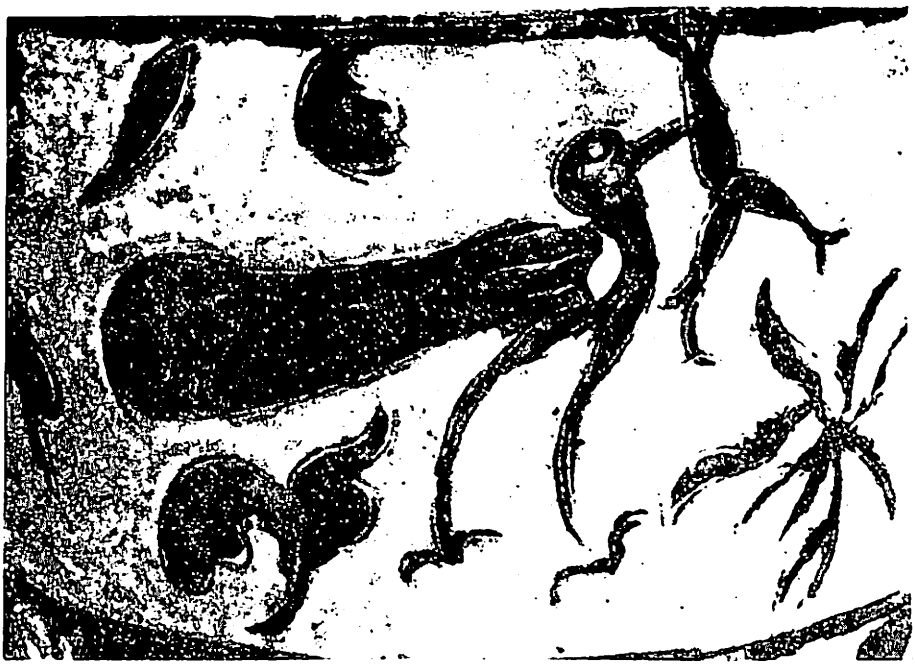

Hình 140 : Chim đang tha mồi vẽ trên gốm, Thăng-long .

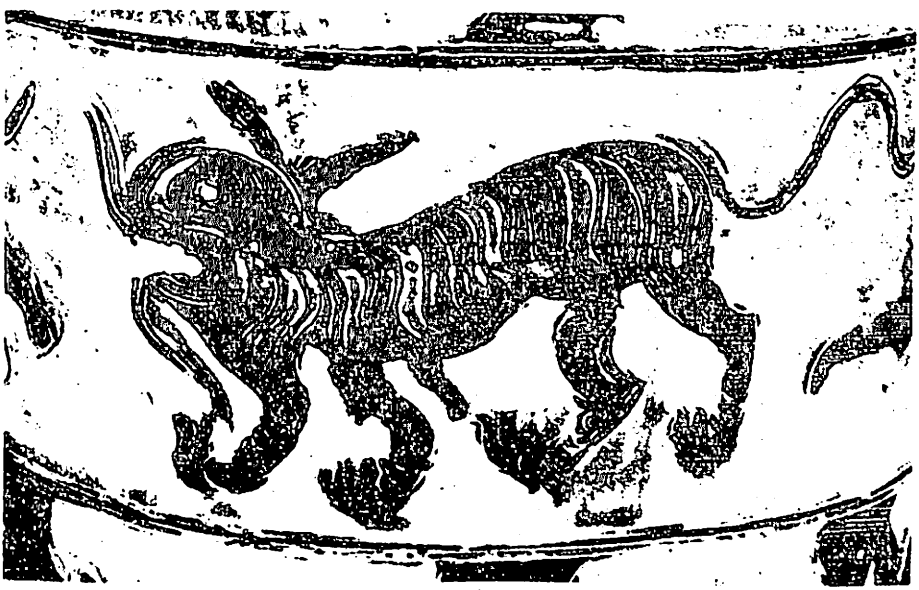

Hình 141 : Hình cọp vẽ trên gốm, Thăng-long đời Lý

Cũng như các hình trạm trang-trí, hình hoa vẽ trên đồ gốm đời Lý khá đẹp. Các hoa thường vẽ theo lối đan vào nhau xen lẫn với các hình hoa sen (Hình 142,143).

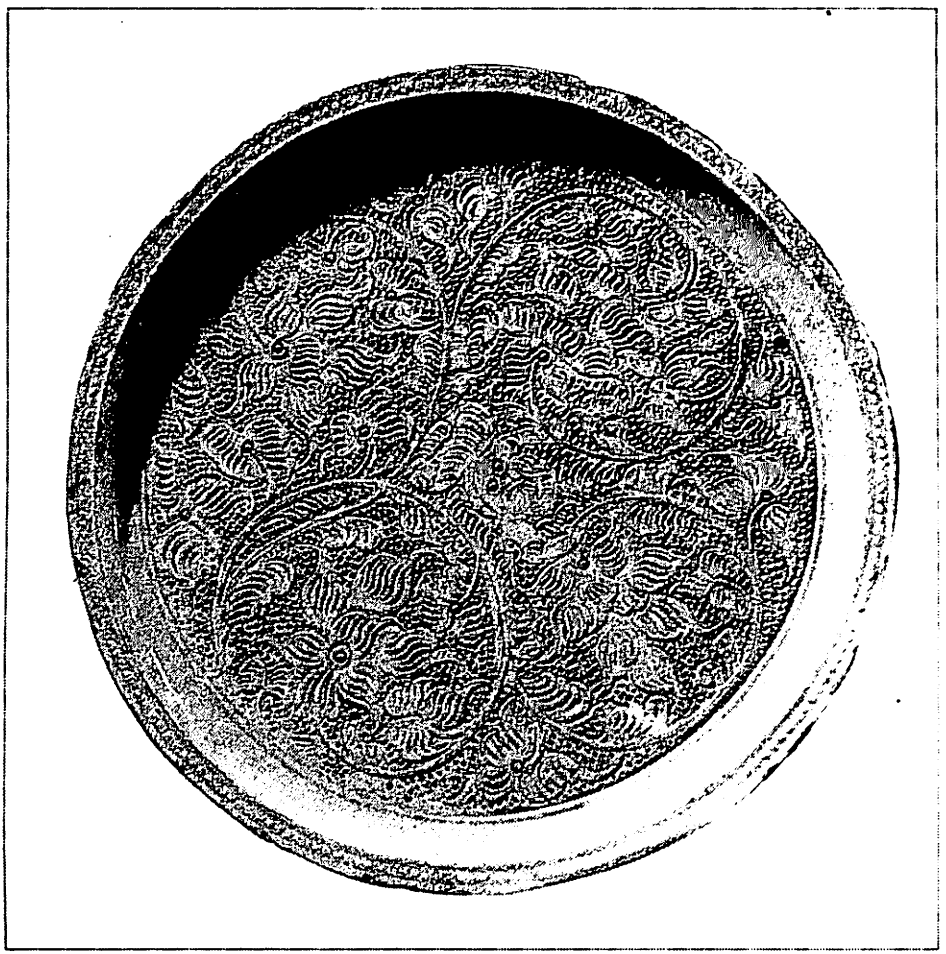

Hình 142 : Đĩa trang-trí hình hoa đời Lý.

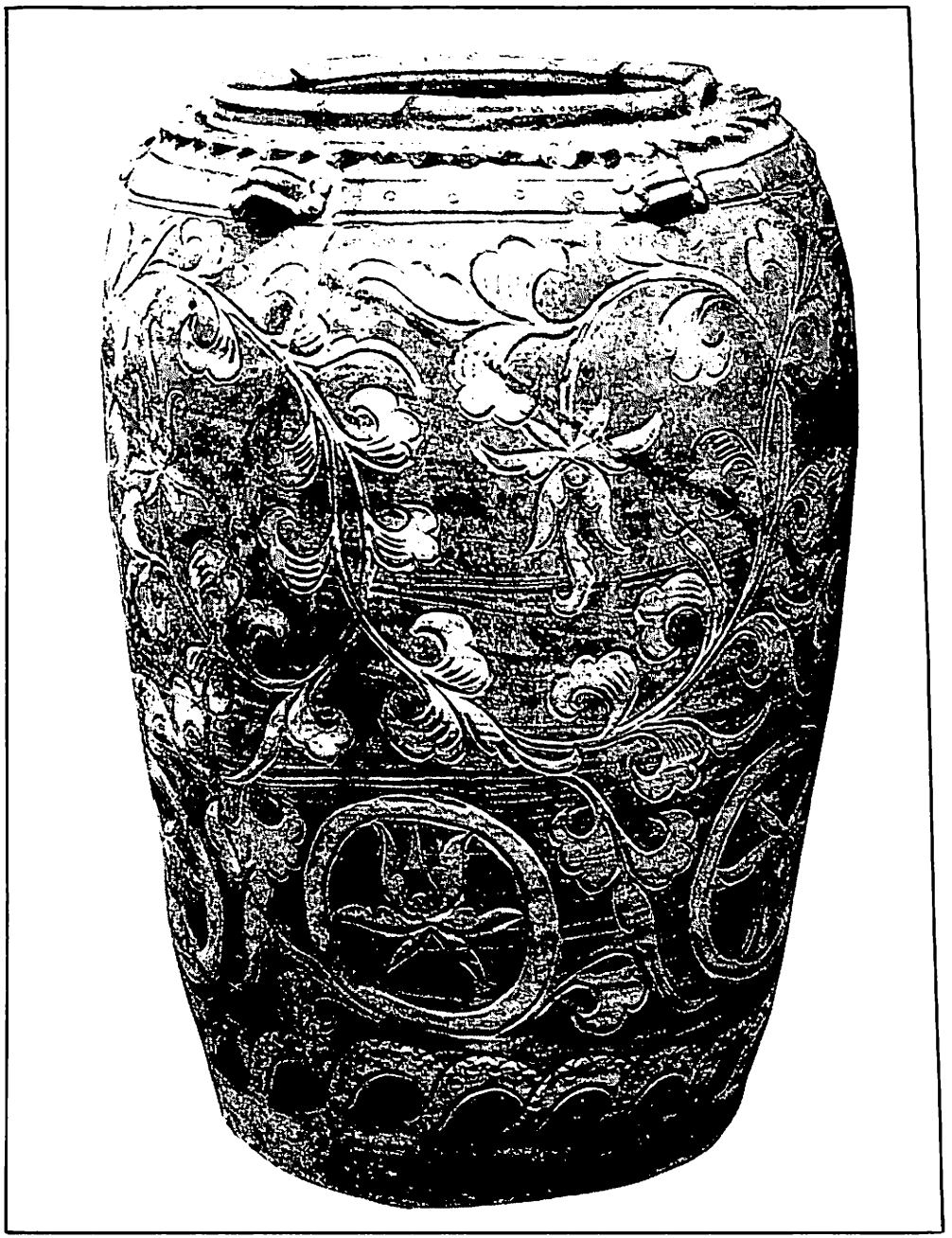

Hình 143 : Bình trang-trí hình hoa đời Lý.

Mỹ-thuật THĂNG-LONG đời TRẦN

Vua cuối-cùng nhà Lý là Lý-huệ-Tông, không có con trai nên phải nhường ngôi cho con gái là Công-chúa Chiêu-Thánh. Nàng lên ngôi lấy hiệu là Chiêu-Hoàng.

Quyền-chính lúc bấy giờ ở trong tay Trần-Thủ-Độ nên năm 1226, ông buộc Chiêu-Hoàng phải nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Đó là vua Thái-Tông nhà Trần.

Nhà Trần truyền ngôi được 174 năm thì bị Hồ-Quý-Ly cướp ngôi (1400).

Nhà Trần có công chống quân xâm-lăng Mông-cổ ở phía Bắc, mở mang bờ cõi về phía Nam, phục-hồi kinh-tế, phát-triển văn-hóa khiến nước ta trở thành một quốc-gia cường-thịnh. Nhờ đó Mỹ-thuật đời Trần cũng tiến một bước khá dài.

Kiến-trúc Thành Thăng-long

Sau khi lên ngôi, năm 1230, Trần Thái Tông đã cho xây các cung-điện có lầu như cung Thánh-từ, cung Quan-triều cùng các nhà Lang-vũ ở phía Đông và phía Tây.

Năm 1248 Triều-đình lại cho xây cầu Lâm-ba ở chùa Chân-giáo qua hồ Ngoại-thiềm đến cung Thái-thanh rất là lộng-lẫy (1)

Thăng-long từ đời nhà Lý đã là nơi có nhiều cung-điện tráng-lệ, sang đời nhà Trần nhiều cung điện mới được xây cất thêm khiến chốn đế-đô càng thêm đẹp-đẽ.

NGÔ-SĨ-LIÊN . Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư Sđd t.22.

Rất tiếc là sau những cuộc xâm-lăng của quân Nguyên, thành Thăng-long đã bị tàn-phá nặng-nề nên năm 1280 Triều đình phải cho tu-bổ lại.

Sau cuộc trùng-tu này, sứ-thần Trung-hoa Trần-Phú sau khi đi sứ nước ta về,đã viết về Thành Thăng-long trong cuốn An-nam tức-sự như sau : Từ Sứ-quán đi 60 dặm thì đến cầu Yên-hòa,đi một dặm nữa thì đến phía Bắc cầu Thanh-hoa, trên cầu có cất 19 gian nhà. Đến nơi ở của Tư-trưởng (tức vua) có cửa Dương-Kinh-môn, trên cửa có gác Triều-thiên-các. Cửa nhỏ bên trái gọi là Vân-hội môn,bên trong cửa có giếng Thiên-tỉnh ngang dọc độ vài mươi trượng. Từ bậc thềm bước lên thấy dưới gác có một tấm biển đề chữ Tập-hiền điện ,bên trên có gác lớn gọi là Minh-linh các.Từ bên phải đi tới,gặp một điện lớn gọi là Đức-huy-điện,có cửa bên trái gọi là Đông-lạc-môn và cửa bên phải gọi là Kiều-ứng môn.Các biển đều bằng chữ vàng cả (1).

Về cuối đời nhà Trần,năm 1363, Trần-dụ-Tông đã cho đào hồ ở vườn Ngự trong hậu-cung,trong hồ xếp đá làm núi,bốn mặt khai ngòi chảy thông nhau.Trên mặt hồ trồng cây tùng, cây trúc và các thứ hoa quả lạ.Lại nuôi chim quí,thú lạ trong ấy.Phía Tây hồ trồng 2 cây quế,dựng điện Song-quế, sau gọi là điện Lạc-thanh .Hồ ấy cũng gọi là hồ Lạc-thanh. Lại làm riêng hồ nhỏ,sai người ở Hải-đông cho nước mặn chứa vào,đem các thứ hào vật như đồi-mồi, cá ...nuôi ở đấy. Lại sai người ở châu Hóa cho cá sấu đến thả,lại có hồ Thanh-ngư thả cá Thanh-phụ (cá diếc) (2).

Kiến-trúc ở Tức-mạc

Song song với việc trùng-tu Thăng-long, các vua nhà Trần cho xây nhiều cung-điện ở chốn quê nhà ở làng Tức-mạc Phủ Thiên-trường để các vua về đó nghỉ khi về già. Nhà Trần thường cứ lệ,khi về già các vua thường nhường ngôi cho con, còn mình giữ chức Thái-thượng-Hoàng để chỉ làm cố-vấn cho các vua mà thôi.

Ở Tức-mạc, năm 1230, Trần-Thái-Tông đã cho xây một cung điện lớn gọi là Cung Trùng-quang để Thái-thượng-Hoàng về đó nghỉ-ngơi.Năm 1262, nhà vua cho xây cung Trùng-hoa để làm nơi nhà vua nghỉ mỗi khi về thăm Thái-thượng-Hoàng.Ngoài ra ở Tức-mạc còn có nhà dạy học trò , xây cất

1. *NGUYỄN DU CHI . Kiến-trúc . MỸ-THUẬT THỜI TRẦN Nxb VĂN-HỌC ,HÀ-NỘI 1977 t. 18.*
2. *NGÔ-SĨ-LIÊN. Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư. Sđd. tập II t. 166.*

năm 1281,để làm nơi dạy dỗ con cháu, họ hàng nhà vua. Tức-mạc cũng còn có nhiều phủ-đệ của các công-hầu Khanh-tướng nhà Trần,phần lớn gốc gác tại vùng này.

Ngoài ra Triều-đình còn xây cất cả kiến-trúc lớn để ban thưởng cho các đại công-thần như trang ấp cho Trần-Hưng-đạo ở Vạn-kiếp (Kiếp-bạc, Chí-linh), Thái-ấp của Thái-sư Trần-Quang-Khải ở Mỹ-lạc, của Trần-Nhật- Duật ở Tức-mạc, của Trần Khánh Dư ở Vân-đồn , của Phạm-Ngũ-Lão ở Phù-ủng.

Kiến-trúc lăng mộ

Lăng-mộ đời Trần được tập-trung ở 3 khu-vực chính như Thái-đường (Hưng-nhân, Thái-bình), Thâm-động (Duyên-hà, Thái-bình) và An-sinh (Đông-triều, Quảng-ninh) .

Lăng Trần Anh-Tông ở làng Đông-thái được cất trên một ngọn đồi thấp, trên đỉnh được bạt bằng đi để mặt bằng vuông vắn mỗi chiều 61 m.Lăng chia thành 3 lớp :

Lớp trong cùng là phần mộ xây hình vuông mỗi cạnh 8 m. Lớp này cao hơn hẳn lớp thứ nhì nên người ta đã xây một bậc lên có 2 thành bậc trạm rồng ở hướng chính của mộ : hướng Nam.

Lớp thứ nhì cũng xây thành hình vuông mỗi chiều 25 m và 26 m. Lớp này cũng cao hơn hẳn lớp thứ ba và xây bao quanh một bức tường bằng đá cuội. Cạnh hướng Nam của lớp này có 3 cửa, mỗi cửa đều có thành bậc trạm rồng. 2 cánh 2 bên cũng có mở một cửa ra.Các cửa này có thành bậc tạc hình sấu đá.

Lớp thứ ba cũng hình chữ nhật, một chiều 54 m ,một chiều 61 m, như một hành-lang bao-bọc lấy lớp trong.Lớp này có bậc xuống toả ra cả 4 ngả của đồi.Trong lớp này về mặt Nam có điện tế, về mặt Bắc có điện thờ ,hai bên có 2 dãy nhà phụ để làm chỗ ở cho những người đến lễ và trông coi lăng (Hình 144).

Lăng Trần-Thủ-Độ ở thôn Ngũ, xã Liên-hiệp, huyện Hưng nhân, Thái-bình xây trên một khu đất cao rộng đến 2 mẫu (3600 m2), cây cối mọc um tùm. Lăng xây hình vuông trên chỗ cao nhất của khu này. 4 cửa lăng đặt 4 tượng tứ linh Bạch hổ ở phương Tây, Thanh-long ở hướng Đông, Huyền-vũ ở hướng Bắc và Chu-tước ở hướng Nam.

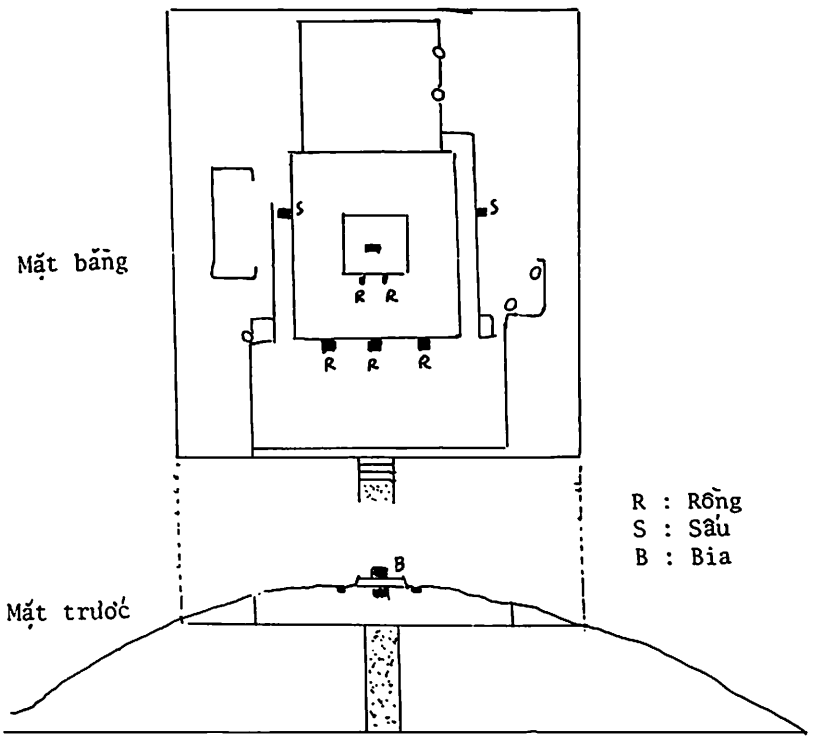

Hình 144 : Sơ đồ lăng Trần Anh-Tông ở Đông-thái.

Lăng Nghệ-sơn của Trần-Hiến-Tông ở An-sinh xây thành 2 lớp hình chữ nhật.

Phần mộ xây ở giữa hình vuông mỗi cạnh 19,2 m.

Lớp ngoài xây hình chữ nhật cạnh 71,4 m và 111,3 m.

Lăng chỉ có một cửa vào duy nhất ở hướng Nam. Từ cửa vào đến mộ có 2 hàng tượng người và thú bằng đá gồm : 2 hổ (một tác thế ngồi, một thế đứng), 2 dê (đứng), 1 ngựa (đứng), 1 voi (nằm) 2 võ-sĩ (đứng), 1 trâu (nằm), một chó (nằm).

Phía sau mộ là đền thờ và cũng là nơi tế lễ trong những ngày giỗ chạp.

Lối bố-trí các lăng mộ này dựa theo lối bố-trí của các lăng mộ Trung-hoa. Có lẽ đây là những ảnh-hưởng của Trung-quốc đã vào xứ ta sau những đợt xâm-lăng liên-tiếp.

THÀNH NHÀ HỒ VÀ TÂY-ĐÔ.

Lợi-dụng sự suy-yếu của nhà Trần, Hồ-Quí-Ly, một đại-thần có thế-lực, đã cướp ngôi, lập ra nhà Hồ (1400).

Ngay từ năm 1397, Hồ-Quí-Ly đã ép vua Trần-Thuận-Tông phải rời đô về Vĩnh-lộc (Thanh-hóa) gọi là Tây-Đô và gọi Thăng-long là Đông-đô.

Sau khi cướp ngôi, họ Hồ còn xây-dựng thêm ở Tây-đô nhiều cung-điện để biến Tây-Đô thành một cơ-sở quân-sự, chính-trị, văn-hóa đặc-biệt của đời nhà Hồ.

Thành Tây-Đô ở địa-phận làng Tây-giai, gần núi Yên-tôn nên cũng gọi là thành Yên-tôn hay Tây-giai. Thành này ưu-tiên nhằm mục-đích quân-sự nên Hồ-Quí-Ly đã chọn địa-thế vùng núi đá vôi hiểm-trở để xây thành. Thành này về phía Bắc có núi Voi, về phía Nam có Đốn-sơn, phía Đông có núi Hắc-khuyển và sông Bái bao quanh, phía Tây có sông Mã bao bọc. Thành này do Thượng-thư Đỗ-Tỉnh khởi công xây cất từ năm 1397 và được xây thêm cũng như sửa-chữa trong đời nhà Hồ. Thành hình chữ nhật chiều dài độ 900 m, chiều rộng độ 700 m. Thành xây toàn bằng đá khối chữ nhật rất lớn, có

Hình 145 : Thành Tây-đô (thường được gọi là thành nhà Hồ).

tảng dài đến 4m và cao 1,3 m,dầy 0,7 m.Bên trong thành đắp bằng đất rộng 4 m ở trên mặt và thoải ra về phía chân.

Cổng chính của thành quay về hướng Nam,có 3 cửa trên có xây vọng-lâu.Chỗ này thành rộng đến 33,8 m,cao 9,5 m và dầy15,17 m.Trong 3 cửa thì cửa giữa cao 8,5 m,rộng 5,86 m.Cửa 2 bên chỉ cao 7,65 m và rộng 5,42 m.Vòm cửa xây bằng đá khối đẽo theo hình múi cam và xây theo kiểu cửa cuốn như kiểu các mộ Đại-la.Trong thành Triều-đình đã cho xây nhiều cung-điện nhưng rất tiếc rằng ngày nay đã bị tàn phá nên chúng ta không biết hình dáng chúng ra sao. Ngày nay di-tích còn lại chỉ là những nền vuông vắn với các tên gọi mà dân-chúng địa-phương còn nhớ như Thành-nội, Chính-điện, góc ngục v.v..

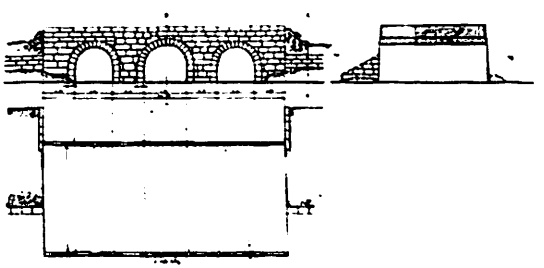

Hình 146 : Sơ đồ cổng Nam thành nhà Hồ.
Chính-diện, thiết-đồ, bình-đồ.

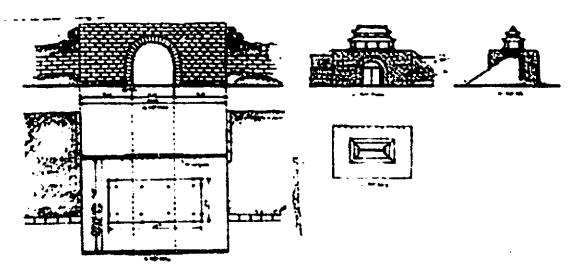

Hình 147 : Sơ đồ cổng Bắc thành nhà Hồ.
Chính-diện (hiện-tại),Chính-diện mô-phỏng thiết đồ,Bình-đồ ngang mặt đất,Bình-đồ lầu.

Kiến-trúc Tôn-giáo

Phật-giáo về đời nhà Trần tiếp-tục phát-triển mạnh. Chính nhà vua và Hoàng-gia thường cũng qui-y. Vua Trần-Nhân-tôn, vị vua có công chống nhau với quân Nguyên, có lẽ vì thấy chiến-tranh đã làm dân-chúng điêu-linh, nên đã qui y và sáng-lập ra một môn-phái mới gọi là Trúc-lâm tam tổ. Phái này có các nhà sư nổi-tiếng như Pháp-loa, Huyền-quang đã làm rạng danh cho Phật-giáo và nâng số sư sãi lên đến hàng vạn người.

Về đời nhà Trần, ngoài việc trùng-tu các ngôi chùa cũ như Diên-hựu, Báo-thiên, Khai-nghiêm, Yên-phong đã xây dựng những ngôi chùa mới như Hương-tích ở núi Hồng-lĩnh (Can-lộc, Nghệ-tĩnh), chùa Hoa-long, chùa Thông (Vĩnh-lộc Thanh-hóa), Chùa Hang ở núi Úc (Hoằng-liên-sơn), tháp Bình sơn (Lập-thạch, Vĩnh-phú), Bối-khê (Thanh-oai, Hà-đông), chùa Hảo-xá (Thanh-hà, Hải-hưng), Thái-lạc (Văn-lâm, Hải hưng), Phổ-Minh (ngoại thành Nam-định), Dưỡng-liêu (Đan-phượng (Hà-Sơn-Bình) cùng các chùa ở núi Yên-tử, nơi xuất-phát của Phái Trúc-lâm tam-tổ v.v...

Riêng ở núi Yên-tử, trên ngót 30 km từ chân núi đi lên, nhà Trần đã xây cất trên 20 công-trình kiến-trúc Phật-giáo trong đó có các chùa am nổi tiếng như chùa Lân (Long-động), chùa Giải-oan, chùa Hoa-yên, chùa Bảo-sái, am Vân-tiên, viện Thạch-thất mi-ngự, viện Phù-đổ v.v... Chính vua Trần-nhân Tông sau khi thắng quân Nguyên đã nhường ngôi cho con để về tu-ẩn ở chùa Hoa-yên năm trong khu-vực núi Yên-tử.

CHÙA PHỔ-MINH.

Chùa Phổ-minh nằm trong địa-phận xã Lộc-vượng, huyện Mỹ-lộc ở ngoại thành Nam-định, thuộc khu-vực Thiên trường ngày xưa.

Chùa do Triều-đình xây cất năm 1262 (đời Trần Anh-Tông) nên qui-mô khá lớn. Trong chùa có nhà thủy-tạ để làm nơi lễ hội. Trước chùa có một vạc đồng lớn, được xếp vào hàng tứ-đại khí của nước ta thời xưa. Trong tấm bia dựng ở bên phải chùa còn ghi : Cung-điện nguy-nga, vạc đồng nghìn quan trấn-giữ, qui-mô lộng-lẫy, tháp Phật trăm thước dựng lên (1)

---

1. *NGUYỄN-DU-CHI. Kiến-trúc MỸ-THUẬT THỜI TRẦN Nxb VĂN-HOÁ HÀ-NỘI 1977 t. 41.*

Kiến-trúc chính của chùa gồm 2 tòa điện lớn, một hình chữ công, một hình chữ đinh. Hai bên có hai dãy nhà trai tạo thành một hình vuông gần kín.

Trước chùa là một ngọn tháp, rồi đến nhà bia (nay nhà đã bị phá chỉ còn bia mà thôi. Đối xứng qua nhà bia là 2 nhà mát xây hình vuông để cho khách thập-phương đến lễ nghỉ chân. Ngoài cổng là một tam quan. Hai bên lối đi vào chùa là 2 hồ tròn (Hình 148).

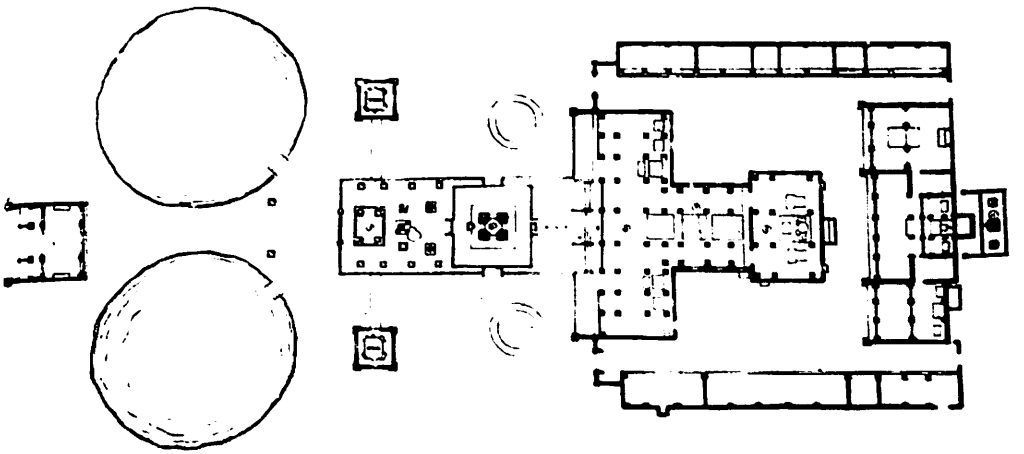

Hình 148 : Sơ-đồ chùa Phổ-minh (Nam-định).

Chùa có nhiều tượng Rồng và tượng sấu trang-trí các thành bậc lên chính-điện rất đẹp (Hình 150).

Đặc-biệt ở chùa này còn có một bộ cánh cửa tram Rồng ở ngay cửa chính-điện. Bộ cánh cửa này bằng gỗ lim gồm 4 tấm, mỗi tấm rộng 79 cm và cao 1,92 m, dùng những nhông lồi ra để làm bản lề và các chốt gỗ lớn ở trên dưới mé cửa để đóng chặt cửa lại một cách rất chắc-chắn. Điều này chứng-tỏ rằng từ đời nay các nhà kiến-trúc nước ta đã có một kỹ-thuật xây-dựng ưu-việt.

Cánh cửa này cũng giúp ta tìm-hiểu được phần nào sự lộng-lẫy của các chùa ở nước ta ngày xưa.

Các kèo gỗ của chùa cũng được trạm khắc rất công-phu. Ở các nóc nhà và các đầu dao góc cũng được gắn nhiều mảnh trang-trí bằng đất nung, trên đó có trạm hình rồng, phượng, hoa mẫu đơn, hình lửa, cùng các hình người như nhạc công, tiên nữ v.v...

Tháp chùa Phổ-minh được xây năm 1305, nửa thế-kỷ sau khi xây chùa. Tháp cao 14 tầng, tổng-cộng 21,2 m. Tháp xây hình vuông, tầng dưới xây bằng đá xanh, mỗi chiều 5,21m và cao 2,20 m.

Các tầng trên xây bằng gạch mỏng và nhỏ dần đi.

Tầng dưới có 4 cửa xây cuốn quay ra 4 phía và trên thành các bậc lên có trang-trí rồng đá và sấu đá. Bệ tháp có trạm hình hoa sen. Gạch đều có trạm hình rồng uốn-khúc vờn mây.

Trên mỗi tầng có một mái nhỏ hơi cong, chìa ra, kiến trúc bằng cách xây các hàng gạch nhô dần ra thành nhiều cấp nhỏ và uốn cong lên.

Đỉnh tháp là một chóm nhọn hình bầu rượu.

Sách Đại-nam Nhất-thống chí còn chép rằng, ngày xưa người ta còn xây cột đá ở bên cạnh rồi dùng dây đồng để rảng lấy đỉnh tháp. Cả quả hồ-lô (chóm tháp) cũng bằng đồng. Về sau mới bị lấy cắp mất.

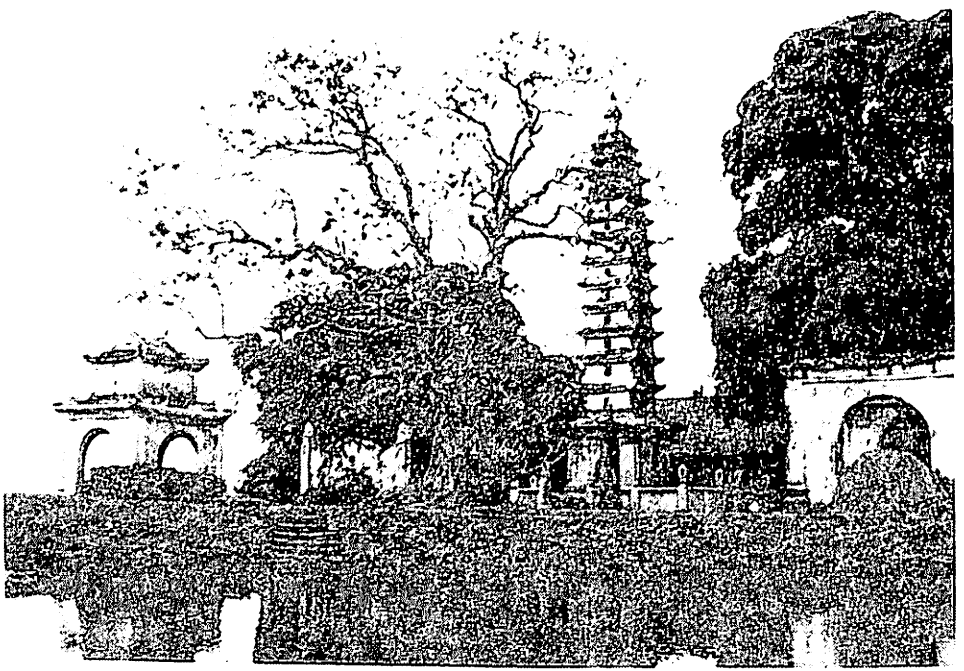

Hình 149 : Toàn cảnh chùa Phổ-minh (Nam-định).

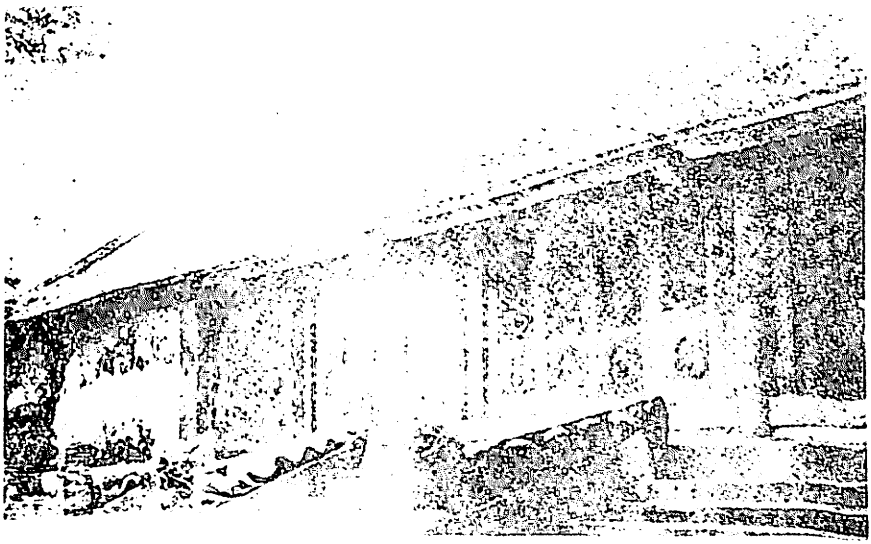

Hình 150 : Mặt tiền chính điện chùa Phổ-minh Nam-định.

THÁP BÌNH-SƠN VÀ CHÙA VĨNH-KHÁNH.

Chùa Vĩnh-khánh ở xã Tam-sơn, huyện Lập-thạch, tỉnh Vĩnh-phú, còn gọi là chùa Then.

Chùa được xây-dựng trên một ngọn đồi thấp ở vùng trung du . Xưa kia chùa này là một ngôi chùa nổi tiếng ở trong vùng nhưng rất tiếc ngày nay chùa đã bị tàn-phá nên chúng ta không thể biết kiến-trúc của nó ra sao. Kiến-trúc duy-nhất còn tồn-tại ở đây là ngọn tháp cổ-kính, thường gọi là tháp Bình-sơn.

Tháp Bình-sơn được xây ngay ở trước chùa Vĩnh-khánh. Đây là một kiến-trúc bằng gạch nung vừa cổ-kính vừa khá lớn ở nước ta.

Niên-đại xây cất tháp này chưa được các nhà khảo cổ đồng-ý với nhau. Nhà khảo-cổ người Pháp Bezacier cho rằng tháp này xây từ thời Bắc-thuộc (1), nhà mỹ-thuật Nguyễn

1. *LOUIS BEZACIER. L ' Art Vietnamien.Ed de L ' Union FRANCAISE PARIS 1954 t.199.*

cho tháp này được xây vào đời Lý (1),nhiều tác-giả khác cho tháp này xây vào đời Trần (2) và riêng ông Trần-Lâm-Biên lại cho tháp này chỉ có vào thế-kỷ XVI (Đời Lê)(3).

Dựa trên lối kiến-trúc cũng như các hình trang-trí trên tháp, chúng tôi thấy niên-đại tháp Bình-sơn là đời Trần có vẻ hợp-lý hơn cả.

Tháp Bình-sơn xây hình vuông mỗi cạnh 4,45 m, hiện nay phần trên đã bị phá chỉ còn 11 tầng, cao 15 m nhưng theo dân-chúng địa-phương cũng như phong tính của các nhà khảo-cổ thì tháp này có đến 14 tầng (Hình 151).

Cấu-trúc tháp Bình-sơn khá tỉ-mỉ. Nền tháp được trang trí bằng hình hoa-sen (tòa-sen) trạm nổi với 3 lớp cánh chìa lên phía trên và một lớp tỏa xuống phía dưới (Hình 152),làm người ta có cảm-tưởng rằng cả ngọn tháp được đặt trên một đóa hoa sen.

Cửa tháp rất nhỏ, chỉ đủ một người chui lọt. Hai bên cửa mỗi bên gắn 3 hàng gạch hình chữ nhật trên có khắc 3 đóa hoa nằm gọn trong các hình tròn.
Trên cửa là 2 hàng gạch hình tam-giác trạm hình lá bồ đề nằm xen kẽ với những ê-ke vừa có mục-đích trang-trí,vừa có mục-đích đỡ lấy mái nhỏ chìa ra ở bên trên.

Mái nhỏ giữa 2 tầng, được lợp bằng một lớp ngói già mỗi đầu ngói đều có những mảnh gốm tròn trạm hình hoa mai 6 cánh (Hình 153).

---

1. *NGUYỄN-PHI-HOANH . Lược-sử Mỹ-thuật Việt-nam, Nxb KHOA-HỌC XÃ-HỘI, HÀ-NỘI 1970, t. 64.*

2. *NGUYỄN ĐỨC NỤNG,NGUYỄN DU CHI, NGUYỄN TIẾN CẢNH,CHU QUANG-TRƯ, NGUYỄN BA VÂN . Mỹ-thuật Thời Trần.Nxb VĂN-HOÁ HÀ-NỘI, 1977.*

3. *TRẦN-LÂM-BIÊN. Trở lại niên-đại Tháp Bình-sơn. Tạp-chí NGHIÊN-CỨU NGHỆ-THUẬT số ngày 4-1974 ,t. 177.*

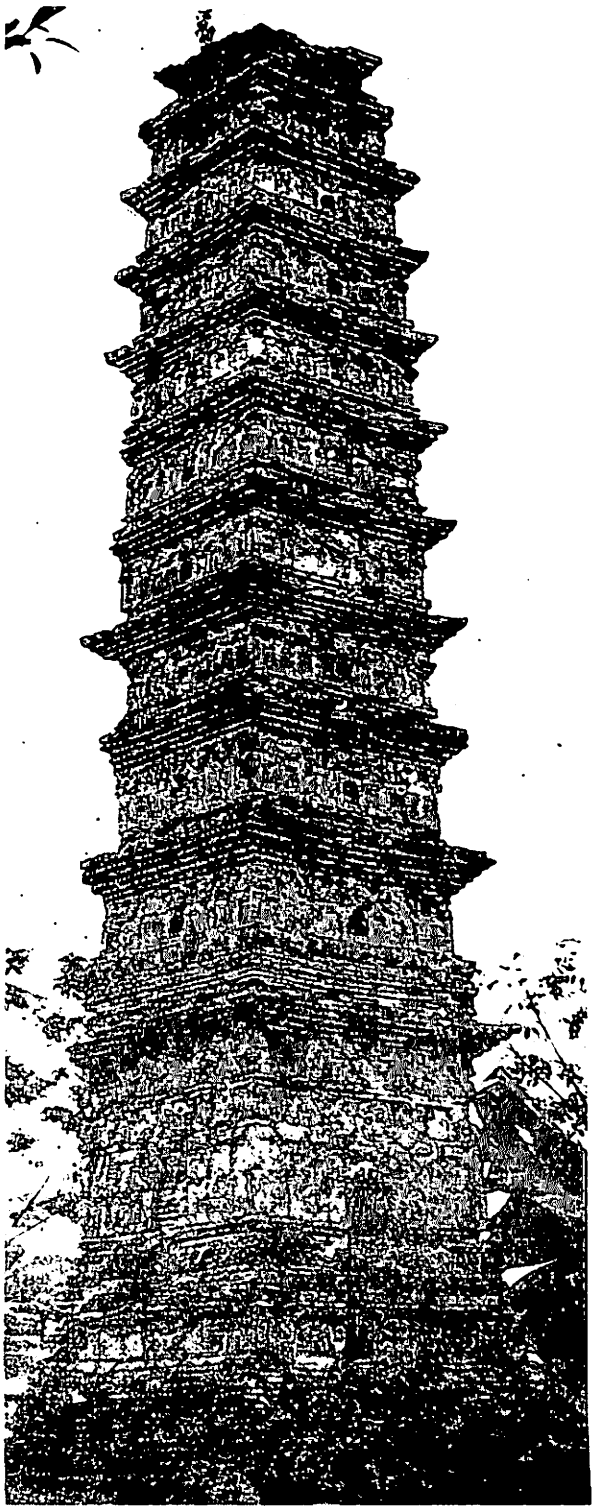

Hình 151 : Tháp Bình-sơn, Vĩnh-Phú.

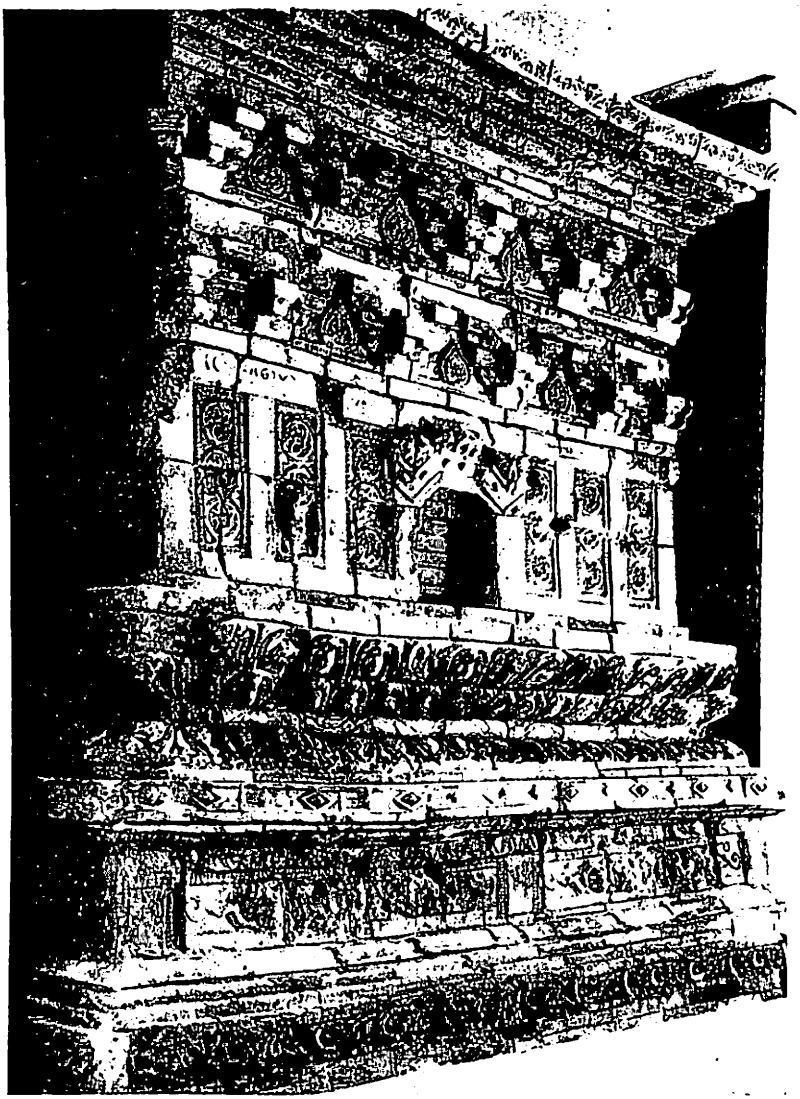

Hình 152 : Chi-tiết nền và tầng thứ nhất tháp Bình-sơn. (Do Viện Bảo tàng Hà-nội đúc lại những viên gạch và ráp lại).

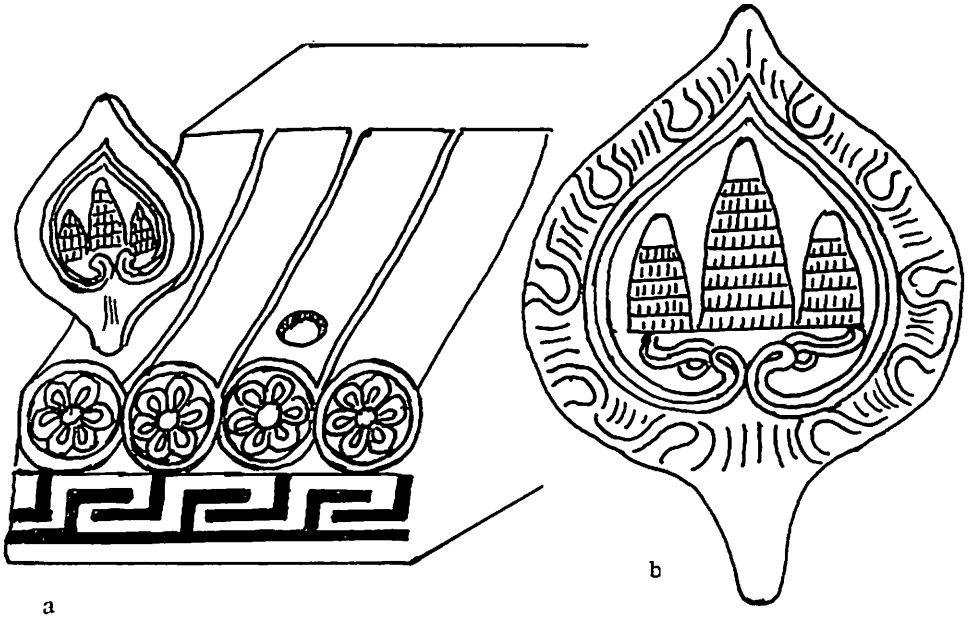

Hình 153 : Mái giả tháp Bình-sơn . Trang-trí hoa mai (a) Lá bồ-đề (b).

CHÙA BÚT-THÁP.

Chùa Bút Tháp hay Ninh-phúc tự ở làng Bút-Tháp, phủ Thuận-thành, tỉnh Bắc-ninh , cách Hà-nội độ 30 km về phía Bắc.

Chùa được xây từ đời Trần-Thánh-Tông (1258-1278) và là nơi tu-hành của 3 nhà sư nổi tiếng trong Lịch-sử Phật giáo Việt-nam : Huyền-quang, Chuyết-công và Minh-hạnh.

Hòa-thượng Huyền-Quang từng là nhà nho đậu Trạng-nguyên, làm quan dưới đời nhà Trần, sau ông từ-chức đi tu và trở thành một trong 3 vị sư-tổ của phái Trúc-lâm.

Trong khi ông trụ-trì ở chùa Bút tháp , ông đã cho lập ở đó một tòa sen 9 tầng để thờ Phật.mà người ta thường gọi là Tòa Cửu-phẩm.

Chùa này được xây thêm và trùng-tu nhiều lần trong đời Lê-Trịnh cũng như nhà Nguyễn sau này nên ở đây chúng tôi chỉ trình bầy những kiến-trúc có từ đời Trần mà thôi.

Chùa được xây cất trên một khu đất rất rộng .Từ ngoài đi vào người ta thấy một cổng có 3 lối đi vào gọi là Tam-quan, kế đó là một Gác-chuông xây trên một nền hình vuông, trên có lầu. Tầng dưới thờ Ngọc-hoàng và Nam-tào , Bắc-đẩu.Tầng trên thờ Đế-Thích và 4 vị thần khác. Trong gác-chuông này có treo một chuông rất đẹp đúc năm 1815 (Gia-long thứ 14).

Tòa nhà lớn nhất của chùa này là Tiền-đường.Đây là nơi các tín-đồ đến lễ phật. Ở Tiền-đường có 2 pho tượng lớn gọi là 2 vị Hộ-pháp, một ông dáng hiền lành gọi là ông Thiện và một ông dáng dữ-tợn gọi là ông Ác.Bên phải Tiền đường thờ Long-thần, có 2 vị Văn-quan và Võ-quan đứng hầu: Bên trái Tiền-đường thờ Át-nan (ananda) ,hai bên có 2 môn đệ là Bà La-sát và Tiêu-diêu.Kiến-trúc này bằng gỗ lim rất lớn nhưng giản-dị (không trạm-trổ nhiều)

Tòa nhà kế-tiếp gọi là Thượng-điện. Điện này có tòa Thiêu-hương nên có tên là điện Thiêu-hương. Điện xây trên một nền cao chung quanh có lan-can kiểu Trung-hoa ,nền cao hơn cả Tiền-đường . Điện này có bàn thờ lớn, chính giữa có thờ tượng Thích-ca Cửu-long (Đức Phật khi mới sinh) hai bên có 2 vị Át-nan và Ca-diếp (Kacyapa).Chùa này kiến trúc khác hẳn các chùa ở xứ ta , nóc không nhọn mà tròn như những kiến-trúc cổ của Nhật-bản .Điện này có lẽ được xây cất đời nhà sư Chuyết-công , một nhà sư gốc Trung-hoa nên mang nhiều ảnh-hưởng Trung hoa (Hình 154).Chuyết-công sinh năm 1590 ở Phúc-kiến,sang xứ ta năm 1633 (Đời Lê) và được chúa Trịnh cho tu ở chùa này để hoằng-dương Phật-pháp.

Hình 155 : Toàn cảnh chùa Bút Tháp.

Tam-quan Gác-chuông Tiền-đường Thượng điện (Đ. Thiêu-hương) Tòa Cửu-phẩm. Nhà chung Tháp

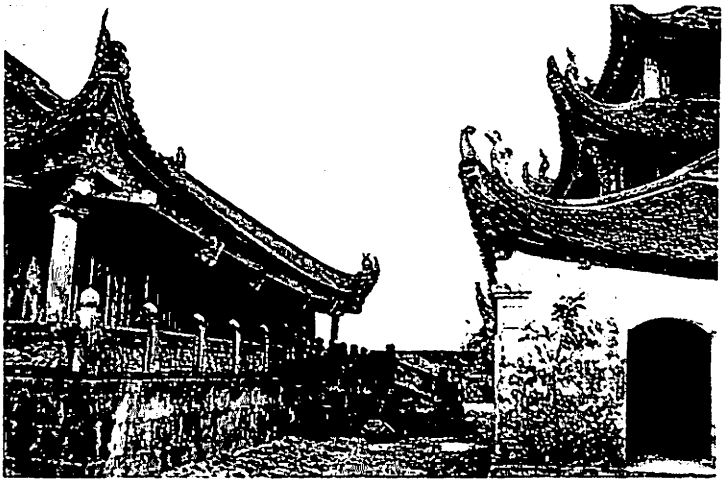

Hình 154 : Thượng-điện (trái) và Tòa Cửu-phẩm (phải) chùa Bút-Tháp , tượng trưng 2 lối kiến-trúc Trung-hoa và Đại-Việt.

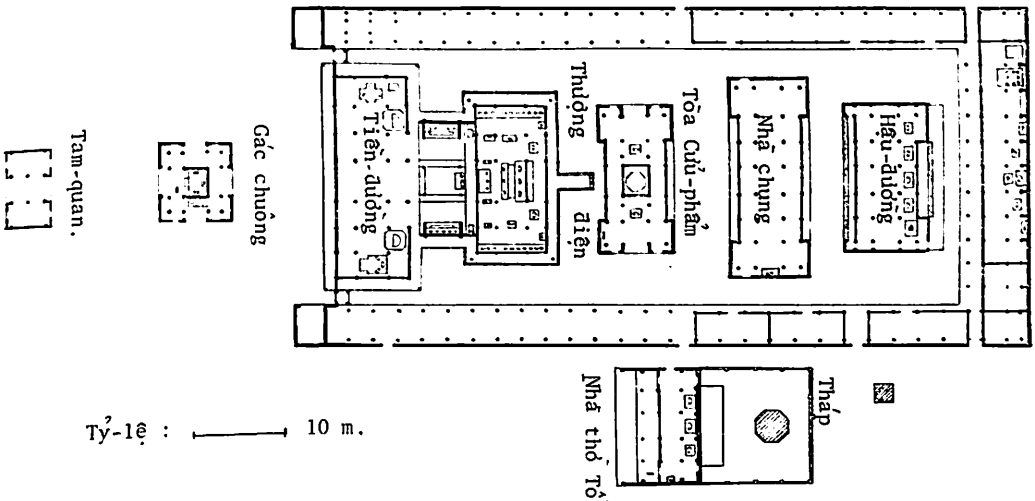

Hình 156 : Sơ-đồ chùa Bút-tháp.

Kế Thượng-điện là Tòa Cửu-phẩm mà chúng tôi đã nói đến trên đây. Đây là một tòa nhà 3 mái ,các mái bên trên nhỏ hơn hẳn các mái bên dưới.Mỗi mái đều cong lên ở các góc. Các góc đều có trang-trí bằng các hình đuôi rồng mà chúng ta đã thấy trong các thuyền thời Đông-sơn.

Đây là lối kiến-trúc điển-hình của nước ta thời Trần.

Kiến-trúc này vẫn còn mang những dấu-vết của nền văn-minh cổ-truyền của ta (Hình 157).

Kỹ-thuật Kiến-trúc

Nhu-cầu của các chùa lớn là kiến-trúc phải rộng để chứa được nhiều tín-đồ và cao. Vì các chùa ở xứ ta thờ rất nhiều tượng nên phải bầy theo nhiều cấp,trong cao ngoài thấp, để ai cũng trông thấy tượng.Vật-liệu kiến-trúc cổ-truyền là gỗ và ngói. Mái lại phải chắc-chắn để có thể chống-đỡ được những cơn bão nhiệt-đới nên mái thường phải rất nặng.

Hình 157 : Tòa Cửu-phẩm,một kiến-trúc điển-hình của xứ ta thời Trần .

Với nhu-cầu trên, các nhà kiến-trúc cổ-truyền phải dùng các cột gỗ lim thật lớn để chống-đỡ. Hai hàng cột ở giữa gọi là cột cái, hai hàng cột hai bên gọi là cột con. Giữa 2 hàng cột lớn, khoảng cách thường độ 3 m.

Giữa các hàng cột cái, dọc và ngang nhà có những hàng xà dọc và đường hoành nối lại với nhau. Giữa các cột cái và cột con có những xà nách. Từ đường hoành cũng như xà nách lên mái có những con chống để đỡ mái. Những con chống này nối với nhau bằng những đấu kê và càng lên cao càng thu ngắn lại theo chiều dốc của mái. Những con chống này cũng tạo các đường gờ để gác các dui lên. Trên các dui và xuôi theo mái nhà là những đường mè để xếp ngói lên.

Trên đỉnh mái là một đường câu-đầu khá lớn để giữ cho các cột, kẻo, xà ngang trên chắc lại với nhau.

Đặc-biệt là ở phía trên câu-đầu còn gắn thêm một bộ-phận gọi là giá chiêng để giữ cho các con chống hai bên được vững chắc (Hình 158, 159 và 160).

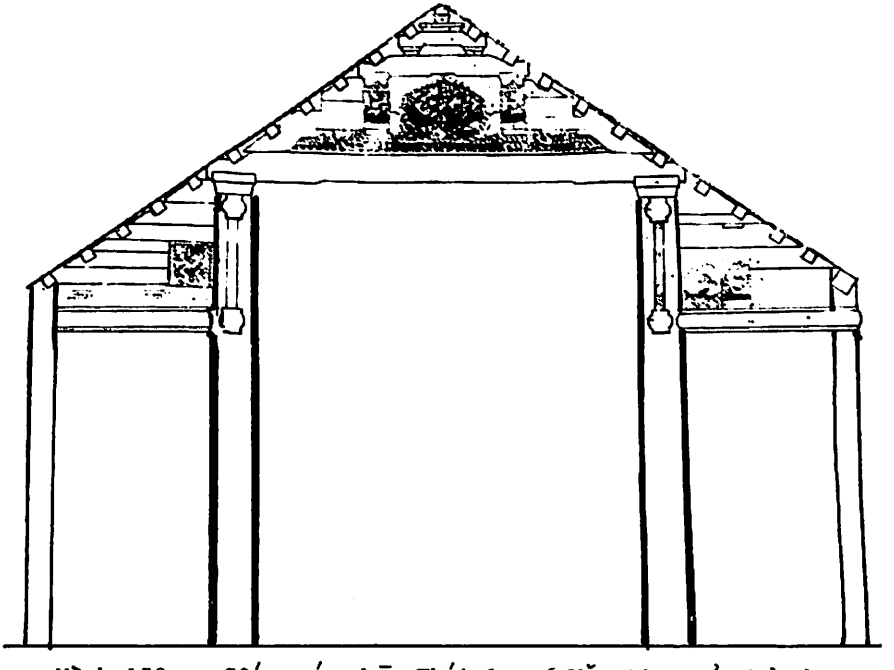

Hình 158 : Cấu-trúc chùa Thái-lạc (Văn-lâm, Hải-hưng).

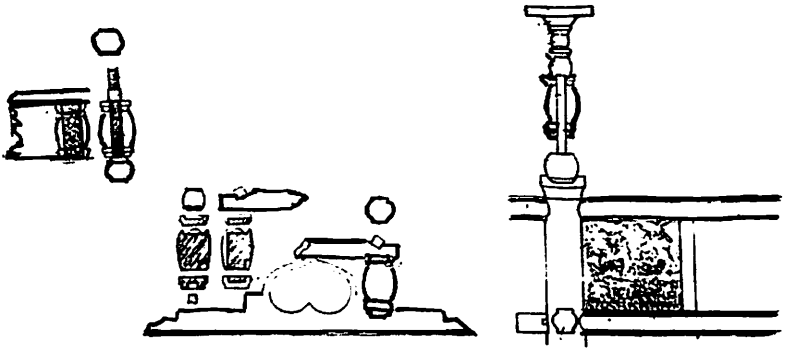

Hình 159 : Vài mẫu ráp nối con chống và đấu kê.

Trên những con chống và cả trên những đấu kê thường có trạm hình hoặc 2 con Rồng châu lấy lá bồ-đề hoặc hình hoa sen (Hình 160).

Hình 160 : Vì nóc chùa Bối-khê, Thanh-oai, Hà-đông.

Kiến-trúc dân-gian

Rất tiếc là chúng tôi không tìm được nhiều tài-liệu về kiến-trúc dân gian đời Trần.

Sứ-thần Trung-quốc sau khi sang thăm xứ ta về, có viết trong cuốn An-nam tức-sự , mô tả nhà cửa ở thành Thăng-long như sau :

Nhà làm không có kiểu gấp mai hoặc chồng kẻo (như cửa Trung-hoa) mà từ đòn dông tới mái hiên cứ thẳng một lèo đó hắn xuống. (Vì-vậy) nóc nhà tuy hết sức cao nhưng mái hiên chỉ (cách mặt đất) chừng bốn năm xích (từ 1,3 m đến 1,7 m).Có nhà còn thấp hơn nữa là khác(1).

Những hình-ảnh trên cho ta thấy nhà cửa dân-chúng về đời nhà Trần vẫn còn giữ những nét đặc-biệt của nhà thời Đông-sơn. Nhà có mái kiểu này rất hợp với khí-hậu nhiệt-đới vì những mái này có sức chống lại gió bão rất mạnh .

Trong khi ấy người ta cũng tìm được một số mô hình bằng đất nung ở Nam-định nặn hình nhà mái thoải hơn và cao hơn. Những nhà này mái lợp ngói và hai mái hai đầu nhà cắt ngang 2 đầu hồi.Những mái nhà này đã mang ít nhiều ảnh-hưởng Trung-hoa (Hình 161).

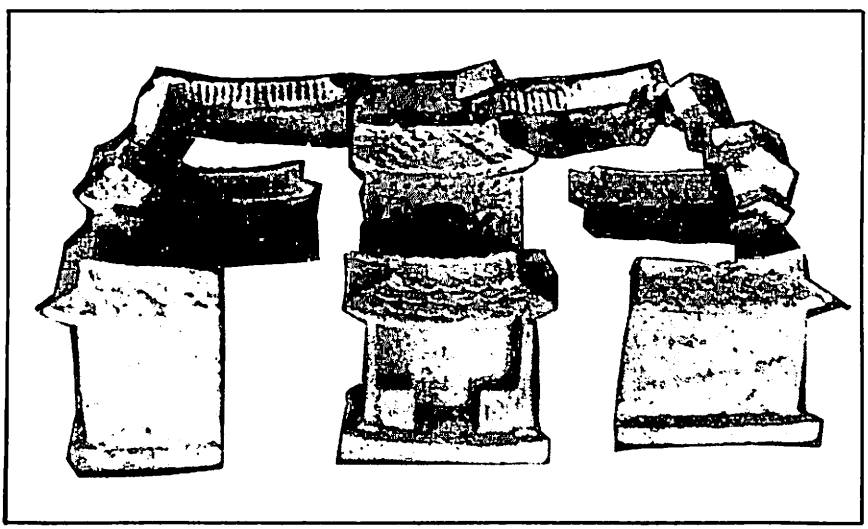

Hình 161 : Mô hình nhà cửa chôn theo mộ (Nam-định)

1. *NGUYỄN-TRÚC-CHI . Kiến-trúc . MỸ-THUẬT THỜI TRẦN Nxb VĂN-HOÁ,HÀ-NỘI 1977, t 18.*

Điêu-khắc

Cũng như đời Lý các tác-phẩm điêu-khắc đời Trần chỉ còn tìm thấy ở các lăng mộ và các chùa.

Vì quan-niệm rằng làm chùa, đúc tượng là làm việc thiện, sẽ được hưởng phúc đời sau nên từ vua chúa đến thứ dân đều không tiếc của để làm việc này.

Năm 1231, Thượng-Hoàng xuống chiếu truyền phàm trong nước, chỗ nào có đình trạm, đều phải tô tượng Phật để thờ(1).

Ngoài tượng Phật, Triều-đình cũng cho tô tượng Khổng-tử, Chu-công và Á thánh để thờ ở Văn-miếu (2).

Từ đó suy ra, việc tạc tượng ở xứ ta thời Trần có lẽ đã rất phổ-thông. Ở đây chúng tôi chỉ trình-bầy một vài pho tượng điển-hình để độc-giả có một ý-niệm cụ-thể về điêu-khắc thời Trần mà thôi.

TƯỢNG BÁO Ở LĂNG TRẦN-THỦ-ĐỘ.

Lăng Trần-thủ-Độ có thể coi là một lăng-tẩm đẹp đời nhà Trần. Trong kiến-văn tiểu-lục, chính Lê-quý-Đôn đã viết đến lăng này, coi như một thắng-tích thời bấy-giờ. Những tác-phẩm điêu-khắc cũng được ông đặc-biệt chú-ý. Ông viết rõ ràng lăng này có hổ đá, chim đá, giới đá và bình phong bằng đá (3). Con hổ đá mà Lê-quí-Đôn nói đến trên đây có lẽ là tượng con báo bằng đá mà chúng tôi mô-tả sau đây.

Tượng được tạc vào khoảng năm 1264 (năm xây dựng lăng).

Tượng dài 1,40 m và cao độ 70 cm, tạc hình một con báo mình thon, đuôi dài đang ở thế nằm.

Điều đáng nói là tác phẩm này là tác-giả của nó đã vượt-thoát khỏi lối cấu-tạo cổ-điển (tạc hình giống như thật), dùng các đường nét rất bạo (thí dụ như đuôi báo gần như hình vuông) để mô tả con thú nhanh và mạnh này.

Nhờ đó tượng báo đã diễn tả nổi 2 tính chất trên của con vật mà lại còn rất linh-hoạt nữa (Hình 162).

---

1. *NGÔ-SĨ-LIÊN .Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư Sđd t.24.*
2. *NGÔ-SĨ-LIÊN .Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư Sđd t.38.*
3. *LÊ-QUÍ-ĐÔN. Kiến-văn Tiểu-lục . Nxb SỬ-HỌC HÀ-NỘI 1962. t:510.*

Hình 162 : Tượng bảo ở lăng Trần-thủ-Độ (Thái-bình).

TƯỢNG KỲ-LÂN Ở CHÙA THÔNG.

Chùa Thông (Thanh-hoá) được xây cất từ năm 1270 nhưng nay chùa đã bị tàn phá, chỉ còn sót lại một số di-vật bằng đá trong đó có tượng Kỳ-lân.

Tượng này dài 1,25 m và cao độ 90 cm, tạc một con kỳ-lân đang nằm thu chân về phía trước. Khác hẳn lối tạc tượng bảo trên, tượng kỳ-lân mô tả một con vật tượng-tượng nên thiên về trang-trí. Đầu kỳ-lân giống như đầu con lân bằng giấy mà người ta thường dùng để múa trong dịp Tết Trung-thu.Trên mình kỳ-lân có nhiều hình họa 4 cánh.Ở vành cổ, bắp chân có những hình xoắn ốc nhỏ.

, Chân Kỳ-lân được tạc khá tỉ-mỉ với những móng nhọn hoắt bấu vào một trái cầu.

Tuy mô-tả một con vật không có thực nhưng tượng này đã thể-hiện được sự mạnh-mẽ của con vật và những nét vui tươi trên nét mặt kỳ-lân. Truyền-thuyết cho rằng nếu kỳ-lân xuất-hiện thì thiên-hạ thái-bình nên nét mặt vui-tươi ở đây rất hợp-với tượng này (Hình 163).

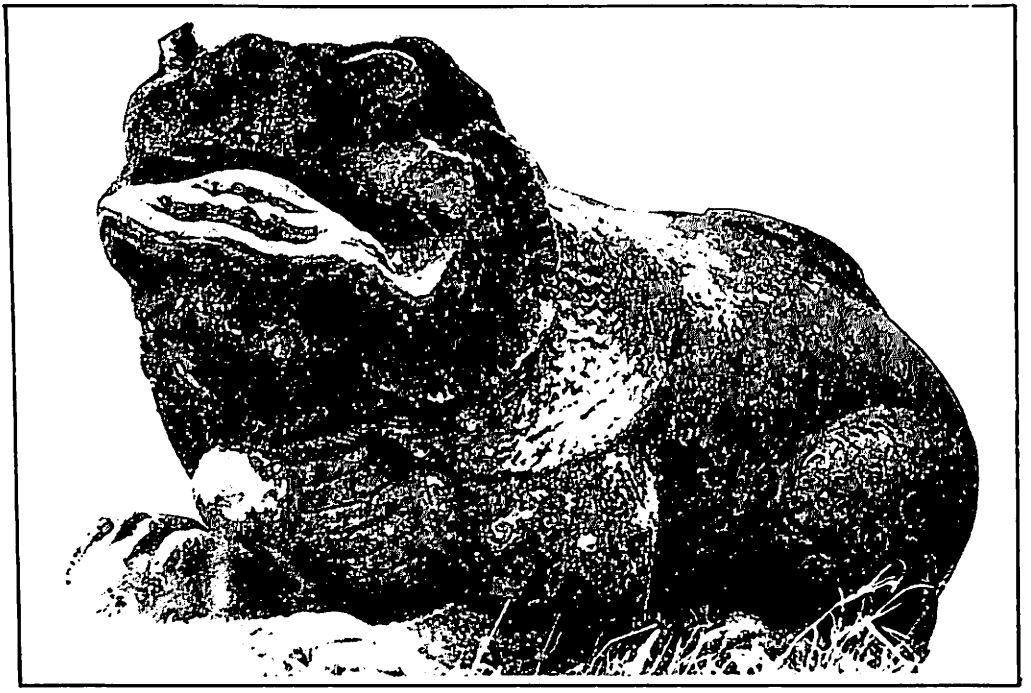

Hình 163 : Tượng Kỳ-lân ở chùa Thông (Thanh-hóa).

TƯỢNG QUAN HẦU Ở LĂNG TRẦN-HIẾN-TÔNG.

Lăng Trần-Hiến-Tông được xây cất vào giữa Thế-kỷ XIV ở xã An-sinh, Đông-Triều nay đã bị tàn-phá, chỉ còn sót lại một số tượng đá tạc hình quan hầu, chó đá, trâu đá v.v...

Tượng quan hầu này tạc cao 1,3 m, mô-tả một vị quan đầu đội khăn chùm kín tóc, mặc áo thụng dài chấm đất, đang bưng hai tay một vật gì nâng ngang trước ngực.

Tượng này tạc bằng những nét rất giản-dị nhưng đủ diễn-tả được nét mặt trầm-tĩnh, kiên-nhẫn, hai đặc-tính cần-thiết của một quan hầu. Cũng trong bức tượng này tác-giả cũng chỉ dùng vài đường nét thô-sơ ở tay áo và dưới tà áo nhưng cũng làm cho tay và tà áo trở nên mềm mại và pho tượng trở nên linh-hoạt. và cũng không kém phần trau chuốt (Hình 164).

Cũng ở lăng này người ta còn thấy 2 pho tượng chó đá và trâu đá. Hai tượng này tạc khá đẹp và mang nhiều tính chất tả thực hơn pho tượng trên (Hình 165, 166).

Hình 164 : Tượng quan hầu lăng Trần Hiến-Tông (An-sinh).

Hình 165 : Tượng chó đá Lăng Trần-Hiến-Tông (An-sinh).

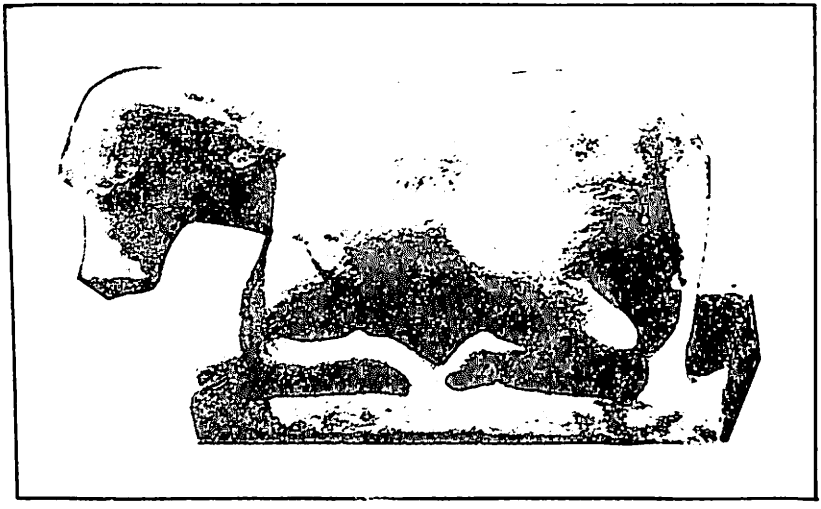

Hình 166 : Tượng trâu đá lăng Trần-Hiến-Tông (An-sinh)

TƯỢNG SẤU ĐÁ CHÙA PHỔ-MINH.

Con sấu cũng là một con vật tưởng-tượng nên mang nhiều tính-chất phong-khoáng hơn các tượng khác. Đây là một con thú 4 chân đang nằm thu hình lại nhưng bờm thú và đuôi thú lại rất dài, tác giả đã dùng các đường gợn sóng song song để diễn-tả nên người ta thấy ngay con thú này đang bay ở trên không. Nhất là trên bệ người ta lại còn khắc những hình mây khiến cho tượng sấu bay lại càng thêm linh-hoạt (Hình 166).

TƯỢNG RỒNG ĐỜI TRẦN- HỒ.

Rồng tượng-trưng cho nhà vua nên ở các lăng Trần-Hiến Tông và thành Nhà Hồ đều có tạc những hình rồng. Những tượng rồng này tạc thân hình rồng lớn hơn, các khúc uốn không nhiều và khít như rồng đời Lý.

Đặc-biệt là cả hai tượng đều có bờm và những nhóm lông ở khuỷu chân khá dài (Hình 167, 168).

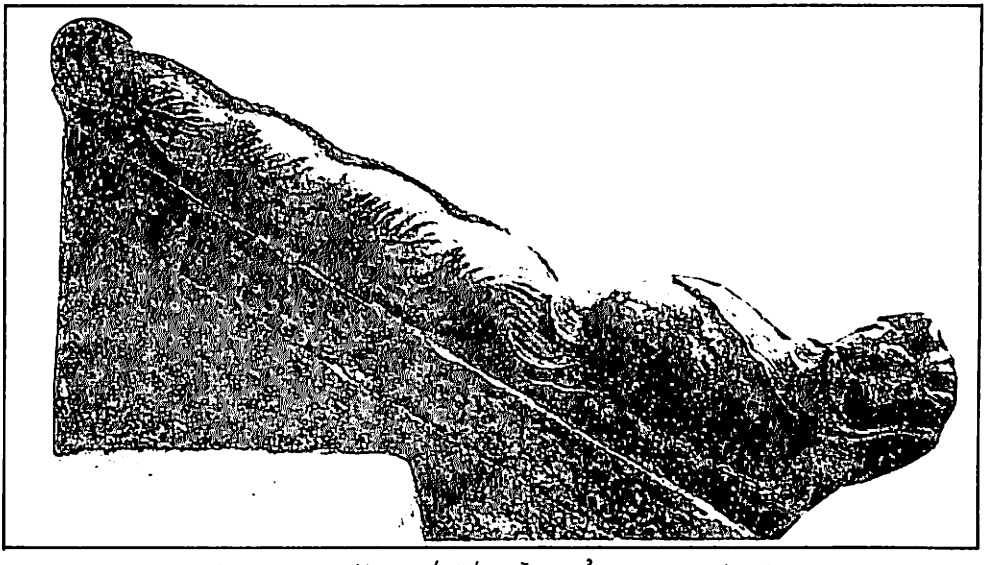

Hình 166 : Tượng sấu đá chùa Phổ-minh (Nam-định).

Hình 167 : Tượng rồng đá ở lăng Trần-Hiến-Tông.

Hình 168 : Tượng Rồng ở thành Nhà Hồ (Thanh-hóa)

Tượng rồng ở lăng Trần-Anh-Tông có đầu rồng hơi lớn. Với cái mào trước mũi dài về phía trước, cặp sừng nhọn hoắt chĩa về phía sau, bốn chân to , móng lớn và sắc, rồng trông có vẻ dữ tợn.

Rồng được trang-trí bằng hình xoắn ốc ngược nhau (hình chữ S) nhưng chòm lông ở cổ cũng dựng lên thành hình xoắn ốc. Khắp mình rồng đều trạm những vảy rồng có dáng như nửa hình hoa tròn nhiều cánh, rất đều và tinh-vi. Nhờ những hình trang-trí này mà rồng trông thanh-thoát hơn vì lấy lại được sự cân-bằng giữa đầu rồng và thân rồng. (Hình 167).

Tượng rồng ở Thành nhà Hồ, rất tiếc là đã bị mất đầu nên chúng ta không biết nó đã được tạc ra sao. Rồng này tuy thân hình to lớn , chân cũng khá mập nhưng nhờ nó khá dài, lại có bờm trạm hình gợn sóng thả về phía sau, có vảy phủ kín mình rồng và nhất là những hình mây trạm giữa những khúc uốn khiến rồng trở thành nhẹ-nhàng hơn, linh-hoạt hơn (Hình 168).

Nhìn hai tượng rồng ở hai đời Trần Hồ này người ta thấy rõ 2 sắc-thái khác nhau :

Rồng đời Trần mạnh và dữ tượng-trưng cho thời nước ta hùng mạnh chiến-thắng quân Nguyên. Trong khi đó rồng đời Hồ lanh và uyển-chuyển hơn dù nói lên thời-kỳ nhà Hồ phải khôn-khéo quỵ-lụy Trung-hoa mà cuối cùng cũng không thoát khỏi nạn xâm-lăng của nước này.

Hội-họa

Từ đời Trần, ngành hội-họa ở nước ta đã tiến được một bước khá dài. Thú chơi tranh đã trở thành phổ-thông trong dân-chúng cũng như trong giới quý tộc.

Chơi tranh là một cái thú của những tao-nhân mặc-khách. Người ta mua tranh rồi mời các bạn đến thưởng-thức tranh, đề thơ và xướng họa với nhau.

Nhà thơ Chu-Dương-Anh được một nhà thơ khác mời đến xem bức tranh Bầy cá đã đề bài thơ chữ Hán đại ý :

Thi-vương thật quả là hiếu-sự,
Chẳng tiếc ngàn vàng mua danh-họa ~ ,
Biết bao nhiêu nét bút tài tình trư ở hiên-hoa,,
Nào tranh bưởm của Đăng-vương,nào tranh ngựa của Giang-đô.

Ai vẽ tranh này sao khéo thế,
Mênh mông sóng nước,khói ngà về bên trái.
Nhấp nhô hàng hạnh,tăm rập rình.
Bơi bơi ,lội lội những bầy ca.

Hàng ngàn cái đầu hướng về ông,đỏ đuôi.
Loài vật nhỏ bé kia mà cũng biết tôn-sùng người có tưởng.
Muốn sao lắm tấm chầu Bắc đẩu,
Vạn sóng cuồn cuộn trôi về phía Đông (1).

Bài thơ trên cho chúng ta biết phần nào thú chơi tranh của người đời Trần.Tất nhiên người ta không phải chỉ chơi tranh của ta mà còn mua cả các tranh của các danh-họa Trung-hoa nữa. Điều này đánh dấu sự phát-triển văn-hóa của xứ ta cũng như sự phổ-biến rộng rãi văn-minh Trung-hoa ở xứ này.

Tranh thường được dùng với mục-đích tôn-giáo như tranh Phật để thờ ở chùa, tranh thất thập nhị hiền (72 học-trò giỏi của đức Khổng-tử) để thờ ở văn-miếu.

Tranh cũng còn dùng để ghi công , nhớ tài của các công thần. Năm 1280, sau khi thắng quân Nguyên, Triều-đình xét

---

1. dịch theo bản chữ Hán in trong *MỸ-THUẬT THỜI TRẦN Nxb VĂN-HOÁ, HÀ-NỘI 1977 t. 129 (phần chú thích).*

công-trạng của các công-thần, ai có nhiều công thì được chép chuyện vào sách Trung-hưng thực-lục và vẽ hình để lại (1)

Năm 1324, nhà vua cho vẽ hình Trần-Bang-Cẩn, một vị Đại-hành-khiển được tín-nhiệm và ban cho ông với bài thơ:

Hình dung cốt cách tựa cây thông.
Tướng mạo nghiêm-trang thật đáng trông.
Mới vẽ phong-lưu tô được hết.
Khôn tô chơi chói tấm lòng son (2).

Rất tiếc là những tranh trên không còn nữa nên chúng ta không biết lối vẽ của các cụ ta ra sao. Song cứ xem như trong bài thơ trên thì tranh chân-dung của ta cốt ở lối diễn-tả tinh-thần của nhân-vật. Vì vậy vẽ tranh chân-dung người ta gọi là truyền-thần.

Để độc-giả có một ý-niệm cụ-thể về hội-họa đời Trần chúng tôi giới-thiệu một số hình vẽ trên gốm hay khắc trên đá dưới đây:

HÌNH HOA VẼ TRÊN THẠP GỐM Ở THIÊN-TRƯỜNG.

Đây là một hình vẽ cành hoa lan. Chỉ bằng một vài nét đơn giản, tác giả đã cho chúng ta một hình hoa lan rất mỹ thuật (Hình 169).

HÌNH HỔ Ở CHÙA BÃI.

Ở trên bệ tam-thế thuộc chùa Bãi tại làng Cát-quế, Hoài-đức tỉnh Hà-đông người ta tìm thấy hình hổ. Tác giả đã dùng vài nét để làm nổi bật những hình khối trên mình con thú này khiến cho thân hình hổ như nổi hẳn lên.

Những đường nét này khá linh-hoạt khiến cho con thú có vẻ khoẻ mạnh, nhanh nhẹn hẳn lên (Hình 170).

---

1. *NGÔ-SĨ-LIÊN. Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư. Sđd. Tập II t 71*
2. *NGÔ-SĨ-LIÊN. Sđt t 128.*

Hình 169 : Hoa lan
(Nam-định).

Hình 170 : Hổ
(Hà-đông)

HÌNH DÊ CHÙA BỐI-KHÊ.

Ở chùa Bối-khê,xã Tam hưng, Thanh-oai,Hà-đông, trên bệ tam-thế có khắc hình con dê ngậm cành hoa. Trong hình này tác-giả cũng dùng lối tạo hình như hình cọp ở chùa Bái nên hình rất nổi và linh-động (Hình 171).

Hinh 171 : Dê
(Hà-đông)

HÌNH RỒNG PHƯỢNG ĐỜI TRẦN.

Ngoài các hình thú vật trên,Rồng và Phượng vẫn là chủ đề hội-họa quan-trọng.

Trên bệ tam-thế bằng đá ở chùa Thanh-sam (Hà-đông), có vẽ hình rồng. Tác-giả đã dùng những nét nhỏ như khắc báo để tạc hình Rồng nên rồng rất linh-hoạt (Hình 172)

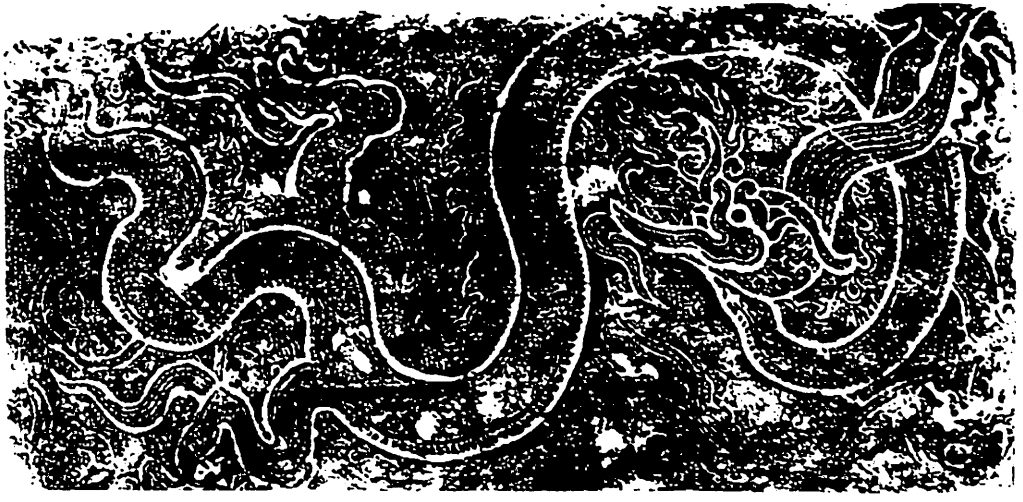

Hình 172 : Hình rồng ở chùa Thanh-sam (Hà-đông).

Cũng trên bệ tam-thế này người ta còn thấy hình Phượng vẽ theo lối tượng-trưng . Tác-giả chỉ dùng những hình lửa cháy và mây để vẽ ra hình Phượng thật là nghệ-thuật(H.173)

Hình 173 : Hình Phượng ở chùa Thanh-sam (Hà-đông).

Trang-trí

Tiếp-tục truyền-thống trang-trí đời Lý, nghệ-thuật trang-trí đời Trần tiếp-tục phát-triển mạnh nhờ sự hoạt-động của các ngành kiến-trúc và điêu-khắc gia-tăng. Đặc-biệt là nghệ-thuật trang-trí trên đá, trên gỗ và trên đất nung.

Từ chim thần GARUDA đến CHIM PHƯỢNG.

Garuda là một con chim thần thường xuất-hiện trong Mỹ-thuật Chiêm-thành. Ở chùa Thầy (Sài-sơn, Quốc-oai, Sơn-tây) người ta cũng thấy có một bệ đá trạm hình Garuda tương-tự như những tượng garuda của Chiêm-thành. Trong khi ấy từ đời Trần chim Phượng cũng xuất-hiện nhiều trong điêu-khắc, hội-họa cũng như trang-trí. Các chim phượng này thường được trạm đang đứng trên một đám mây. Hai cánh xoè ra. Cấu trúc các cánh này tương-tự như cánh chim thần Garuda của Chiêm-thành. Có lẽ đây là một dấu-tích rõ-ràng của ảnh-hưởng Mỹ-thuật Chàm trong Mỹ-thuật Việt-nam (Hình 174,175 176).

Hình 174 : Garuda ở chùa Thầy (Sơn-tây)

Hình 175 : Trang-trí hình Phượng bằng đất nung.

Hình 176 : Trang-trí hình Phượng bằng đất nung (Nam-định)

TRANG-TRÍ HÌNH RỒNG ĐỜI TRẦN.

Trang-trí hình Rồng rất thịnh-hành ở đời Trần. Song từ lối bố-cục đến hình, nét của rồng đời Trần khác hẳn rồng các đời khác.

Hình rồng kiểu bố-cục trong lá bồ-đề chỉ còn thấy trên các viên gạch tráng men gắn ở chùa Hoa-yên (núi Yên-tử, Đông-triều) trong khi loại này rất phổ-biến trong đời Lý.

Ở trên các cánh cửa chùa Phổ-minh (Nam-định) cũng có trạm hình rồng xếp trong lá bồ-đề nhưng từ lá bồ-đề đến hình rồng đều khác hẳn:

Lá bồ-đề ở chùa Phổ-minh cạnh cơ nhiều nấc.

Rồng uốn-khúc ít hơn và trạm thân rồng tròn lẳn.

Phần ngoài lá bồ-đề thay vì trạm cành cây hay mây như ở đời Lý thì trạm 2 hình rồng khác uốn-khúc gọn trong chỗ đó (Hình 177).

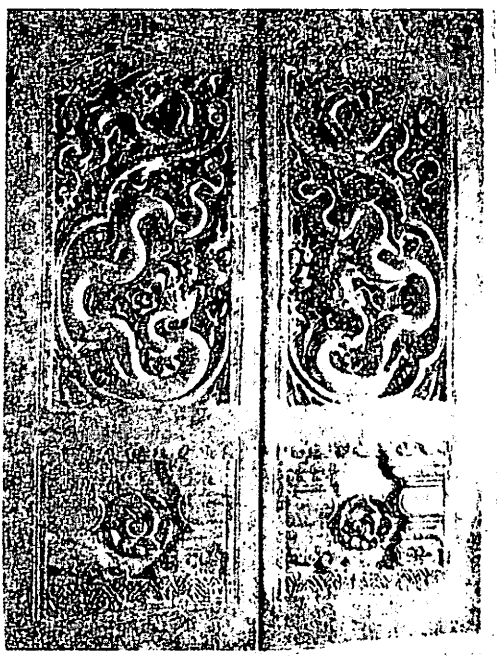

Hình 177: Trang-trí hình Rồng trên cánh cửa chùa Phổ-minh.

Ở tháp chùa Phổ-minh còn có một đầu-rồng trang-trí trước một cửa giả.

Rồng này mắt lồi, mào lớn chìa ra phía trước, răng to và nhe ra trông rất dữ. Bờm rồng trang-trí bằng các hình lưỡi liềm trên có những đường cong đồng-qui theo kiểu các cánh chim thần garuda. Cổ rồng có vảy trông như vảy rắn. (Hình 178).

Hình 178 : Đầu rồng ở tháp chùa Phổ-minh.

Để trang-trí các hình chữ-nhật, các nhà mỹ-thuật đời Trần đã bố-trí hình Rồng theo nhiều cách :

Hình Rồng cuộn trong một khung chữ-nhật mà đầu Rồng ở ngay chính giữa. Vì hình Rồng quá lớn và bị ép trong hình chữ nhật nên trông không được tự-nhiên lắm và nặng-nề (Hình 179).

Hình 179 : Rồng bố-trí trong một hình chữ nhật (khắc trên cốn gỗ chùa Dâu).

Ở chùa Bối-khê (Thanh-oai, Hà-đông) có nhiều hình Rồng trang-trí trong các hình chữ nhật. Có hình rồng trạm uốn khúc nằm ngang (Hình 180), có hình Rồng trạm uốn khúc theo đường chéo của hình chữ nhật (Hình 181).

Về lối trạm-khắc cũng khác hẳn nhau. Hình thứ nhất tác giả dùng nhiều hình khối điểm theo một vài nét gián dị nên trông Rồng rất khoáng-đạt. Trong khi đó hình Rồng thứ hai lại khắc rất tỉ-mỉ và trong khung hình chữ nhật lại có nhiều khoảng trống lớn quá nên trông có vẻ loãng. Tuy nhiên, nhờ xếp theo đường chéo của hình chữ nhật nên trông rồng có vẻ dài hơn.

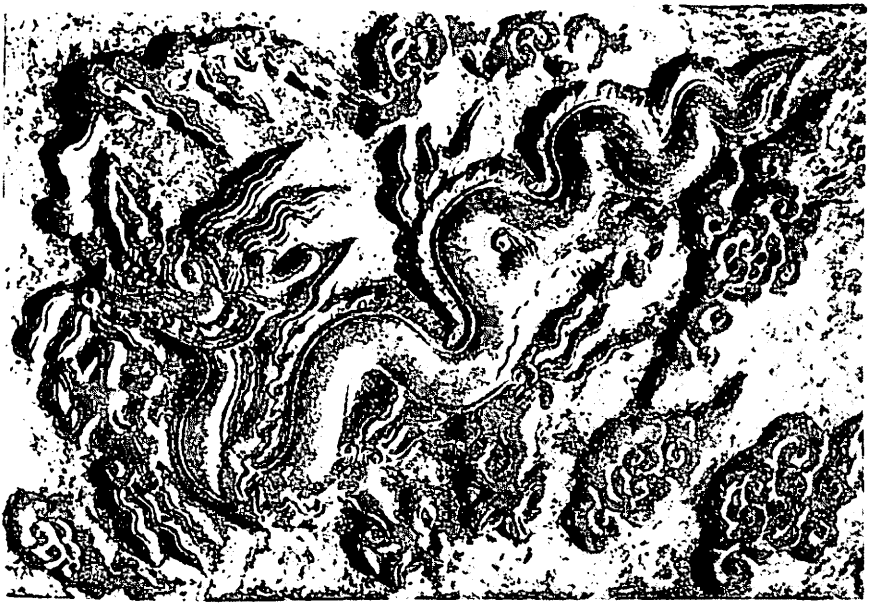

Hình 180,181 : Hình Rồng trên bệ tam-thế bằng đá ở chùa Bối-khê ,Hà-đông).

Ở chùa Ngọc-kham,Thuận-thành, Hà-đông, trên một bệ đá có trang-trí hình Rồng xếp trong một hình hoa 4 cánh bầu dục. Hình này trạm một con Rồng cuộn tròn với đầu rồng ở ngay chính giữa.Vì cố trạm cho cơ hình cân-đối và đầu rồng lại quá lớn nên trông hình cơ vẻ gò bó (Hình 182).

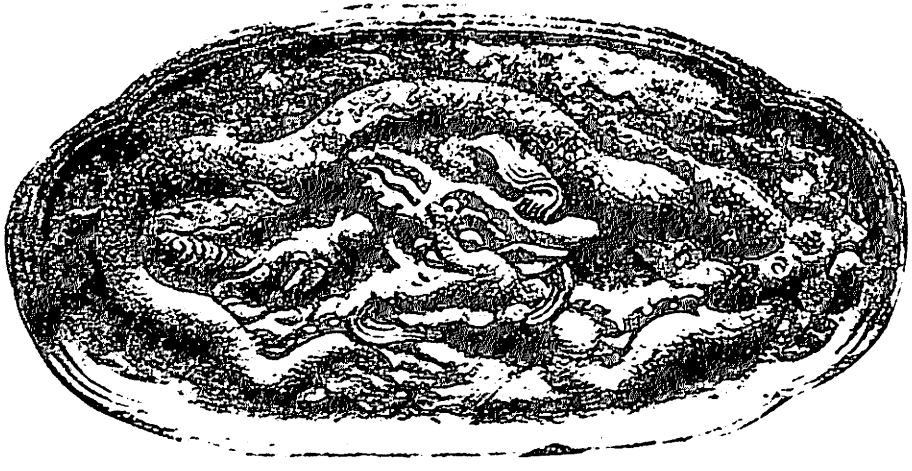

Hình 182 : Rồng trên bệ đá chùa Ngọc-kham,Hà-đông.

TRANG-TRÍ HÌNH NGƯỜI ĐỜI TRẦN.

Trang-trí hình người tương-đối rất phổ-thông trong nghệ-thuật đời Trần.

Ở chùa Hang (Núi Úc, Lục-yên,Hoàng-liên-sơn) người ta còn thấy những viên gạch lớn trang-trí hình tiên-nữ đang múa giữa những cành hoa (Hình 183).Tiên-nữ tóc tết vành dây, mặc váy có nhiều tua chung quanh, cổ đeo vòng nhạc, dù bị gò bó trong hình chữ nhật nhưng trông rất linh-hoạt.

Chùa Thái-lạc,Văn-lâm ,Hưng-yên được coi như nơi còn để lại nhiều trang-trí hình người nhất.

Trên cốn gỗ chùa này cũng như trên giá chiêng bằng gỗ đều có trạm hình các tiên-nữ đầu người mình chim đang dâng hoa.

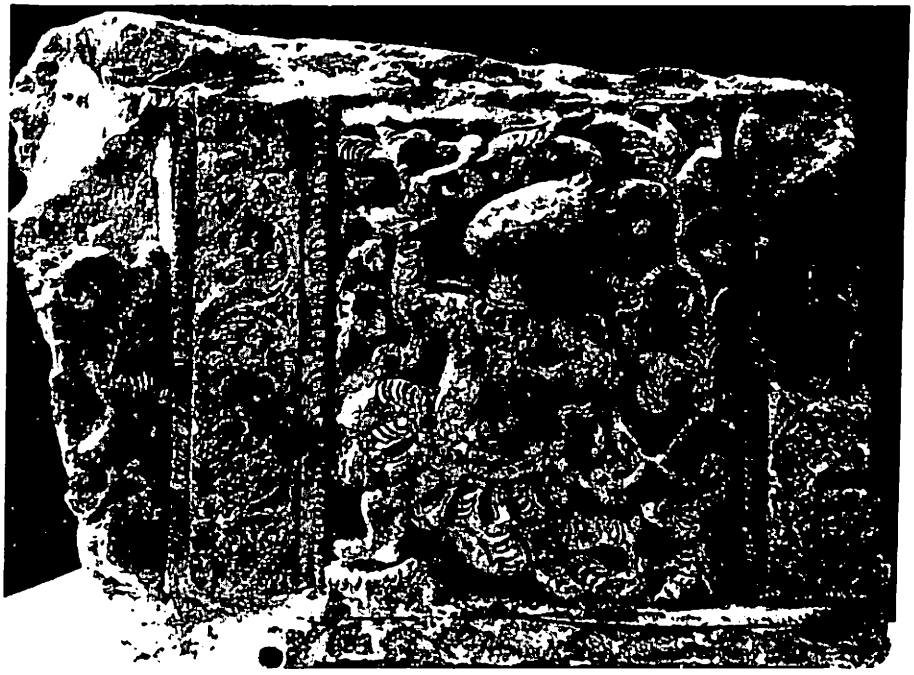

Hình 183 : Tiên-nữ múa trang-trí trên gạch ở chùa Hang (Hoàng-liên-sơn).

Trên cốn trạm hình 2 tiên-nữ đầu người mình chim, mỗi người nâng một bình hoa đang bay giữa đám mây (Hình 184).

Trên giá chiêng trạm hình 2 tiên-nữ đầu-người mình chim cũng nâng một chậu hoa, cũng đang bay giữa những đám mây. Hình này được xếp trong một khung hình lá bồ-đề và đề trên những hình trang-trí hình mây và sóng nước nằm ngang (Hình 185).

Cũng ở chùa Thái-lạc người ta thấy trang-trí các hình Tiên-nữ đang thổi kèn, kéo nhị. Các tiên-nữ này ngồi trên mình chim phượng và bay giữa những đám mây. Các tiên-nữ này ăn mặc theo lối Trung-hoa nhưng những chim phượng thì mang nhiều màu sắc Chiêm-thành với những cánh giống như cánh chim thần Garuda nhưng lại có đuôi giống như đuôi chim trĩ. Tuy-nhiên vì quá chú-trọng đến chủ-đề nên thế ngồi trên lưng chim của những tiên-nữ này có vẻ gượng ép quá (Hình 186).

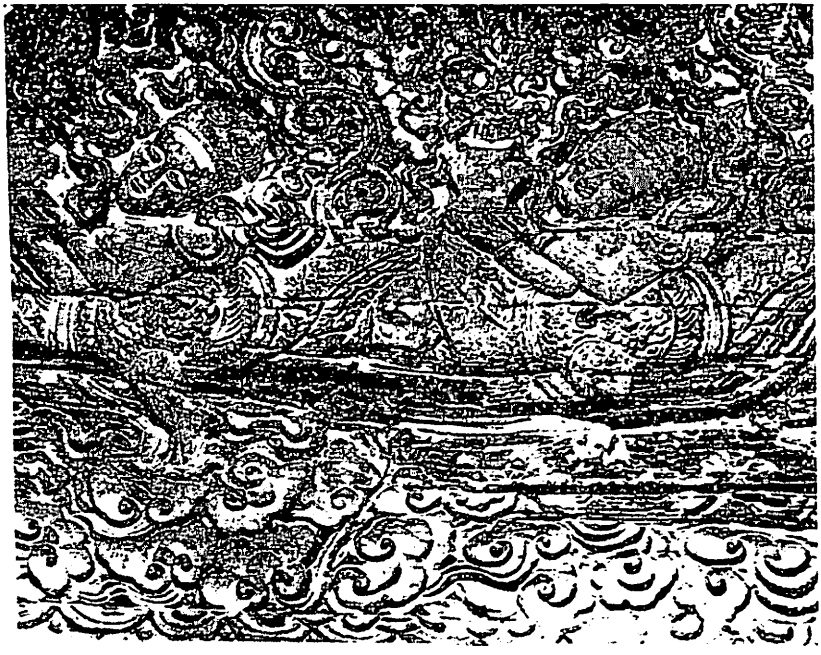

Hình 184 Tiên-nữ đầu người mình chim trên cốn gỗ chùa Thái-lạc.

Hình 186 : Tiên-nữ thổi-kèn, kéo nhị chùa Thái-lạc .

Hình 185 : Tiên-nữ đầu người mình chim trên giá chiêng chùa Thái-lạc.

Một trong các chủ-đề trạm hình người rất phổ thông trong nghệ-thuật thời Trần là hình người đỡ tòa sen.

Ở Cổn-Thịnh, Mỹ-lộc _Hà-nam-Ninh ,trên các ván nong có khắc những hình người đang quỳ hai tay nâng tòa sen.
Những người này đều ở trần, mặc váy có tua, cổ đeo vòng vuốt cọp rất quen thuộc với các dân-tộc thiểu số ở miền Nam Việt nam ngày nay cũng như các hải đảo phía Nam (Hình 187,188).

Ở chùa Thái-lạc người ta cũng thấy trạm trên trụ đấu hình người quỳ đỡ tòa sen,mang y phục tương-tự (Hình 189).
Các hình người này đều quỳ trên các đường trang-trí hình hoa và sóng nước.

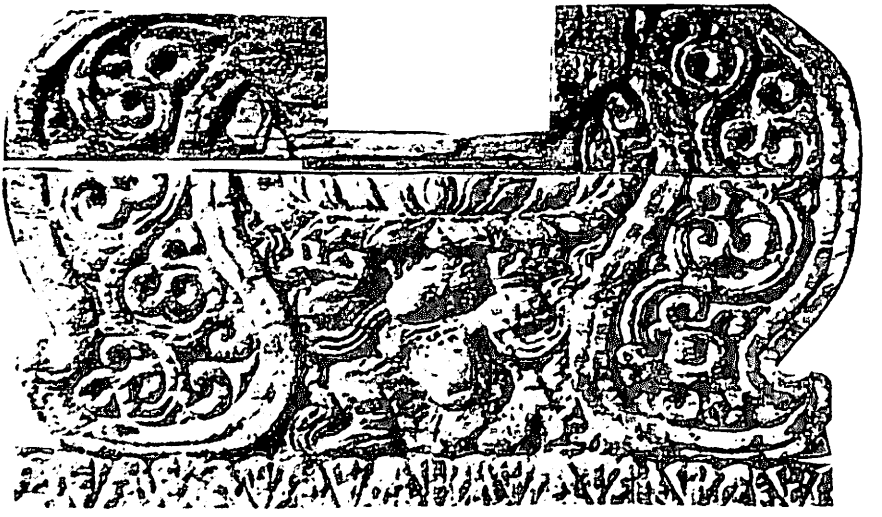

Hình 187 : Người đỡ tòa sen ở Côn-thịnh .

Hình 188 : Người đỡ tòa sen ở Côn-thịnh .

Hình 189 : Người đỡ tòa sen chùa Thái-lạc.

Ở chùa Thái-lạc người ta cũng trạm trên gỗ những hình người đánh đàn nguyệt, đàn thập-lục và tì- bà.
Những người này đều ăn mặc theo kiểu Trung-hoa và đều ngồi trên những đám mây (Hình 189).

TRANG-TRÍ HÌNH LÁ BỒ-ĐỀ, LỬA, MÂY VÀ NƯỚC.

Lá bồ-đề tượng-trưng cho đạo Phật nên trang-trí hình lá bồ-đề được thấy ở khắp nơi.

Hình 189 : Người đánh đàn nguyệt, thập-lục và ti-bà ở' chùa Thái-lạc.

Các lá bồ-đề này thường được trang-trí bằng các hình ngọn lửa , hoa lá , mây.v.v.. và được để trên những hình sóng nước.

Ở'Tháp Bình-sơn ,Vĩnh-phú, người ta đã gặp rất nhiều các hình lá bồ-đề có những hình ánh lửa bao-quanh, hình hoa hay lá ở'giữa và hình mây nước ở'bên dưới (Hình 190).

. Lưng cái ngai ở' chùa Thầy được trạm theo hình lá bồ-đề và ghép bằng những ngọn lửa.chia thành hình rẻ quạt.

Trước ngọn lửa có hình hoa sen trên có những ngọn đèn tròn, đôi sừng tê giác chéo nhau,hai bên có 2 lưỡi búa hình đầu rồng và 2 cành hoa lá đối xứng với nhau.

Tất cả được để trên hình sóng nước (Hình 190).

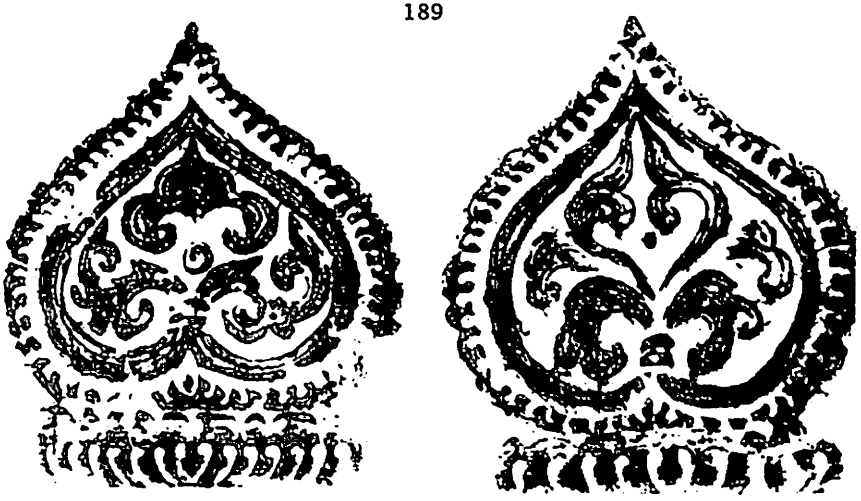

Hình 190 : Trang-trí hình lá bồ-đề ở tháp Bình-sơn.

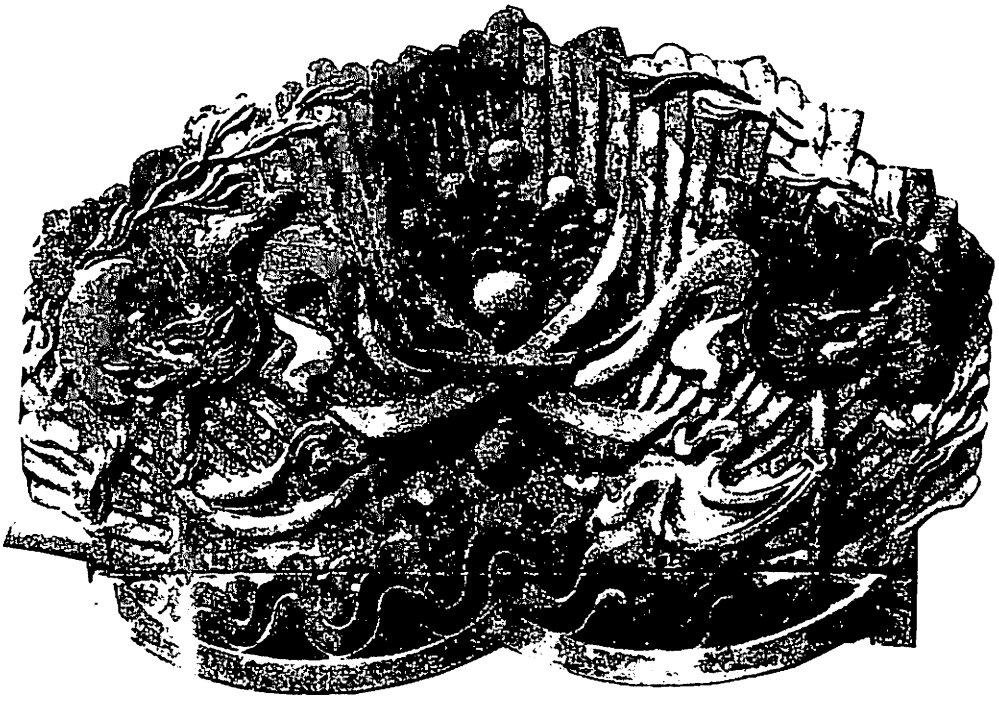

Hình 191 : Lưng ngai hình lá bồ-đề ở chùa Thầy.

Ở chùa Phổ-minh, trên các bệ đá người ta còn gặp một hình trang-trí khá đặc-biệt. Hình này chính giữa là 2 cành vạn-tuế hình xoáy chốn ốc vây lấy hình hoa mai 6 canh. Hai bên là những cành vạn-tuế khác quấn-quít lấy nhau và ép lấy hình tròn trên (Hình 192).

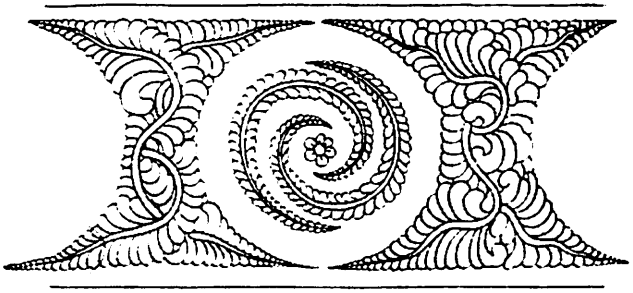

Hình 192 : Trang-trí bằng các cành lá ở chùa Phổ-minh.

Trang-trí hình lửa và sóng nước được coi như ở nơi nào cũng có. Chúng thường được dùng để chạy các đường viền hay đường rèm (Hình 193).

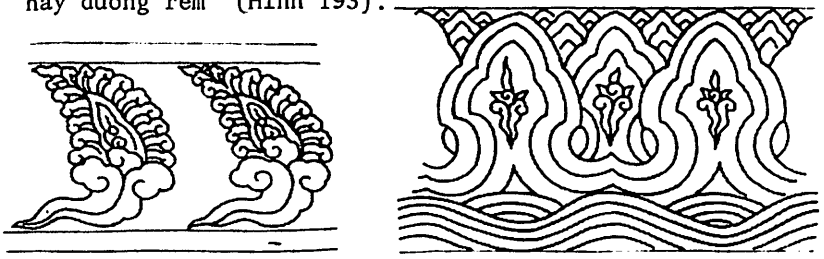

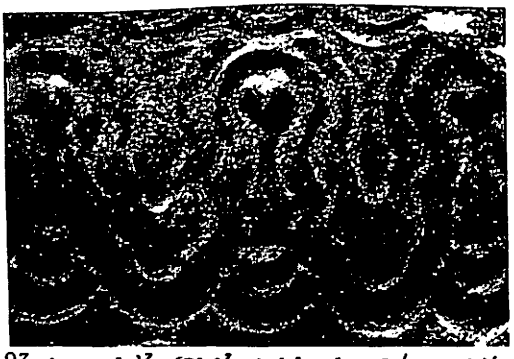

Hình 193 : a. Lửa (Phổ-minh) b. Sóng-nước (Phổ-minh)
c. sóng nước (lăng Trần-Nhân-Tông).

TRANG-TRÍ GẠCH VUÔNG.

Tiếp-tục truyền-thống trang-trí trên gạch vuông đời Lý, các nhà mỹ-thuật đời Trần đã chế-tạo các viên gạch mỹ-thuật hơn. Tuy rằng đề-tài vẫn là hoa sen, hoa chanh , mây lá nhưng những hoa này phức-tạp hơn hay có nhiều cánh hơn, hoặc do nhiều hoa hơn ghép lại (Hình 194, 195).

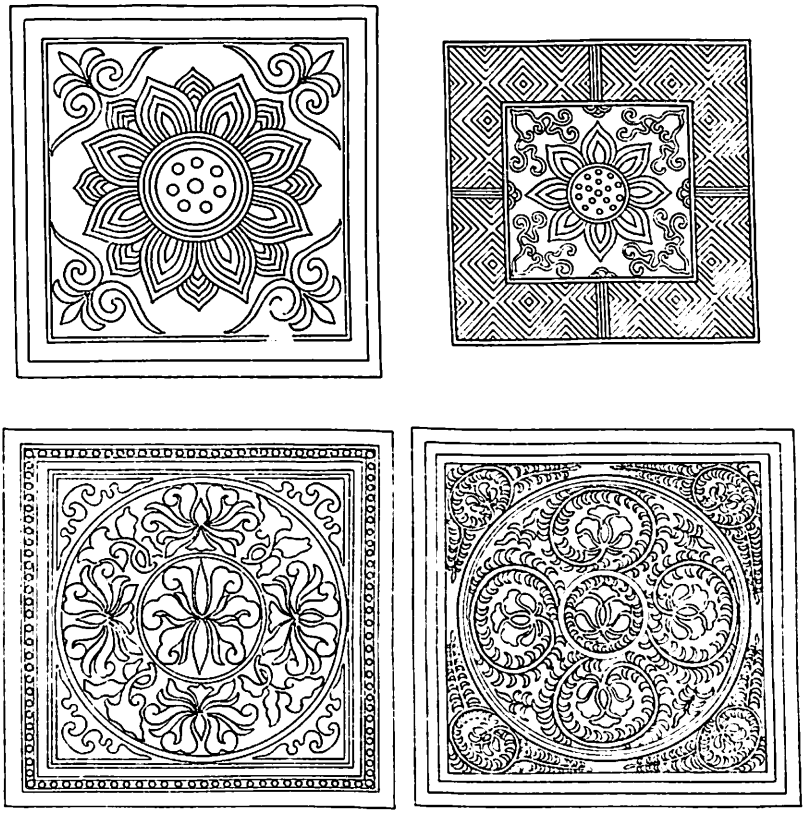

Hình 194 : Trang-trí gạch vuông hình hoa sen kép.

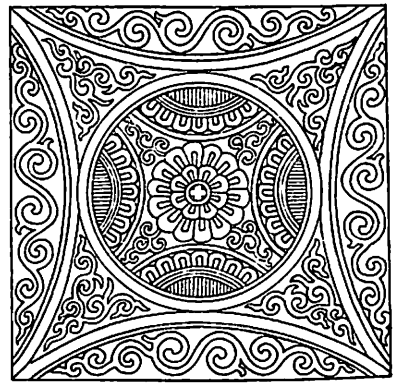

Hình 194 : Trang-trí hình hoa chanh đỏn và kép.

Đồ gốm

Đồ gốm tại xứ ta đã phát-triển từ đời Lý, tiếp-tục phát triển mạnh trong đời Trần. Đồ-gốm không phải chỉ sản-xuất các đồ dùng trong nhà mà còn đóng góp rất nhiều cho việc trang-trí các chùa chiền, cung-điện, Tháp-miếu như chúng tôi đã nói đến trong phần kiến-trúc.

Đồ gốm đời Trần tiếp-tục phát-triển ở hai trung-tâm đã có từ đời Lý là Thanh-hoá và Thăng-long và có thêm một trung-tâm mới là Thiên-trường (Nam-định). Những đồ gốm chế tạo tại Thiên-trường thường có in chữ Thiên-trường phủ chế (chế-tạo tại phủ Thiên-trường) chứng tỏ rằng ở đây đã có tổ-chức đoàng-hoàng để cung cấp các đồ gia-dụng cho Hoàng-gia ở vùng này và có thể cả ở Thăng-long.

Dựa theo kỹ-thuật chế-tạo, hình-dáng, cách trang-trí và màu sắc của men , chúng tôi có thể chia đồ gốm đời Trần thành 3 loại: Gốm men ngọc, gốm hoa nâu và gốm hoa lam.

GỐM MEN NGỌC.

Gốm men ngọc đã có từ đời Lý, nhưng gốm men ngọc đời Trần có phong-cách khác hẳn gốm đời Lý ở các điểm :

Hình dáng chắc và khoẻ nhờ cốt vuốt dầy-dặn.

Phần giữa thân và đế gốm đã được chau-chuốt hơn.

Bao ngoài cốt gốm có một lớp men trong dầy. Vì kỹ-thuật nung còn kém (nhiệt-độ thấp) nên men bao ngoài cốt chảy không đều, chỗ dầy chỗ mỏng hay đôi khi còn ngấn đọng thành giọt.

Hình trang-trí trên gốm có 2 loại : Khắc và in.

Trong loại khắc, người thợ dùng một vật nhọn vẽ lên gốm khi đất còn mềm. Trong loại in, người ta phải dùng khuôn mà in lên các hình nổi hay chìm. Đề-tài trang-trí trên đồ gốm vẫn là hoa sen, hoa cúc như đời Lý nhưng có thêm một số hình mới như xoắn vỏ ốc, hai sừng tê bắt chéo hoặc các hình hải sản như rùa, cá v.v..

Ở Thiên-trường (Nam-định) còn để lại một số đồ gốm men ngọc như đĩa có in chìm hình hoa cúc và in nổi hình 2 con cá đuổi nhau ở giữa (Hình 195).

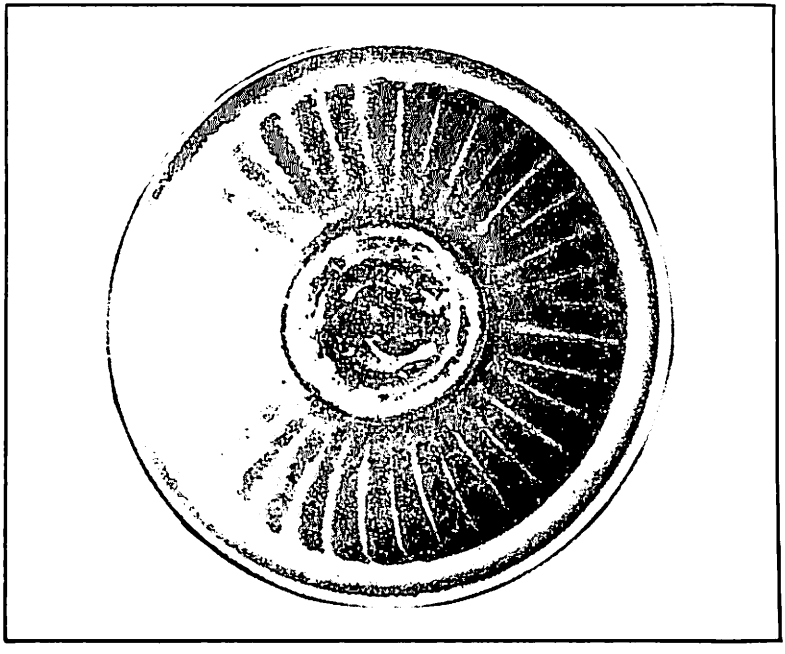

Hình 195 : Đĩa men ngọc Thiên-trường (Nam-định).

Ở Thanh-hóa còn tìm được một số đồ gốm men ngọc rất đẹp như đĩa hình hoa sen giữa có hình cá chim đang bay (Hình 196 trái) hay đĩa có in nổi hai cành lá, ở giữa có hình một đồng tiền có viết 4 chữ Hán Thiên-hạ Thái-bình (Hình 196 phải).

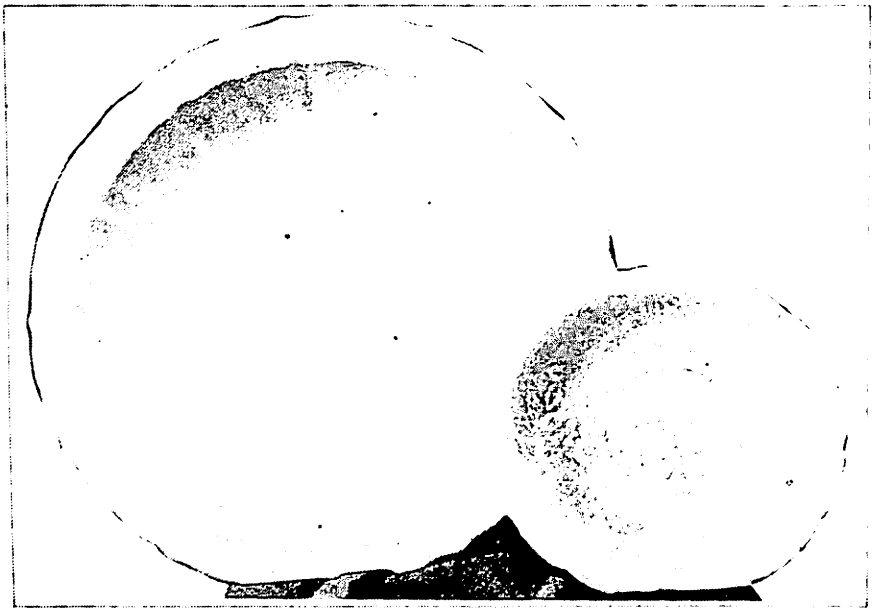

Hình 196 : Đĩa gốm men ngọc Thanh-hóa .

GỐM HOA NÂU.

Gốm hoa nâu là loại gốm đàn, dáng hơi thô vì cốt gốm quá dầy. Chất đất cũng thô và xốp hơn gốm men ngọc. Men bên ngoài là loại men màu ngà hay vàng nhạt.

Gốm hoa nâu thường được trang-trí theo lối vừa khắc vừa vẽ lên hình khắc đó. Đề tài thường là hình hoa lá sóng nước và mây.

Gốm hoa nâu có lẽ là loại gốm khá phổ-thông nên ngày nay người ta còn tìm thấy rất nhiều loại như thạp, liễn, chậu, âu, bình, ấm v.v... là những đồ cần chắc-chắn. Riêng bát đĩa thì chỉ thấy rất ít làm bằng gốm loại này, có lẽ vì quá nặng nên ít người dùng.

Ở Thiên-trường (Nam-định) còn để lại một thạp gốm hoa nâu điển hình của gốm đời Trần.

Thạp gốm này thắt lại ở gần miệng ,có 4 núm nhỏ ra.

Thạp được trang-trí hình mây bay ở phía trên, hình sóng nước ở phía dưới.Phần giữa chia thành nhiều ô trên có khắc và vẽ hình hoa lan. Các hình trang-trí trên tuy rất giản-dị nhưng khá linh-động. (Hình 197).

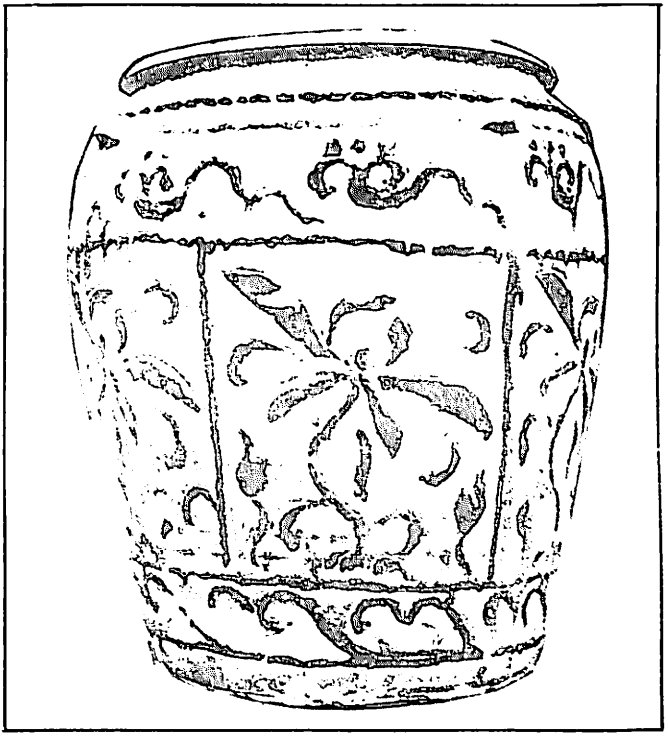

Hình 197 : Thạp gốm hoa nâu Thiên-trường.

Ở viện bảo-tàng Hà-nội còn tàng-trữ một bình gốm hoa nâu có thể coi là một tuyệt-tác của đời này.

Bình hình trái cam có đế. Giữa đế và thân bình thắt lại và có xuyên lỗ ở 4 chỗ đối nhau.Mỗi chỗ có 1 lỗ lớn và 2 lỗ nhỏ hai bên.Ngang miệng bình có 4 núm lớn.Mỗi núm đều có xuyên lỗ. Các lỗ này có lẽ dùng để xuyên các dây treo bình. Thân bình được trang-trí rất mỹ-thuật. Sát miệng bình là một vòng hoa sen xen kẽ với hoa chanh. Gần đế cũng có một vòng hoa cúc . Giữa thân bình chia thành

Hình 198 : Bình gốm hoa nâu (Bảo-tàng Hà-nội).

4 ô hình chữ nhật có vẽ hình trang trí chim phượng rất đẹp.

Đặc-biệt là gốm này được tráng màu nâu nhạt trên toàn bình và vẽ hình băng màu nâu đậm nên hình rất nổi (Hình 198).

Cũng ở bảo -tàng Hà-nội người ta còn thấy một liễn có khắc hình cá đang bơi giữa đám rong và các hình hoa lan đặc-biệt của đời Trần (Hình 199).

Trang-trí hoa lan trên liễn này thấy khá nhiều ở Thanh-hóa (Hình 200).

GỐM HOA LAM.

Gốm hoa lam phát-triển manh trong đời Trần ở vùng gần Thăng-long như Bát-tràng, Thổ-hà và Phù-lang.Theo thần-tích địa-phương thì về đời Lý-Trần (?) các ông Hứa-Vĩnh-Kiều,người làng Bát-tràng, Đào-trí-Tiến,người làng Thổ-hà ,

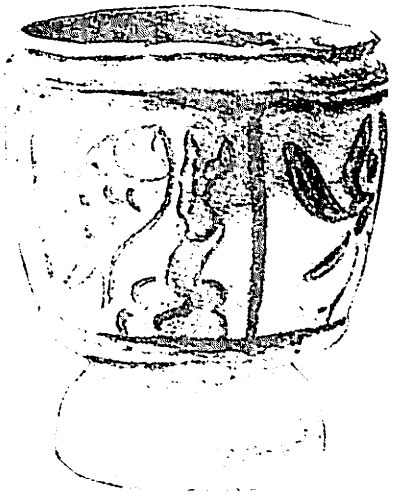

Hình 199 : Gốm hoa nâu (Bảo-tàng Hà-nội).

Hình 200 : Liễn gốm hoa-nâu Thanh-hoá.

và Lưu-phong-Tư,người làng Phù-lang,đậu Thái-học-sinh,được cử đi sứ Trung-hoa (nhà Tống) đã học được nghề gốm và đem về truyền cho dân làng,và chia ra như sau : Làng Bát tràng chuyên chế-tạo các đồ gốm sắc trắng,làng Thổ hà chuyên chế-tạo các đồ-gốm sắc đỏ và làng Phù-lang chuyên-chế tạo các đồ gốm màu vàng thẫm (1).

1. *Chú-thích VIỆN NGHỆ-THUẬT,MỸ-thuật thời Trần Nxb VĂN-HOÁ,HÀ-NỘI 1977 t. 136.*

Đồ gốm Bát-tràng có cốt đất màu trắng xám, đất lọc rất mịn, được tráng một lớp men trắng mỏng và đều nên được coi là loại gốm tốt ở xứ ta. Gốm do Bát-tràng chế-tạo phần lớn là bát, chén. Số còn lại là bình, lọ.

Gốm Bát-tràng được trang-trí bằng các hình vẽ khá tinh xảo với các chủ-đề hoa sen, hoa cúc, cỏ cây, hoa lá và đôi khi còn có những hình kỷ hà nữa. (Hình 201, 202, 203, 204).

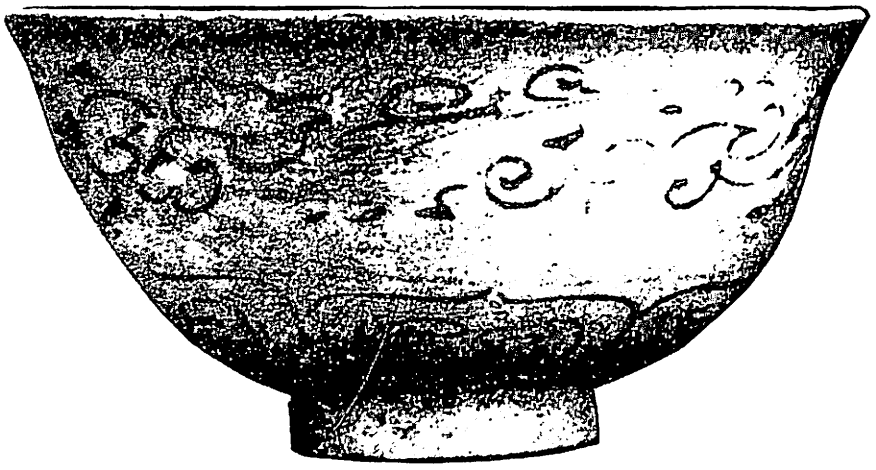

Hình 201 : Bát lớn hoa lam trang-trí hoa sen và mây.

Hình 202 : Bát (chén) nhỏ trang-trí hoa lá và hình kỷ-hà.

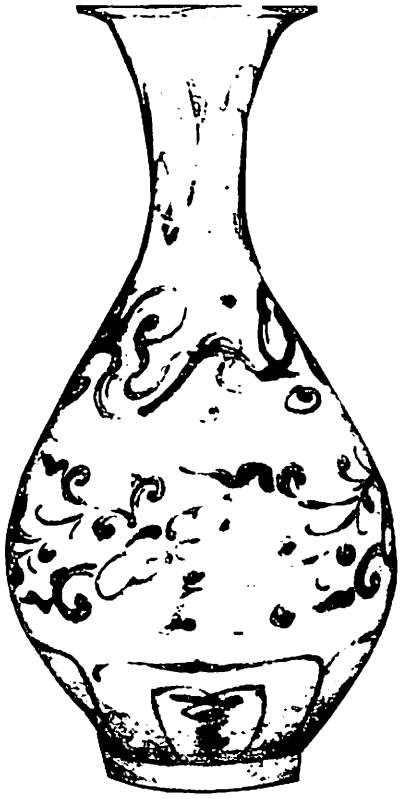

Hình 203 : Nậm trang-trí hoa-sen hoá lá và mây.

Hình 204 : Đĩa trang-trí hoa lá và mây.
Chén trang-trí hoa cúc và hoa sen.

Đặc-biệt là ở Thanh-hoá người ta đã chế-tạo được loại gốm men rạn (trông như nứt ra thành nhiều mảnh nhỏ) rất đẹp. Trên đĩa còn có vẽ các hình cây cỏ, hoa lá và các hình cá nữa. Hình cá trang-trí trong đĩa hình dưới đây có thể coi là một tác-phẩm hội-họa tuyệt-mỹ. Tác-giả chỉ dùng một vài đường nét rất bạo, dư vẽ nên một con cá hết sức linh-hoạt (Hình 205).

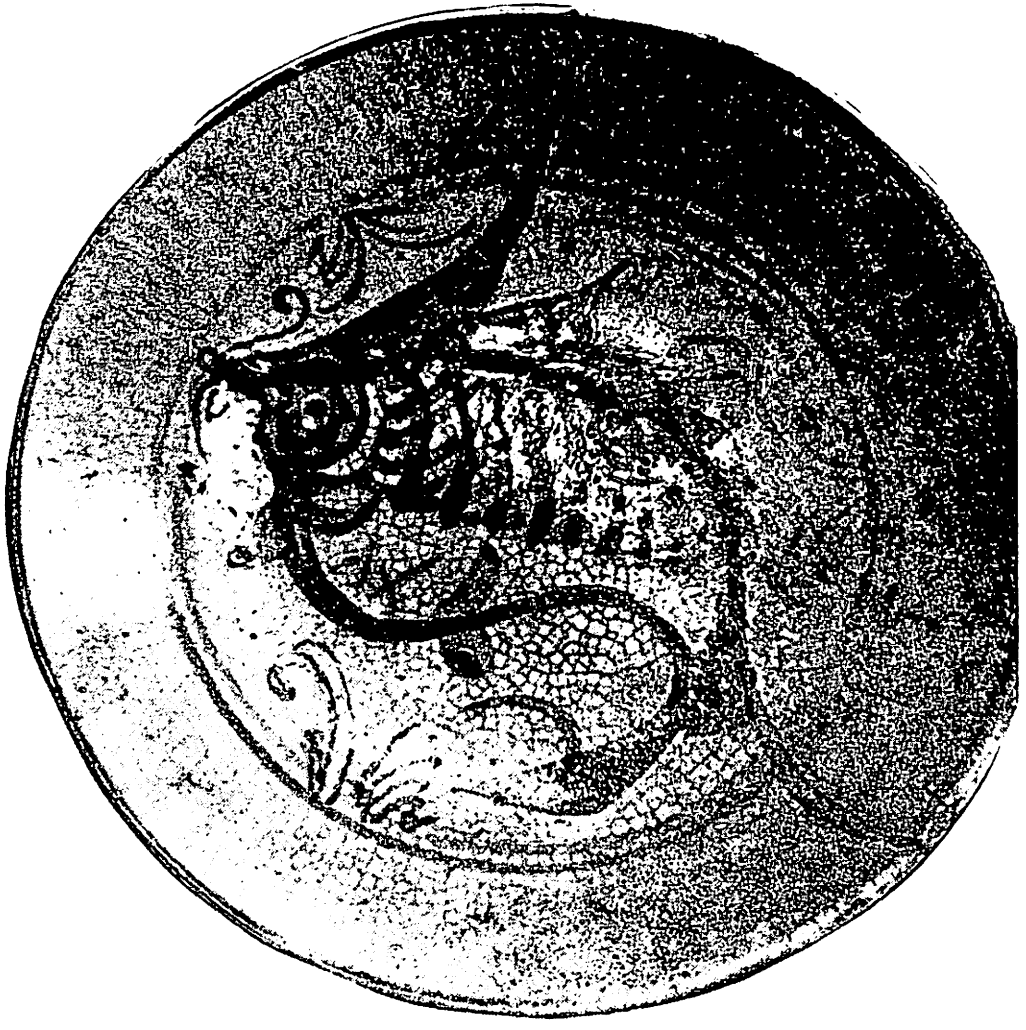

Hình 205 : Đĩa men rạn Thanh-hoá.

Mỹ-thuật ĐÔNG-KINH đời HẬU LÊ

Năm 1400 , Hồ-quý-Ly cướp ngôi nhà Trần thì năm 1406 quân Minh mượn cớ bảo-hộ con cháu nhà Trần, đem quân xâm chiếm xứ ta.Năm 1407, nhà Minh đổi nước ta thành quận Giao-chỉ và chia thành phủ,huyện, châu để cai-trị như nước Tàu vậy.Nhà Minh đã áp-dụng chính-sách tàn-bạo,tàn-phá nền kinh-tế, văn-hóa và xã-hội xứ ta để đồng-hóa dân ta.

Năm 1418, Lê-Lợi dựng cờ khởi-nghĩa ở Lam-sơn.Sau 10 năm gian-khổ,Lê-lợi đã đuổi được quân Minh ra khỏi bờ-cõi lập nên triều-đại nhà Hậu-Lê.Nhà Lê cầm-quyền luôn 4 thế-kỷ (1418-1789),được coi là một triều-đại cường-thịnh nhất từ trước đến nay nên quốc-gia được phát-triển mạnh về mọi phương-diện. Do đó Mỹ-thuật Đại-Việt đời Lê cũng tiến rất nhanh phù-hợp với thời cực-thịnh của nền văn-hóa cổ-truyền xứ ta.

Kiến-trúc Thành Đông-Kinh

Năm 1430, Lê-Thái-Tổ đổi tên thành Thăng-long thành Đông-Kinh để phân-biệt với Lam-kinh hay Tây-kinh ở Thanh hóa là là nơi đất tổ đã giúp ông dựng lên cơ-nghiệp lớn.

Thành Đông-kinh vẫn ở nguyên địa-điểm của thành Thăng long cũ nhưng chỉ mở rộng thêm ở một vài chỗ mà thôi.Đối chiếu bản-đồ Đông-kinh với Thăng-long đời Lý,ta thấy Đông kinh được mở rộng thêm về phía Đông và phía Tây Nam.(Thành giữa).Về phía Bắc Triều-đình cũng cho đắp một vòng thành bao ngoài thành Thăng-long cũ (Hình 204).

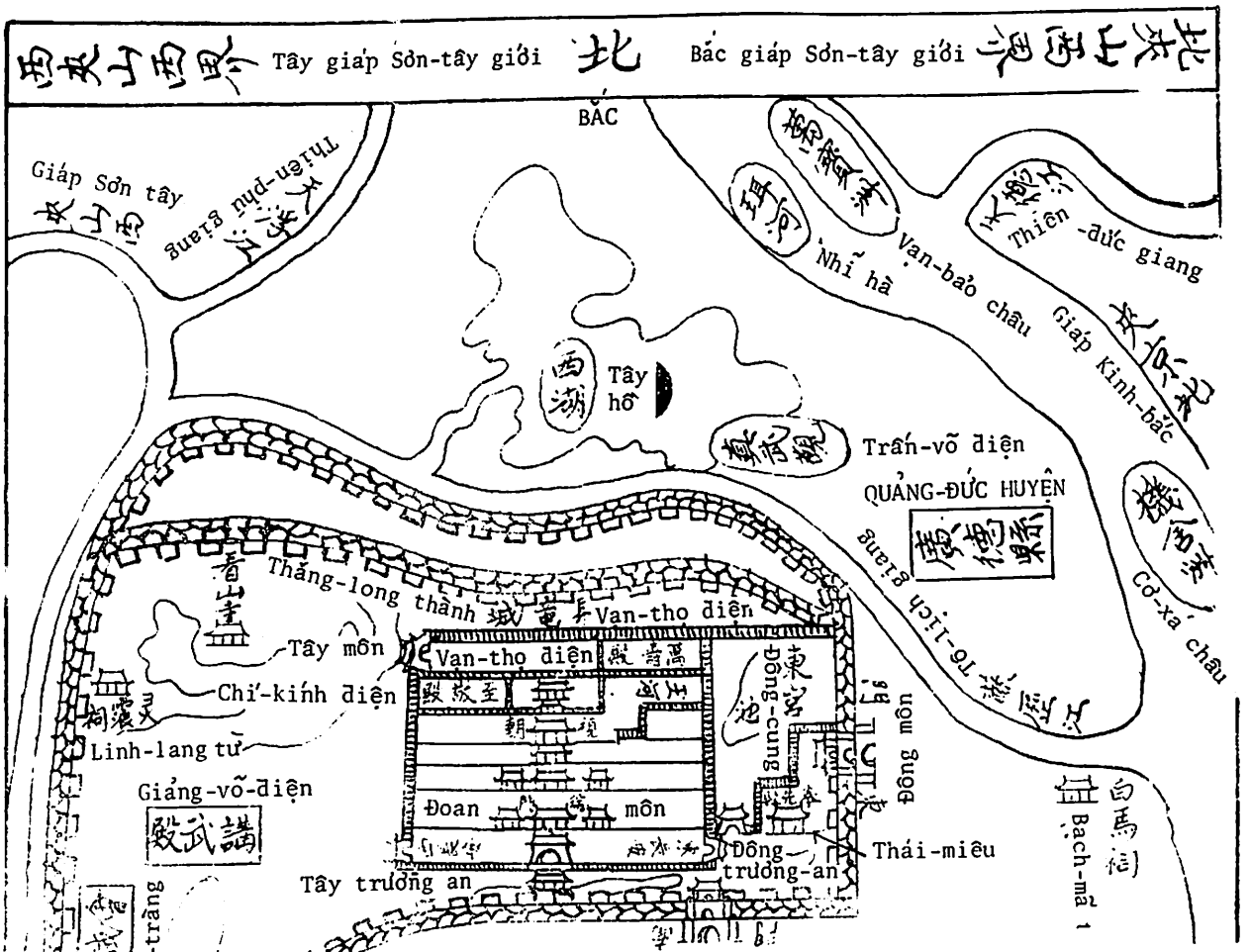

Tây giáp Sơn-tây giới

Bắc giáp Sơn-tây giới

BẮC

Giáp Sơn tây

Thiên-phú giang

Nhĩ hà

Vạn-bảo châu

Thiên-đức giang

Giáp Kinh-bắc

Tây hồ

Trấn-võ điện

QUẢNG-ĐỨC HUYỆN

Tô-lịch giang

Cơ-xá châu

Thăng-long thành

Van-tho điện

Tây môn

Chí-kính điện

Linh-lang tử

Giảng-võ-điện

Đoan môn

Đông-cung

Đông môn

Đông trương-an

Thái-miêu

Tây trương an

Bạch-mã

TÂY

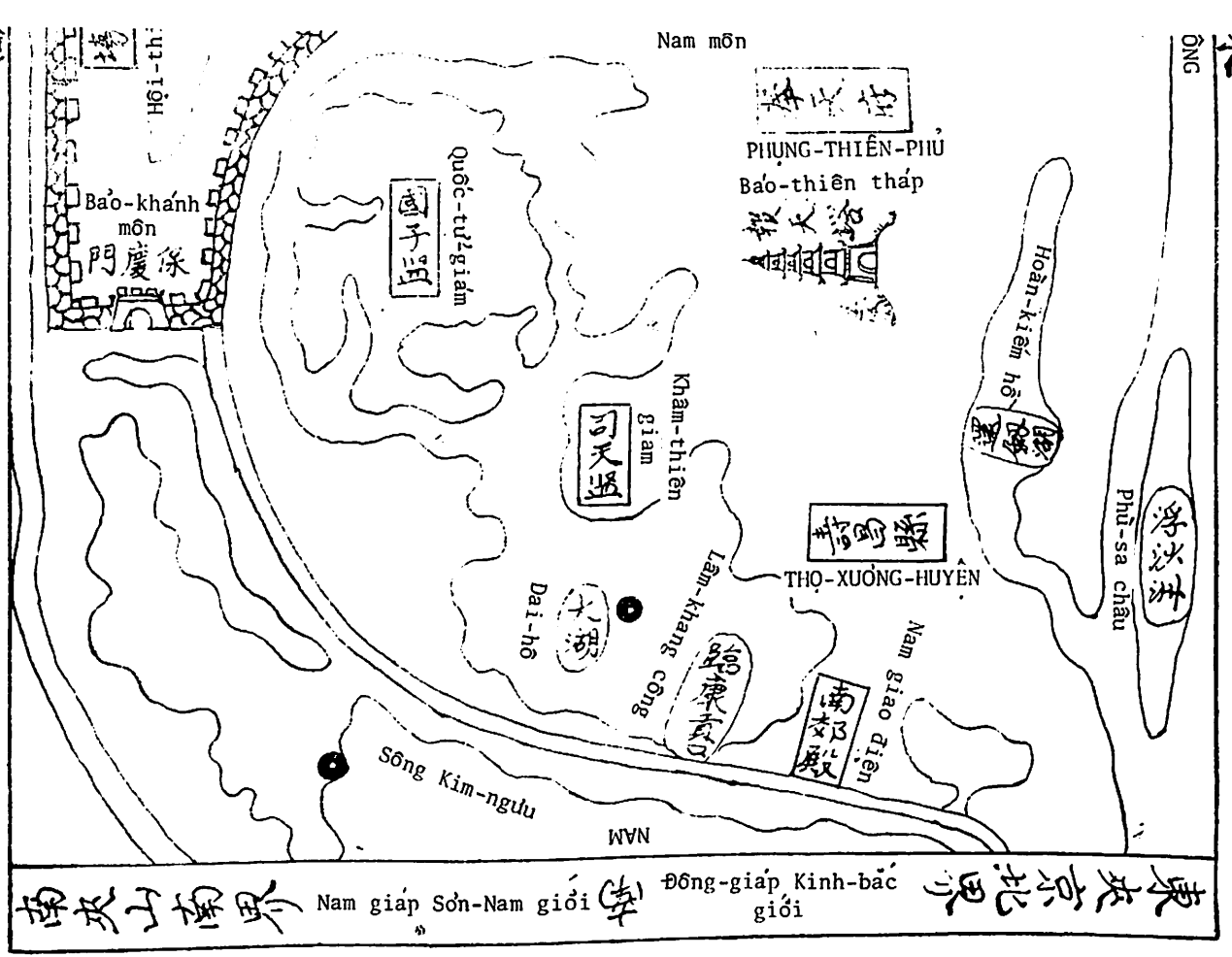
Nam môn
PHỤNG-THIÊN-PHỦ
Bảo-thiên tháp
Bảo-khánh môn
Quốc-tử-giám
Khâm-thiên giam
Hoàn-kiếm hồ
Phủ-sa châu
THỌ-XƯƠNG-HUYỆN
Lam-Khang cung
Đại-hồ
Nam giao điện
Sông Kim-ngưu
NAM
Nam giáp Sơn-Nam giới
Đông-giáp Kinh-bắc giới

Do đó thành Đông-kinh phía Bắc nằm sát bờ sông Tô-lịch. Phía Nam vòng xuống phía Nam hồ Linh-lang rồi vòng theo khu Quốc-tử-giám mà ngược lên.

Thành giữa chỉ có 3 cửa chính ở bờ thành phía Đông, phía Tây-nam và phía Nam.

Thành trong cũng rộng hơn thành trong cũ đời Lý. Thành này có 4 cửa : cửa chính quay về phía Nam, 2 cửa ở góc Bắc và góc Nam mặt Tây, 1 cửa ở góc Nam mặt Đông.

Trong thành lại chia thành nhiều khu song song với mặt Nam.

Bố-trí các kiến-trúc đời Lê vẫn theo lối cũ : Các kiến-trúc quan-trọng được xếp thành 1 hàng ở chính giữa thành trong, thẳng từ cửa Nam đi vào. Các kiến-trúc phụ được đặt đối-xứng với trục này.

Ngay từ đời Lê-Thái-Tổ, ngài đã cho xây các điện Kính thiên, Cần-chánh và Vạn-thọ để làm nơi thờ-phụng, tiếp triều và nghỉ-ngơi.

Về sau, các vua kế-tiếp lại cho xây-dựng thêm các điện Hội-anh, Cần-đức, Tường-quang, Giảng-võ, Thuý-ngọc, Kim-loan, Bảo-quang v.v...cùng các kiến-trúc nhỏ khác như Gác Thừa-thiên, đình Quảng-văn, Nghị-sự đường, Văn-lập đường, Phường-nghi-đường, viện Đãi-lậu v.v..Triều-đình cũng cho xây cầu Ngoạn-thiềm để đi từ ngoài vào Hoàng-thành, vườn Thượng-uyển là nơi nhà vua ra đó ngoạn-cảnh.

Đến cuối đời nhà Lê, các vua Lê Hiến-Tông, Lê Uy-Mục và Lê- Tương-Dực ăn chơi xa-phí, cho xây những cung-điện lộng-lẫy làm chỗ hưởng-lạc.

Lê Hiến-Tông đã xây các điện Thường-dường, Giám-Trị, Đốc Trị, Trường-sinh làm chỗ nghỉ-ngơi, đọc sách và ăn chay tu phép trường-sinh bất lão. Nhà vua cũng cho xây điện Lưu-bối với một hệ-thống dẫn-nước suối về để dùng.

Lê Uy-Mục thì cho xây nhiều cung-điện, đền thờ cho bọn ngoại-thích như Châu-Nguyên-điện, Bảo-Thụy-đường ở làng Phù-chẩn, Tuyên-du-đường ở làng Hoa-lăng làm tốn hao công-quỹ.

Lê-Tương-Dực thì xây Đại-điện và Cửu-trùng đài nguy-nga, tráng-lệ. Nguyên lúc bấy giờ ở Cẩm-giàng có người thợ khéo là Vũ-như-Tô, lấy nứa xếp thành cung điện cơ trăm nóc trông rất đẹp. Nhà vua nghe biết việc ấy nên cho đòi Vũ-như-Tô vào triều, phong làm Đô-đốc giám để xây Đại-điện và Cửu-trùng-đài. Khâm-định Việt-sử Thông-giám Cương-mục chép rằng : Đại-điện có hơn trăm nóc cơ lâu. Cửu-trùng đài cũng lớn-lao đẹp-đẽ. Trước mặt điện cơ đào hồ thông

với sông Tô-lịch bao quanh, uốn khúc. Dọc theo sông Tô-lịch thì đắp thành nghiêm trường bọc lấy điện Tường-quang, quán Trấn-vũ và chùa Kim-cổ Thiên-hoa. Thành đắp từ Đông Nam sang Tây-Bắc, chắn ngang sông Tô-lịch. Bên trên thì có Hoàng-thành, bên dưới có cống xây bằng đá gạch và chắn suốt bề ngang.

Rất tiếc là những kiến-trúc trên không còn tồn-tại ngoài điện Kính-thiên với thềm rồng bao quanh, có lan can bao bọc. Điện quay về hướng Nam. Ở hướng này từ thềm lên điện có 3 hàng bậc có thành trạm Rồng và mây. (Hình 206b, 206c).

Cũng về cuối đời nhà Lê, vua Lê chỉ ngồi làm vì. Mọi quyền chính đều ở trong tay họ Trịnh. Do đó phủ Chúa Trịnh cũng nguy nga không kém gì cung điện của nhà vua.

Ông Baron sang Đông-kinh vào Thế-kỷ XVII có vẽ hình phủ Chúa Trịnh và in trong cuốn Description du Royaume de Tonquin (Hình 207) giúp ta có một chút hình ảnh cụ-thể về những kiến-trúc đời này.

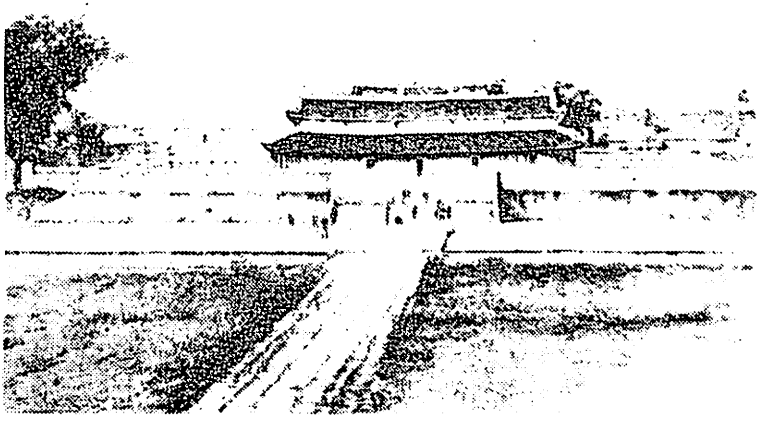

Hình 206b : Điện Kính-thiên ở thành Đông-kinh.

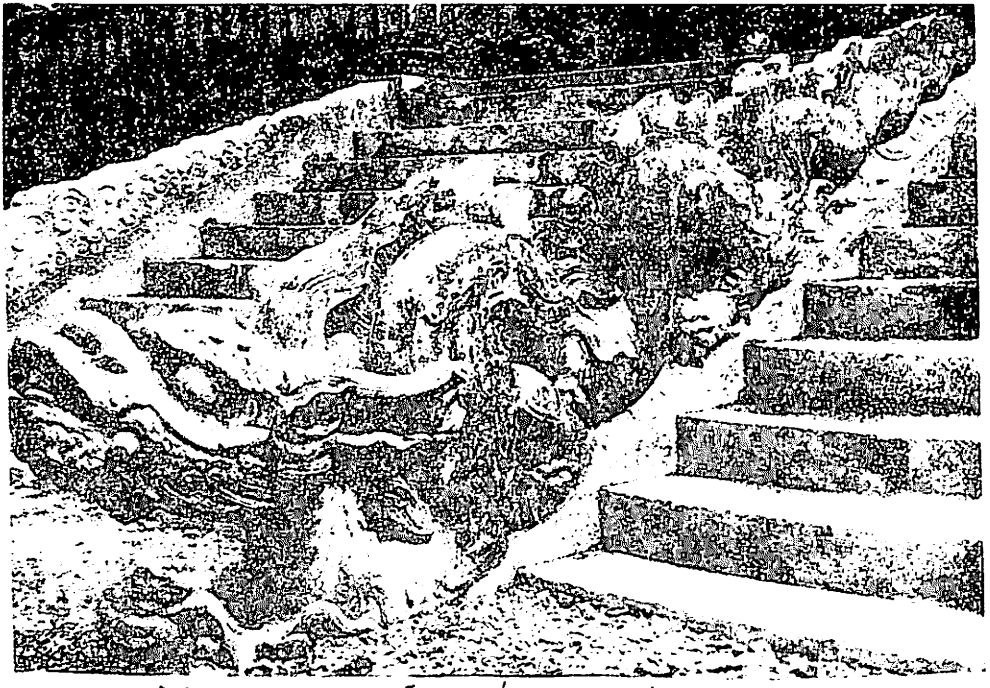

Hình 206c: Bậc lên điện Kính-thiên có thành tạc rồng.

Cũng trong cuốn sách trên có vẽ bức hình toàn cảnh thành Đông-kinh nhìn từ phía bờ sông vào (Hình 208).

Chính giữa hình này, chỗ có cột cờ cao là Cung điện của Vua Lê. Cung điện 2 tầng, 3 mái ở bên trái là phủ Chúa Trịnh.

Một trong những kiến-trúc từ đời Lê còn để lại là Tháp Rùa ở hồ Hoàn-kiếm. Tục-truyền rằng Lê-lợi trước khi khởi-nghĩa, đi đánh cá, lưỡi được thanh kiếm. Sau khi đánh đuổi được quân Minh, Ông đi chơi thuyền trên hồ thì rùa Thần hiện lên, đớp lấy gươm mang đi. Ông cho rằng kiếm trên là của Rùa thần tặng và sau khi thành-công đã lấy lại. Do đó hồ này được gọi là hồ Hoàn-kiếm. Đồng thời ông cũng cho xây ngọn tháp 4 tầng để thờ Rùa thần. Tháp này nằm ngay trên hòn đảo nhỏ ở giữa Hồ, nền hình vuông. Hai tầng dưới cùng mỗi mặt có 3 cửa. Trên mỗi tầng đều có lan can. Hai tầng trên mỗi mặt chỉ có 1 cửa và trên có mái cong. Đỉnh tháp là một hình nụ hoa lớn.

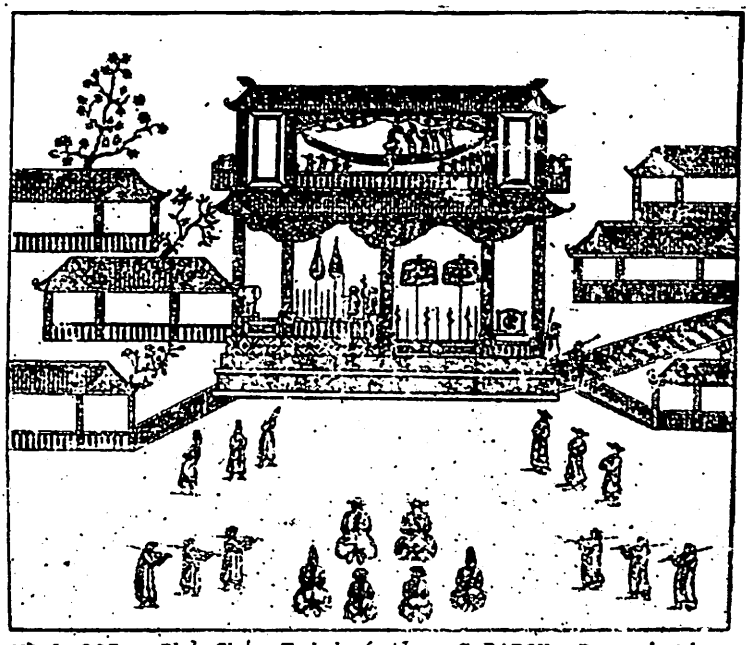

Hình 207 : Phủ Chúa Trịnh (*theo S.BARON, Description du Royaume de Tonquin*).

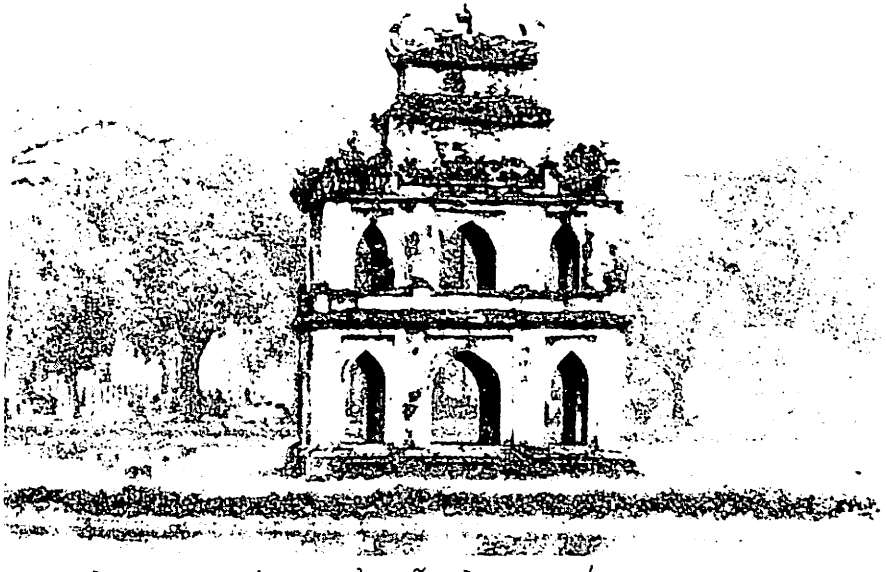

Hình 209 : Tháp Rùa ở giữa hồ Hoàn-kiếm (Hà-nội).

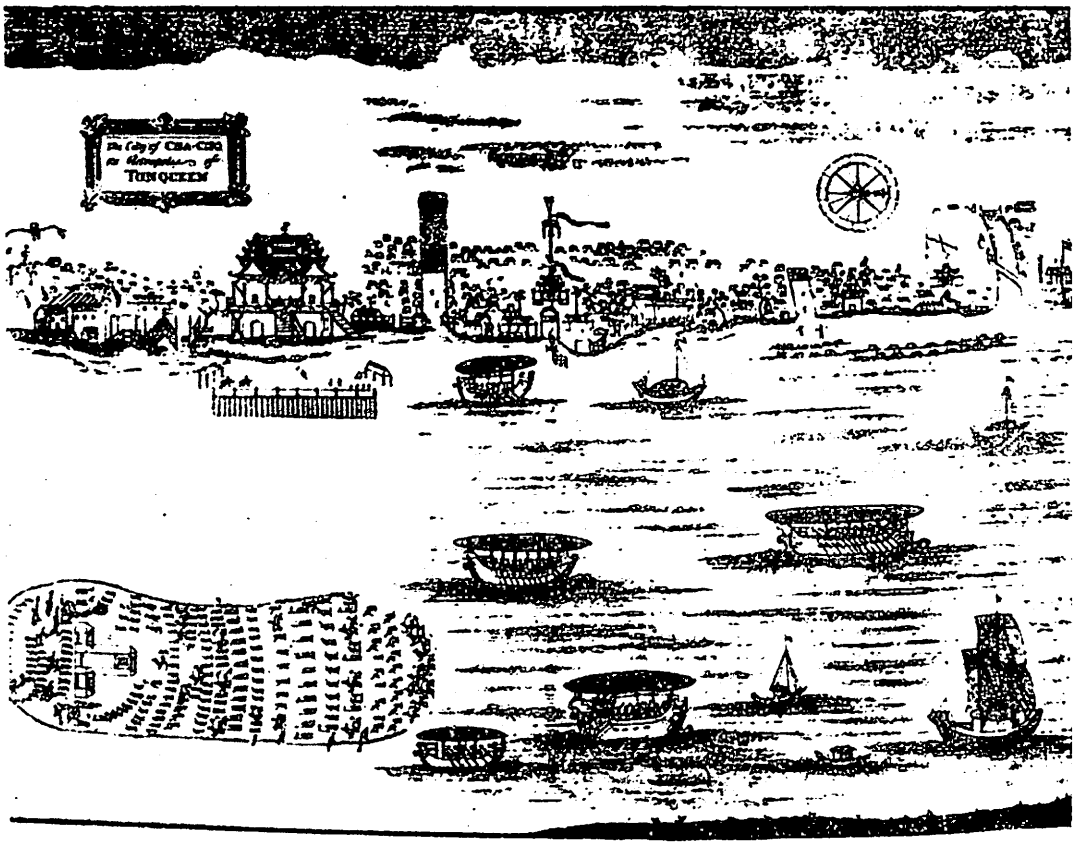

Hình 208 : Kinh-thành Đông-kinh thế-kỷ XVII
(S.BARON.Description du Royaume de Tonquin).

Từ đời Lê-thánh-Tông, chính-quyền tổ-chức khá chu-đáo.Tất cả các kiến-trúc công-quyền đều được xây cất cùng một kiểu.

Các giám như Tư-lễ giám, Tu-chế giám, Đô-sát giám,Nội phủ giam và Bảo tàng giám đều có một dãy công-đường 3 gian 2 chái.Nghi-môn đều 1 gian.

Các bộ Hộ , Công , Hình và các cơ-quan lớn như Đông-các, Hàn-lâm-viện đều cất kiểu chữ công đằng trước, đằng sau đều 3 gian , 2 chái , nhà nối 3 gian.

Tuy nhiên theo nhu-cầu của các bộ, các nhà phụ thì lớn nhỏ khác nhau. Thí-dụ như Hộ bộ có thêm nhà lưu-trữ

thuế-vật một dãy 7 gian, nhà để sổ-sách một dãy 3 gian 2 chái, nhà lưu-trữ sổ hộ 4 dãy 11 gian. Ngục phòng 3 gian, nghi môn 3 gian.

Các bộ và các cơ-quan ít người như bộ lại chỉ có 5 gian, 2 chái, Bộ Lễ chỉ có 3 gian 2 chái. Ngự-sử đài có công-đường 5 gian 2 chái nhưng có thêm sở Án-ngục 1 dãy 3 gian. Đề-hình 7 dãy mỗi dãy 5 gian.

Tất cả đều có xây tường bao quanh.

Ngoài các công-đường, Triều-đình cũng cho xây các đàn Nam-giao, Xã-tắc và Phong-vân để dùng vào việc tế-lễ.

Đàn Nam-giao có điện Chiêu-sự 3 gian 2 chái bên cạnh có 2 dãy nhà phụ mỗi dãy 1 gian hai chái và 2 giải-vũ mỗi dãy 7 gian. Cửa điện này 3 gian. Điện Canh-y và Trai-cung đều 1 gian 2 chái. nhà bếp 3 gian. Các điện này có cửa giả 3 gian, 2 cửa hai bên một gian.

Cả khu đàn Nam-giao này đều có xây tường chung-quanh và có 2 cửa mỗi cửa đều 3 gian cả. Đàn Nam-giao để tế trời, đất.

Đàn Xã-tắc để cầu cho được mùa . Đàn này chỉ là một nền cao chung-quanh xây tường mà thôi nhưng bên cạnh có các nhà phụ như điện Canh y 1 gian 2 chái, nhà Túc-yết 5 gian 2 chái, kho tế-khí và nhà bếp đều có 3 gian. Bên ngoài khu này lại có một vòng tường nửa và 1 nghi-môn 3 gian.

Đàn Phong-vân để cầu mưa gió cũng chỉ có 1 nền cao và các nhà phụ như nhà Phụng-sự 3 gian 2 chái, Nhà Túc-yết 3 dãy đều 1 gian 2 chái, kho tế-khí và nhà bếp đều 3 gian. Chung-quanh đài có đắp tường và có nghi môn 1 gian (1)

Kiến-trúc Lam Kinh

Về đời nhà Lê, Lam-sơn được coi như thánh-địa của Vương triều nên được Triều-đình cho xây dựng như một kinh-đô thứ hai gọi là Lam-kinh hoặc Tây-kinh.

Lam-kinh thuộc địa-phận xã Xuân-lam, huyện Thọ-xuân, tỉnh Thanh-hoá ngày nay. Lam-kinh nằm trên tả ngạn sông Chu và cách Thanh-hóa khoảng 60 km.

Lam-kinh được xây-cất từ đời Lê-Thái-Tổng (1433) nhưng sau bị hỏa hoạn cháy phải xây cất lại. Cuối năm 1448, Triều đình đã cho Lê-Khả đốc-thúc cục Bách-tác xây cất các cung điện ở Lam-kinh, năm 1456 lại sửa-sang lại và đặt tên là Quảng-đức, Sung-hiền và Diên-khánh.

---

1. *LÊ-QUÝ-ĐÔN. Kiến-văn tiểu-lục. Nxb SỬ-HỌC, HÀ-NỘI* t 188 *và kế tiếp.*

Phan-Huy-Chú trong Lịch-triều Hiến-chương loại chí có viết về Lam-kinh như sau : Điện Lam-kinh sau gối vào núi, trước trông ra sông, bốn phía nước non xanh biếc , rừng rậm um-tùm. Vĩnh-lăng của Lê-thái-Tổ, Thiện-lăng của Lê-Thái-Tông và lăng của các vua nhà Lê đều ở đấy cả.Sau điện, lấy Tây-hồ làm não giống như hồ Kim-ngưu.Hồ rất rộng lớn, nước các ngả đổ cả vào đấy.Có con sông phát nguyên tự hồ ấy, chảy vòng trước mặt,lòng sông có những viên đá nhỏ tròn và nhẵn trông rất thích mắt nhưng không ai dám lấy trộm. Lại có lạch nước nhỏ chạy từ bên phải qua trước điện, ôm vòng lại như cánh cung. Trên lạch có cầu giống như Bạch-kiều ở Giang-đình điện Vạn-thọ Đông-kinh.Đi qua cầu mới đến điện.Nền điện rất cao, hai bên cánh mở rộng, dưới sân điện có làn nước phẳng giống như trước điện nhà vua coi chầu. Ngoài cửa Nghi-môn có 2 con chó ngao bằng đá tục truyền là rất thiêng. Điện làm 3 ngôi liền nhau,kiểu như chữ công, mấu mực theo đúng như kiểu các miếu ở Kinh-sư. Theo tầng bậc mà lên rồi từ đó trông xuống thì thấy núi khe hai bên tả hữu,cái nọ cái kia vòng quanh.Thật là một chỗ đẹp để xây-dựng cơ-nghiệp (1).

Lam-kinh không phải là một thành-phố chính-trị mà chỉ là nơi cư-ngụ của họ hàng nhà vua và là nơi nhà vua và các quan về tế mộ tổ mà thôi. Do đó kiến-trúc Lam-kinh giống như một trung-tâm nghỉ mát.

Lam-kinh xây cất trên một triền đồi thoải được bạt bằng thành 3 lớp:

Lớp thứ nhất ,từ ngoài đi vào có một vòng tường với một cổng ở chính giữa mặt Nam.Từ cổng này người ta phải qua một khe nước nhỏ gọi là khe Ngọc bằng một con cầu dài độ 15 m rồi đến một hồ bán-nguyệt đường kính độ 50 m và một nghi-môn (cổng chào) lớn. Nghi-môn xây trên một nền vuông mỗi chiều 15 m có 3 lối đi vào. Lối giữa rộng 2,6 m hai lối 2 bên chỉ rộng 2,15 m.Trong nghi-môn là sân Rồng là nơi vua coi chầu hình chữ nhật dài 60 m, rộng 55 m.

Lớp thứ hai là nền điện Lam-kinh, chính là nơi xây kiến trúc hình chữ công mà Phan-huy-Chú đã nói đến ở trên. Điện này gồm 2 dãy 7 gian hai chái dài 48 m và một dãy nối ở giữa dài độ 3,20 m.Từ lớp thứ nhất đi lên điện này có một bậc thang với 3 lối đi lên kiến-trúc theo kiểu bậc thang ở điện Kính-thiên, với những thành trạm tượng Rồng.

---

1. *PHAN-HUY-CHÚ. Lịch-triều Hiến-chương Loại-chí. Nxb SỬ-HỌC. HÀ-NỘI ,Tập I .t 40.*

Lớp thứ 3 là một khu đất rộng độ 65 m trên có 9 nền nhà xếp thành hình dấu mũ (^) đối xứng với nhau.Có lẽ đây là nền nhà thờ các vị tổ của Hoàng-gia.(Hình 209).

Hình 209 : Sơ-đồ LAM-KINH. (Thanh-hóa).

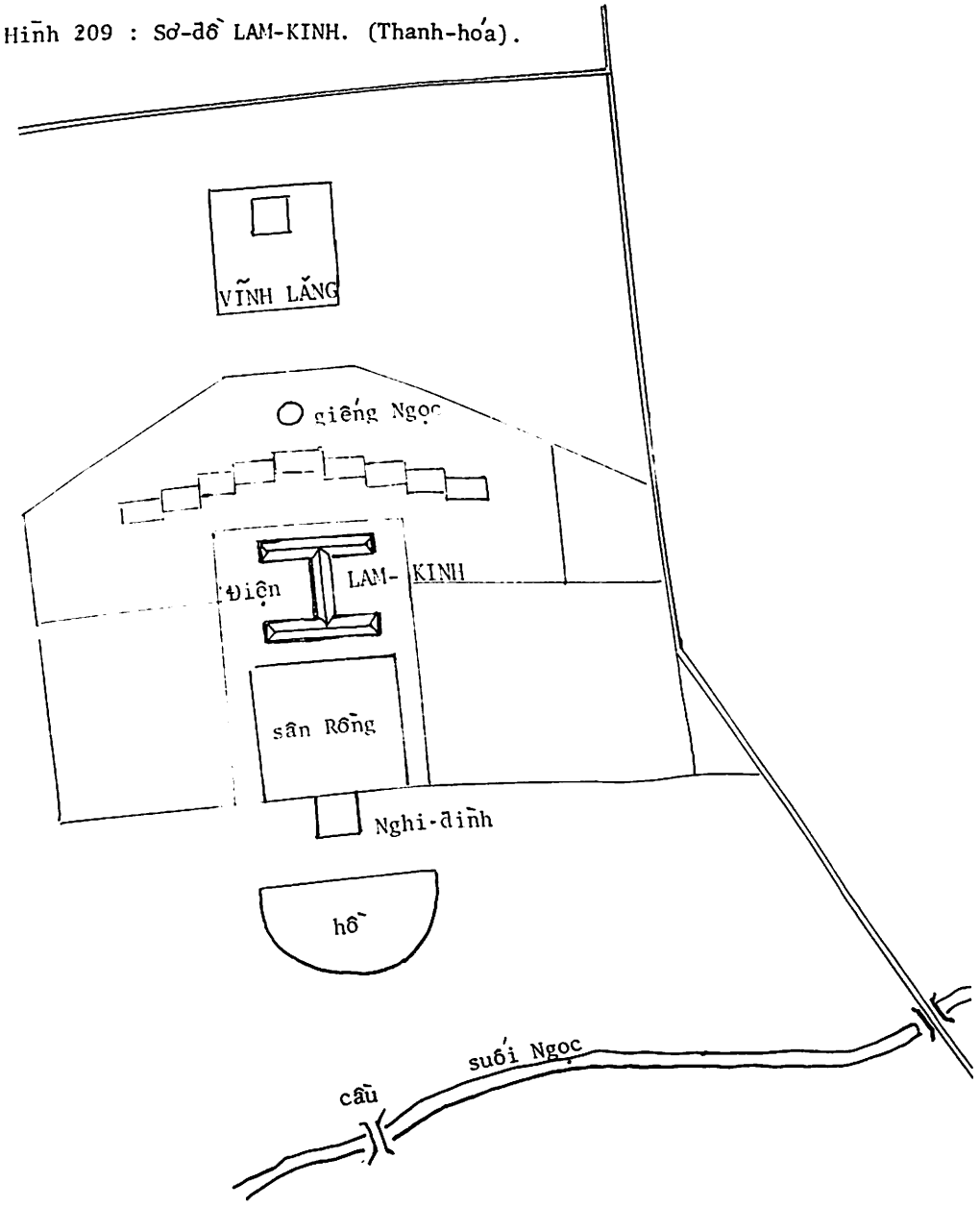

Trước nghi-đình, hơi lệch về bên phải là nhà bia.

Nhà bia này xây trên một nền hình vuông, có 8 cột lớn đỡ dơ 2 mái cong. Giữa nhà có để bia kể công-đức của Lê Lợi thường gọi là bia Vĩnh-lăng. (Hình 210).

Phía sau Khu điện Lam-kinh là lăng Lê- Thái-tổ, cũng còn gọi là VINH-LĂNG.

Nhìn chung lối bố-trí Vĩnh-lăng, điện Lam-kinh và nhà bia ta thấy ngay Triều-đình có ý coi toàn-bộ khu này như một khu vừa làm đền thờ tổ-tiên nhà Lê, vừa làm Lăng Lê-Thái-Tổ, vị vua có công khai-sáng ra nhà Hậu-lê.

Hình 210 : Nhà bia Vĩnh-lăng.

Kiến-trúc lăng mộ

Lăng mộ của nhà Hậu Lê tập-trung chung quanh vùng Lam kinh, như Lăng các vua Lê-Thái-Tổ, Lê-Thái-Tông, Lê-Nhân-Tông, Lê-Thánh-Tông, Lê-Hiến-Tông và Lê-Túc-Tông. Ngoài ra ở vùng Lam-kinh còn có Lăng Hoàng-hậu NGô-Thị Ngọc Giao (vợ Lê-Thái-Tông), Hoàng-hậu Nguyễn-thị Ngọc Huyện (vợ vua Lê Thánh-Tông) và mộ Công-chúa Thụy-hoa.

Ngoài ra các lăng mộ đời Hậu Lê còn có lăng, Hoàng thân Lê-Quỳnh-Cư ở Thường-tín (Hà-đông), An-tiệt-lăng của vợ vua Lê-Thánh-Tông ở Mỹ-đãi, Hải-hà (Thái-bình). v.v...

Lăng Lê-Thái-Tổ xây thành hình chữ nhật 24,4x 24 m có tường vây quanh. Trong cùng của khu này là mộ đắp bằng đất và xây bờ chung quanh. Trước mộ và sát tường 2 bên có 2 hàng tượng theo thứ tự : quan hầu, kỳ-lân, tê-giác, ngựa và hổ. Những tượng này tương-đối nhỏ nên trông lăng không được đồ-sộ như những lăng khác.

Lăng Lê-Thái-Tông còn gọi là Hựu-lăng, cũng ở sau điện Lam-kinh nhưng ở xa hơn về phía Đông-Bắc. Lăng này xây cất trên một đồi tre luồng rậm-rạp và đã bị tàn-phá nặng, chỉ còn sót lại mộ-phần mà thôi.

Lăng Lê-Thánh-Tông hay Chiêu-lăng được xây ngay ở phía trái điện Lam-kinh và cách điện này độ 1 km. Kiến-trúc và bố-trí lăng này giống như Vĩnh-lăng.

Lăng Lê-Hiển-Tông hay Dụ lăng ở bên phải điện Lam-kinh và cách điện này độ 500m về phía Tây-Bắc. Kiến-trúc lăng này cũng giống như Vĩnh-lăng.

Lăng Lê-Túc-Tông hay Kính-lăng ở phía Bắc điện Lam-kinh nhưng khá xa khu-vực này. Lăng này đã bị tàn-phá nặng nên chúng ta không thể biết hình dáng ra sao.

Lăng bà Ngô-Thị- Ngọc-Giao, vợ vua Lê-Thái -Tông ở Gò Đình, cách điện Lam-kinh 2 km về phía Đông-Bắc. Kiến-trúc lăng này giống như Lăng Lê-Thánh-Tông.

Lăng bà Nguyễn-thị Ngọc-Huyên, vợ vua Lê-Thánh-Tông được xây ở gần lăng vua Lê-Túc-Tông, đã bị tàn-phá, chỉ còn lại một ít vết tích mà thôi.

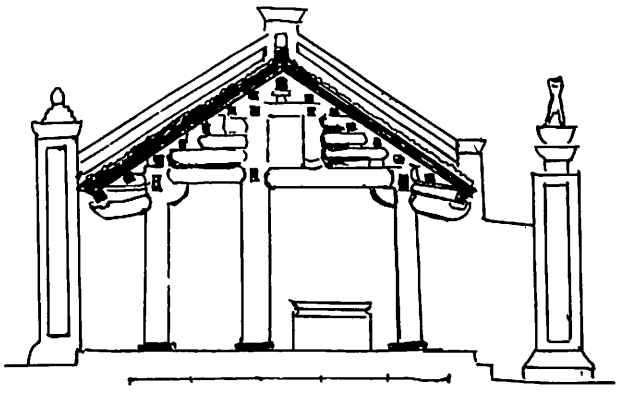

Hình 211 : Cổng vào khu điện Lam-kinh.

CẤU-TRÚC ĐỜI HẬU-LÊ.

Chúng ta có rất ít tài-liệu nói về cấu-trúc các cung điện đời Hậu-Lê. Dựa vào những kiến-trúc còn sót lại ở Lam-kinh chúng ta có thể biết đại-khái như sau:

Vật-liệu chính để xây cất vẫn là gỗ và gạch ngói. Khung nhà thường bằng gỗ lim, tường nhà đôi chỗ được xây bằng gạch và mái lợp ngói.

Một kiến-trúc nhỏ như cái cổng ngoài cửa điện Lam kinh chỉ dùng 3 hàng cột: Cột chính ở giữa nhưng lệch về một bên chỗng nóc độ 70 cm, cột con ở phía trước và phía sau. Giữa các hàng cột này là những vì xà ngang càng ngắn càng nhỏ dần lên phía nóc. Giữa các xà này là những đầu kê để đỡ các dui mè ở trên.

Trên xà ngang thấp nhất có một đoạn cột ngắn đặt đối xứng với phần trên của cột cái khiến cho các xà ngang bên trên đều đối xứng với nhau và sức chịu-đựng đối với nóc nhà cũng cân nhau (Hình 211).

Kiến-trúc lớn như chính-điện Lam-kinh có 4 hàng cột: Hai hàng cột cái ở giữa, hai hàng cột con ở phía trước và phía sau. Giữa các hàng cột cái dọc và ngang đều có 2 hàng xà chính. Giữa cột cái và cột con có 1 hàng xà phụ. Ngoài ra còn có những hàng xà cụt để đỡ lấy mái nhà. Hàng xà cụt thấp nhất xuyên qua cột phía trong có một đầu kê đỡ lấy để làm đòn bẩy nâng mái hiên nhà lên. Các hàng xà cụt khác càng ngày càng ngắn đi và đều có những đầu kê để đỡ lấy mái nhà. Trên sát chỗng nóc lại có 2 hàng cột ngắn đặt trên xà ngang trên đỡ lấy một xà ngang nhỏ khác mà chỗng nóc được để ở giữa xà ngang này.

Cấu-trúc các cung-điện Hậu-Lê như vậy được kể như là rất khéo và chắc vì các xà ngang được bố-trí để cho xà nọ dựa vào xà kia và tất-cả đều trut sức nặng trên các cột cái và cột con một cách cân-đối.

Có một đặc-điểm mà ta cần chú ý là các cột và xà ngang dọc này không được trạm-trổ nhiều như các kiến-trúc khác trước đó. Điều này chứng tỏ rằng các nhà xây-cất đời Hậu Lê chú-trọng sự bền chắc hơn là trang-trí phức-tạp.

Có thể đây cũng là bản-tính giản-dị của các vua đời Hậu Lê vốn gốc gác từ miền rừng núi Lam-sơn (Hình 212).

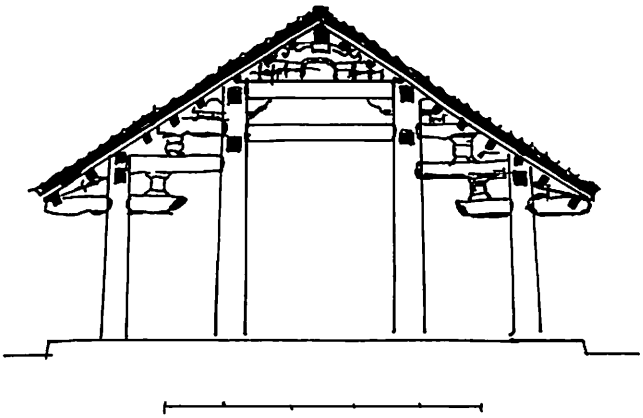

Hình 212 : Cấu-trúc chính-điện Lam-kinh.

Kiến-trúc Tôn-giáo

Trong đời Hậu Lê, ngoài Phật-giáo tiếp-tục phát-triển, Nho-giáo đã đóng một vai-trò quan-trọng trong xã-hội Quân-chủ chuyên-chế. Ngoài ra việc thờ-phụng các anh-hùng liệt-sĩ cũng được đặc-biệt chú-ý. Nhờ đó mà các kiến-trúc tôn-giáo đời Hậu-Lê đã thực-hiện được khá nhiều và đến nay nhiều kiến-trúc lớn vẫn còn tồn-tại.

Các kiến-trúc tôn-giáo có thể chia thành 3 loại : Văn miếu (thờ Khổng-tử của đạo Nho), Chùa (thờ Phật), và đình đền (thờ các anh-hùng liệt-sĩ).

VĂN-MIẾU.

Văn-miếu và Quốc-tử-giám đã được xây cất từ đời Lý ở phía Nam thành Thăng-long. Sang đến đời Hậu-lê , nhất là từ đời Lê-Thánh-Tông, Văn-miếu và Quốc-tử-giám đã được xây cất lại để biến thành một Trung-tâm văn-hóa và giáo-dục lớn ở Đông-kinh.

Theo sử cũ, Điện chính của Văn-miếu là Điện Đại-thành thờ Khổng-tử có 3 gian 2 chái. Hai bên điện Đại-thành là 2 dãy nhà nhỏ hơn thờ các vị Tiên hiền, Tiên Nho,mỗi dãy 7 gian.Cũng trong khu này còn có Điện Canh-phục là nơi nhà vua vào thay áo, có 1 gian 2 chái cùng nhà bếp 2 gian, kho chứa đồ tế khí 3 gian 2 chái.

Cạnh Văn-miếu là Nhà Thái-học là nơi dạy học của Quốc tử-giám. Nhà Thái-học rộng 3 gian, hai bên có 2 dãy giảng-đường mỗi dãy 14 gian và 2 dãy nhà để giữ gìn các bia Tiến-sĩ mỗi dãy 12 gian.

Hai bên nhà Thái-học có 6 dãy nhà cho học viên ở. Mỗi bên có 3 dãy, mỗi dãy có 25 gian. Mỗi gian dành cho 2 học viên (1).

Rất tiếc là những kiến-trúc Văn-miếu và nhà Thái-học trên nay không còn vết-tích nữa nên chúng ta không biết chúng được xây-cất ra sao. Văn-miếu hiện tồn-tại đến ngày nay ở Hà-nội được xây-dựng trong đời nhà Nguyễn. Chúng tôi sẽ trở lại với kiến-trúc này trong phần Kiến-trúc đời Nguyễn.

Di-tích đời Lê còn để lại nơi đây là 2 thành bậc cửa, trạm bằng đá hình mây xoắn lại với nhau và 10 tấm bia đá khắc tên các vị Tiến-sĩ đương-thời.

Ở các tỉnh cũng như các phủ huyện cũng như các làng xã, các Văn-miếu, Văn-từ hay Văn-chỉ cũng được xây-cất rất nhiều để thờ Khổng-tử. Những kiến-trúc tôn-giáo này và các buổi tế-lễ long-trọng đã làm cho uy-thế của các nhà Nho gia-tăng rất nhiều.

ĐÌNH.

Đình vừa là nơi thờ Thành-hoàng vừa là nơi hội-họp và làm việc của các chức-sắc trong làng. Trong đời Hậu Lê, tổ-chức chính-quyền địa-phương rất chu-đáo nên rất nhiều đình lớn được xây-cất trong thời này. Những đình lớn và đẹp còn tồn-tại đến nay như đình Đình-bảng, đình Chu-quyến, đình Yên-sở v.v... Thành hoàng các làng thường là những người đã có công với dân làng hay các vị trung-thần nghĩa-sĩ như Lý-Bí, Triệu-Quang-Phục, Lý-Phục-Man, Lý-Phật-Tử, Trần-Hưng-Đạo v.v...

Kiến-trúc các đình thường giống nhau: hình chữ công, dãy ngoài thường lớn hơn dãy trong (lớn thì 5 gian hai chái, nhỏ thì 3 gian hai chái).

---

1. *QUỐC-SỬ QUÁN TRIỀU NGUYỄN. Khâm-định Việt-sử Thông-giám Cương-mục. Nxb VĂN-SỬ-ĐỊA HÀ-NỘI 1957. t 1150.*

Dáng cấu-trúc các đình thường có vẻ bề-thế như muốn chứng tỏ uy-quyền của Chính-quyền địa-phương đối-với dân làng.

Mái đình thường cong ở các góc , trong đình thường có sàn cao ở hai bên và sàn thấp ở giữa làm người ta thấy đình có dáng như các nhà cổ của tổ-tiên chúng-ta thời Đông-sơn, còn thấy trên các trống đồng.

Đình Đình - bảng được xây cất ngay ở giữa làng Đình-bảng,huyện Đông-ngàn (nay là Tiên-sơn, tỉnh Hà-bắc).

Đình được xây-cất năm 1736 (đời Lê Vĩnh-Hựu) do vợ chồng nhà buôn gỗ Nguyễn-Thế-Lương cùng sự đóng-góp của dân làng tạo ra.

Đình này cất trên 1 nền hình chữ-nhật, có 7 gian 2 chái,kiến-trúc theo lối chồng giường.Cột cái ở đình cao 5 m đường kính 67 cm. Mái đình lợp ngói và cong lên ở 4 góc.

Hai bên đình có sàn cao 70 cm, các gian giữa sàn thấp.

Tất-cả cột kèo của đình đều làm bằng gỗ lim.Các đầu câu-đầu,kèo, thượng-lương, ván long, la' gió đều trạm-trổ rất đẹp. Đề tài trạm-trổ thường là tứ-linh, Tứ-quí và Bát mã,trong đó rồng chiếm phần lớn (tổng-số có đến 500 hình rồng được trạm ở đình này).Cửa điện thờ trạm hình Lưỡng long triều nguyệt (2 rồng châu mặt trăng). Nóc đình trạm hình giao , kìm và sò rất trang-nhã.

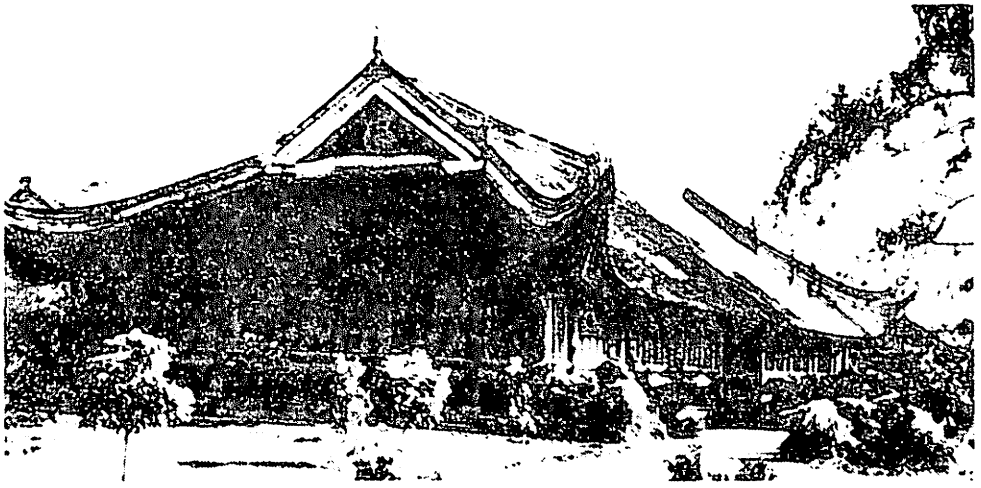

Hình 213 : Đình làng Đình-bảng .

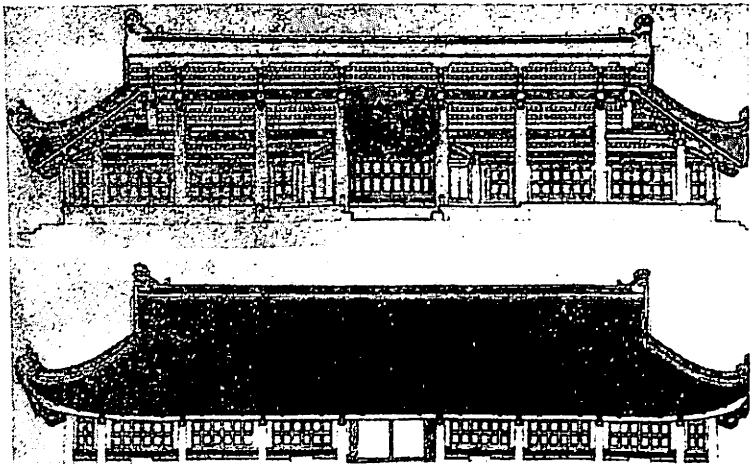

Hình 214 : Cấu-trúc dọc đình làng Đình-bảng.

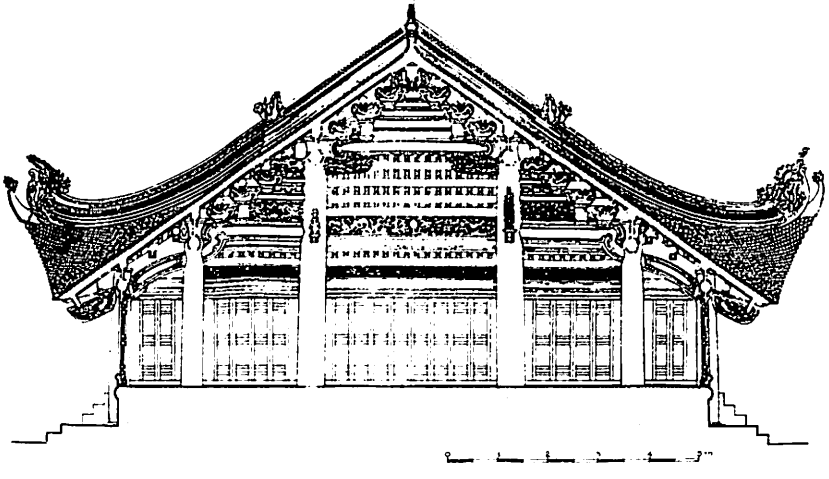

Hình 215 : Cấu-trúc ngang đình làng Đình-bảng.

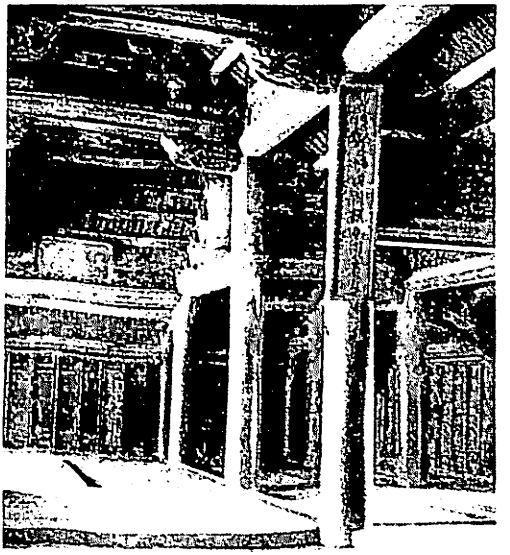

Hình 216 : Cấu-trúc bên trong đình làng Đình-bảng.

Ở đình Chu-quyến, các bức trạm-trổ ngoài các hình rồng phượng còn có trạm các hình sinh-hoạt của dân-chúng.

Đình Yên-sở được xây trên 3 cấp khác nhau nên được gọi là đình thượng, đình trung và đình hạ. Trước đình hạ còn có sân hát xây cao lên như một khán đài. Trước sân hát này là một sân rộng để dân-chúng đến coi hát. 2 bên sân hát là 2 nhà giải-vũ chạy thẳng ra tới cổng tam-quan.

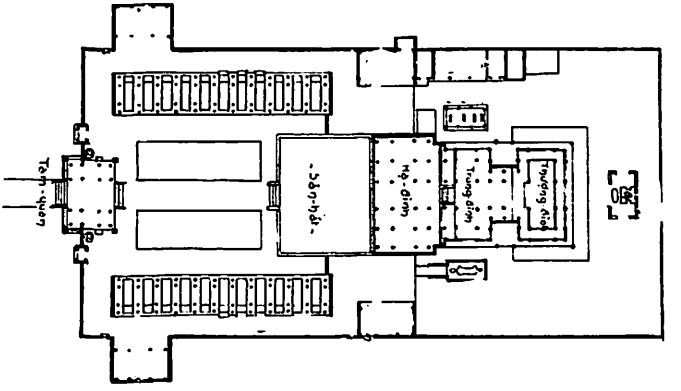

Hình 217 : Đình Yên-sở (Hà-đông) (Sơ-đồ).

KIẾN-TRÚC PHẬT-GIÁO.

Đời Hậu Lê là thời cực-thịnh của Nho-giáo nên các hoạt-động của Phật-giáo đã bị hạn-chế phần nào. Năm 1461 Lê-Thánh-Tông đã ban-hành sắc-lệnh : Chùa quán nào không có ngạch cũ thì không được tự-tiện làm mới. Tuy-nhiên Triều-đình vẫn chú-ý đến việc trùng-tu các chùa lớn và chính các vua thường vẫn đi lễ chùa để cầu cho quốc-thái dân an. Nhờ đó đời Hậu Lê đã có nhiều chùa lớn được trùng-tu hay xây-cất mới như chùa Bảo-thiên (Hà-nội), chùa Minh-đô (Thanh-hà, Hải-dương), chùa Thiên-phúc (tức chùa Thầy, Quốc oai, Sơn-tây), chùa Kim-liên (Hà-nội), chùa Bối-khê, chùa Hòa-lạc, chùa Quang-khánh chùa Minh-khánh và đặc-biệt là chùa Tây-phương (Sơn-tây) và chùa Keo (Thái-bình) là những kiến trúc Phật-giáo lớn và đẹp.

Khác với Đình là nơi hội-họp toàn-thể dân-chúng trong làng nên cần một nơi rộng-rãi, đình thường chú-trọng về bề rộng, Chùa phải đáp ứng với nhu-cầu trang-trí tượng Phật thường nhiều và lớn nên các chùa thường phải xây cất cao. Các chùa lớn thường làm tới 2 hay 3 mái.

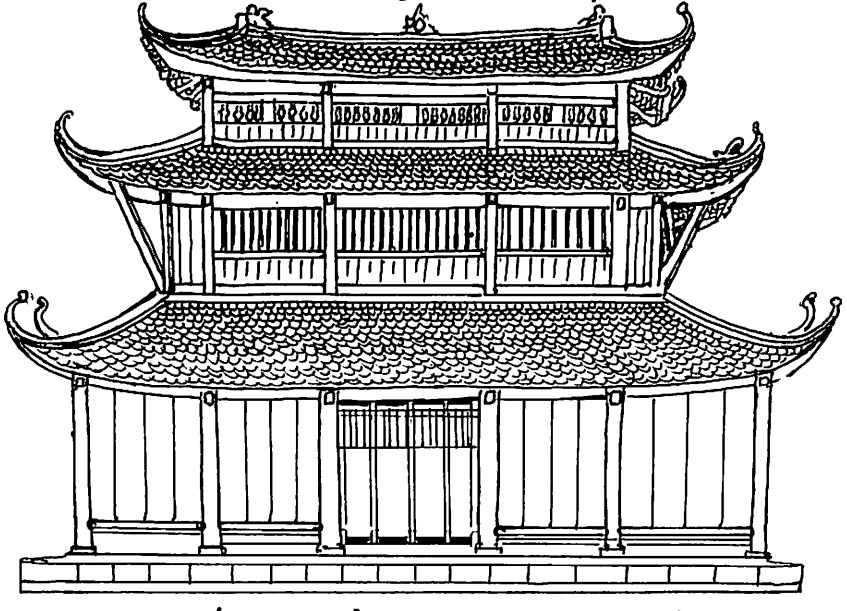

Hình 218 : Kiến-trúc điển-hình một ngôi chùa lớn đời Lê.

Các mái thường lợp ngói và cong lên ở các góc. Các mái cũng như vách cũng lên cao càng nhỏ đi nên các chùa có dáng nhẹ-nhàng thanh-thoát chứ không nặng nề như dáng các đình (Hình 216).

CHÙA TÂY-PHƯƠNG.

Theo truyền-thuyết, chùa Tây-phương được xây cất từ đời Bắc-thuộc và được trùng-tu nhiều lần.

Năm 1554 đời Mạc-Phúc-Nguyên, chùa được xây-cất lại các điện chính và năm 1660, chúa Trịnh-Tạc có đến viếng chùa và đã ra lệnh sửa sang chùa cho đẹp để hơn.Đến đời Tây-sơn,chùa lại được trùng-tu ,đúc chuông lớn và được gọi là Tây-phương cổ tự.

Chùa Tây-phương có 3 tòa điện chính xếp thành hình chữ tam (三) chung quanh có tường xây thành hình chữ nhật.

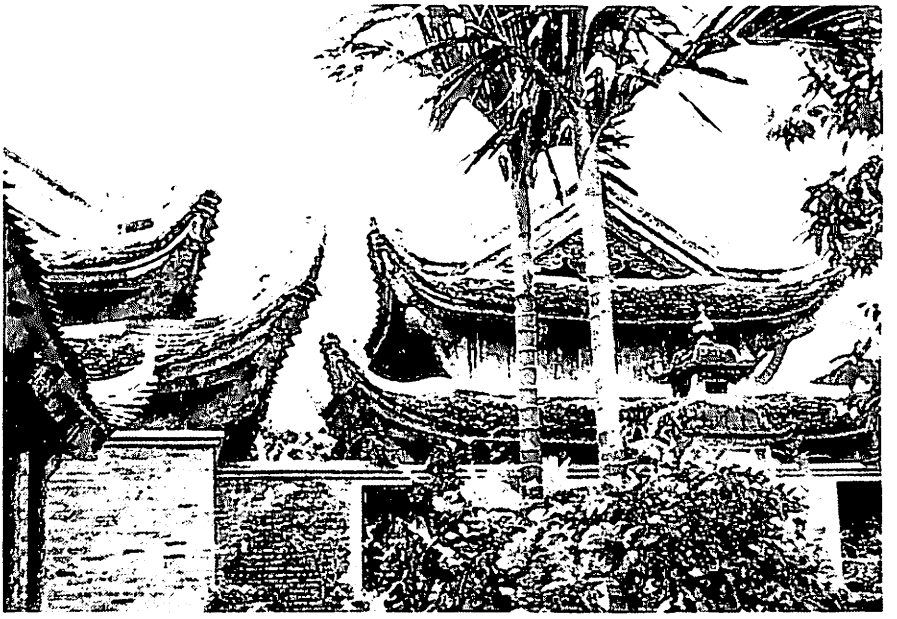

Hình 219 : Chùa Tây-phương (Sơn-tây).

Chùa cất bằng gỗ ,lợp ngói, chung quanh xây tường.
Chùa có 2 mái , mái trên nhỏ hơn mái dưới.Các mái đều cong ở các góc và có trang-trí các hình Rồng,Kỳ-lân rất đẹp. (Hình 219 và 220).Mái chùa lợp ngói ngũ sắc nên trông như mầu áo cà sa của các nhà sư. Ở các đầu tường đều có những cửa tròn để tượng-trưng cho tư-tưởng sắc sắc không không của nhà Phật . Trên các vì kèo, câu-đầu đều có trạm-trổ rất tinh-vi , nhưng những hình trạm không phức-tạp -như ở các đình hay các cung-điện.Các hình trạm này giản-dị và trang-nhã ,tuy rất công-phu nhưng vẫn không trái với tư tưởng nhà Phật.Mỗi chân cột đều có kê một khối đá khắc hình hoa sen.

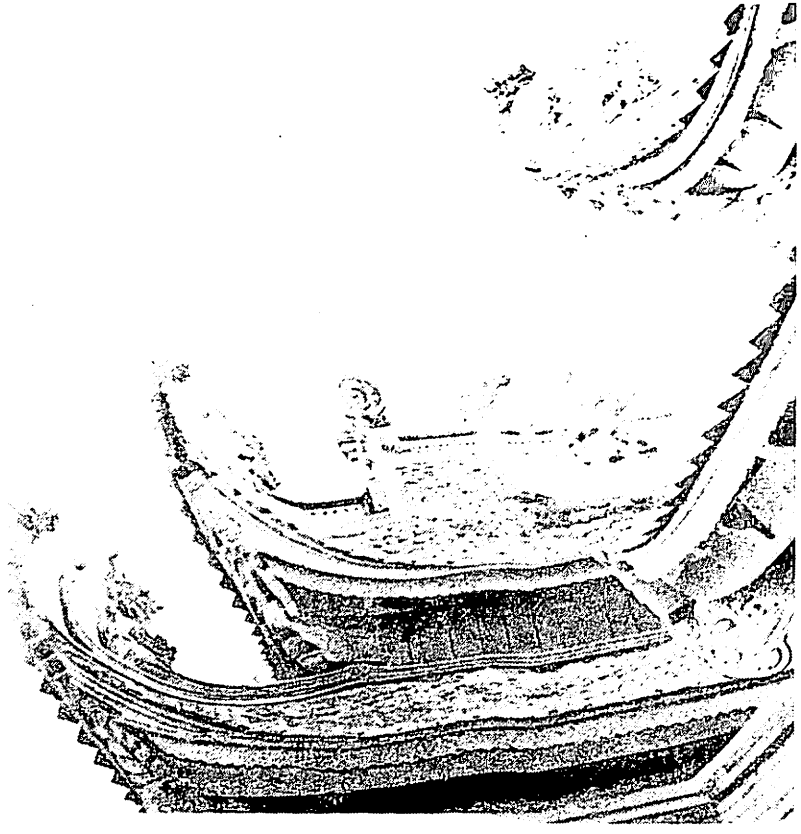

Hình 220 : Các hình trang-trí bằng đất nung trên nóc chùa Tây-phương.

CHÙA KEO

Chùa Keo ở Thái-bình là một trong những kiến-trúc đời Lê có thể coi là mang nhiều tính-chất cổ-truyền nhất.

Chùa cất tương-đối thấp nhưng mái rất rộng và cong. Đầu hồi của chùa này trông giống hệt như mái nhà của người Lạc Việt khắc trên các trống đồng Đông-sơn.

Đặc-biệt chùa còn có một gác chuông xây cất cao đến 3 tầng, kiến-trúc toàn bằng gỗ.

Đây là một kiến-trúc khá cao ở xứ ta. Để đối-phó với những trận bão nhiệt-đới, kiến-trúc này đòi hỏi sự vững-chắc nên cột kèo đều làm bằng những khúc gỗ lớn. Dui mè cũng phải đáp-ứng với nhu-cầu trên nên gác chuông tuy cao nhưng vẫn có vẻ nặng nề. Điểm này khác hẳn với các kiến-trúc cao của Nhật-bản và Bắc Trung-hoa, thường thanh-tú nhẹ-nhàng hơn (Hình 221 và 222).

Hình 221 : Toàn-cảnh chùa Keo ở Thái-bình .

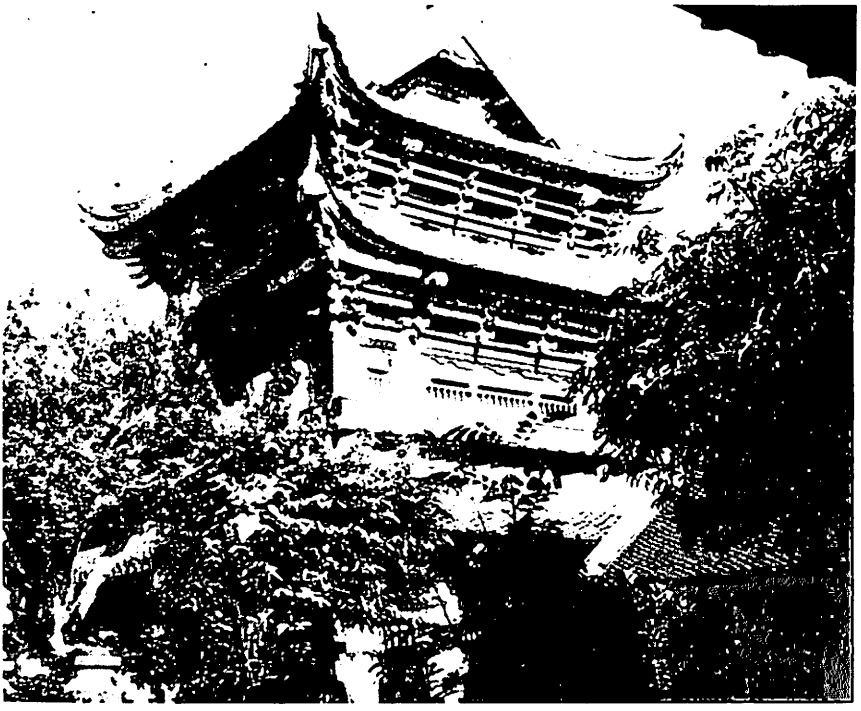

Hình 222 : Gác chuông chùa Keo ở Thái-bình .

Điêu-khắc

Song song với sự phát-triển của kiến-trúc Đại-Việt , nghệ-thuật điêu-khắc đời Hậu Lê cũng đột-phát trên số lượng cũng như phẩm-chất.

Các tác-phẩm điêu-khắc được dùng để trang-trí các cung-điện, lăng mộ, văn miếu song nhiều nhất vẫn là tượng Phật. Trong các chùa tượng Phật, tượng La-hán, tôn-giả, kim-cương, Thiên vương còn để lại rất nhiều. Cũng trong các đền chùa, lăng mộ người ta còn thấy nhiều các tượng chân dung của các nhân-vật đời Hậu-Lê khá độc-đáo.

TƯỢNG PHẬT BÀ QUAN-ÂM.

Tượng Phật ở chùa nào cũng có, nhưng phần lớn bị các

công-thức giáo-điều qui-định như tượng phải có những quí tướng của nhà Phật, phải có thế ngồi, đứng cũng như các động-tác của tay chân đúng cách tu niệm của đạo Phật, nên các tượng thường bị gò bó, các nhà điêu-khắc khó mà phát-triển những khả-năng sáng-tạo của mình. Tuy-nhiên một số tác-giả đã vượt qua những khó-khăn này và để lại những tác-phẩm điêu-khắc siêu-việt như tượng Phật Quan-âm nghìn mắt nghìn tay, tượng Tây-thiên Đông-đô lịch đại-tổ ở chùa Bút-tháp, tượng Phật bà Quan-âm, tượng Tuyết-san, Phật đà Nam đế, tượng Tôn-giả, La-hán, Kim-cương ở chùa Tây-phương

Tượng Phật Quan-âm nghìn mắt nghìn tay do Nam-tước Trương-văn-Thọ thuê tạc cúng cho chùa Bút-tháp .

Tượng tạc hình Phật Quan-âm có nhiều mặt và nhiều tay mà trông vẫn tự-nhiên.

Các mặt có nhiều nét khác nhau nhưng mặt nào cũng rất linh-hoạt. Mặt lớn nhất có nét hết sức Việt-nam. 3 khuôn mặt liền đó tạc với nét mặt trẻ hơn, hơi mỉm cười, được kể như những nét mặt Phật-bà đẹp nhất trong mỹ-thuật tôn-giáo Việt-nam (1).

Các tay Phật, chỗ thì tạc tay đang ngồi kiết-già, tay thì đang tụng niệm, mỗi tay diễn-tả một động-tác của đức Phật. Tuy nhiều tay như vậy nhưng tất-cả đều rất tự-nhiên, mềm mại chứng tỏ rằng tác-giả đã nghiên-cứu rất nhiều tất-cả những động-tác của một nhà tu-hành một cách kỹ càng và bố-trí một cách tinh-tế (Hình 223).

Ở chùa Tây-phương cũng có 2 tượng Phật bà Quan-âm tạc theo chủ đề này nhưng chỉ có nét mặt là tương-đối thành-công còn các tay thì tuy có ít hơn mà trông vẫn cứng và kém tự-nhiên nhiều (Hình 224 và 225).

TƯỢNG TÂY-THIÊN ĐÔNG-ĐÔ LỊCH ĐẠI-TỔ.

Tượng này tạc một vị sư tổ của Phật-giáo Việt-nam đang ngồi tham-thiền.

Tượng này đã thoát ra khỏi những công-thức giáo-điều của các tượng Phật giáo khác. Ở đây tác-giả đã diễn-tả rất hiện-thực, trình-bầy một cụ già Việt-nam có khuôn mặt rắn-rỏi, kiên-quyết của một vị chân tu.

---

1. NGUYỄN-PHI-HOANH. Lược-sử mỹ-thuật Việt-nam. Nxb Khoa học Xã-hội, Hà-nội 1970. t.97.

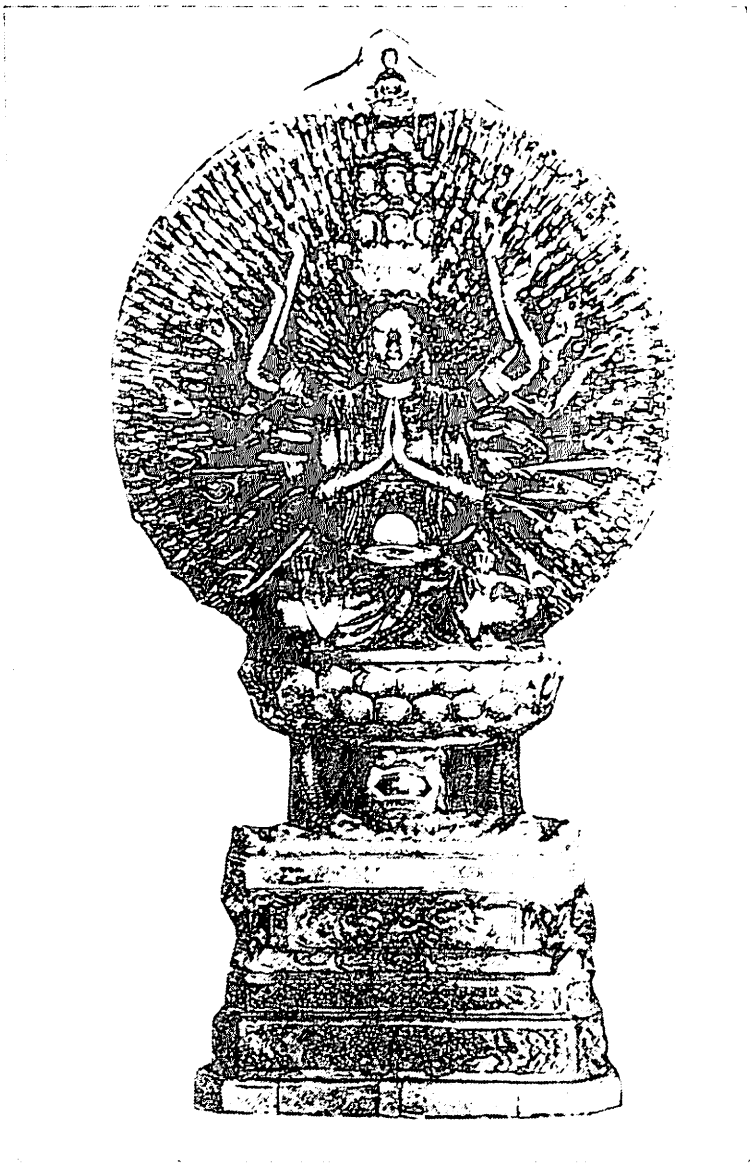

Hình 223 : Tượng Phật-bà Quan-âm nghìn mặt nghìn tay ở chùa Bút-tháp.

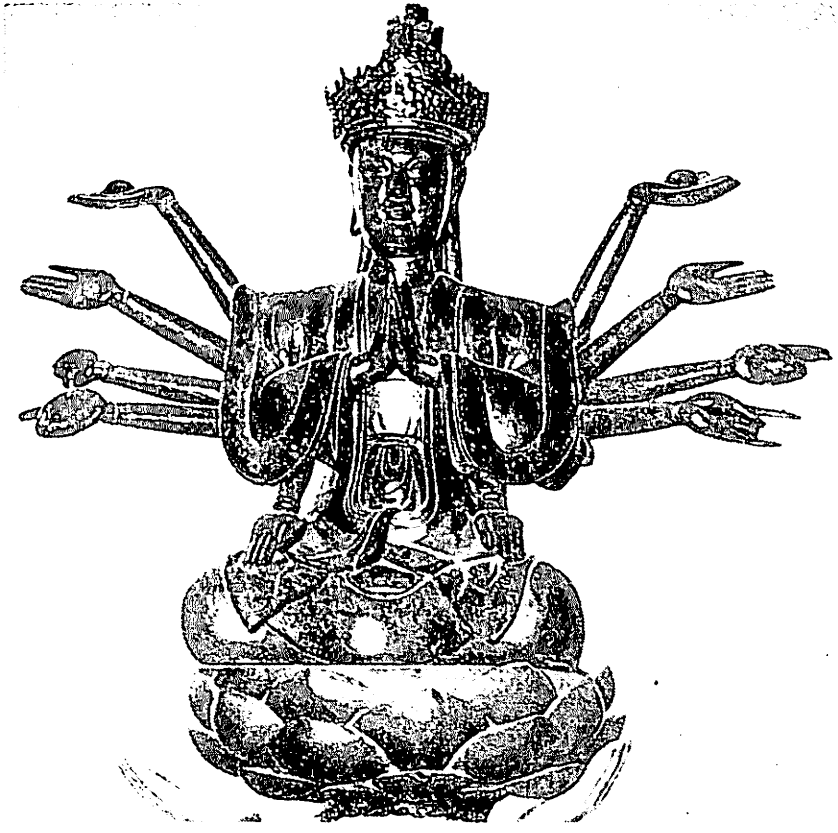

Hình 224 : Tượng Phật bà Quan-âm chùa Tây-phương

Cứ xem những nét răn trên mặt và những thớ thịt ở ngực, ở chân người ta có thể thấy ngay rằng tác-giả đã nghiên-cứu tỉ-mỉ từng thớ thịt, từng khúc xương trong thân-thể con người, một điều rất hiếm thấy trong nghệ-thuật điêu-khắc Việt-nam (Hình 226).

Hình 225 : Tượng Phật-bà Quan-âm chùa Tây-phương .

Hình 226 :Tượng Tây-thiên Đông-đô Việt-nam lịch đại tổ.

TƯỢNG TUYẾT-SƠN CHÙA TÂY-PHƯƠNG.

Tượng Tuyết-sơn ở chùa Tây-phương cũng là một tác-phẩm hiện-thực khá đẹp. Tượng này trình-bầy đức Phật Thích-ca lúc đang tu khổ-hạnh để tìm đạo. Tượng tạc giống một vị sư Việt-nam đang ngồi nhập-định (maharahja lilisana) theo lối ngồi chân bằng chân chồng, một tay để trên đùi, một tay để trên đầu gối. Tượng tạc vị sư gầy trơ cả xương sườn, xương ống tay,với nhiều nét rắn trên mặt khiến cho từ nét mặt đến toàn thân đều toát lên vẻ khắc khổ. Tuy-nhiên,dù thân-hình có khắc-khổ nhưng gương mặt cũng như dáng ngồi vẫn thanh-thản, tự-nhiên nhưng không kém vẻ cương-quyết của nhà tu-hành trên con đường tìm đạo.

Hình 227 : Tượng Tuyết-sơn Thích-ca Phật chùa Tây-phương.

Đi sâu vào chi-tiết ta thấy tác-giả tượng Tuyết-sơn đã ít chú-trọng đến việc nghiên-cứu thân-thể học nên sự bố-trí cũng như tỷ-lệ các xương sườn , xương ống tay đã không đúng với tỷ-lệ thông-thường của con người. Song vì tượng quá đẹp nên người ta đã không để ý đến những tiểu-tiết đó (Hình 227).

Ở chùa Tây-phương còn có hai tượng Phật tạc ngồi trên lưng kỳ-lân và voi (Hình 228), tượng Phật-bà Quan-âm tống tử, tạc hình Phật Quan-âm bồng đứa trẻ nhỏ (Hình 229) và tượng Phật Di-lặc (Hình 230) đều là những tác-phẩm điêu-khắc đẹp.

Ngoài ra đời Hậu-Lê còn có các pho-tượng mỹ-thuật khác như Phật Quan-âm thiên-thủ ở chùa Kim-liên (nay mang về chùa Quán-sứ-Hà-nội), tượng Phật Thích-ca nhập niết-bàn ở chùa Phổ-minh.

Tất-cả đánh dấu một giai-đoạn rực-rỡ của nền mỹ-thuật Phật-giáo Việt-nam.

Hình 230 : Tượng Phật Di-lặc chùa Tây-phương.

Hình 228 : Tượng Phật Thích-ca ngồi trên lưng kỳ-lân ở chùa Tây-phương.

Hình 229 : Tượng Phật-bà Quan-âm tống-tử chùa Tây-phương

TƯỢNG LA-HÁN VÀ TÔN-GIẢ.

Song song với các tượng Phật, trong các chùa Việt-nam còn có các tượng La-hán và Tôn-giả là những tín-đồ đầu tiên của đức Phật.

Chủ-đề của các tượng này khá rộng-rãi, thường có đến 18 vị La-hán và nhiều vị Tôn-giả, mỗi vị có một cá-tính khác nhau, lại không bị gò bó bởi những giáo-điều nên các nhà điêu-khắc Việt-nam đã sáng-tạo được những pho tượng rất mỹ-thuật.

Hình 231 : Tượng La-hầu-la ở chùa Tây-phương.

Tượng La-hầu-la tạc con đức Phật và cũng là một trong những tín-đồ đầu-tiên của ngài. Tuy là một nhân-vật ngoại quốc nhưng các nhà điêu-khắc Việt-nam đã Việt-nam hóa, tạc một vị sư già hoàn-toàn Việt-nam mắt bẹt, mắt nhỏ, môi mỏng và hơi nhếch ở đuôi mép, mũi tẹt, gò má cao. Tượng tạc La-hầu-la đội khăn, mặc áo cà-sa, đi hia, cầm thiền trượng ngồi trên một tảng đá bên cạnh có con nai nhỏ đang hếch mũi lên như muốn nghe đạo pháp (Hình 231).

Hình 232 : Tượng Thường-na-hoa-tư ở chùa Tây-phương.

Tượng Thường-na-hoa-tư tạc hình một ông già ngồi bắt chéo chân, hai tay để trên đùi và đầu gối, bên cạnh có lọ hoa và bình bát. (Hình 232).

Tượng Phu-na-đa-sa tạc hình một nhà sư râu quai nón tay cầm gươm đang ngồi thuyết-pháp (Hình 233).

Hình 233 : Tượng Phu-na-đa-sa ở chùa Tây-phương.

Tượng Ba-tư-mật (Hình 234) và tượng Đô-da-da (Hình 235) tạc các vị thiền-sư đang hùng-hồn thuyết-pháp .

Tượng Long-thủ Tôn-giả (Hình 246) và tượng A-nan-vưởng (Hình 247) lại tạc các vị sư đang ngồi tĩnh-tâm suy-nghi

Tất-cả đều đạt được trình-độ trác-tuyệt trong nghệ-thuật điêu-khắc.

Hình 234 : Tượng Ba-tư-mật đang thuyết-pháp (Tây-phương).

Hình 235 : Tượng Đồ-da-da đang thuyết-pháp (Tây-phương).

Tượng Phật -đà-nan-đề tạc hình nhà tu bụng phệ ,mặc áo cà sa để hở rốn đang thuyết-pháp (Hình 238).

Tượng Tăng-đà-nan-đề tạc hình nhà sư ngồi để 2 tay và cằm trên đầu gối,miệng mỉm cười (Hình 239).

H.237:

Tượng A-nan-vương
chùa Tây-phương.

H. 236:

Tượng Long-thủ
Tôn-giả
Chùa Tây-phương

Hình 238 :
Phật-đà-nan-đề
(Tây-phương)

Hình 239 :
Tăng -đà-nan-đề
(Tây-phương)

Các tượng Cưu-ma-la-đa (Hình 240), Ma-minh -ba-la (Hình 241) và Hiệp-tôn -giả (Hình 242) lại tạc các vị thiền-sư vui-vẻ. Các tượng này chịu ảnh-hưởng ít nhiều của các tượng Phật Di-lặc của Trung-hoa.

Hình 241 : Tượng Ma-minh-ba-la ở chùa Tây-phương.

Hình 240 :
Tượng Cưu-ma-la-da
chúa Tây-phương.

Hình 241 :
Tượng Hiệp Tôn-giả
Chúa Tây-phương.

TƯỢNG KIM-CƯƠNG.

Kim-cương là các vị võ-tướng lo việc bảo-vệ đạo Phật nên thường được tạc ở các chùa với khuôn mặt dữ và còn mang võ-khí nữa. Tượng Kim-cương chùa Thiên-phúc tạc một vị cầm búa và một vị cầm quất (Hình 243 và 244) có thể coi là 2 pho tượng Kim-cương đẹp ở xứ ta.

Hình 243 : Tượng Kim-cương chùa Thiên-phúc.

Trong khi ấy tượng Kim-cương ở chùa Tây-phương lại tạc một vị võ-tướng có khuôn mặt hiền-từ (có lẽ tác-giả cho rằng tạc như vậy mới hợp với không-khí của nhà Phật hơn) hai tay chắp lại như đang tụng-niệm, thanh-kiếm gác trên tay ở ngang ngực (Hình 245).

Hình 244 : Tượng Kim-cương chùa Thiên-phúc.

Hình 245 : Tượng Kim-cương chùa Tây-phương .

TƯỢNG THIÊN-VƯƠNG.

Tượng Thiên-vương khác với tượng Kim-cương ở chỗ thường hay tạc một vị quan văn với khuôn mặt hiền-từ phúc-hậu (Hình 246).

Hình 246 : Tượng Thiên-vương ở chùa Tây-phương.

TƯỢNG CHÂN-DUNG.

Tượng chân-dung đời Hậu-Lê thường là tượng để thờ trong các lăng mộ hay đền chùa do đó ít nhiều nó cũng mang tính-chất tôn-giáo.Có điều khác là các tượng Phật có thể tạc theo trí tưởng-tượng của nhà điêu-khắc trong khi các tượng chân-dung phải tạc cho giống các nhân-vật có thật,có thể còn đang sống hay đã chết.

Vì quan-niệm rằng tượng phải đầy-đủ như người sống nên các nhà điêu-khắc ngày xưa không bao giờ tạc tượng bán thân mà chỉ tạc tượng toàn thân.

Tượng chân-dung thường tạc trên gỗ, rất ít có tượng đá và gần như không có tượng đúc bằng đồng.

Các tượng chân-dung nổi tiếng đời Hậu-Lê có thể kể là Tượng Hòa-thượng Minh-hạnh ở chùa Thạch-lâm (Thanh-hoá), tượng vị sư ở chùa Trấn-quốc (Hà-nội), Tượng công-chúa Trịnh-Ngọc-Tú cũng ở Trạch-lâm, tượng Hoàng-hậu Diệu-Viên ở chùa Bút-tháp,Tượng Lê-Thánh-Tông ở Mật sơn, Tượng các Hoàng-hậu,Công-chúa đời Lê ở Thanh-hóa v.v...

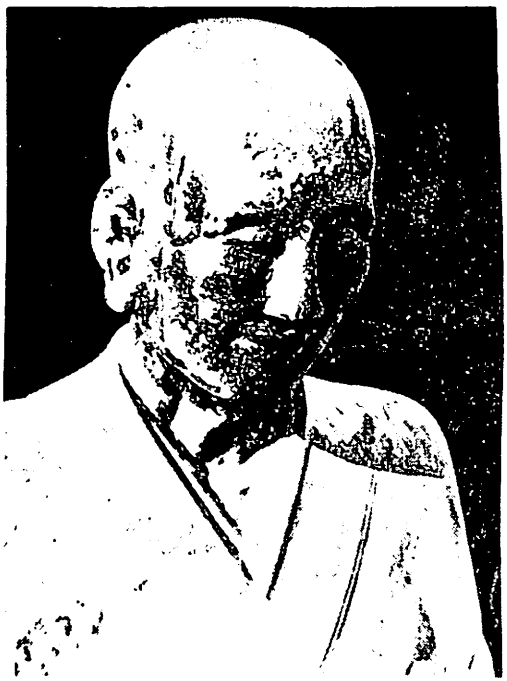

Hình 247 : Tượng Hòa-thượng Minh-hạnh

Tượng chân-dung Hòa-thượng Minh-hạnh trước đây đã được một số học-giả Tây-phương so-sánh với tượng Người thư lại ngồi ở Ai-cập, một tác-phẩm được liệt vào hàng giai-tác của nghệ-thuật điêu-khắc thế-giới.

Tượng tạc Hoà-thượng mặc áo cà-sa, nét mặt hiền-hậu với những đường nét thanh-nhã mà sống động (Hình 247).

Tượng Hoàng-hậu Diệu-viên tạc một người đàn bà trung-niên ăn mặc theo lối triều-phục của Hoàng-gia, đầu đội khăn có dát vàng, mình mặc áo thêu đang ngồi theo kiểu kiết già. Tượng này được đặt ở Phủ thờ chùa Bút-tháp cùng với các công chúa và ông hoàng khác.

Tượng mô tả được vẻ mặt phúc-hậu của một phụ-nữ Việt-nam, nhưng có vẻ cao sang của một người trong Hoàng-tộc (Hình 248).

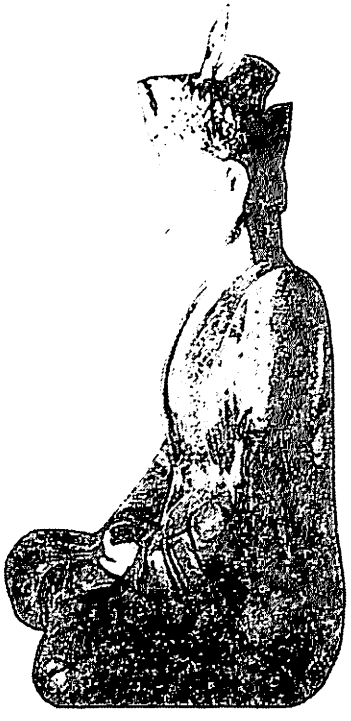

Hình 248 : Tượng Hoàng-hậu Diệu-viên.

Cũng ở chùa Bút-tháp còn có tượng các Công-chúa Trịnh thị Ngọc-Mai, Trịnh-thị Ngọc-Cơ và tượng các Ông Hoàng Lê Dinh và Lê Viên.

Đặc biệt là các tượng công-chúa trên đều có vẻ mặt giống như tượng Hoàng-hậu Diệu-Viên. Điều này chứng-tỏ rằng các tượng này có thể do cùng một người tạc ra và đã tạc các tượng chân-dung trên theo cùng một kiểu chứ chưa chắc đã giống như người thật.

Trong khi ấy ở Lăng Lê-Thái-Tổ ở Lam-sơn, Thanh-hoá người ta cũng thấy nhiều pho tượng các bà Hoàng-hậu và Công-chúa tuy được tạc rất công-phu và tỉ-mỉ nhưng không được mỹ-thuật bằng. (Hình 249).

Tượng bà Hoàng-hậu ở Lăng Lê-Thái-Tổ cũng tạc bằng gỗ, sơn son thếp vàng, tạc một bà ngồi xếp bằng bằng, hai bàn tay ngửa lên trước đùi. Tượng cũng đội mũ dát vàng, mặc áo thụng ở trong, lại có áo choàng có tua ở bên ngoài.

Hình 249 : Tượng Hoàng-hậu ở Lăng Lê-Thái-Tổ.

TƯỢNG ĐỒNG-NỮ.

Tượng đồng nữ được coi là ít thấy trong nghệ-thuật xứ ta. Đến nay người ta chỉ thấy 2 tượng đồng-nữ ở chùa Bút tháp, tạc 2 nhi đồng đang quì trên tòa sen (Hình 250,251).

Hình 250, 251 : Tượng Đồng nữ ở chùa Bút-tháp.

TRẠM NỔI VÀ TƯỢNG ĐÁ.

Trạm trên đá và tạc tượng đá tương-đối khó nên các bức trạm nổi và tượng đá thường có những nét giản-dị hơn tượng và trạm nổi gỗ.

Các bức trạm nổi đẹp phải kể đến các bức ở hang Nhồi, Thanh-hóa. Trong hang này có đến 5 bức trạm nổi nhưng bức đẹp nhất là bức trạm hình Quan-công và Châu-xưởng. Bức này tạc 2 nhân-vật trong truyện Tam-quốc, Quan-công mặt đỏ, râu dài đang ngồi cầm cuốn sách trong tay, trong khi Châu-xưởng cầm gươm và ôm chồng sách đứng hầu. Bức trạm đá này được vẽ lên bằng màu khiến cho bức trạm-nổi càng nổi bật lên (Hình 252).

Hình 252 : Tượng Quan-công và Châu-xưởng ở hang Nhồi.

Cũng ở hang này còn có bức phù-điêu (trạm-nổi) tạc hình một võ-tướng đang múa giáo. Trong bức này, tuy tác giả chỉ dùng một vài nét đục rất đơn-giản nhưng cũng tạo ra được một bức trạm nổi đủ diễn-tả một võ-tướng cương-quyết, mạnh-bạo và nhất là khá sống-động (Hình 253).

Hình 253 : Trạm-nổi hình võ-tướng múa giáo.

Các tượng đá nổi-tiếng phải kể là các tượng đá ở các lăng vua Lê ở Lam-sơn, chùa Trầm và lăng họ Đỗ ở Bắc-ninh.

Các tượng đá ở lăng các vua Lê tương đối nhỏ và cũng không nhiều giá-trị nghệ-thuật lắm.

Trong khi ấy ở chùa Trầm có rất nhiều tượng đá khá đẹp (Hình 254 và 255).

Chùa này được khoét ngay trong một hang đá lớn và các tượng đều được đục ngay từ những khối đá ở trong hang này mà ra. Tượng Phật di-lặc ở chùa này có thể coi là một tượng Di-lặc lớn nhất xứ ta và khá đẹp (Hình 256).

Hình 254 : Tượng Phật bằng đá ở chùa Trầm.

Trong chùa Trầm có rất nhiều tượng các vị chức-sắc thờ ở đó. Các vị này đều mặc áo thụng, đội mũ ngồi theo nhiều kiểu khác nhau : Người thì đang tụng niệm (Hình 255), người đang lần tràng hạt, người đang chắp tay trước ngực hay ngồi theo kiểu kiết-già.

Phần lớn những tượng đều có vẻ hơi giống nhau chứng-tỏ rằng có thể những tượng này đều do một nhà điêu-khắc tạc ra.

Hình 255 : Tượng các chức-sắc bằng đá ở chùa Trầm.

Hình 256 : Tượng Phật Di-lắc ở chùa Trầm .

Hình 257 : Tượng một vị chức-sắc ở chùa Trầm .

Lăng họ Đỗ ở Bắc-ninh là một lăng có nhiều tượng đá khá đẹp như tượng võ quan cầm trùy đứng hầu, tượng người dân mang đơn đến trình và tượng các súc vật như ngựa, voi, sư-tử.

Các tượng người đã được tạc với khuôn mặt đặc-biệt Việt-nam. Người võ quan mặc áo giáp, đội nón cứng (Hình 258) trong khi người thường dân đội khăn mặc áo dài vải thô về mặt khúm núm (H.259) đã diễn-tả rất khéo cá-tính của từng nhân-vật.

Tượng ngựa đá ở lăng này tạc cũng khá giống lại có yên cương trang-trí rất chứng-chạc chứng-tỏ rằng các nhà điêu-khắc ở đây đã có trình-độ mỹ-thuật cao (Hình 263).

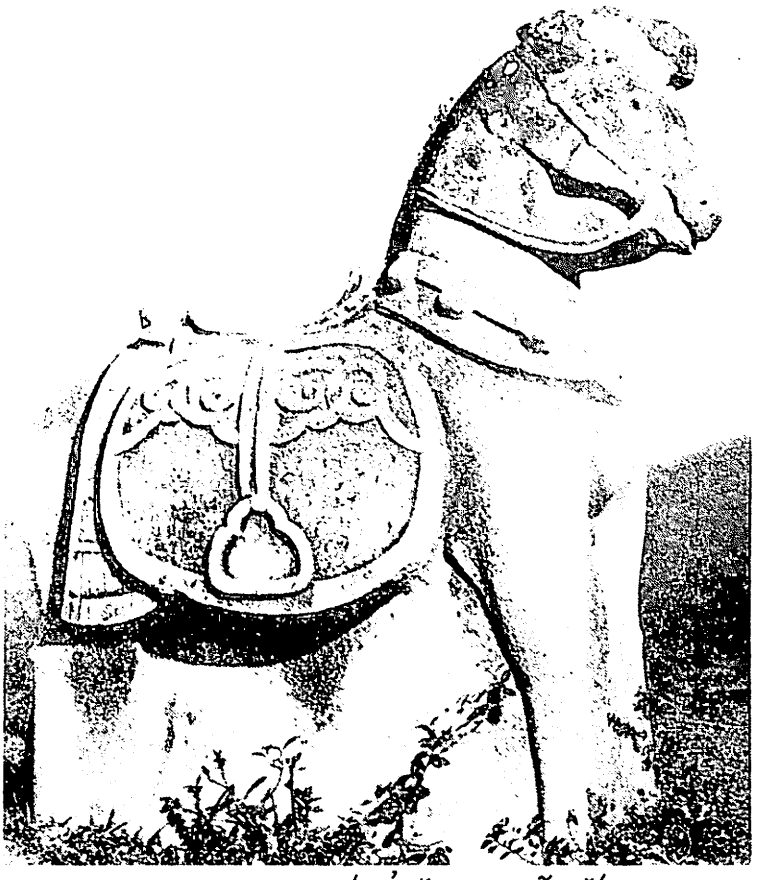

Hình 263 : Tượng ngựa đá ở lăng họ Đỗ (Bắc-ninh).

Hình 261 : Tượng võ quan ở lăng Họ Đỗ.

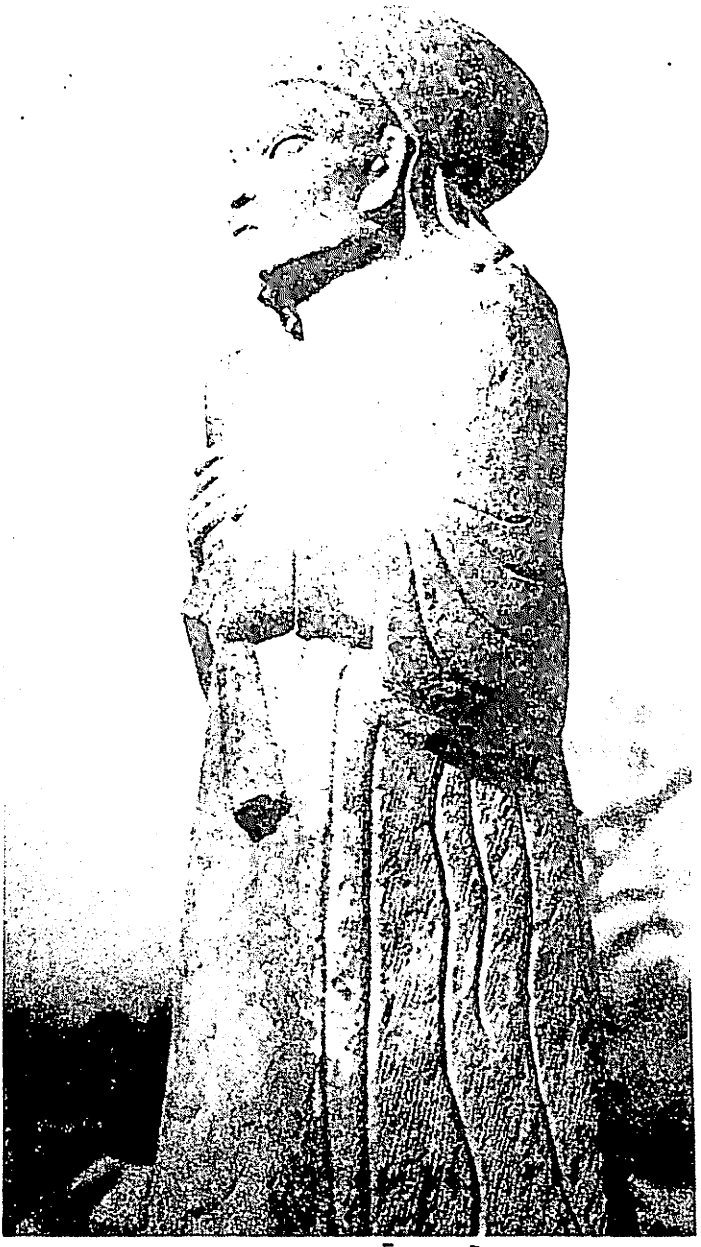

Hình 262 : Tượng người thường dân.

RỒNG TRONG MỸ-THUẬT ĐỜI HẬU-LÊ.

Long Ly Qui Phượng được coi là 4 con linh-thú trong Mỹ-thuật Trung-hoa và Đại-Việt. Trong 4 con linh-thú này, Rồng tượng-trưng cho nhà vua, cho uy-quyền của thời Quân-chủ chuyên-chế, nên được điêu-khắc nhiều nhất.

Tượng Rồng đẹp nhất phải kể đến tượng Rồng trên thành bậc đền thờ An-dương-vương ở Cổ-loa. Tượng này tạc Rồng có thân lớn, đầu lớn, sừng dài và nhọn, bờm dài và râu cũng nhiều. Rồng này nhe răng ra nên trông rất dữ. Với những đám mây xen kẽ với thân Rồng và bờm dài tạc với những đường song song gợn sóng làm người ta có cảm-giác Rồng đang bay trước gió. Song râu Rồng lại bị xoắn lại và buộc thành túm cột vào thành bậc làm người ta có cảm tưởng là tác-giả muốn tạc một hình Rồng đang bay nhưng bị cột chặt vào thành bậc này (Hình 264).

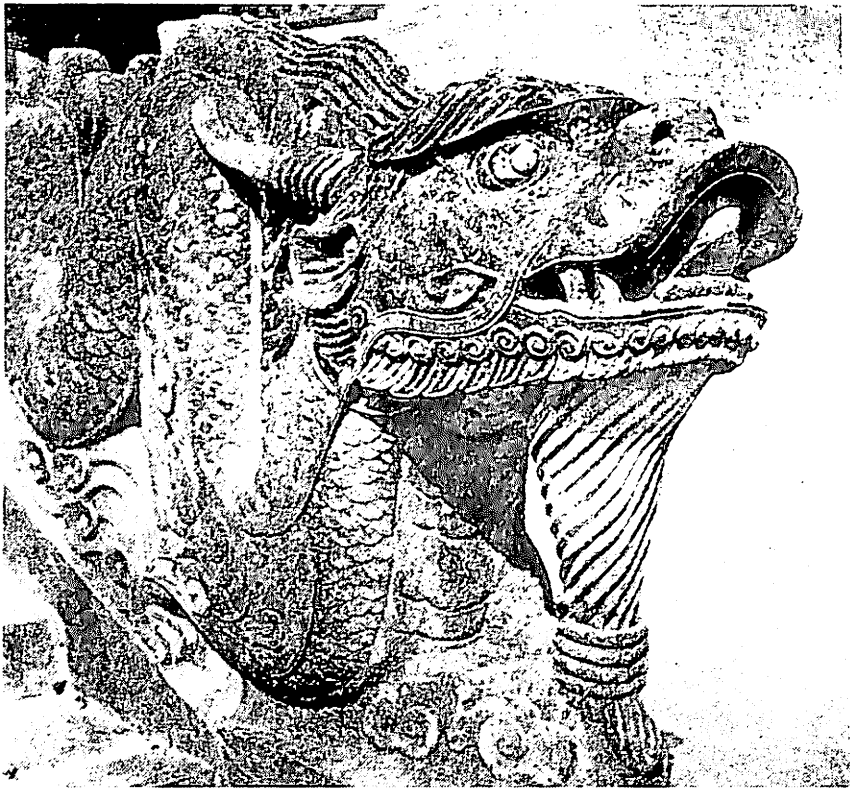

Hình 264 : Tượng Rồng ở đền An-dương-Vương, Cổ-loa.

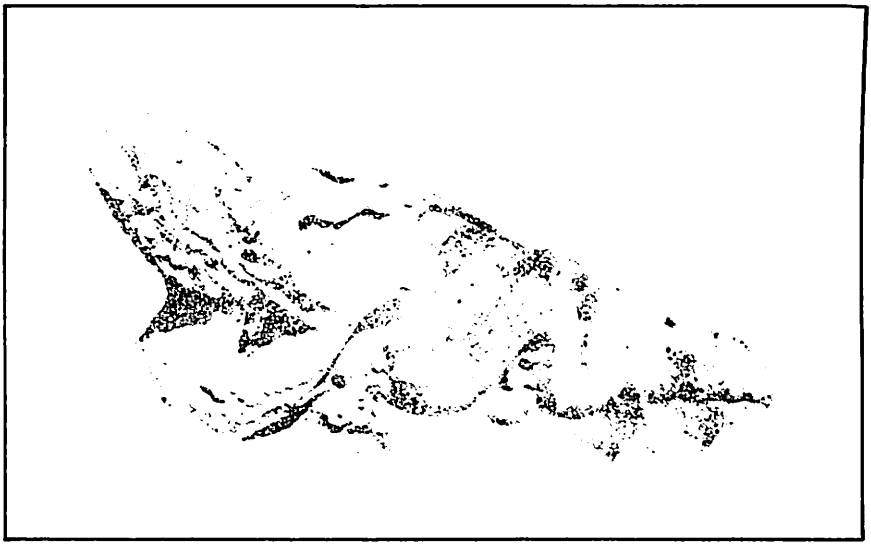

Hình 265 : Tượng Rồng ở thềm bậc điện Kính-thiên.

Tượng Rồng ở thềm bậc điện Kính-thiên Hà-nội cũng thuộc loại này nhưng thân Rồng nhỏ hơn một chút và đầu Rồng lại hơi nghểnh lên và đầu rồng không có râu nên có vẻ bố-cục không được vững và trông Rồng không được khỏe. (Hình 265).

Tượng Rồng ở thành bậc điện Lam-kinh tạc giống tượng Rồng đền An-dương-Vương nên tránh được những nhược điểm trên (Hình 266).

Tượng Rồng bằng đất nung trên nóc chùa Tây-phương tạc tượng-đối ngắn, mình có vẩy giống vẩy cá sấu nên được gọi là Long-giao (giao là con cá sấu) (Hình 267).

Rồng ở tháp chùa Bút-tháp có thân nhỏ và lắn, đầu nhỏ, trán gồ, mắt lồi, vẩy tròn được tạc quấn quanh cái cột tròn nên trông giống con trăn hơn là con Rồng (Hình 268).

Ở thành bậc dần Nam-giao và ở Văn-miếu Hà-nội lại có một kiểu điêu-khắc Rồng khá đặc-biệt: Rồng này tạc theo lối tượng-trưng bằng những đám mây ghép lại với nhau trông rất lạ mắt (Hình 268).

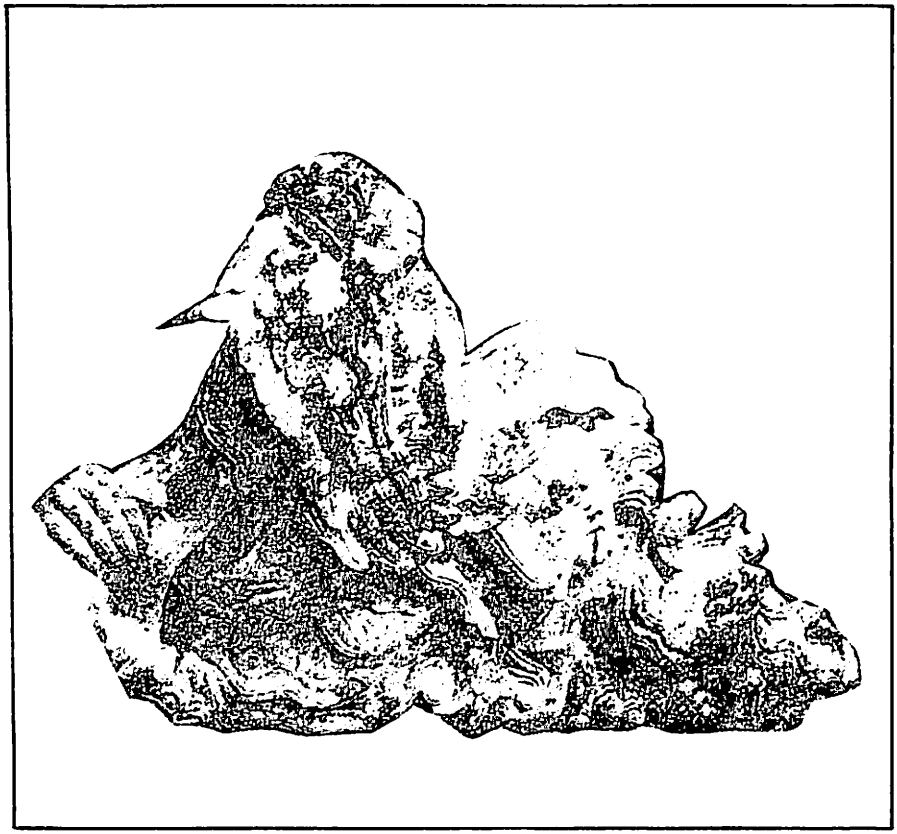

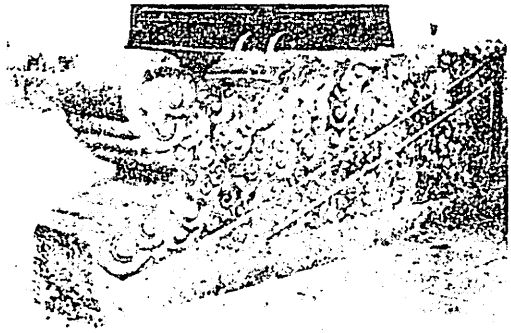

Hình 268 : Tượng Rồng ở thành bậc Văn-miếu.

Hình 267 : Tượng Rồng bằng đất nung ở nóc chùa Tây-phương.

Hình 268 : Tượng Rồng ở tháp chùa Bút-tháp.

KỲ-LÂN.

Kỳ-lân hay con Ly cũng là một linh-thú chỉ có trong thần-thoại nên cũng có nhiều lối điêu-khắc khác nhau.

Kỳ-lân ở lăng Lê-Thái Tổ ở Lam-sơn trạm giống con sư tử với những nhóm lông hình lửa cháy (Hình 269)

Có khi người ta lại tạc hình Lân bằng cách lấy con Rồng thu ngắn lại,cho 4 chân lớn hơn (Hình 269).

Có khi người ta hình dung Kỳ-lân như con mèo lớn, có những túm lông dựng lên ở lưng, ở khuỷu chân,ở đầu (Hình 270).

Có thể người ta cũng trạm hình Lân bằng cách lấy hình con báo ghép với một cái đầu nửa chim nửa thú với những bờm và râu dài (Hình 271).

Hình 269 : Tượng Kỳ-lân ở lăng Lê-Thái-Tổ.

Hình 269 :
Kỳ-lân
bằng đất nung

Hình 270 :

Hình 271 : Kỳ-lân
bằng đất nung.

Hình 271 :

Kỳ-lân trạm đá.

RÙA VÀ PHƯỢNG.

Tượng Rùa thường thấy trạm để làm đế các bia ở Văn-miếu, ở các chùa và các lăng tẩm. Song các tượng rùa này có ý-nghĩa tượng-trưng hơn là thuần-tuý mỹ-thuật (Hình 273).

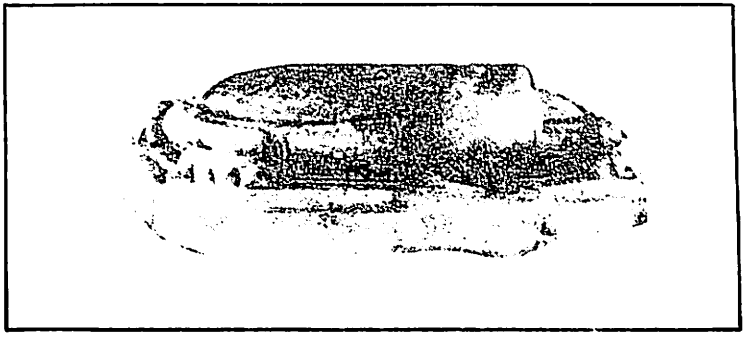

Hình 272 : Tượng rùa ở bia Vĩnh-lăng.

Phượng tượng-trưng cho Hoàng-hậu nên ở đền Hai bà Trưng ở Yên-lãng, Phúc-yên người ta thấy có tạc tượng bà Trưng ngồi trên mình Phượng (Hình 273).

Hình 273 :

Tượng bà Trưng trên mình Phượng.

Hội-họa

Cầm Kỳ Thi Họa là 4 cái thú tao-nhã của nhà nho ta thuở trước nên các tác-phẩm hội-họa đã được các nhà thơ ngâm-vịnh khá nhiều:

Các thi-sĩ trong Tao-đàn nhị-thập-bát tú đã tốn nhiều giấy mực để vịnh các tác-phẩm về hoa như *Lai vịnh tranh hoạ mai*, *Quan tử liên đồ* (Xem tranh 4 loại sen)

Nguyễn-Trãi cũng nhiều lần đề thơ trên tranh như tranh *Bá-Nha gảy đàn*, *Tranh chim núi gọi người*, *tranh nhà trong động núi có mây che*.

Song rất tiếc rằng những tranh này không còn tồn-tại nên chúng ta không thể bàn về nghệ-thuật về tranh được.

Tác-phẩm còn tồn-tại đến nay là tranh Nguyễn-Trãi để ở đền thờ ông ở làng Nhị-Khê (Thường-tín, Hà-đông). Tượng truyền rằng Lê-Thánh-Tông sau khi minh-oan cho ông đã cho vẽ tranh ông để làm kỷ-niệm.

Tranh này vẽ trên lụa, hình ông mặc triều-phục ngồi trên ghế dựa. Trông ông đã già lắm rồi, râu tóc bạc phơ nhưng về mặt vẫn còn quắc-thước.

Tranh này vẫn vẽ theo lối cổ của ta và Tàu, chân-dung phải đủ cả tay chân mặt mũi và chú-trọng đến cái tinh-thần của con người hơn là những đường nét.

Tranh đã có sửa-chữa nhiều chỗ nên các giá-trị mỹ-thuật mà ta bàn đến ở đây chỉ có giá-trị tương-đối mà thôi (Hình 274).

Ở viện Bảo-tàng Hà-nội còn tàng-trữ một bức tranh, vẽ bằng sơn trên gỗ, trình-bầy một vị Thiền-sư người Ấn-độ đang ngồi lần tràng hạt và niệm kinh. Bên cạnh ông có một đệ tử đang cầm một bộ kinh.

Tranh này được ghi là vẽ vào thế-kỷ XVI-XVII, có những đường nét hơi bạo, khác hẳn lối vẽ nhẹ-nhàng của các cụ ta ngày xưa (Hình 275).

Ở đền thờ Lê-Thánh-Tông (Lam-sơn, Thanh-hóa) còn để thờ 2 bức tranh vẽ trên lụa chân dung nhà vua và Hoàng-hậu rất đẹp.

Nhà vua mặc áo thêu rồng, đội vương miện ngồi trên ngai có rồng chầu. Để trang-trí cho tranh họa sĩ còn vẽ, ở phía dưới, sát với khung tranh, 2 con rồng đang lấy nước

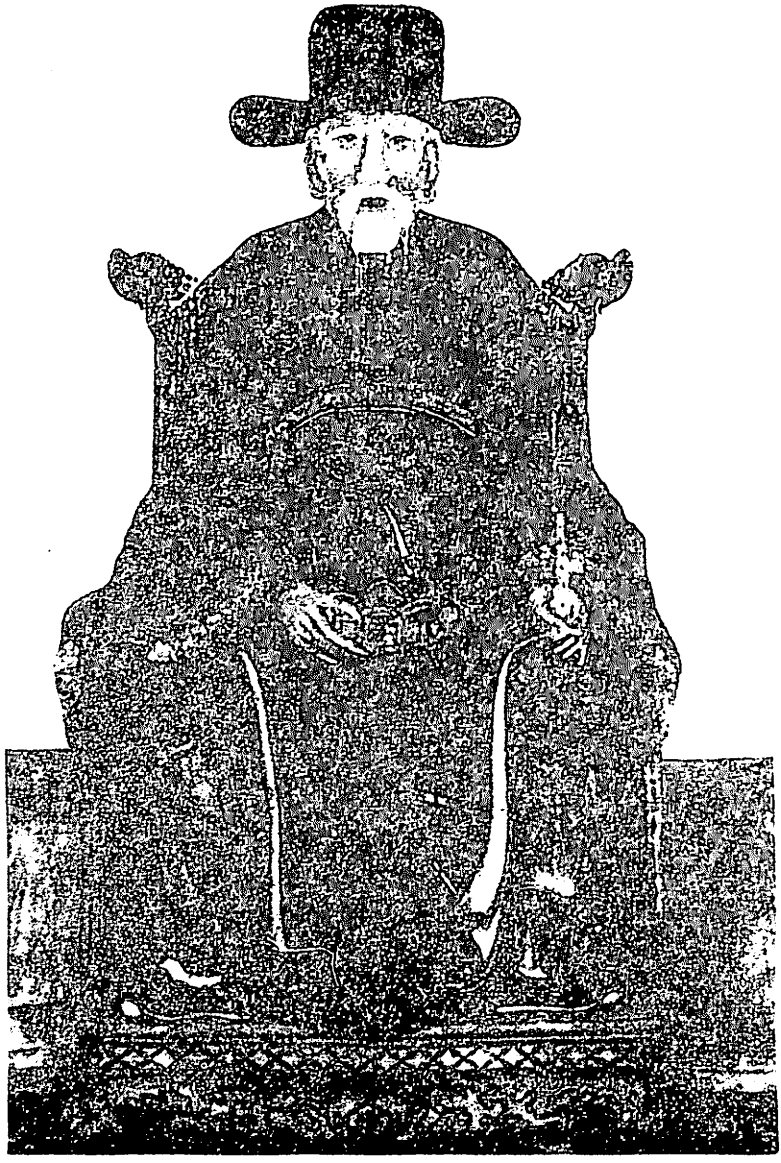

Hình 274 : Tranh chân-dung Nguyễn-Trãi.

Hình 275 : Tranh vị Thiền-sư niệm kinh.

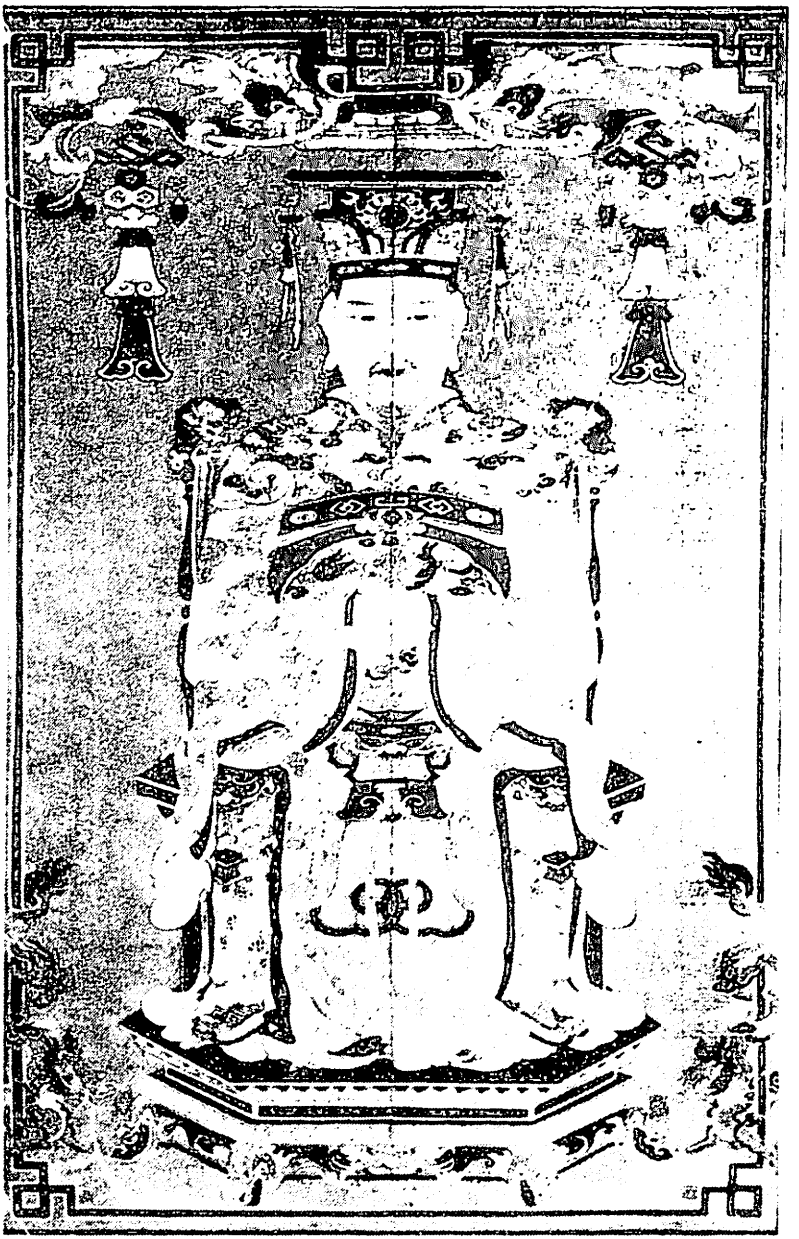

Hình 276 : Tranh chân dung Lê-Thánh-Tông.
(Lam-sơn, Thanh-hóa)

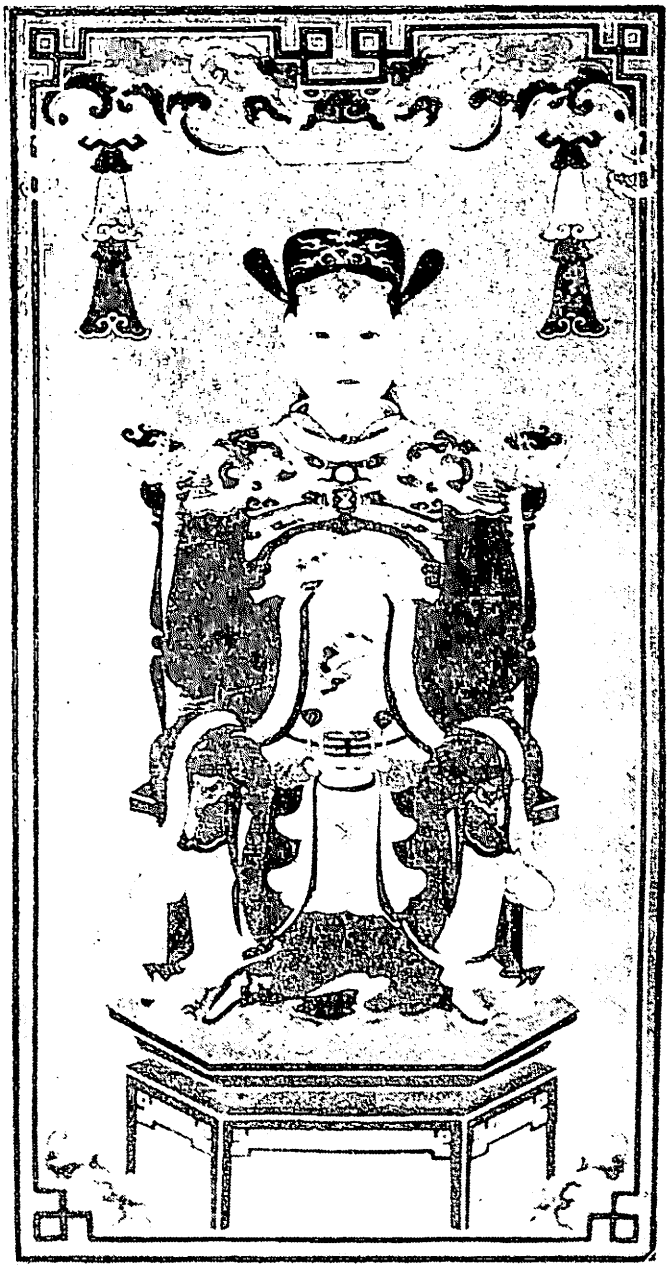

Hình 277 : Tranh chân-dung Hoàng-hậu
Lam-sơn, Thanh-hoá.

Tranh vẽ rất tỉ mỉ, dùng những nét rất thanh nhưng vẫn diễn-tả được vẻ nghiêm-trang, sang qui của một bậc Đế-Vương (Hình 276).

Tranh Hoàng-hậu vẽ bà mặc áo thêu hình Phượng, ngồi trên ngai có đôi Phượng chầu, hai tay để trước ngực.
Ở góc tranh phía dưới cũng có vẽ hình 2 con chim phượng đang đùa với mây.
Hoàng-hậu có vẻ đẹp thùy-mị, hiền-hậu nhưng trông rất thông-minh, khác hẳn với vẻ quê mùa của các bà Hoàng hậu và cung phi có tượng thờ ở đền vua Lê-Thái-Tổ (Hình 277).

Trang-trí

TRANG-TRÍ HÌNH RỒNG.

Chủ-đề trang-trí trong mỹ-thuật đời Hậu Lê ưu-tiên vẫn là tứ linh : Long Ly Qui Phượng, trong đó hình Rồng thường được dùng nhiều nhất: Riêng ở đình làng Đình-bảng đã có trạm đến 500 hình Rồng. Ngay trong mặt trước bia Vĩnh-lăng (Lam-sơn, Thanh-hóa) đã có đến 21 hình Rồng (Hình 278).

Những hình Rồng ở bia Vĩnh-lăng hoặc được trình-bầy trong 1 hình tròn, hoặc được thu gọn trong nửa hình trái tim với hình-dáng mảnh mai của nó làm người ta nhớ lại những hình Rồng đời Lý.

Trong khi ấy những hình Rồng trang-trí trên bia Lê-Thánh-Tông lại có thân hình to lớn hơn, ít uốn khúc hơn.

TRANG-TRÍ HÌNH PHƯỢNG.

Kỳ-lân được dùng để trang-trí ở nhiều nơi nhưng ít thấy những hình Kỳ-lân đẹp. Song hình Phượng thì người ta lại thấy khá nhiều hình đẹp.
Ở đình làng Đình-bảng người ta thấy có trạm nhiều hình phượng đủ kiểu. Những hình phượng này thân hình tương-đối đã thanh hơn các hình Phượng đời Lý Trần (Hình 279).

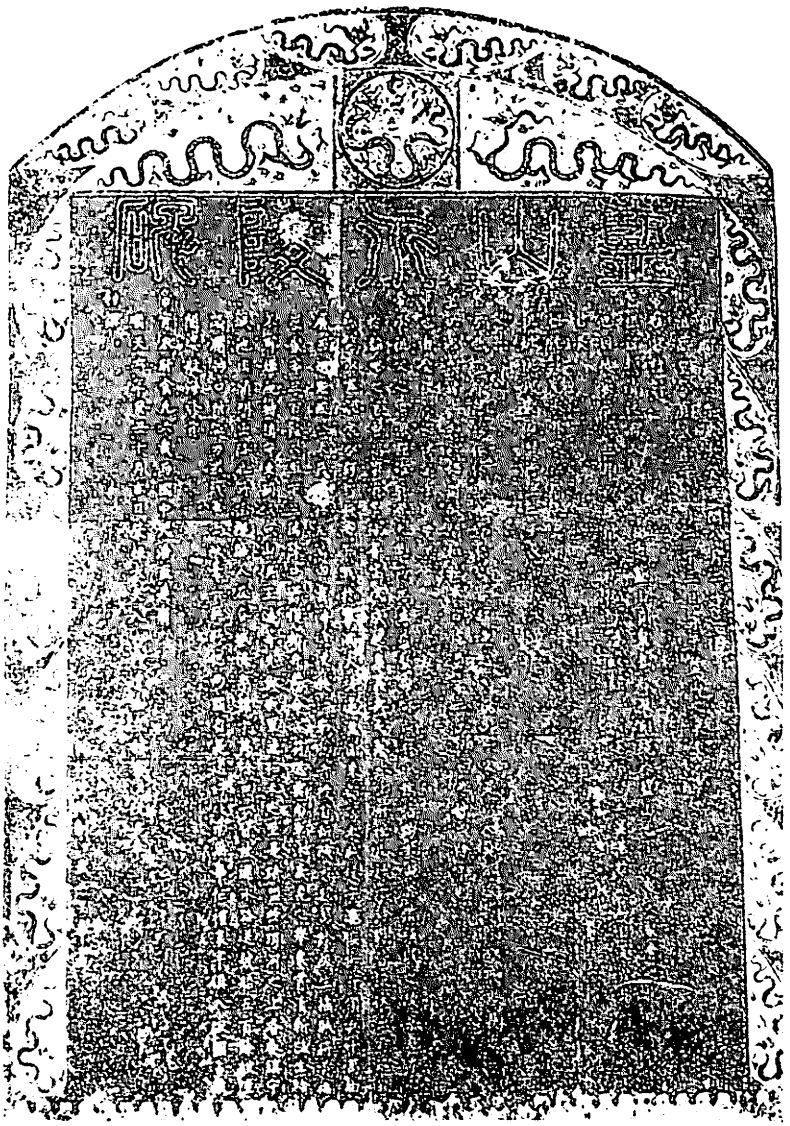

Hình 278 : Mặt trước bia Viñh-lăng Lam-sơn, Thanh-hóa.

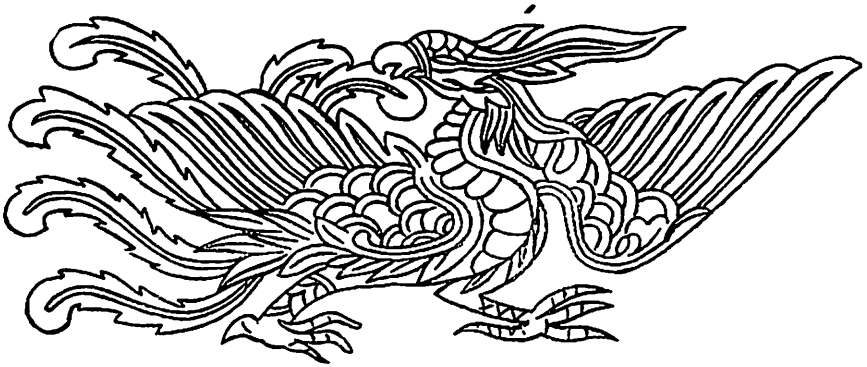

Hình 279 : Trang-trí hình Phượng ở đình làng Đình-bảng.

Đôi khi người ta còn thấy cả 4 hình Long Ly Phượng ở một chỗ như trên tường đền An-dương-Vương ở Cổ-loa. Hình này chỉ có Long Ly Phượng mà thôi vì đối với An-dương-Vương, Rùa không phải chỉ là một linh-vật mà là Thần Kim-qui, có chỗ thờ riêng chứ không thể vẽ lên tường để làm hình trang-trí được (Hình 280)

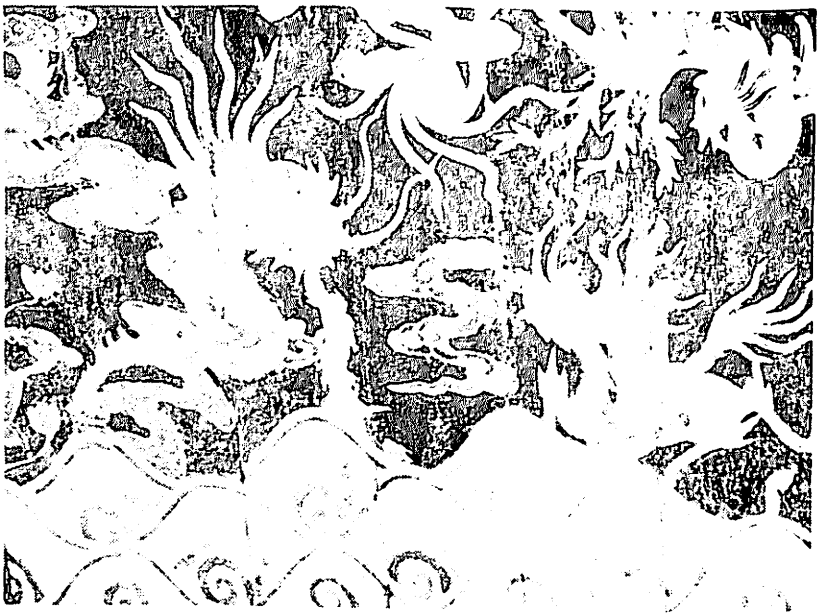

Hình 280 : Rồng, Lân và Phượng trang-trí ở đền An-dương-Vương.

TRANG-TRÍ HÌNH HOA-LÁ.

Trên bia Tiến-sĩ đời Lê ở Văn-miếu Hà-nội ,khung bia được trạm bằng một dây hoa hình sin ở mỗi đỉnh có một nhánh hoa lá (Hình 281).

Hình 281 : Dây hoa hình sin ở bia Tiến-sĩ tại Văn-miếu Hà-nội.

Ở thành bậc nhỏ Điện Lam-kinh và ở thành bậc trong thành Đông-kinh người ta thấy có trang-trí những hình hoa cúc nhưng những hoa cúc ở đây được trình-bầy bằng những hình ngọn lửa nên trông rất linh-động (Hình 282 và 283)

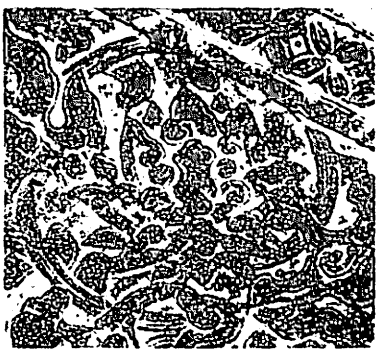

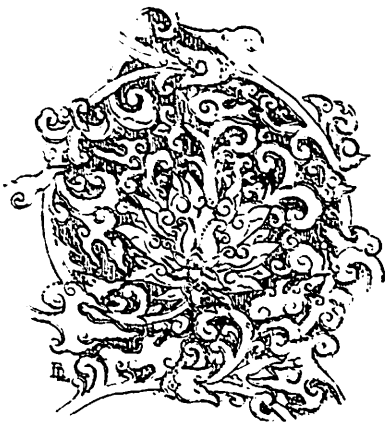

Hình 282 : Hoa cúc (Lam-kinh)Hình 283 : Hoa cúc (Đông-kinh).

Ở thành bậc ở Văn-miếu ,Đông-kinh được trang-trí bằng nhiều hình hoa như hoa chanh , hoa lan (Hình 284), Hoa sen hoa cúc (Hình 285).

Những viên gạch lát ở điện Lam- kinh có khắc hình Hoa mai ở giữa và hoa lan ở góc.Giữa 2 hình hoa này là một hình con thoi do 2 đoạn của hình vành khăn họp lại (Hình 286).

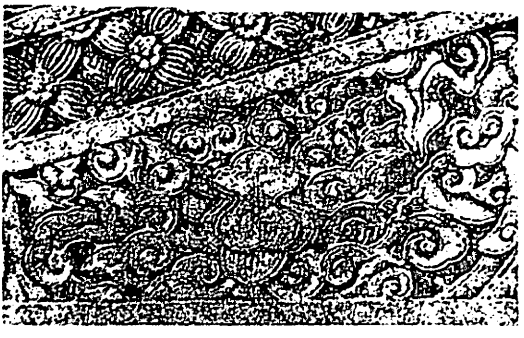

Hình 284 : Hoa chanh,hoa lan . Hình 285 : Hoa sen,hoa cúc.

Hình 286 : Mảnh gạch trang-trí hoa mai và hoa lan ở Lam-kinh.

Đồ gốm

Sách Dư-địa-chí của Nguyễn-Trãi, viết vào đầu thế-kỷ XV có nói : Làng Bát-tràng làm nghề bát chén,trước đây mỗi lần cống nạp Trung-quốc,làng Bát-tràng phải cung cấp 70 bộ bát chén (1). Điều này minh-chứng rằng làng Bát-tràng có kỹ-thuật làm đồ gốm cao có thể đem sang đọ với đồ gốm Trung-hoa, nơi đã sản-xuất những loại đồ gốm đẹp vào bậc nhất của thế-giới.

Đặc-điểm của đồ gốm Bát-tràng là đất được tinh-lọc kỹ-càng nên xác gốm rất mịn và trắng.Dáng của đồ gốm thời này cũng thanh hơn và cân đối hơn.Mặt gốm được phủ một lớp men trắng rồi được vẽ lên bằng những hình hoa mầu lam.Nét vẽ trên gốm đời này rất tự-nhiên ,phóng-khoáng.

---

1. *NGUYỄN-TRÃI. Dư-địa-chí trong Nguyễn- Trãi toàn-tập Nxb Khoa-học Xã-hội, Hà-nội 1976 t.225.*

Về hình-thức, ngoài những đồ gia-dụng như bát, chén bình, nậm, liễn, Bát-tràng còn sản-xuất những đồ thờ như lư hương, đỉnh, cây nến, bình hoa v.v...

Trong mỗi loại, lại có nhiều kiểu khác nhau về dáng gốm hay về trang-trí. Số kiểu khác nhau này rất nhiều, chúng tôi chỉ xin giới-thiệu sau đây vài kiểu điển-hình.

Bát đời Hậu Lê tương-đối dầy hơn bát ngày nay và chân bát hơi cao (Hình 287 và 288).

Hình 287 : Bát ăn cơm trang-trí hoa sen và hoa cúc.

Hình 288 : Bát ăn cơm trang-trí hoa sen và và hình Rồng.

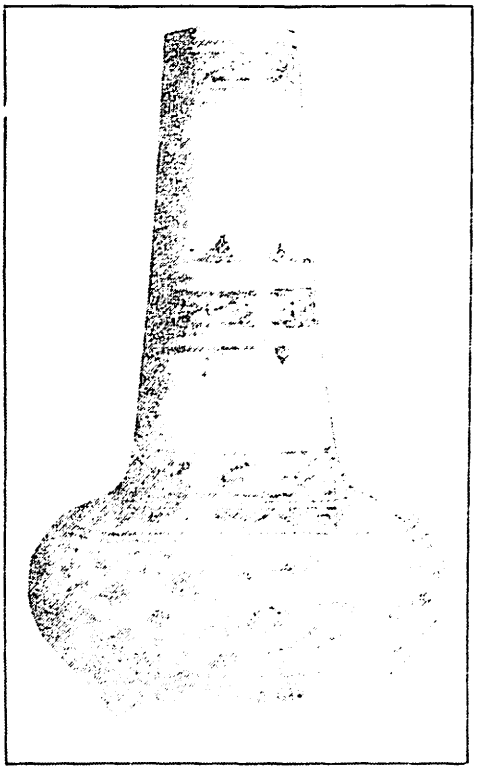

Hình 289 : Nậm trang-trí hoa cúc.

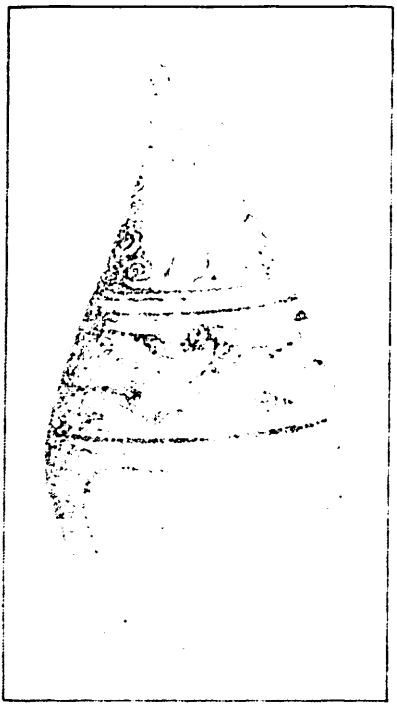

Hình 290 : Nậm trang-trí hoa sen và chim

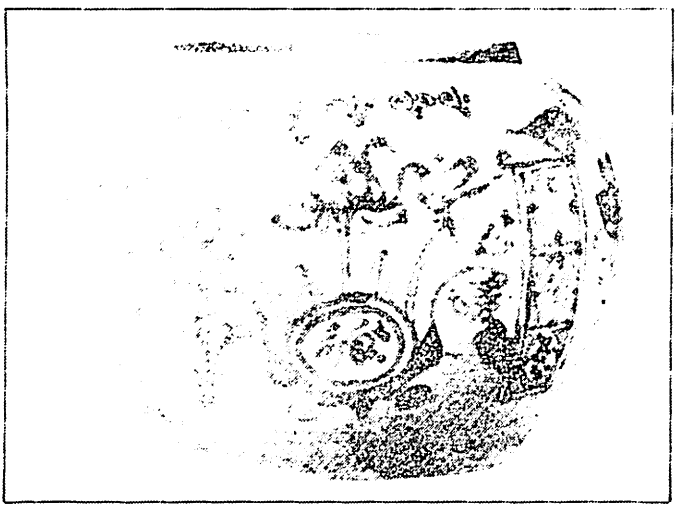

Hình 291 : Bình trang-trí 5 bông sen.

Hình 292 : Bình trang-trí hoa sen và hoa dây.

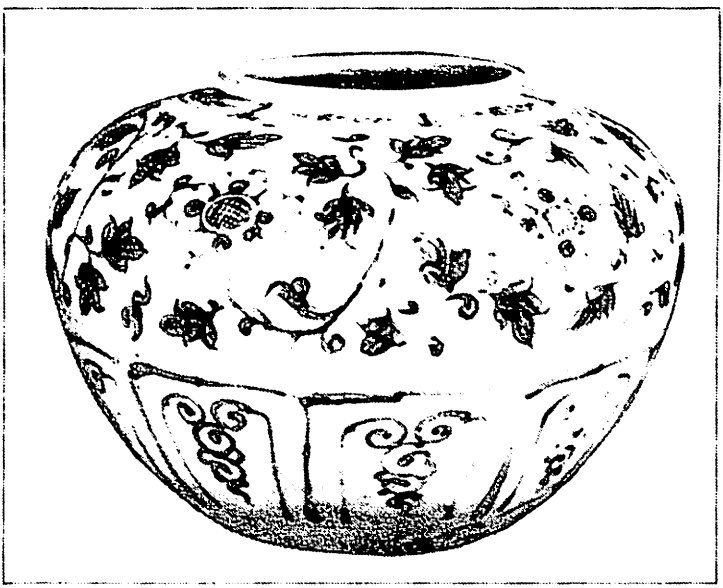

Hình 293 : Bình trang-trí hình hoa sen và hoa dây.

Về trang-trí, ngoài các hình hoa lá đã thấy ở trên người ta còn thấy vẽ các hình chim, cá, tôm cua (Hình 294).

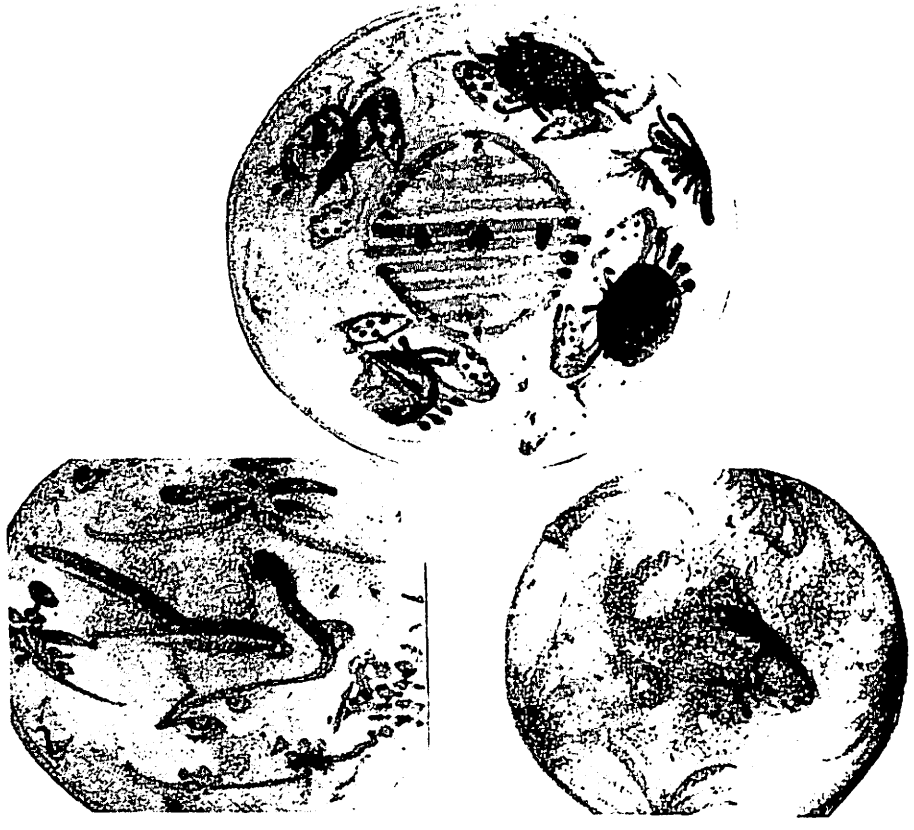

Hình 294 : Hình chim. cua, cá trang-trí trên đĩa.

Đặc-biệt là đồ gốm Bát-tràng còn trang-trí bằng các hình trạm khắc rất tinh-vi. Có khi người ta dùng các hình đúc sẵn gắn vào gốm, nhưng cũng có khi người ta phải làm bằng tay hay đúc nhiều mảnh khác nhau gắn lại. Các loại đồ này thường dùng làm đồ thờ như chân hương, đỉnh, bình hoa v.v. (H 295 296 297 298 299 300 và 301).

Nghệ-thuật Bát-tràng đánh dấu thời-kỳ cực-thịnh của đồ gốm Việt-nam.

Sau này kinh-đô chuyển về Huế, nghề đồ gốm ở Bát-tràng dần dần sa-sút để nhường chỗ cho đồ sứ màu lam xứ Huế.

Hình 295 : Lọ độc-bình có hình Rồng, Lân và Phượng.

Hình 296 : Chân đèn có gắn hình Rồng.

Hình 297 : Bát hương hình hoa sen có trạm hình hoa sen, hoa mai.

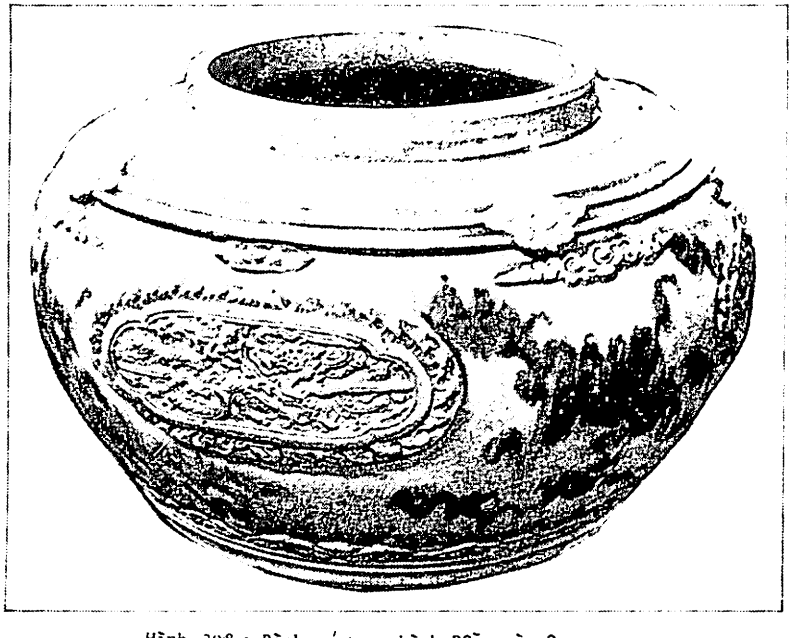

Hình 298 : Bình có trạm hình Rồng và mây .

Hình 299 : Đỉnh trạm Rồng và hoa cúc .

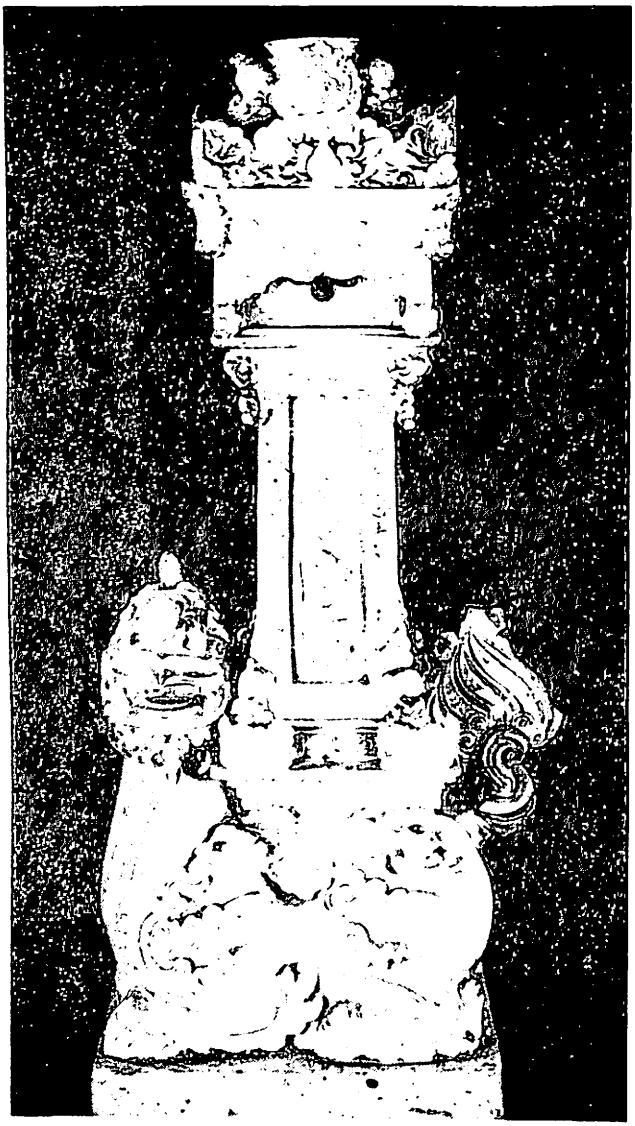

Hình 300 : Cây đèn hình kỳ-lân.

Mỹ thuật HUẾ đời NGUYỄN

Giữa Thế kỷ XVI, Nguyễn-Hoàng vào trấn-thủ đất Thuận-hóa rồi dần dần ly-khai với Họ Trịnh để lập một giang-sơn riêng ở phương Nam. Tuy ngoài mặt chỉ xưng Vương, và vẫn thần-phục nhà Lê nhưng trên thực-tế họ Nguyễn ở phương Nam đã có một khu-vực tự-trị.

Khi ấy Thuận-hóa và Quảng-nam được coi là đất khởi-nghiệp của họ Nguyễn và 2 thị-trấn Phú-xuân, Hội-an được phát-triển mau chóng.

Năm 1788, Nguyễn-Huệ lên ngôi Hoàng-đế, vẫn lấy Phú-xuân làm Thủ-đô của Triều-đại Tây-sơn.

Năm 1802, Nguyễn-Ánh thống-nhất được sơn-hà, lên ngôi Hoàng-đế ở thành-phố này nhưng đổi tên là Huế.

Trong suốt một thế-kỷ rưỡi (1802-1945), nhà Nguyễn nắm chính-quyền, Huế trở thành một trung-tâm phát triển của Nghệ-thuật Việt-nam.

ĐẶC-ĐIỂM CỦA MỸ-THUẬT HUẾ.

1. Mỹ-thuật Huế đã bắt đầu ảnh-hưởng Tây-phương.

Từ Thế-kỷ XVII, các giáo-sĩ Tây-phương (Bồ-đào-nha) đã vào truyền-đạo ở miền Nam song những ảnh-hưởng của Tây-phương trên Mỹ-thuật vẫn chưa có mấy.

Mãi đến khi Nguyễn Ánh nhờ Giám-mục Bá-đa-lộc mộ người và quyên tiền mua võ-khí giúp ông để đánh nhau với Tây-sơn nên từ đó đã có sự hiện-diện của những người Pháp trong chính-quyền Việt-nam.

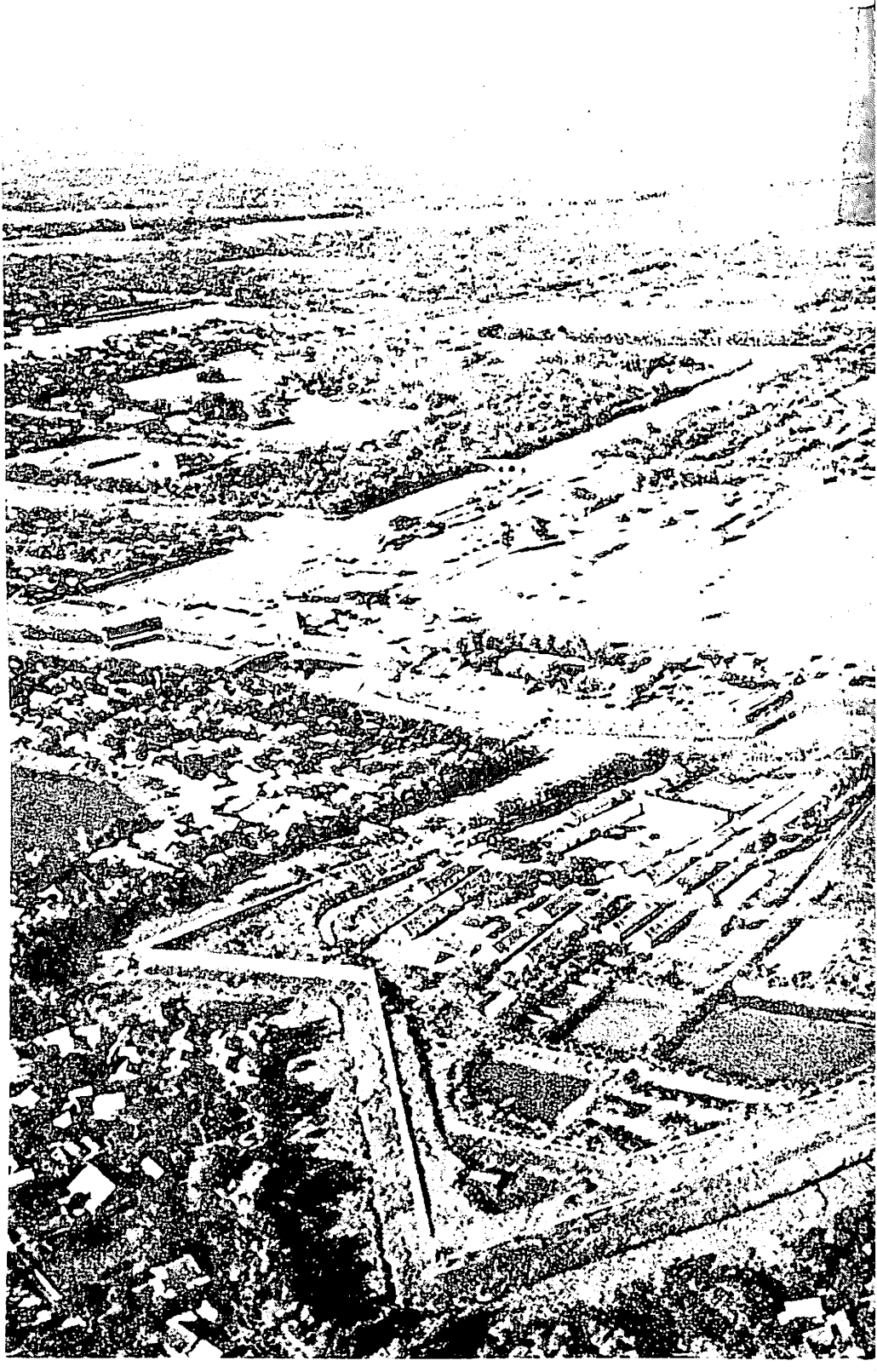

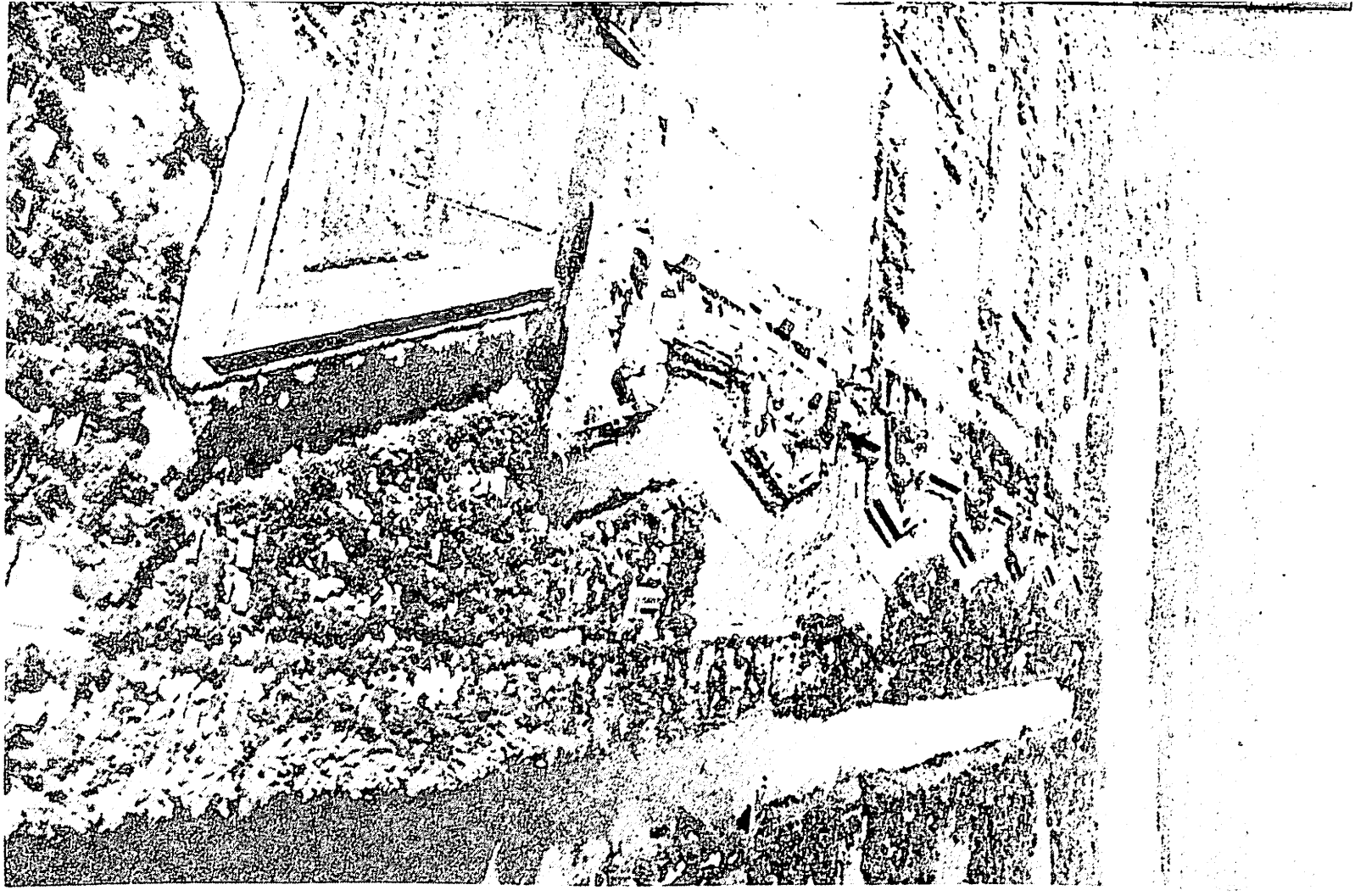

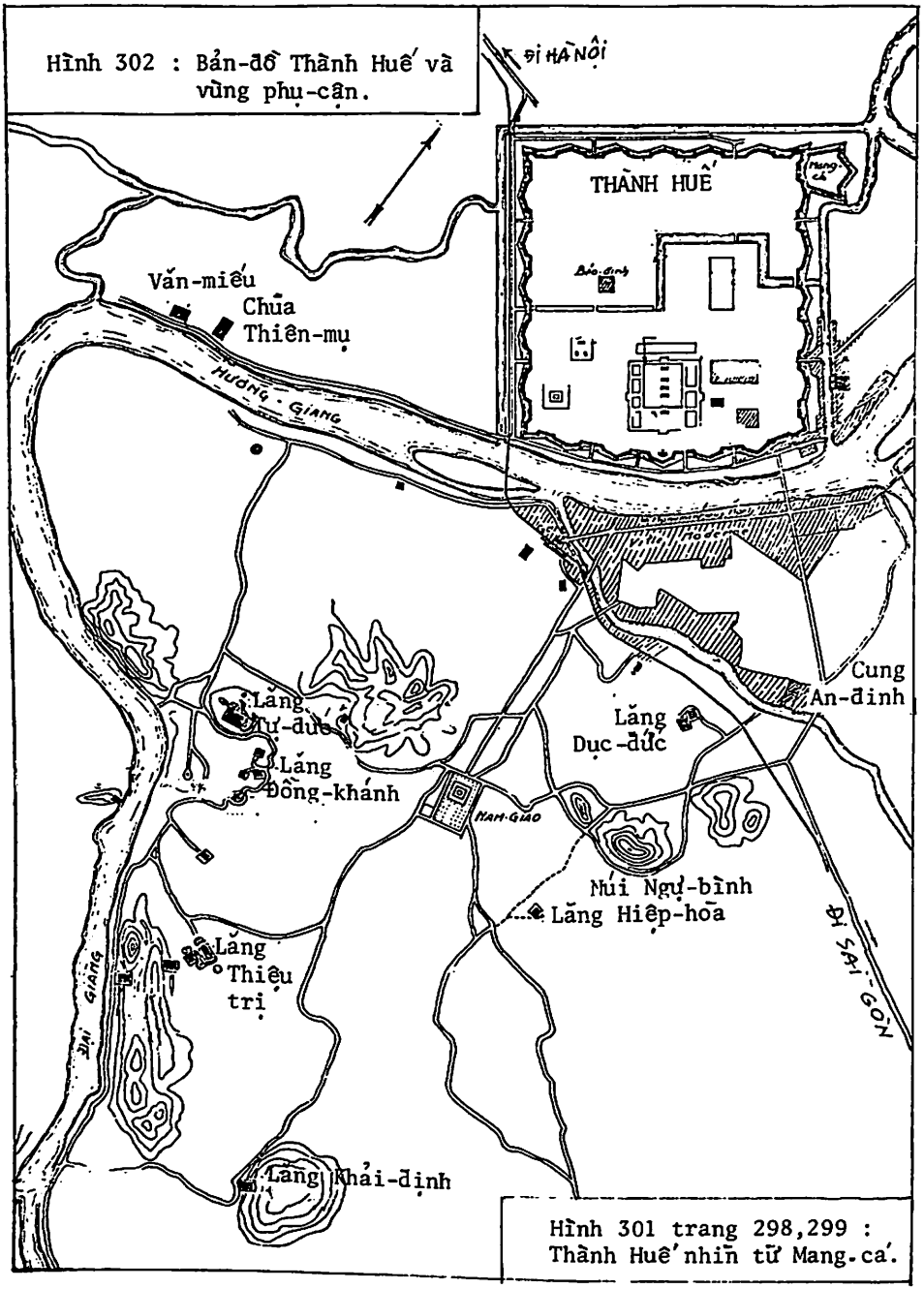

Hình 301 trang 298,299 : Thành Huế nhìn từ Mang.cá.

Trong thời-gian này , một số sĩ-quan công-binh Pháp đã giúp Nguyễn-Ánh xây các thành Huế, Phiên-an, Hà-nội và nhiều thành nhỏ ở địa-phương. Vì vậy các thành này đã có kiến-trúc kiểu thành Vauban, một kiến-trúc điển-hình của các thành-luỹ Tây-phương đương-thời.

Loại kiến-trúc thứ hai mang ảnh-hưởng Tây-phương là nhà thờ Công-giáo. Song phần lớn các nhà thờ này đã bị tàn phá trong thời-kỳ cấm-đạo.

2. Mặt khác về kiến-trúc cung-điện, Huế lại bị ảnh-hưởng mạnh của kiến-trúc Trung-quốc.

Trong các đời vua đầu triều Nguyễn (Gia-long, Minh-mạng Thiệu-trị, Tự-đức) vì quá nô-lệ vào văn-hoá Trung-hoa, các vua đã coi tất-cả mọi thứ của Trung-hoa là khuôn-vàng thước ngọc để bắt chước nên tự tổ-chức chính-quyền đến kiến-trúc, trang-trí đều rập theo khuôn-mẫu của người Trung-hoa. Ngọ-môn ở Huế đã chép đúng của thành Bắc-kinh, nếu có khác chỉ khác kích-thước nhỏ hơn mà thôi.

3. Từ khi người Pháp chiếm Nam-kỳ và bảo-hộ Bắc và Trung-kỳ thì ảnh-hưởng của Tây-phương càng ngày càng mạnh.

Kiến-trúc Thành HUẾ

Thành Huế nằm trên tả-ngạn sông Hương, do vua Gia-long cho xây từ năm 1805 đến năm 1816 với sự giúp đỡ của các ông Chaigneau, Vannier và nhất là Olivier de Puymanel, một chuyên-viên về xây thành luỹ.

Thành xây hình vuông mỗi cạnh 2800 m, riêng mặt Nam thành hơi cong theo hình cánh cung, chạy theo bờ sông Hương.

Kiểu thành giống thành Vauban ở vùng Strasbourg, mỗi góc có một pháo-đài, cùng với 5 pháo đài ở mỗi cạnh. Trên 24 pháo đài này có đặt 36 khẩu thần công. Riêng ở góc Đông Bắc có một thành nhỏ ở ngoài có 3 mũi chĩa ra được gọi là thành Mang-cá (Hình 302 và 303). Thành có 10 cửa(1) trước đắp bằng đất, sau được xây bằng gạch năm 1818 và 1822.

Thành cao 18 m và dầy 20 m

Chung quanh thành có hào sâu bao bọc. Hào này rộng đến gần 30 m, bờ hào cũng xây cạp gạch.

Trong thành có vòng thành khác gọi là Hoàng-thành, nơi có những cung điện nhà vua.

1 *An-hòa, Chánh Tây, Cửa Tả, cửa Quang-đức, Thượng-tứ, Đông ba v.v..*

Trong Hoàng-thành lại có một vòng thành nhỏ trong có cung vua ở gọi là Tử-cấm thành.

Hoàng thành xây hình vuông mỗi chiều 600 m có 4 cửa chính là Ngọ-môn, Hòa-bình, Hiển-nhân và chương-đức.

Tử-cấm thành có tường xây quanh cao 4 m dầy 1 m, có 7 cửa thông với Hoàng-thành (Hình 301 302)

THÀNH PHIÊN-AN.

Thành Phiên-an xây trước cả thành Huế, từ cuối thế-kỷ XVIII lúc Gia-long còn là Nguyễn-Vương, cũng do Đại-tá Puymanel và các ông Chaigneau , Vannier trông coi việc xây cất.

Thành hình vuông, mỗi cạnh có 2 mũi chìa ra trông giống con rùa nên được gọi là Quy-thành.

Thành nằm trong khu-vực các đường Lê-thánh-tôn, Phan-đình-Phùng, Đinh-tiên-hoàng và Công-lý. Trung-tâm của thành là nhà thờ lớn bây-giờ. Tường thành cao độ 5 m xây to ần bằng đá ong Biên-hòa.

Thành Phiên-an có 8 cửa :

Cửa Đông cũng gọi là cửa Tiền có 2 cửa Gia-định-môn quay ra Chợ cũ và Phan-an-môn gần kho đạn cũ.

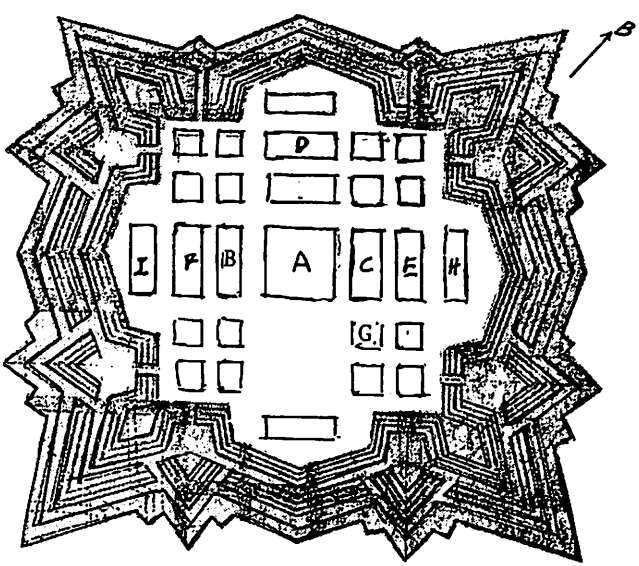

Hình 304 :
THÀNH PHIÊN-AN.

A: Hành cung.
B: Cung Hoàng-hậu.
C: Cung Hoàng-tử.
D: Y-viện.
E: Kho.
F: Xưởng-trại.
G: Thái-miếu.
H: Kho thuốc súng.
I: Kho võ-khí.

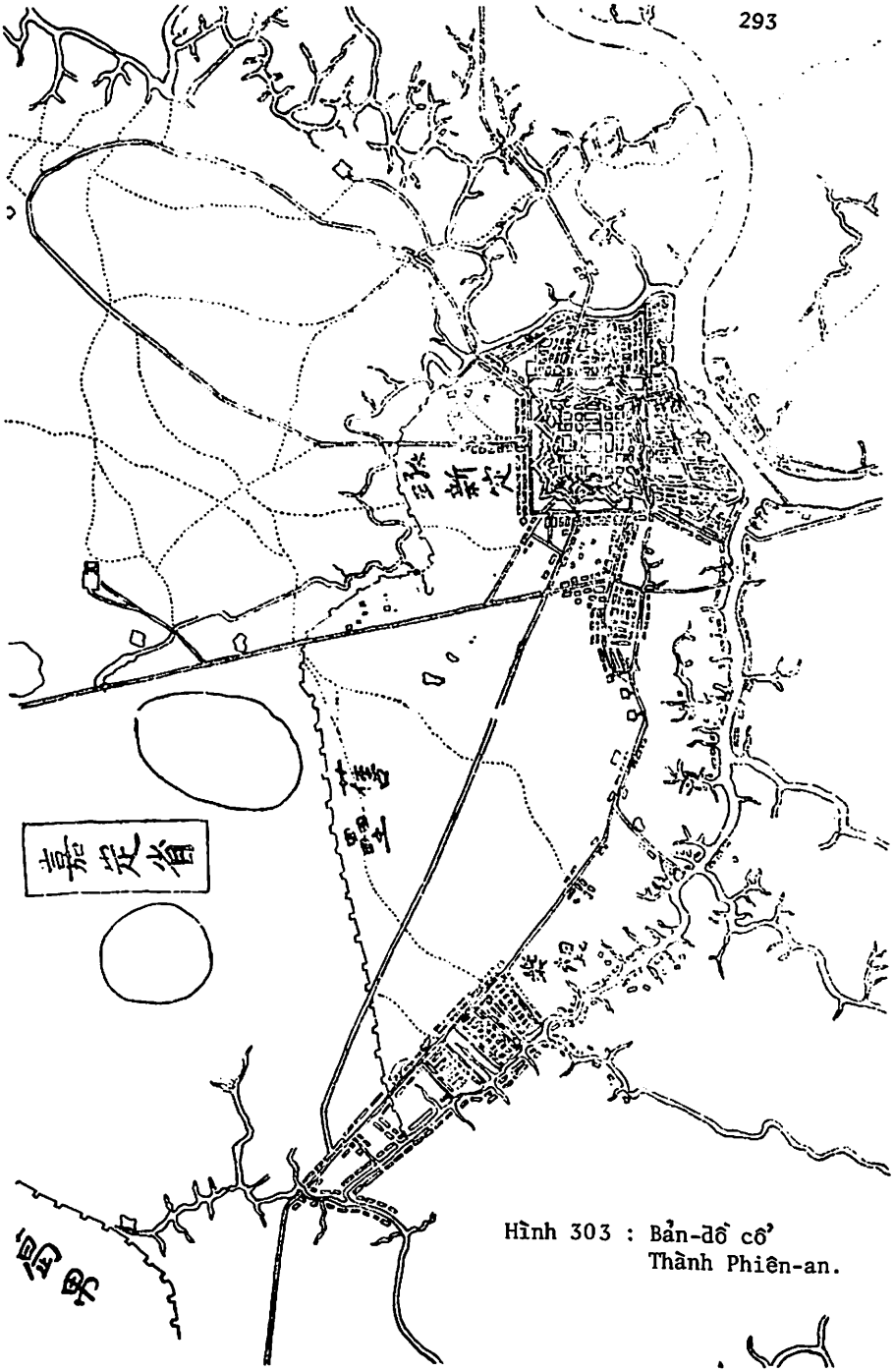

Hình 303 : Bản-đồ cổ
Thành Phiên-an.

Cửa Bắc cũng gọi là cửa Tả có 2 cửa Hoài-lai môn và Phúc-viên môn cũng trổ ra rạch Thi-nghè.

Cửa Nam hay cửa Hữu có 2 cửa Định-biên môn ở gần ngã tư Công-lý-Hồng-thập-tự và cửa Tuyên-hóa ở góc đường Công-lý-Lê-thánh-Tôn.

Cửa Tây hay cửa Hậu có 2 cửa Vọng-khuyết môn ở khu Cầu bông và Cung-thìn môn quay về phía cầu Kiệu.

Trong thành, chính giữa có Hành-cung, nơi vua ngự mỗi khi đi thăm thành này, bên hữu có cung Hoàng-tự, nhà kho và kho thuốc súng. Bên tả có cung Hoàng-hậu, xưởng trại và kho khí-giới. Phía trước có cột cờ và nhà Thái-miếu (Hình 304).

Thành Phiên-an rất kiên-cố nên khi Lê-văn-Khôi nổi loạn chiếm giữ thành này, quân Triều-đình đánh không lại. Lê văn Khôi giữ thành này được 3 năm, đến khi ông bị bịnh chết, thành mới vỡ.

Vì vụ này, Triều-đình sau đã cho triệt-hạ thành Phiên-an và chỉ xây một thành nhỏ ở góc thành này mà thôi. Đó là thành Gia-định.

THÀNH HÀ-NỘI.

Thành Hà-nội được xây năm 1805 (Đời Gia-long). Thành hình vuông, 4 góc là 4 pháo-đài lồi ra và mỗi cạnh có thêm 2 pháo-đài phụ cũng lồi ra một ít.

Thành có 5 cửa : Mỗi mặt 1 cửa, riêng mặt Nam là mặt chính, có 2 cửa Đông-Nam và Tây-Nam. Ở mỗi cửa đều có một đoạn thành hình chữ V chắn ở ngoài để địch quân không thể bắn phá cửa thành được (Hình 306)

Trong thành, chính giữa là một vòng thành nhỏ bao bọc khu nhà vua ngự khi ra thăm thành này, gọi là Hành cung. Hành cung có mở cửa về 4 phía nhưng cửa chính quay về phía Nam gọi là Đoan môn. Chính giữa Hành-cung là Điện Kính thiên dùng làm nơi vua ngự-triều.

Trước cửa hành cung là cột cờ xây hình Vuông có 2 tầng nền cao, ở giữa là một tháp quan-sát cao (Hình 307)

Chung quanh Hành cung là các cơ sở Hành-chính và quân-sự như dinh Tổng-đốc, dinh Tuần-phủ, dinh Bố-chánh, dinh Đề-đốc.

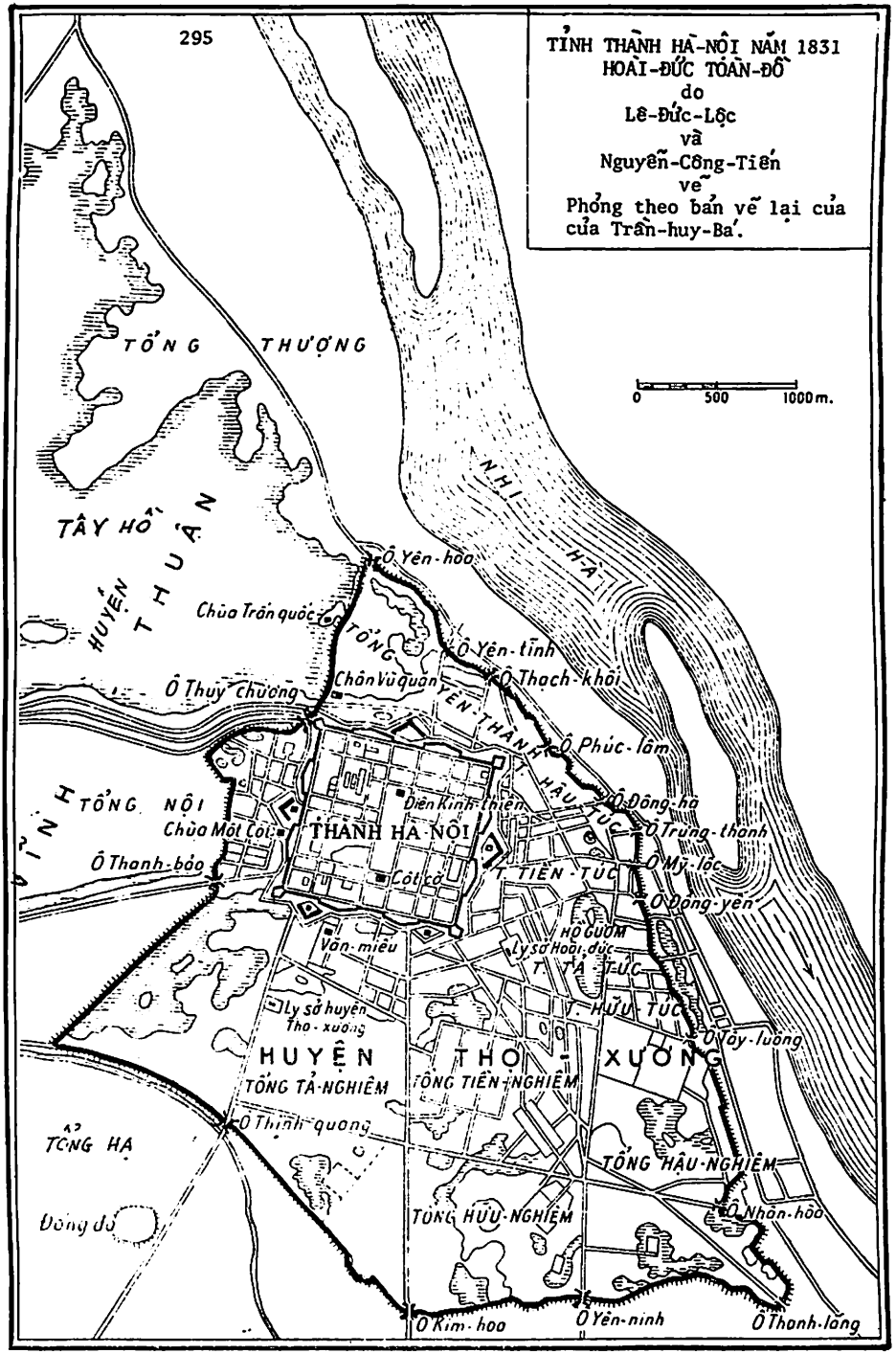
TỈNH THÀNH HÀ-NỘI NĂM 1831
HOÀI-ĐỨC TOÀN-ĐỒ
do
Lê-Đức-Lộc
và
Nguyễn-Công-Tiến
vẽ
Phỏng theo bản vẽ lại của
của Trần-huy-Bá.
0 500 1000m.
TỔNG THƯỢNG
TÂY HỒ
HUYỆN THUẬN
NHỊ HÀ
Ô Yên-hoa
Chùa Trấn quốc
TỔNG YÊN-THÁI
Ô Yên-tĩnh
Ô Thạch-khối
Chân Vũ quán
Ô Thuỷ chương
Ô Phúc-lâm
TỔNG NỘI
Chùa Một Cột
Điện Kính-thiên
THÀNH HÀ NỘI
Ô Đông-hà
Ô Trung-thành
Ô Thanh-bảo
Cột cờ
TIỀN-TỨC
Ô Mỹ-lộc
Ô Đông-yên
HỒ GƯƠM
Văn-miếu
Lỵ sở Hoài-đức
T. TẢ-TỨC
Lỵ sở huyện Thọ-xương
T. HỮU-TỨC
Ô Bảy-luông
HUYỆN THỌ-XƯƠNG
TỔNG TẢ-NGHIỆM
TỔNG TIỀN-NGHIỆM
Ô Thịnh-quang
TỔNG HẠ
TỔNG HẬU-NGHIỆM
Đồng Đa
TỔNG HỮU-NGHIỆM
Ô Nhân-hòa
Ô Kim-hoa
Ô Yên-ninh
Ô Thanh-lãng

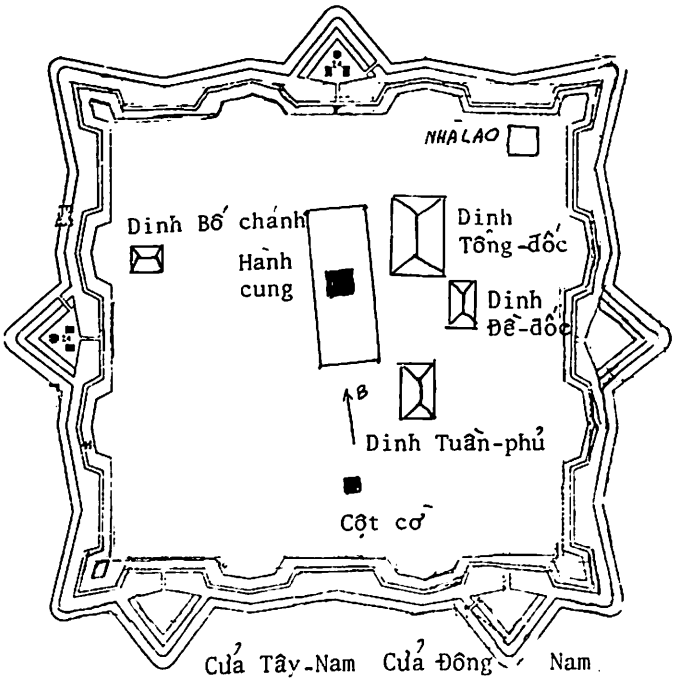

Hình 306 : Sơ đồ Thành Hà-nội.

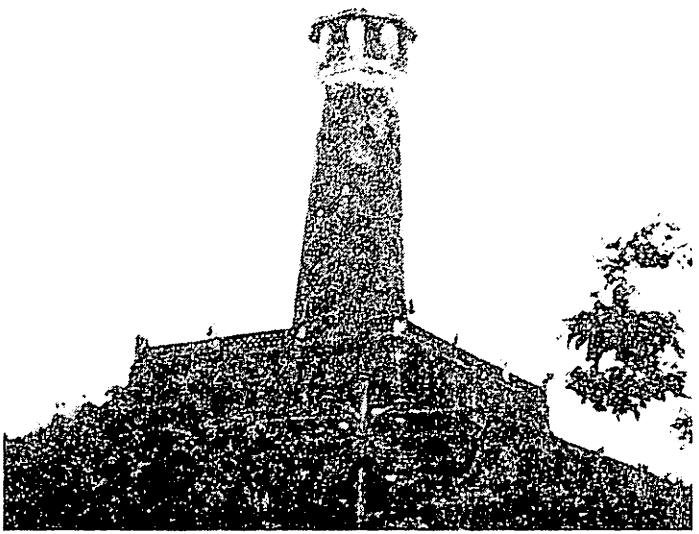

Hình 307 : Cột cờ trong thành Hà-nội.

Bên ngoài , chung quanh thành-phố Hà-nội còn có một lớp thành thứ hai chạy dọc theo bờ sông Nhị,dọc bờ hồ Tây rồi chạy xuống gần đến gò Đống-đa rồi chạy ngang ra bờ sông Nhị.

Chung quanh thành này có nhiều cửa thành để kiểm-soát người từ ngoài vào thành , mà người ta thường gọi là những cửa ô , như :

Ô Yên-hòa , ô Yên-tĩnh, ô Thạch-khối, ô Phục-lâm, ô Đông-hà, ô Trung-thành , ô Quan-chưởng, ô Mỹ-lộc, ô Đông yên,ô Tây-luông, ô Nhân-hòa, ô Thanh-lãng, ô Yên-ninh, ô Kim-hoa, ô Thịnh-quang, ô Thanh-bảo và ô Thụy-chương.

Ngày nay ở Hà-nội vẫn còn di-tích cửa ô Quan-chưởng ở phố Mới (Hình 308).

Hình 308 : Cửa ô Quan-chưởng ở Hà-nội.

Kiến-trúc cung-điện

NGỌ-MÔN.

Ngọ-môn là cổng chính của Hoàng-thành.Trên Ngọ-môn có lầu Ngũ-phụng được xây năm Minh-mạng thứ 18 (1833).Đó là nơi nhà vua và Triều-đình ngự để xem duyệt-binh và coi trình-diễn ca vũ nhạc hay tuồng chèo.

Cửa Ngọ-môn xây thành hình chữ U đáy vuông , có 5 lối ra vào:

Đáy chữ U có 3 lối ,lối giữa lớn dành cho nhà vua và các sứ thần các nước lớn,hai lối hai bên dành cho các quan.

Hai cánh hai bên chữ U có 2 lối vào hình chữ L,hình vòm cung.

Lầu Ngũ-phụng là một dãy nhà 5 gian hai chái, có hai mái cao, nằm ở chính giữa.Hai bên là 4 dãy nhà nối với nhau thành hình chữ T cũng có hai mái cao bằng dãy lầu chính.Lầu Ngũ-phụng hai bên có bậc thang lớn đi lên ở mặt trong thành (Hình (309,310,311).

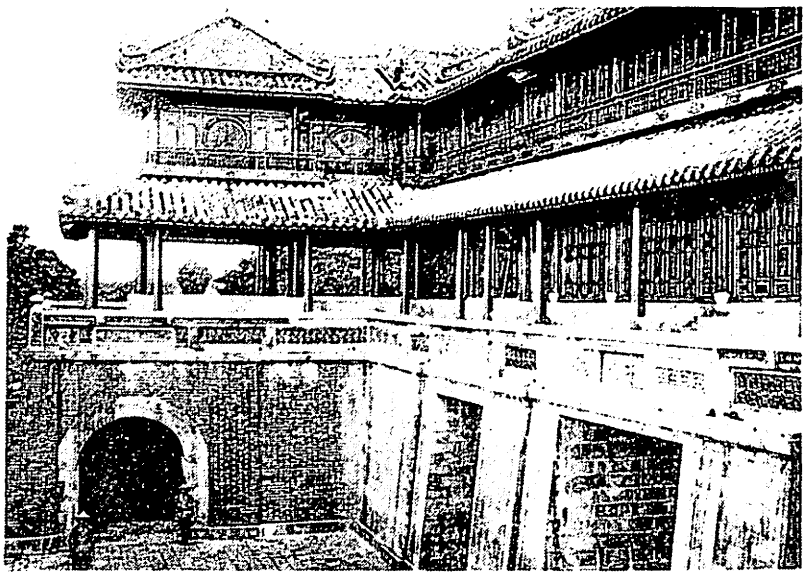

Hình 309 : Mặt tiền Ngọ-môn ở Huế .

Hình 310 : Lối lên lầu Ngũ-phụng.

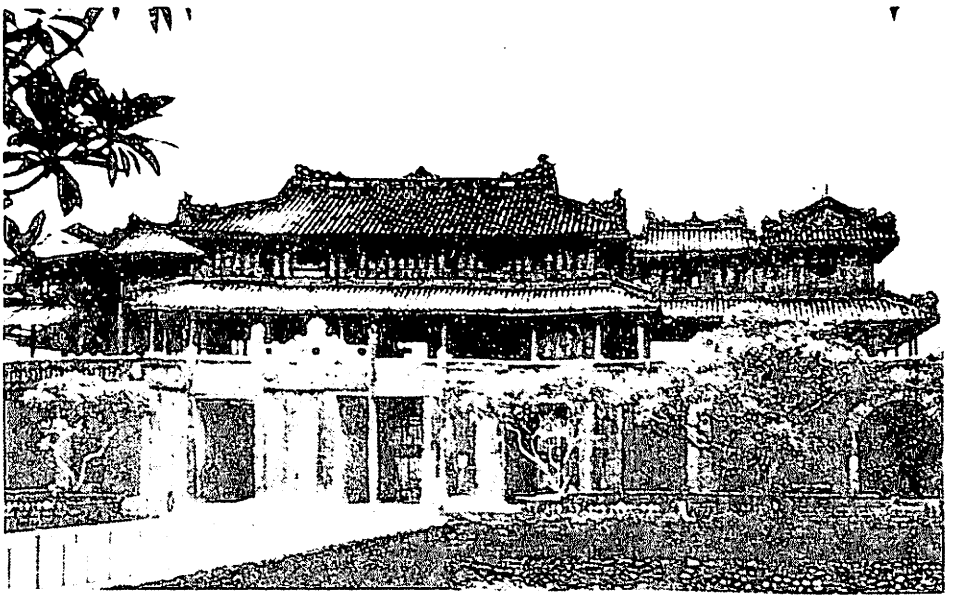

Hình 311 : Mặt sau Ngọ-môn ở Huế.

Trong Hoàng-thành có đường đi vòng quanh và những đường ngang dọc chia thành nhiều ô mà ô chính giữa là Tử-cấm thành.

Phía trước, chính giữa từ Ngọ-môn đi vào là Điện Thái-hòa. Ở hai góc là Thế-miếu (bên phải) và Thái-miếu (bên trái).

Sau Thế-miếu, dọc theo mặt Tây Hoàng-thành có điện Phụng-thiên, Diên-thọ cung, Thọ-ninh cung và Ninh-điện.

Sau Thái-miếu, dọc theo mặt Đông Hoàng-thành có Phủ Nội vụ, Kho-bạc và nhà nghỉ-mát của nhà vua trong đó có hồ Tịnh-tâm.

Phía sau, sát mặt Bắc Hoàng-thành là một hồ nước lớn chạy suốt từ Đông sang Tây, có các ngòi thông với hồ Tịnh tâm và các hồ khác trong Tử-cấm-thành (Hình 312).

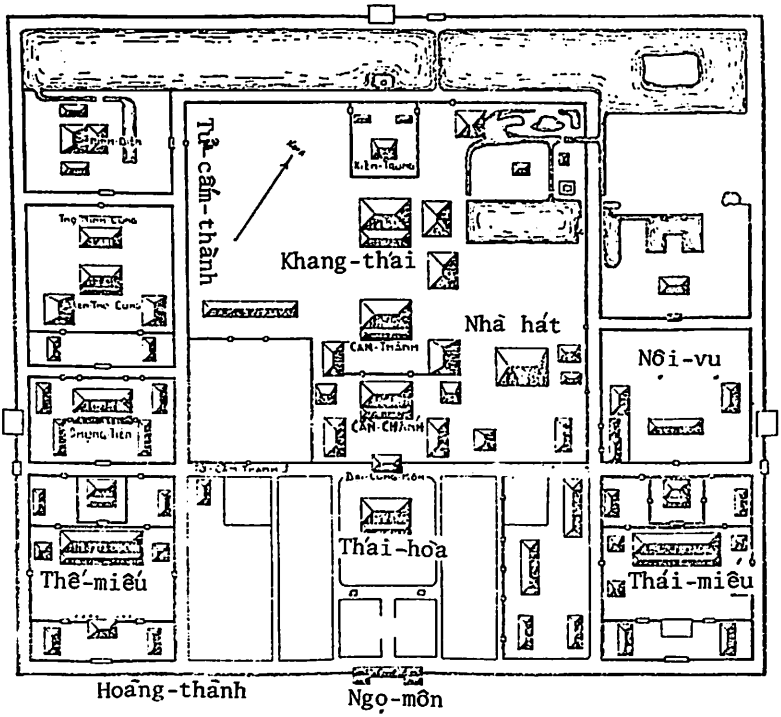

Hình 312 : Sơ-đồ Hoàng-thành và Tử-cấm-thành ở Huế.

ĐIỆN THÁI-HÒA.

Điện Thái-hòa được xây từ đời Gia-long (1805), dùng làm nơi thiết Đại-triều. Trước kia điện Thái-hòa được cất lùi về phía Bắc một chút. Đời Minh-mạng điện này được di đến vị-trí này để lấy chỗ xây Đại-cung-môn, cửa vào Tử-cấm-thành.

Đây là kiến-trúc lớn-nhất ở Kinh-thành Huế, gồm một dãy nhà 7 gian hai chái, có hai mái nhưng mái trên chỉ cách mái dưới độ vài chục phân.

Kiến-trúc điện Thái-hòa tương-tự kiến-trúc các đình lớn của Việt-nam với những cột kèo lớn bằng gỗ lim nhưng có trạm-trổ và sơn son thếp vàng.

Nền điện lát đá hoa. Chính giữa điện có một thềm cao lên bằng gỗ có 4 lớp, trên để ngai vàng.

Sau ngai vàng là một bức trạm về hình Rồng, tượng-trưng cho nhà vua (Hình 314).

Trước điện Thái-hòa là sân rộng có 3 cấp, thường gọi là sân Rồng, là nơi hội họp các quan từ nhất-phẩm đến cửu-phẩm. Ở mỗi hạng lại có một bia đá nhỏ ghi rõ chỗ đứng của các quan mỗi bậc.

Cuối sân Rồng là một cổng chào đúc bằng đồng rồi đến lối đi ra Ngọ-môn. Hai bên lối đi này là 2 hồ nước hình vuông (Hình 313).

Hình 313 : Từ lầu Ngũ-phụng nhìn xuống điện Thái-hòa.

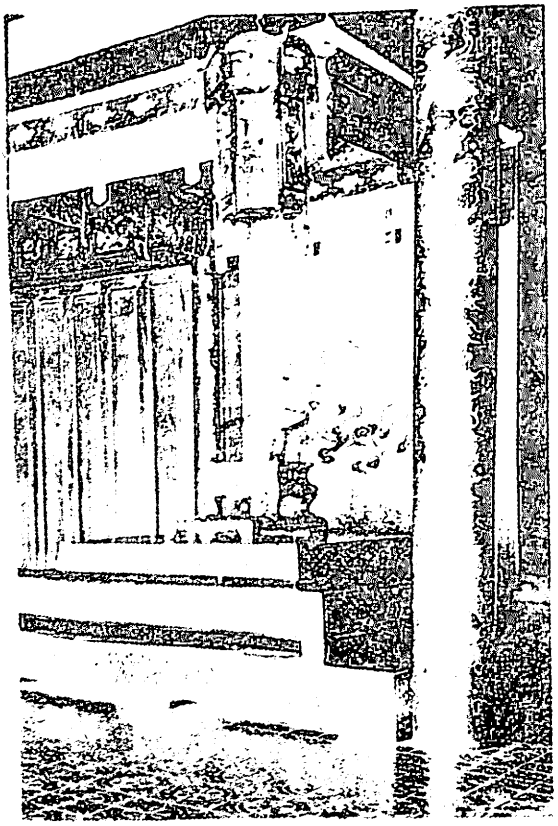

Hình 314 :
Ngai vàng trong
Điện Thái-hòa.

THÁI-MIẾU, THẾ-MIẾU.

Thái-miếu là nơi thờ các vị chúa Nguyễn từ đời Nguyễn Hoàng cho đến Duệ-tông. Thái-miếu là một dãy nhà 13 gian hai chái, cất bằng gỗ lim, mái lợp ngói với 2 lớp mái sát nhau.

Vì là nơi thờ phụng nên Thái-miếu được trang-trí lộng lẫy hơn. Ngay ngoài hiên cũng có những riềm bằng gỗ trạm trổ rất tinh-vi.

Trước Thái-miếu là một hàng đôn trên có để những chậu bằng sứ lớn trồng cây cảnh.

Thế-miếu là nơi thờ-phụng các vua nhà Nguyễn từ đời Gia-long trở về sau.

Kiến-trúc Thế-miếu tương-tự như Thế-miếu nhưng phía trước có để 9 đỉnh đồng lớn do Minh-mạng cho đúc năm 1835.

Chung quanh Thái-miếu và Thế-miếu đều xây tường và có cổng .

Trên cổng Thế-miếu là một gác kiến-trúc khá đẹp gọi là Hiển-lâm-các (Hình 315).

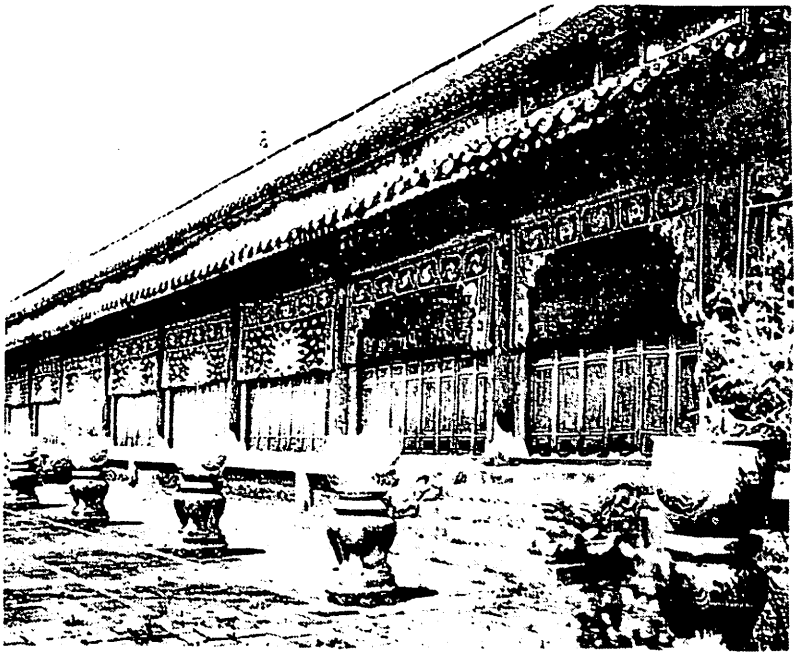

Hình 315 : Thái-miếu trong Hoàng-thành Huế.

TỬ-CẤM-THÀNH.

Tử-cấm-thành là vòng thành thứ ba , nơi chỉ có Hoàng-gia và các bậc Đại-thần mới được vào.

Từ điện Thái-hòa đi vào Tử-cấm-thành phải qua một cổng lớn gọi là Đại-cung-môn.Đây không hẳn là một cổng mà là một cung-điện nhỏ trong đó tứ cột kèo đến các vách gỗ chung-quanh đều trạm-trổ và sơn son thếp vàng.

Kiến-trúc nầy tuy nhỏ nhưng đặc-biệt Việt-nam và được trang-trí rất tỉ-mỉ và mỹ-thuật.

Sau Đại-cung-môn là một sân nhỏ rồi đến điện Cần-chánh.

Điện Cần-chánh là nơi nhà vua thiết triều-triều và làm việc với các quan lớn trong triều.

Điện nầy do vua Gia-long cất năm 1811,là cung điện được coi là trang-lệ nhất của Kinh-thành Huế.

Điện nầy trước làm bằng gỗ mộc,trạm-trổ, đánh bóng.Đến đời Khải-định điện nầy được đem sơn son thếp vàng.

Trần điện nầy là một tác-phẩm điêu-khắc điển-hình của đời nhà Nguyễn.

Trong điện Cần-chánh có trang-trí bằng 2 bức đại-tự viết 2 chữ Phúc và Thọ do chính vua Thiệu-trị viết ra để cho đem khắc.

Khác với điện Thái-hòa, trong điện cần-chánh ,ngoài ngai vàng còn có giường ngự, nhiều án-thư và ghế trạm-trổ rất đẹp để nhà vua làm việc với các quan.

Trước điện này có để 4 cái vạc lớn tượng-trưng cho 4 bể và sự giầu có của nước ta.

Sau điện Cần-chánh là khu-vực riêng dành cho Hoàng-gia trong đó có các điện Cần-thành, Khang-thái và Hiển-trung.

Điện Cần-thành được xây năm 1811 là nơi các vua Gia-long, Minh-mạng ngự .Điện nầy cũng được trang-trí rất đẹp. Chủ-đề của các hình trang-trí ở đây vẫn là hình Rồng, biểu tượng của nhà vua, uy-quyền của chế-độ Quân-chủ chuyên chế (Hình 316).

Đến thời Pháp-thuộc, vì thấy các cung-điện cũ không đủ các tiện-nghi mới nên năm 1915 vua Duy-tân cho xây điện Kiến-trung ở giáp hồ Tịnh-tâm để làm nơi vua ngự.

Giữa điện Cần-thành và điện Kiến-trung là cung Khang-thái,là nơi Hoàng-hậu ở.

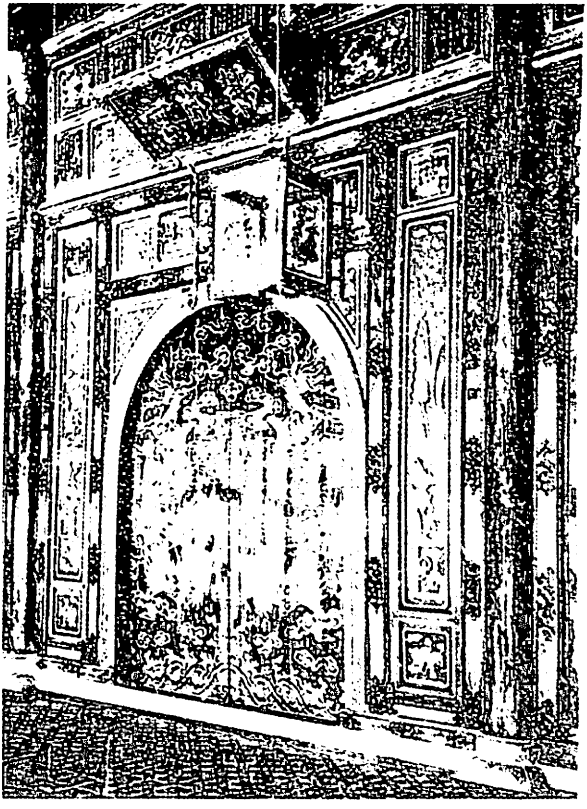

Hình 316 : Cửa cung Cần-thành trong Tử-cấm-thành ở Huế.

Hai bên các cung điện trong Tử-cấm-thành còn có các kiến-trúc phụ như nhà ở của các Phi, Tần và cung nữ hầu hạ trong cung, Văn-phòng các Cố-vấn của nhà vua, Tàng-thư các và nhà Hát v.v...

Giữa các cung-điện này có các cửa xây cùng một kiểu trông rất vững-chắc và mỹ-thuật.

Cửa thường xây hình vòng cung có cánh cửa bằng gỗ lim.

Trên cửa có 3 mái, mỗi mái lại có 3 mái nhỏ hình cánh cung nên trông như một căn nhà nhiều tầng.

Các cổng này đều có tạc nhiều hình trang-trí phần lớn là các hình kỷ-hà .Riêng trên nóc có hình lưỡng-long triều

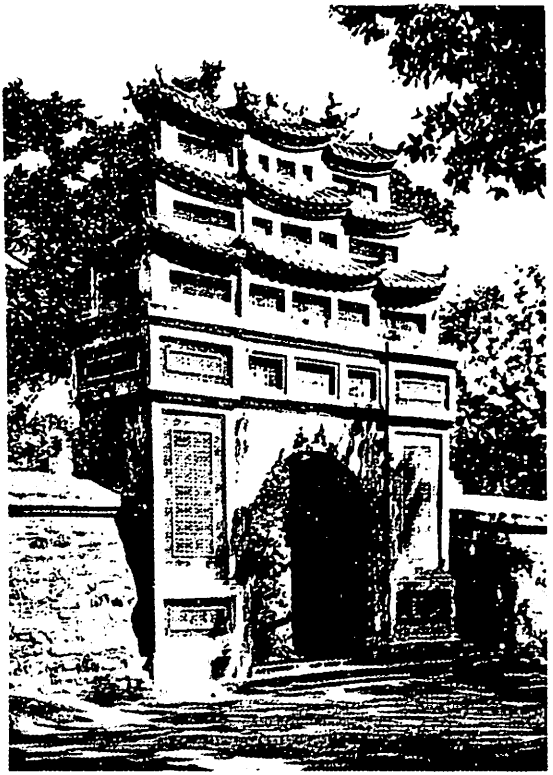

Hình 317 : Các cửa nhỏ giữa các cung điện ở Huế.

nguyệt (2 rồng châu mặt trăng).

KINH-THÀNH HUẾ VÀ QUAN-NIỆM ĐỊA-LÝ CỔ-TRUYỀN.

Vua Gia-long khi chọn Huế làm kinh-đô đã mời các thầy địa-lý cổ nổi tiếng trong nước về kinh để xem phong-thủy và đã chọn địa điểm này dựa trên những lý-thuyết địa-lý cổ-truyền Việt-nam sau (1):

Theo lý-thuyết này thì sông Hương tượng-trưng cho con Rồng xanh (Thanh-long) và 2 cù-lao trên sông Hương tượng

1. Năm 1635 Chúa Nguyễn Công-Thượng-Vương dời đô ở Kim long, ở phía Tây Kinh-thành ngày nay. Năm 1687 Chúa Ngãi chọn Phú-xuân làm kinh-đô. Kinh thành cũ ở phía Bắc thành Huế ngày nay.

trưng cho 2 con Hổ trắng (Bạch-hổ) cùng hướng châu về Kinh-thành.

3 km về phía Nam Kinh-thành có núi Ngự-bình án ngữ. Núi này được coi là bình-phong chắn mọi sự dư có thể đến với Kinh-thành.

Ngoài ra bên kia sông Hương nhà vua còn cho xây một kiến-trúc trông tựa một bình-phong lớn. Nó cũng dùng để yểm cho sự an-toàn của Kinh-thành Huế.

Kiến-trúc lăng mộ

Nguyên-lý Địa-lý cổ-truyền Việt-nam cho rằng : Vũ-trụ (Trời) điều-khiển trái đất. Trái-đất chỉ là một vũ-trụ nhỏ trong đó địa thế mặt đất tượng-trưng cho các vì sao ở trên Trời. Vũ-trụ cảm-thông với địa-thế mặt-đất và tạo các ảnh-hưởng trực-tiếp đến con người. Các đồi núi liên-quan đến các tinh-tú, hồ ao liên-quan đến các tinh vân và biển cả liên-quan đến ngân-hà. Do đó các nhà Địa-lý có thể nhìn các địa-thế mà tìm ra các ảnh-hưởng sẽ có của Vũ-trụ.

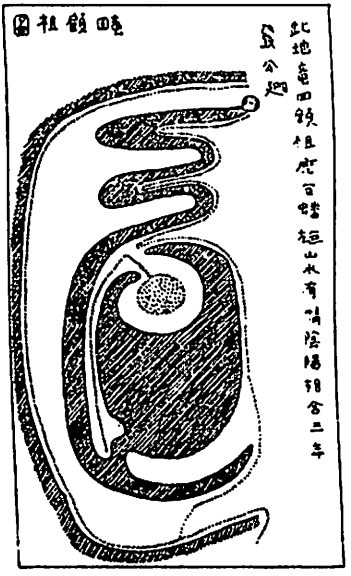

Hình 318 : Thế đất Long che Hổ phục.

Quan-niệm cổ của ta cũng cho rằng người chết nếu chôn vào địa-thế nào đó sẽ có ảnh-hưởng đến con cháu sau này. Nếu người chết được chôn vào chỗ đất tốt (đất phát) thì con cháu sẽ khá, ngược lại nếu chôn vào chỗ đất xấu thì con cháu sẽ lụn bại. Do đó từ vua chúa đến thứ dân thường nhờ các thầy địa-lý tìm chỗ đất tốt chôn hay cải-táng thi hài của người thân mình vào đó.

Thí-dụ địa-thế ghi trên bản-đồ (Hình 318) mô-tả Thanh-long cuốn lấy Bạch-hổ nên ác-khí bị kìm lại và vượng-khí được phát ra, nên là chỗ đất tốt. Các chỗ chấm chấm là chỗ để mộ tốt.

LĂNG GIA-LONG.

Lăng Gia-long được xây cất tại khu đồi núi Thiên-thọ cách Huế 14 km về phía Tây Nam. Đây là một khu gồm 34 ngọn đồi trong đó 14 ngọn ở bên phải, 14 ngọn ở bên trái và 6 ngọn ở phía sau. Lăng Gia-long nằm trên các ngọn đồi thẳng hàng nên khi nhìn chung các kiến trúc trong lăng người ta thấy ngay chúng ở trên một trục. Đây là một lối kiến-trúc Lăng mộ của nhà Minh bên Trung-hoa.

Muốn đi thăm lăng người ta phải vượt sông Đại-giang, băng qua một khu rừng bằng những đường đồi quanh-co rồi mới đến lăng.

Trước hết ở bên đường người ta thấy 2 ngôi nhà cổ, dùng làm nơi đồn trú của toán lính canh lăng ngày xưa.

Kiến-trúc chính của lăng Gia-long là điện Minh-thanh.

Điện này xây cất trên núi Bạch gồm có 2 kiến-trúc lớn :

> Căn nhà phía sau là một dãy dài 22,2 m rộng 14 m
> Căn nhà phía trước hình vuông mỗi chiều 7,6 m, đằng trước có treo tấm bảng sơn son thếp vàng ghi tên Điện Minh-thanh và năm xây cất (Năm Gia-long thứ 14 tức là năm 1815).

Cả hai dãy nhà này đều cất bằng gỗ lim, có 2 mái lợp ngói.

Trong dãy nhà chính có bàn thờ để bài vị nhà vua và bà Thừa-thiên Cao-Hoàng-hậu.

Trong điện Minh-thanh này trước kia có tàng-trữ tất-cả những đồ vật mà nhà vua thường dùng như quần áo, mũ trận áo giáp, đai lưng, yên ngựa, kiếm v.v... được coi như một nhà thờ kiêm viện bảo-tàng. Song ngày nay những đồ-đạc quí giá này đã bị thất-lạc cả rồi.

Tử điện này đi vào là một sân rộng gần như vuông, mỗi chiều 27 m.Trong sân về bên phải có bàn thờ Thổ-thần.

Hai bên cạnh sân là hai dãy nhà dành cho các cung-nữ hầu hạ trong lăng.

Kế trước sân là một cổng lớn có lầu rộng 12,6, sâu 6 m.

Cổng này cũng như các kiến-trúc ở chính-điện đều được trạm-trổ rất tinh-vi.

Từ cổng này đi vào là 3 hàng bậc thang có thành bậc trạm rồng bằng đá.Bậc thang này dẫn xuống 2 sân một dài 49 m rộng 20 m, một dài 12 m rộng 6 m. Cả hai đều có tường thấp bao quanh.

Giữa sân này có một bình hương bằng đồng cao đến 2m , có mái che và trạm trổ rất mỹ-thuật (Hình 318 b).

Hình 318b : Bình đốt hương bằng đồng ở lăng Gia-long.

Kế các sân nhỏ này là một sân rộng, dài 49 m, rộng 25 m lát đá hoa màu nâu,hai bên có hai hàng tượng đá đứng chầu.

Các tượng này có 2 tượng voi, 2 tượng ngựa và 10 tượng quan hầu cả văn lẫn võ.

Sau sân tượng này là một hồ bán nguyệt.

Kế đó ta phải đi lên một chặng dài gồm 6 thềm mỗi thềm dài 45 m,rộng 23 m.Thềm cao nhất gọi là Bái-đình nơi Triều -đình và Hoàng-gia phải lên đó để làm lễ Tế-mộ.

Trong cùng là mộ phần.

Mộ được xây ăn sâu vào trong núi Chính-trung.Mộ xây hình móng ngựa, có 2 lần tường xây bao quanh. Tường ngoài dài 3o m rộng 24 m và cao 3,16 m.Trước mộ có một cửa bằng đồng rất chắc-chắn. Giữa vòng tường này là 2 ngôi mộ vua Gia-long và Hoàng-hậu,xây bằng đá hoa,trông giống như 2 ngôi nhà nhỏ.

Trước mộ lại có một bình phong xây bằng đá

Phía trước mộ còn có 2 cọc xây cao 15 m thẳng hàng với mộ. Người ta nói rằng những bình phong cũng như hai cọc nầy dùng để yểm cho hắc khí không thể lấn ám vào mộ được.

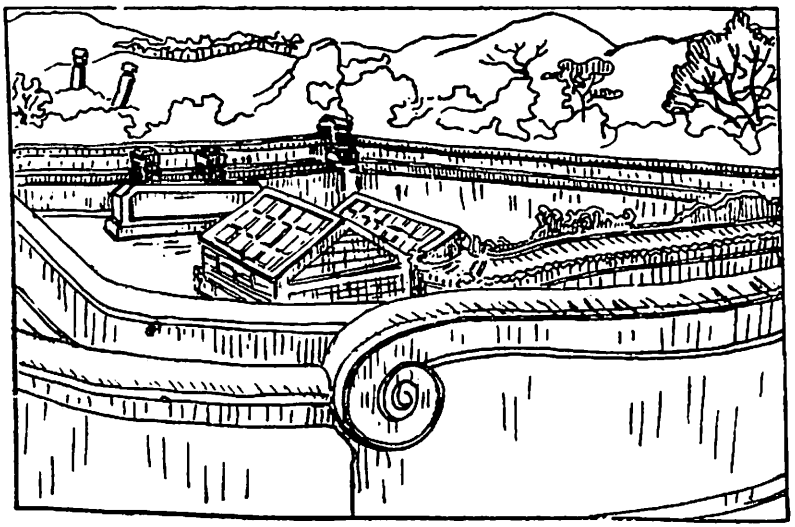

Hình 318 c : Mộ Gia-long trên núi Chính-trung.

LĂNG MINH-MẠNG.

Lăng Minh-mạng được xây dưới đời Thiệu-trị (1841), trên ngọn đồi ở gần lăng Gia-long về phía Bắc.

Lăng này xây trong một khu rừng với những ngọn đồi thấp cơ những giòng suối chảy quanh rất nên thơ.

Lăng xây trên một trục thẳng từ mộ ra cổng.

Mộ hình tròn, tượng-trưng cho mặt trời chung-quanh có một bức tường cao độ 3 m, có một cửa vào ở phía trước với một cánh cửa bằng đá hoa (marbre) có khung bằng đồng.

Trước mộ là một hồ hình lưỡi liềm gọi là Tân-nguyệt trì (Hồ trăng mới). Mặt trăng này đi đôi với mặt trời để che cho cho mộ-phần.

Kế đó là một sân rộng nằm trên một ngọn đồi khác, ở giữa sân này là điện lớn dùng làm nơi ăn uống và hội-họp con cháu trong ngày giỗ, tết.

Sau điện này là một điện thờ trong có bài vị của nhà vua. Trước điện thờ là một nhà bia trong đó có bia ghi lại công ơn của nhà vua lúc sinh thời.

Ngoài ra lăng này cũng có những nhà phụ dành cho các cung phi và cung nữ phải ra đó hầu mộ vua sau khi vua chết.

Một số tác-giả đã cho rằng Lăng Minh-mạng dập theo kiểu lăng các vua nhà Minh bên Tàu (1) (Hình 319 trang 312).

LĂNG TỰ-ĐỨC.

Lăng Tự đức hay Vạn-niên cung có thể coi là một lăng đẹp nhất trong các lăng mộ của nhà Nguyễn. Lăng này do chính nhà vua tự trông coi việc xây-cất nên có vẻ là một nhà nghỉ-mát nhiều hơn là một lăng mộ. Lăng này có cả hồ thả sen và nhà thủy-tạ để nhà vua ra đó ngắm cảnh, xem hoa.

Khác với lăng Gia-long và Minh-mạng, các kiến-trúc đều nằm trên 1 trục, lăng Tự-đức, các kiến-trúc xếp dọc theo 2 trục song-song có 2 đường vào khác nhau.

Trên trục thứ nhất, từ ngoài đi vào là một sân rộng 2 bên có tượng quan hầu, voi, ngựa bằng đá đứng chầu. Kế đó là một nhà bia. Trước nhà bia có 2 cây hường lớn. Chung quanh 2 kiến-trúc này là các vườn hoa có cây cỏ xum xuê,

---

1. *DELAMARRE E. La stèle du tombeau de Minh-mạng. BAVH 1920 p. 241-252.*
LICHTENFELDER CH. Notice sur le tombeau de Minh-mạng BAVH 1937 p 397-416.

lối đi quanh co thỉnh-thoảng lại có một cây cầu nhỏ bắc qua một dòng suối hay một nhà thủy-tạ làm nơi nghỉ chân của khách thăm lăng.

Đi vào phía trong là một hồ hình bán nguyệt nằm bọc lấy một điện thờ nhỏ.

Kế đó là mộ phần, cũng không xây hình tròn như các mộ khác mà hình chữ-nhật,2 góc ngoài hơi tròn một chút.

Trên trục thứ hai có 3 kiến-trúc lớn là điện thờ, nhà hội và nhà ở của các cung nữ.

Kiến-trúc lăng Tự-đức có những nét giống kiến-trúc Trung-hoa.Ngay cả những vật-liệu như ngói nửa tròn nửa vuông của Trung-hoa lần đầu tiên người ta thấy dùng ở xứ ta.

Các bố-trí các xà nhà cũng theo kiểu Trung-hoa,khác hẳn lối bố-trí của các nhà cổ-truyền của Việt-nam.

Hình 320 : Nhà Thủy-tạ và hồ sen ở lăng Tự-đức.

LĂNG ĐỒNG-KHÁNH VÀ LĂNG KHẢI-ĐỊNH.

Vua Đồng-Khánh mất năm 1889 và vua Khải-định mất năm 1925, lúc bấy giờ người Pháp đã chiếm xứ ta, các vua tuy vẫn còn ngồi trên ngai vàng nhưng uy-quyền đã chẳng còn mấy nữa.

Trong thời-kỳ này phần vì ảnh hưởng của người Pháp, phần vì muốn dùng các vật-liệu mới như xi măng nên các lăng này không còn giữ được những đặc-điểm của kiến-trúc cổ-truyền Việt-nam.

Lăng Đồng-Khánh được xây theo kiểu Baroque, một kiểu kiến-trúc của Tây-phương vào Thế-kỷ XVII, XVIII, nhưng vẫn có hai hàng tượng đá tạc hình voi, ngựa và quan hầu đứng chầu hai bên và nhất là cái cổng chào, dù được làm bằng xi-măng nhưng vẫn giúp cho lăng này giữ được về uy-nghi của Triều-đình Việt-nam (Hình 321).

Hình 321 : Tượng đá và cổng chào ở lăng Đồng-Khánh.

Lăng Khải-định xây cất trên núi Chư-ê, còn gọi là cung Thiên-định. Lăng này xây bằng bê-tông cốt sắt và có trang trí bằng các hình tượng đắp bằng xi-măng, có ghép những mảnh bát đĩa vỡ bằng sứ.

Kiến-trúc lăng này không giữ được tính-cách cổ-truyền Việt-nam mà cũng chẳng giống kiến-trúc Tây-phương.

Song nhờ những trang-trí ở bên trong với những bức đại-tự, câu-đối, những hình trạm-trổ, sơn son thếp vàng và nhất là những đồ đạc như bàn thờ, đỉnh-đồng, hạc đồng hoàn toàn Việt-nam nên nhìn chung cũng bớt được sự lai căng của lăng này.

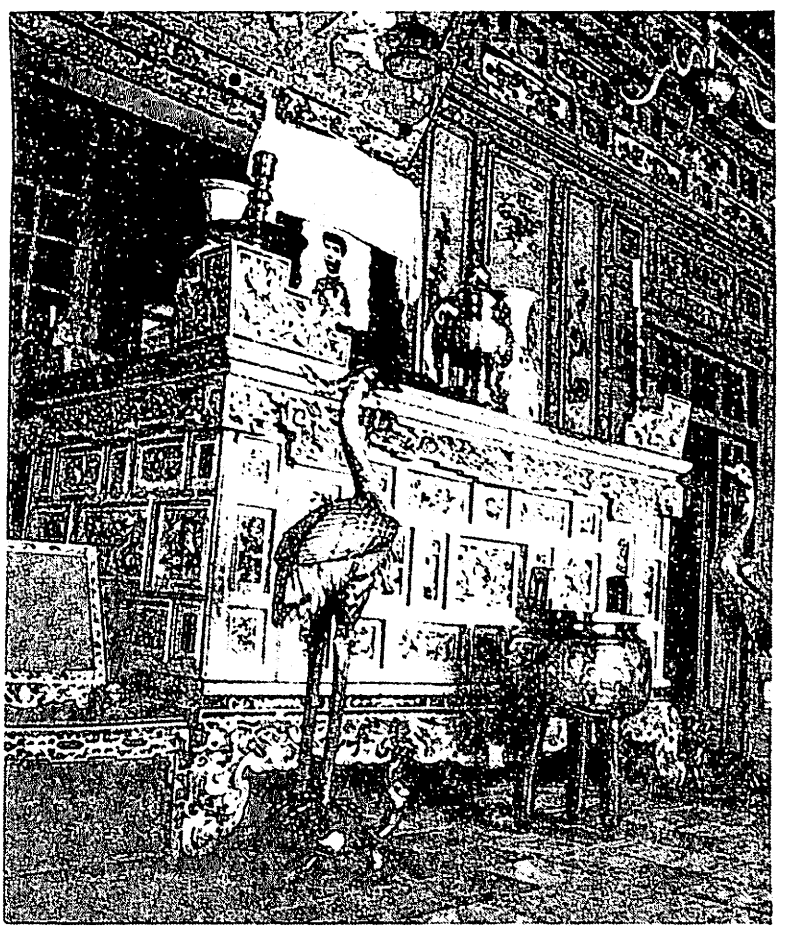

Hình 322 : Bàn thờ ở trong chính-điện lăng Khải-định.

SỰ SUY-THOÁI CỦA KIẾN-TRÚC CỔ-TRUYỀN

Về cuối đời nhà Nguyễn , khi người Pháp đã đặt được xong nền đô-hộ ở Việt-nam,vì chạy theo văn-minh Tây-phương nên Triều-đình nhà Nguyễn đã lỗi-là với các kiến-trúc cổ-truyền.

Điện Kiến-trung xây năm 1915, dưới đời vua Duy-tân là một kiến-trúc kiểu mới có phòng Khách, phòng ăn,phòng ngủ phòng chơi bài, phòng đánh bi-a, bố-trí như một lâu-đài kiểu Tây-phương.

Cung An-định xây trên bờ sông An-cựu là một biệt-thự lớn để nhà vua đến đó giải-trí.Trong biệt-thự có Khán-đài có sân khấu để nhà vua ngự coi hát tuồng.Hai bên vườn trong cung An-định còn có 2 dãy chuồng dài nuôi hổ báo,sư tử, nai,gấu , chằn,kỳ-đà,cá sấu, khỉ v.v... giống như một vườn Bách-thú nhỏ vậy.

Ngay cả việc trang-trí nhiều nơi đã dùng những vật-liệu hay dụng cụ Tây-phương một cách lố-lăng :

Ở trước cung An-định có đắp 8 pho tượng Bát tiên bằng xi-măng nhưng thay vì mỗi người cầm một nhạc cụ hay hoa lá như các hình tượng cổ thì ở đây các điêu-khắc gia tân thời đã cho mỗi người cầm một bóng đèn điện đưa lên cao.

Ở cung Thiên-định có tạc hình 2 con hạc mỏ có ngậm 2 đồng hồ quả quít.

Ý hẳn các điêu-khắc gia trên cho rằng cần phải văn-minh hóa bằng cách đưa các dụng-cụ trên vào nghệ-thuật Việt nam.

Đi xa hơn nữa, ở điện Cần-chính còn có những cây cột vặn vẹo theo kiểu Rococo của Tây-phương thế-kỷ XVIII.

Chính sự quá lệ-thuộc vào Trung-hoa trong đời các vua đầu nhà Nguyễn và sự pha-trộn với những quái-thai của Tây-phương trong cuối đời Nhà Nguyễn, đã làm nghệ-thuật Việt-nam nói chung hay Kiến-trúc Việt-nam nói riêng mất đi những nét đẹp của dân-tộc.

Đây có thể coi như một giai-đoạn suy-thoái của nghệ-thuật cổ-truyền Việt nam.

Kiến-trúc Tôn-giáo

Đời Nhà Nguyễn,các tôn-giáo tiếp-tục phát-triển.Nho giáo vẫn đứng hàng đầu vì các đệ-tử của Nho gia được Triều-đình trọng dụng. Phật-giáo vẫn là tôn-giáo mạnh trong đa số quần-chúng.Trong những năm đầu của nhà Nguyễn đạo Công giáo chưa bị cấm đoán nên cũng bành trướng ở nhiều nơi.Vì sự ganh đua giữa 3 tôn-giáo chính này nên các kiến trúc Tôn-giáo được các đạo đua nhau xây cất thật lớn và thật đẹp.

KIẾN-TRÚC VĂN-MIẾU.

Song song với sự phát-triển của Nho-giáo, văn-miếu được xây cất mới và trùng tu ở khắp nơi.Văn-miếu lớn và đẹp được trùng tu gần như hoàn toàn trong đời Nhà Nguyễn là Văn-miếu ở Hà-nội.

Văn-miếu này được xây cất ở khu phố Sinh-tư (giữa phố Sinh-tử và Hàng đẫy).

Từ phố Sinh-tư đi vào, ta phải đi qua một cổng nhỏ bên ngoài,rồi vào một cổng chính làm theo lối tạm-quan (có 3 cửa ra vào).

Hình 325 :

Khuê-văn-các ở Văn-miếu Hà-nội.

Hình 324 : Cổng chính vào Văn-miếu ở Hà-nội.

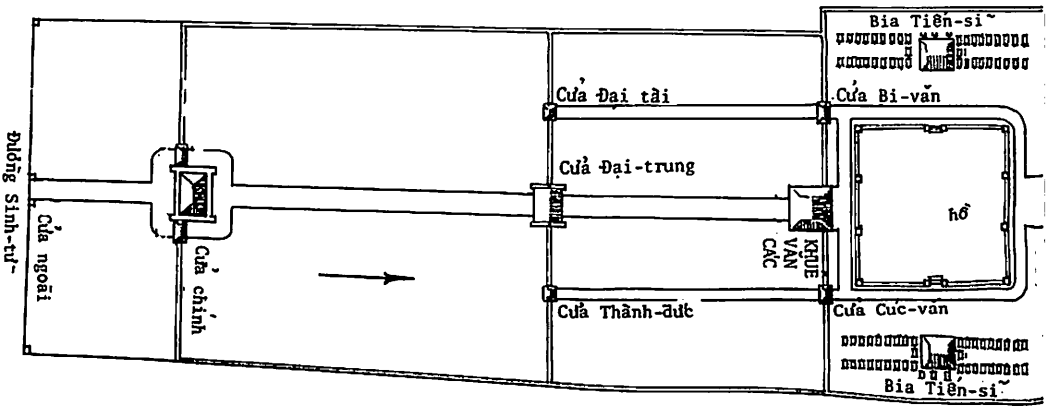

Cổng này xây bằng gạch, có hai tầng , có hai mái lợp ngói và trên nóc cũng như các góc mái đều có trang trí hình Rồng (Hình 324).

Sau cửa chính này là một sân rộng,có 3 cửa đi vào một sân khác.3 cửa này có cửa ở giữa lớn mang tên là Đại-trung. Hai cửa hai bên gọi là Đại-tài và Thành-đức.

Sau sân thứ hai là Khuê-văn-các.

Đây cũng là một cổng lớn, bên dưới xây 4 cột bằng gạch hình vuông.Trên 4 cột này là một gác bằng gỗ,4 phía có 4 cửa sổ tròn.Gác này cũng có hai mái lợp ngói và có Rồng chầu mặt nguyệt ở trên nóc (Hình 325).

Hai bên Khuê-văn các còn có 2 cửa Bi-văn và Cúc văn cùng để đi vào sân bia.

Hình 323 : Sơ-đồ Văn-miếu Hà-nội .

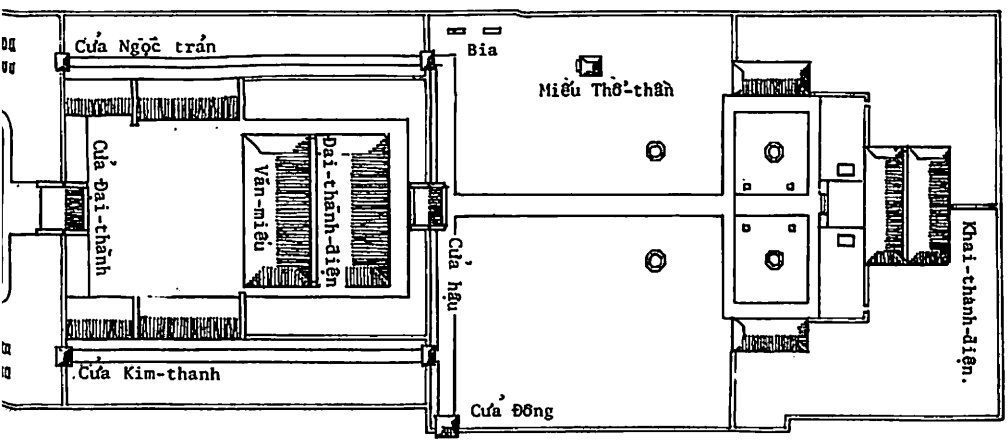

Sân bia là một khu khá rộng, ở giữa là một hồ nước lớn, chung quanh hồ có hàng lan-can chạy.

Hai bên cạnh, sát với bờ tường phía Đông và phía Tây có hai ngôi miếu nhỏ. Hai bên các ngôi miếu này là 2 hàng bia Tiến-sĩ, khắc bằng đá để trên các bệ tạc hình rùa (Hình 326).

Sau sân bia là Khu Văn-miếu chính-điện.
Khu này có 3 cửa ra vào. Cửa chính là cửa Đại-thành ở giữa. Hai cửa hai bên là cửa Ngọc-trản và cửa Kim-thanh.

Kiến-trúc chính của khu này là Văn-miếu ở phía trước và Đại-thành điện ở phía sau, thờ Đức Khổng-tử và Chu-công

Trước điện là một sân rộng, 2 bên sân là hai dãy đền thờ 72 vị tiên hiền (các học-trò giỏi của Khổng-tử).

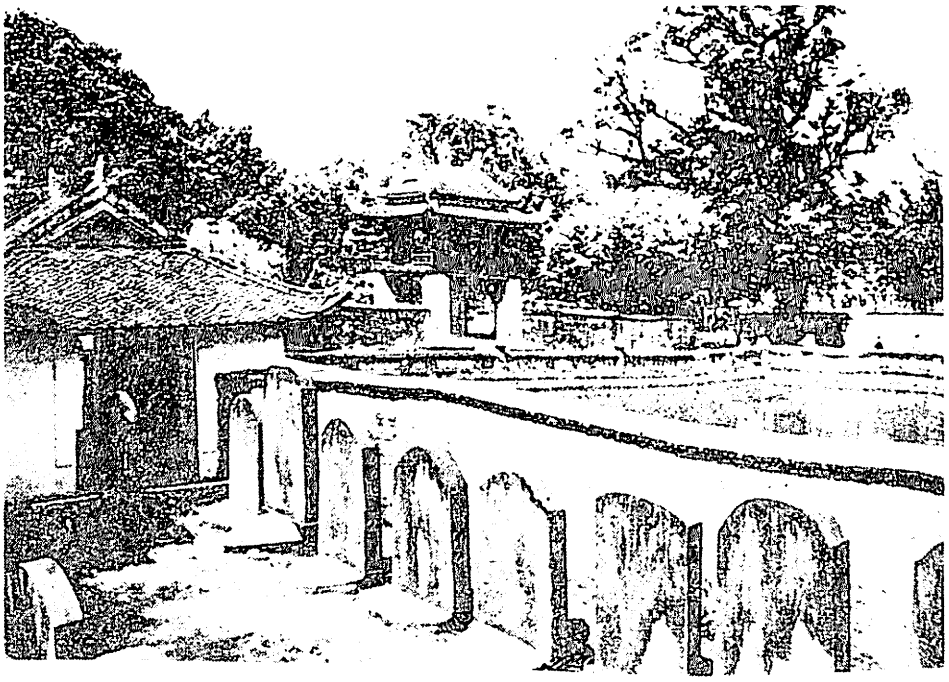

Hình 326 : Hồ nước, miếu thờ và Bia Tiến-sĩ

Văn-miếu và điện Đại-thành là hai dãy nhà dài bằng nhau, mỗi dãy có 5 gian hai chái, xây cất theo kiểu các đình lớn ở xứ ta.

Các điện này đều có mái lợp ngói, hơi cong. Trên nóc và các góc mái đều có hình Rồng (Hình 327.

Sau Văn-miếu có một cửa hậu đi vào Khu Quốc-tử-giám. Khu này phía trước có một sân rộng, có miếu thờ Thổ-thần và 4 cái nghiên mực bằng đá tượng-trưng cho sự học-hành.

Kiến-trúc chính của khu này là điện Khai-thành. Điện này gồm 2 dãy nhà 3 gian hai chái cất liền với nhau thành một lớp học rộng để làm chỗ giảng sách.

Hai bên sân ở phía trước điện này có hai nhà ngang dùng làm chỗ ở cho nhân-viên trông coi trường.

Quốc-tử-giám ngoài cửa mở về phía Văn-miếu còn có một cửa nhỏ mở về phía Đông để học-trò ra vào gần hơn.

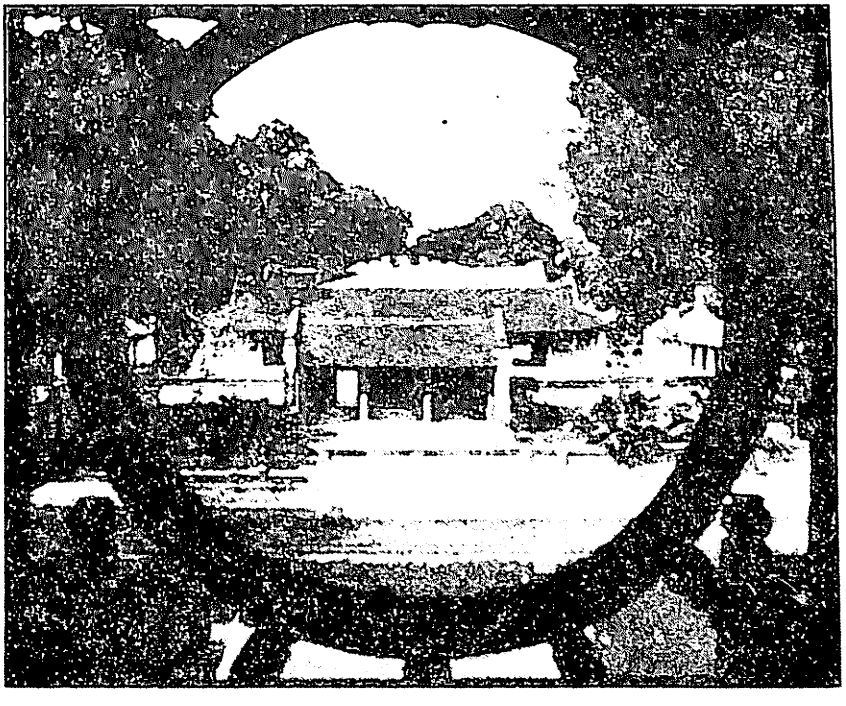

Hình 327 : Tứ Khuê-văn-các nhìn vào cửa Đại-thành và Văn-miếu.

CHÙA , THÁP.

Với sự nhập-cảng các vật-liệu mới như xi-măng, bê-tông cốt sắt, các chùa tháp đời Nguyễn đã có một lối kiến-trúc hơi khác.

Các cổng chùa nhiều nơi không còn dùng lối tam-quan thấp nữa mà dùng 4 cột vuông cao trên đỉnh có hình cá hóa long hay con sâu (một biến dạng của kỳ-lân) (Hình 328)

Các cột thường cũng làm cao hơn nhờ các tường chung quanh vững hơn (Hình 329).

Do đó trông các chùa có vẻ khang-trang hơn.

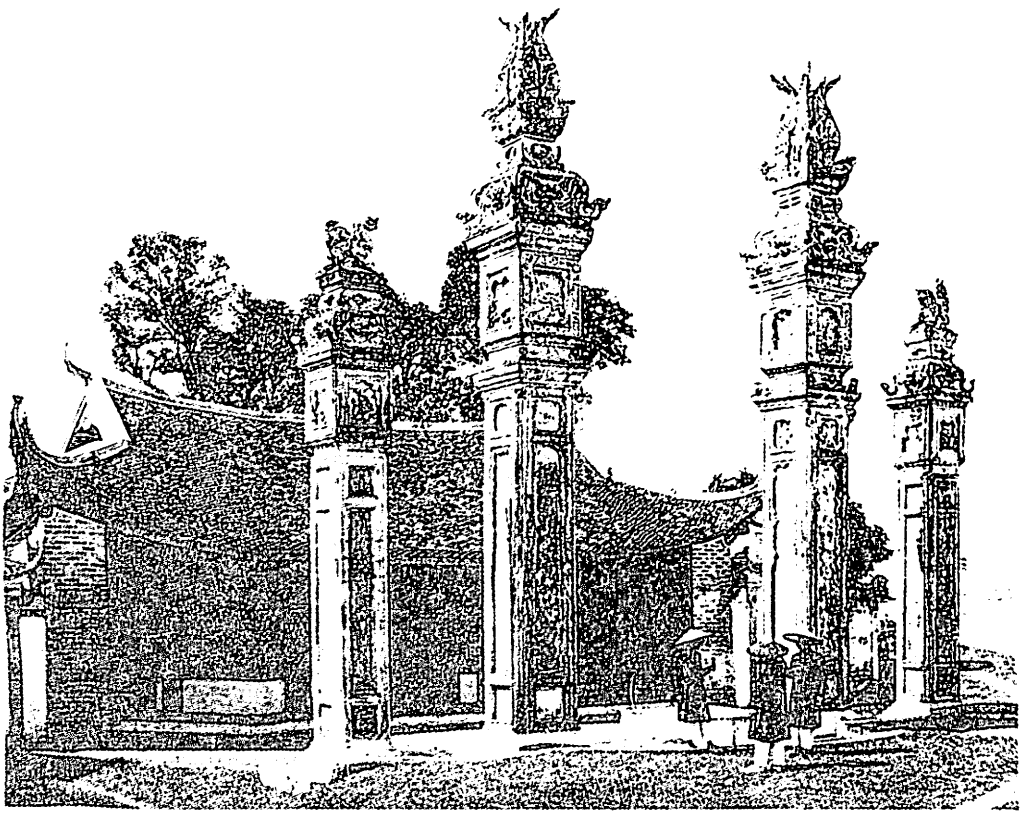

Hình 328 : Một Cổng chùa kiểu 4 cột .

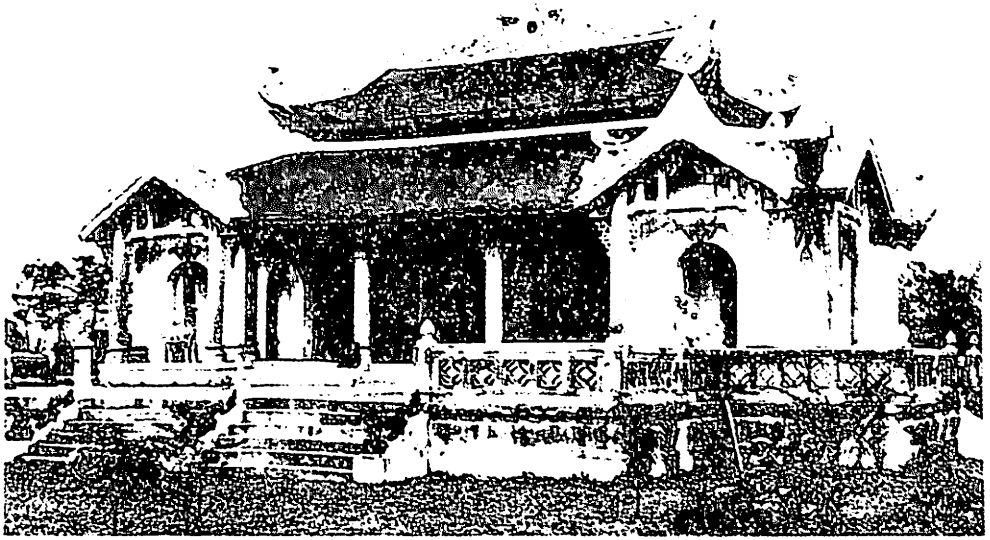

Hình 329 : Chùa Hoàng-gia ở Thái-nguyên.

Ngôi chùa điển-hình của Kiến-trúc tôn-giáo Huế là chùa Tân-phước ở ngã ba sông Hương và sông Ba-trúc (Đông-Bắc thành Huế).

Chùa này xây cất theo kiểu nhà miền Nam với tường xây cao, mái dốc thoải lợp ngói âm-dương. Trên nóc chùa có tạc hình 2 Rồng chầu mặt nguyệt. Ở mỗi góc mái có gắn một hình mặt trăng lưỡi liềm có phượng chầu thêm những trang-trí kỷ hà.

Chung quanh chùa có xây tường cao 2m, phía trước có tới 5 cửa ra vào làm theo 3 kiểu khác nhau. Cửa giữa là cửa chính làm theo hình bình-phong có 2 mái gia. Trên nóc có trang-trí hình sóng nước và hình kỷ-hà. Hai cửa hai bên là hai cửa thường dùng hàng ngày xây lối cửa cuốn, có 2 cột 2 bên. Trên nóc có trạm hình cây thông và bông hoa trông tựa như hoa Lys (Hình 330).

Chùa Thiên-Mụ xây cất trên bờ sông Hương, trên đỉnh một ngọn đồi thấp. Trước cửa chùa có một ngọn tháp hình bát-giác, 6 tầng. Mỗi tầng có một mái nhỏ chìa ra và mỗi mặt lại có một cửa cuốn khá lớn. Trên cùng là một mái nhỏ

8 cạnh .Chính giữa mái này có trang-trí một hình nậm rượu có mũi nhọn ở trên (Hình 331).

Ở chùa Cổ-lễ (Bắc-Việt) cũng có một ngôi tháp kiến trúc tương-tự nhưng cao hơn (12 tầng). Tầng thứ nhất của tháp này có 2 mái nhỏ và có một lan-can chạy quanh. Ở mỗi góc, suốt từ dưới lên trên đều có trang-trí hình sấu đá. Các tầng trên đều có lan-can gia hình Hoa-sen.Đỉnh tháp là 2 mái, một hình bát-giác và một hình bán cầu. Cả hai đều có những lỗ thông hơi hình tròn (Hình 332).

NHÀ THỜ PHÁT-DIỆM.

Nhà thờ Phát-diệm do Linh-mục Sáu xây cất năm 1871. Đây là một nhà thờ xây-cất theo kiểu Việt-nam với những gác chuông có hai mái cong rất đẹp. Nhà thờ Phát-diệm là một nhà thờ rất lớn, có thể chứa được trên 1000 tín-đồ. Phía trước nhà thờ có 5 cửa ra vào: 3 cửa ở giữa cuốn vòm 2 cửa bên ngoài hình chữ nhật.Ở đầu và cuối nhà thờ có 6 gác chuông. 2 gác chuông chính giữa có hai mái lớn, góc cong. Trên đỉnh có gắn một đấu thánh giá lớn.Bốn góc có 4 gác chuông nhỏ.Trên nóc các mái này có 4 tượng lớn (Hình 333).

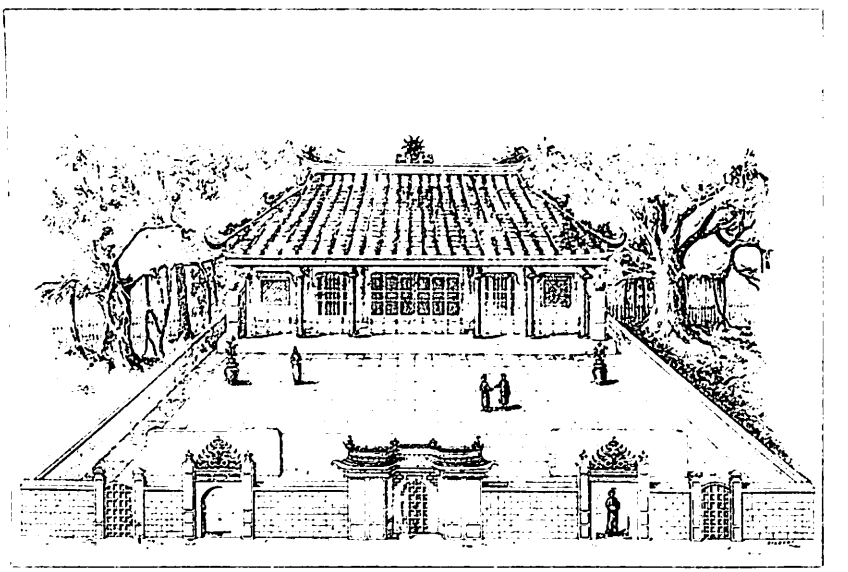

Hình 330 : Chùa Tân-phước ở gần Huế (Hình do J L DUTREUIL DE RHINS vẽ năm 1876)

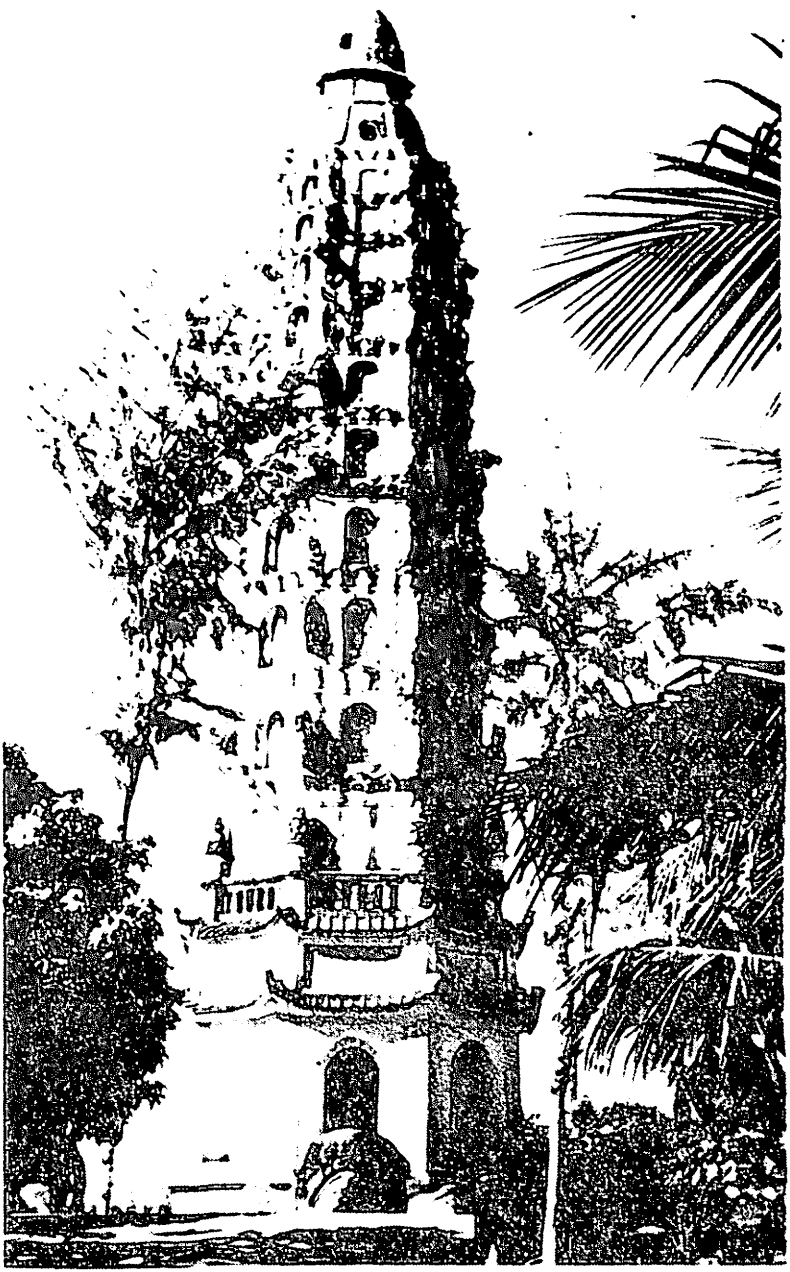

Hình 332 : Tháp chùa Cổ-lễ (Bắc-Việt).

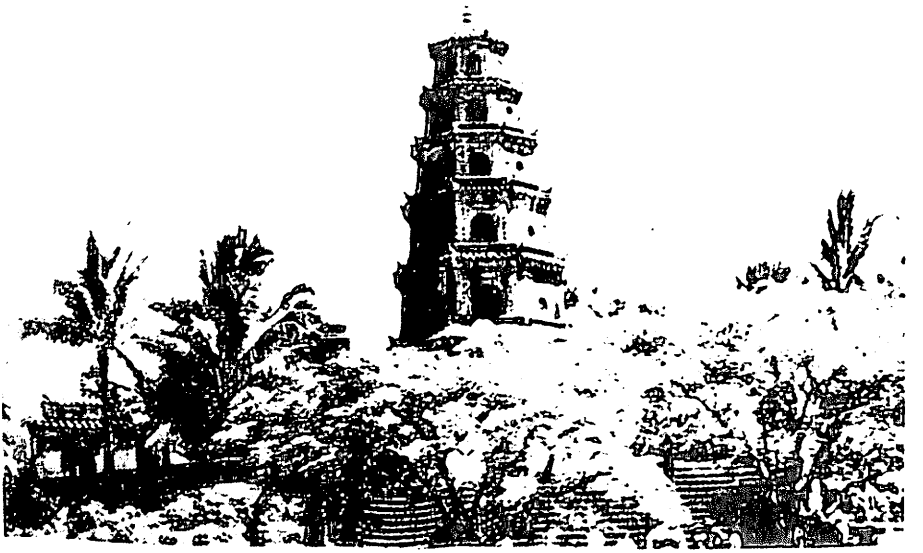

Hình 331 : Tháp chùa Linh-mụ ở Huế.

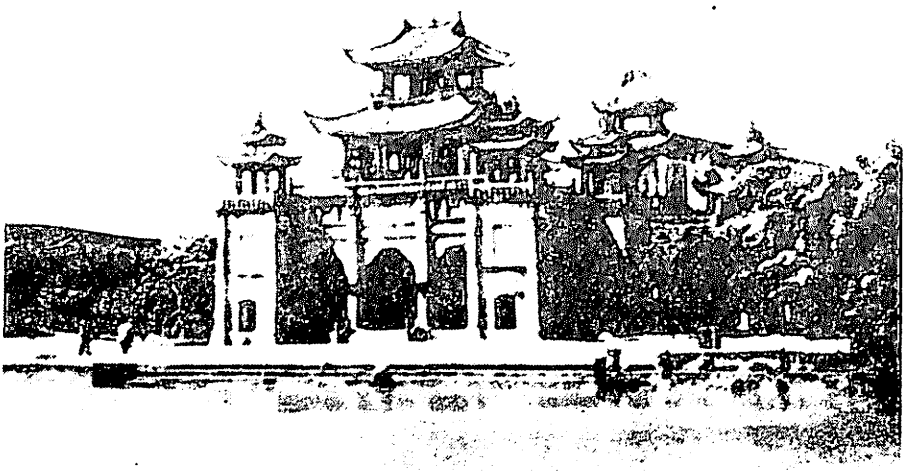

Hình 333 : Nhà thờ Phát-diệm .

Kiến-trúc dân-gian

Trong dân-gian , các nhà giầu có thường làm nhà bằng gỗ,mái lợp ngói chung-quanh xây tường.

Kiến-trúc nhà gạch thường có 2 kiểu :

1. Kiểu nhà không chái, thường có 3 gian hay 5 gian. Cửa chỉ mở về một phía ,thường là hướng Nam,chung quanh xây kín,rất ít khi có cửa sổ.Trước cửa thường có một hàng hiên chạy dọc suốt mặt tiền. Tường xây ở 2 đầu lên đến tận mái. Phía sau tường xây lên đến xà dọc,mái phủ ra ngoài tường (Hình 334 a).

2. Kiểu nhà có chái thường là 3 gian 2 chái, chung quanh đều có hàng hiên. Cửa được mở ra cả phía trước lẫn phía sau. Tường được xây dọc theo các hàng cột từ đất lên đến xà dọc (Hình 334 b).

Cả hai loại nhà này đều lợp ngói phẳng. Trên nóc mái thường có xây vài lớp gạch để lên ngói để giữ cho ngói khỏi rơi ra.

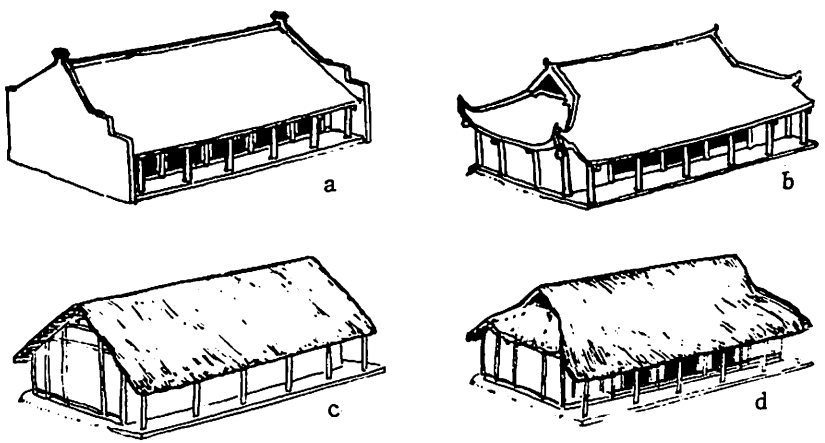

Hình 334 : Nhà dân gian ở Bắc-Việt (a. Nhà gạch không chái, b.Nhà gạch có chái,c. Nha tranh không chái, d. Nhà tranh có chái).

Nha tranh trong dân-gian thường làm bằng các vật liệu nhẹ, rẻ tiền như tre, nứa, gồ tạp.

Cấu-trúc cột kèo các nhà tranh có 2 lối :

Lối thứ nhất dùng 1 hàng cột cái và 2 hàng cột con nối lại với nhau bằng những xà ngang và xà dọc,trên gác những mè rui thường làm bằng những mảnh nứa nhỏ (H.335).

Mái nhà lợp bằng rạ, lá gồi,lá mía hay cỏ tranh.

Nhà cũng thường có 2 kiểu,kiểu nhà không chái và kiểu nhà có chái như nhà gạch nhưng kích-thước nhỏ hơn (Hình 334c và d).

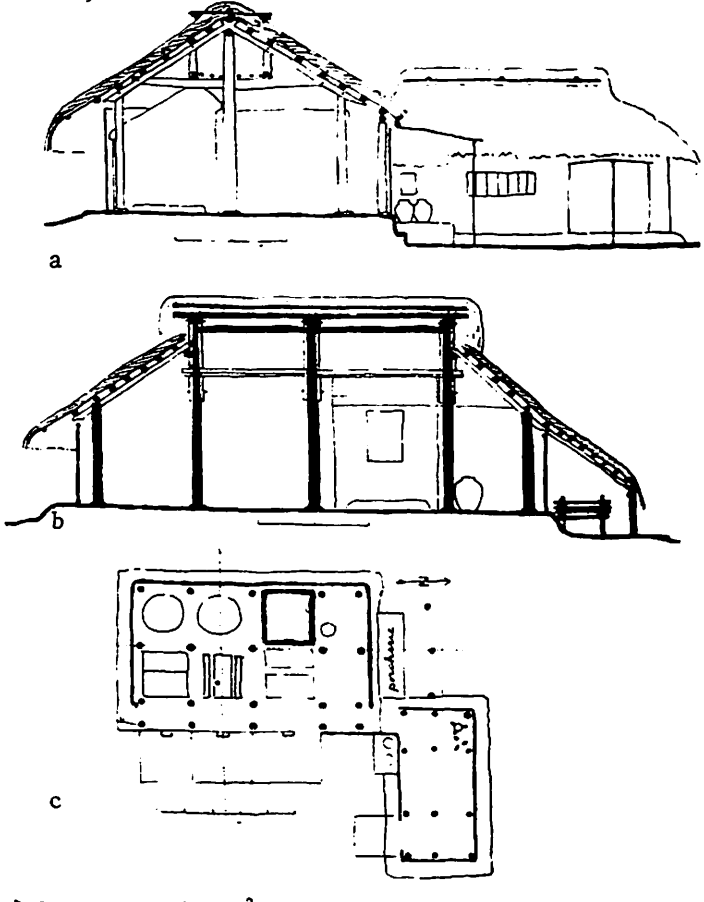

Hình 335 : Nhà kiểu một hàng cột cái ở Cửa Tùng (Quảng-trị).(a.nhà chính cắt ngang,b.cắt dọc. c. Nhà bố-trí kiểu chữ Đinh).

Hình 336 : Nhà dùng 2 hàng cột cái và hai mái chồng lên nhau ở Mỹ-hoà (Bình-định).

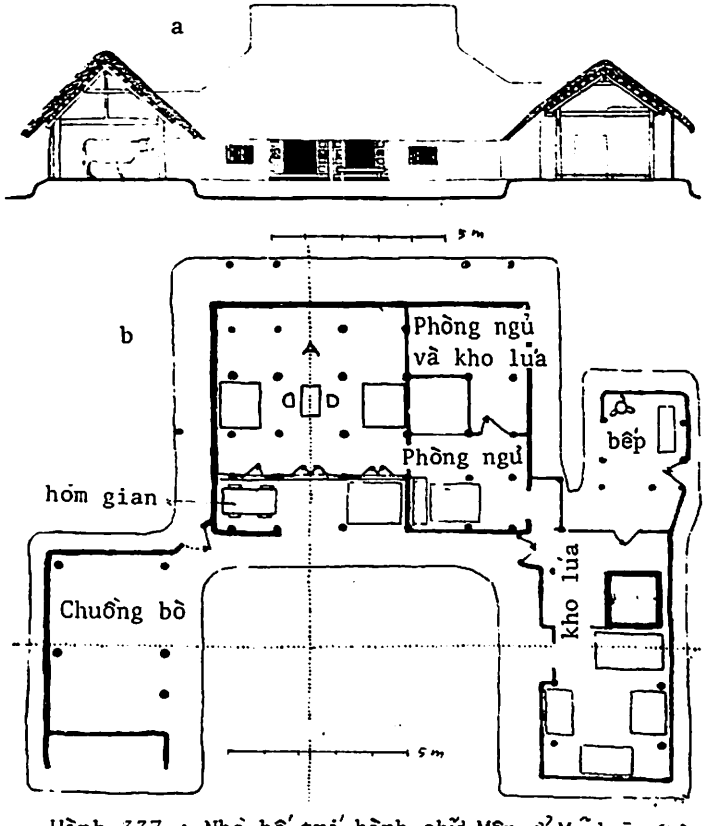

Hình 337 : Nhà bố-trí hình chữ Môn ở Mỹ-hoà (Bình-định) (a. Chính diện nhà chính ,cắt ngang chuồng bò và nhà chứa lúa b. Bình đồ).

Lối thứ hai dùng 2 hàng cột cái và hai hàng cột con. Giữa 2 cột cái có một xà ngang ngắn .Chính giữa xà ngang này là một trụ ngắn để đỡ chống nóc.

Đôi khi để chống lại các trận bão nhiệt-đới và để cho nhà được mát, người ta đã dùng 2 mái: Một mái chát đất sét và một mái lợp rạ hay cỏ tranh (Hình 336).

Cách bố-trí các nhà chính và nhà phụ cũng có nhiều kiểu :

Hoặc bố-trí hình chữ Đinh : Nhà chính nối với nhà bếp thành hình thước thợ,có một cửa thông từ nhà trên xuống bếp (Hình 335 c)

Hoặc bố-trí hình chữ môn : Nhà chính xếp với các nhà phụ thành hình chữ U (Hình 337).

Nghệ-thuật Đúc đồng

Từ Thế-kỷ XVII một người Bồ-đào-Nha tên là Jao da Cruz đã thiết-lập ở làng Thọ-đức,ngoại ô thành Huế,một lò đúc theo kiểu Tây-phương.Ông này với sự giúp sức của các thợ đúc Việt-nam đã đúc các súng lớn (Thần-công) cho chúa Nguyễn.Ngay nay làng này còn được gọi là Lò đúc.Sau này làng này tiếp-tục đúc các khí-giới, các dụng cụ trang-trí bằng đồng cho các vua nhà Nguyễn, các chuông cho các chùa. Các tác-phẩm còn tồn-tại như các vạc đồng ,đỉnh đồng,cổng chào, ở Kinh-thành Huế, ở các lăng tẩm của các vua nhà Nguyễn, chuông chùa Thiên-mụ v.v...

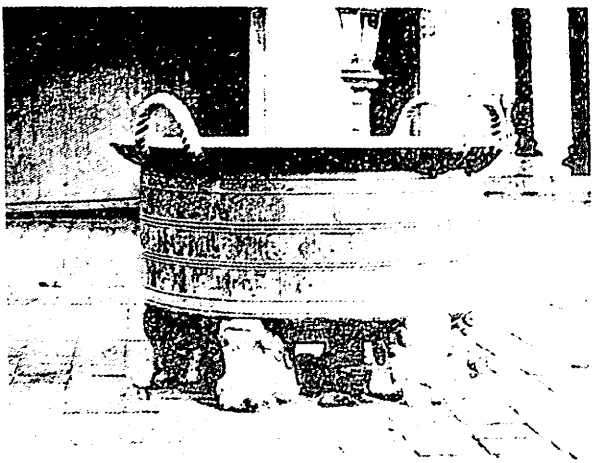

Hình 338 : Vạc đồng ở trước Điện Cần-chánh,Huế.

VẠC ĐỒNG.

Các vạc này được đúc từ đời Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), hiện nay còn 2 chiếc để ở trước điện Cần-chính và 1 chiếc để ở lăng Đồng-Khánh.

Vạc này trông giống như cái xanh lớn, đường kính 2,22 m và cao 1,84 m. Trên miệng vạc có 3 cái quai đúc hình bện thừng. Thân vạc chia thành nhiều ô hình chữ nhật chạy vòng quanh. Trong mỗi ô vuông lại có trạm các hình cây cỏ, hoa lá và thú vật rất mỹ-thuật (Hình 338).

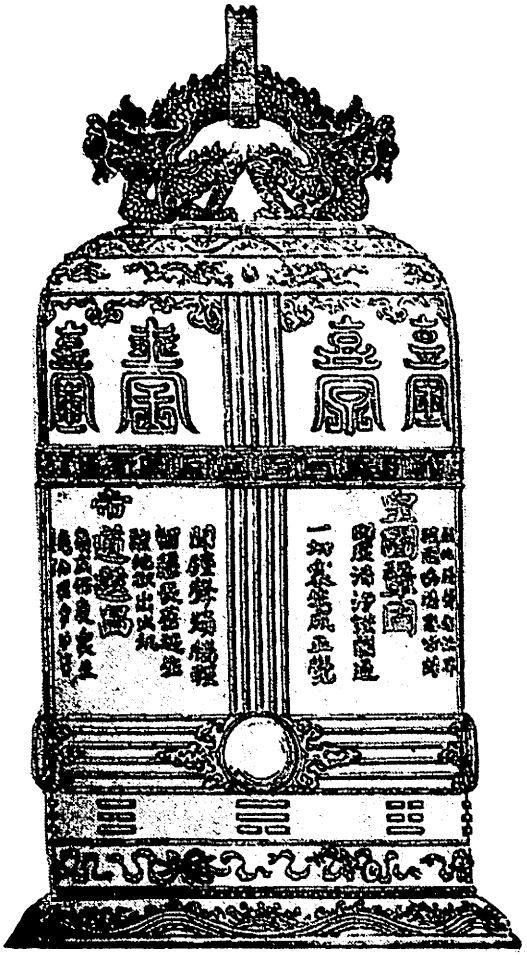

Hình 339 : Chuông Đại-hồng ở chùa Thiên-mụ, Huế.

CHUÔNG ĐẠI-HỒNG Ở CHÙA THIÊN-MỤ.

Chuông nầy do chúa Nguyễn Phúc-Chu (1691-1725) cho đúc để cúng chùa Thiên-mụ năm 1710. Chuông nặng trên 2000 kg, cao 2,50 m và đường kính 1,20 m. Chuông có một quai lớn đúc bằng đồng, trạm hình 2 con rồng.

Thân chuông trang-trí bằng nhiều vòng song song suốt từ quai xuống đáy chuông. Theo thứ-tự ta thấy :

1. Vòng trang-trí bằng hoa dây hình sin.
2. Vòng trang-trí 4 đôi rồng chầu mặt nguyệt.
3. 8 chữ Phúc lớn viết theo kiểu cổ tự chữ Hán.
4. Vòng trang-trí kỷ-hà.
5. Vòng thứ 5 khắc cả một bài thơ của chúa Nguyễn-Phúc Chu đại-ý viết : *Bánh xe luân-hồi quay mãi mãi...mưa thuận gió hòa ... nước thịnh dân yên... mọi sinh-vật mở mang trí tuệ ...*
6. Vòng thứ 6 trang-trí bằng những đường song song trên có 4 vòng cao lên để đánh chuông.
7. Vòng bát quái.
8. Vòng trang-trí hình bát bửu.
9. Vòng trang-trí hình sóng nước. (Hình 339).

Hình 340 : Đỉnh đồng ở Thế-miếu, Huế.

ĐỈNH ĐỒNG Ở THẾ-MIẾU.

Năm 1835, vua Minh-mạng cho đúc 9 cái đỉnh lớn để ở trước Thế-miếu để tượng-trưng cho sự vững-mạnh của triều-đại nhà Nguyễn. Đỉnh lớn nhất gọi là Cao-đỉnh để ghi công ơn của Gia-long Thế-tổ Cao-Hoàng-Đế.

Đỉnh này cao 2,02 m, đường kính 1,61 m , nặng độ 2600 kg.

Các đỉnh khác tương-đối nhỏ hơn để tỏ lòng tôn-kính vị vua Sáng-lập ra triều-đại nhà Nguyễn.

Trên các đỉnh này có nhiều hình trang-trí khắc núi, sông cây-cỏ, thú-vật, mây nước, sấm sét, vũ-trụ và cả những tàu bè, khí giới đang dùng ở trong nước.

Đây là một tác-phẩm có thể ghi lại muôn đời những sinh hoạt thiên-nhiên cũng như các công-trình của con người đã tạo ra trong thời-kỳ đó (Hình 340).

Hình 341 : Súng Thần-công trong Kinh-thành Huế.

SÚNG THẦN-CÔNG Ở KINH-THÀNH HUẾ.

Các khẩu súng này được đúc trong đời Gia-long (1802-1820) bằng các vật-liệu bằng đồng đã thu được ở thành Phú-xuân. Hiện nay các khẩu Thần-công này còn được để ở trong thành Huế.

Súng này dài đến 5,10 m, đường kính chỗ rộng nhất lên đến 2,6 m, đường kính nòng 0,22 m. Trên súng có trang-trí bằng những vòng và những riềm có vân chung quanh.

Súng này đã được nhà vua phong Tước Thần-oai Võ-địch Thượng-Tướng-Quân năm 1816 và 9 khẩu mỗi khẩu có một tên: Xuân, Hạ, Thu, Đông, Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ (Hình 341).

Hình 342 : Bình hường bằng đồng ở Huế.

Ngoài các công-trình đúc đồng lớn trên, người ta còn thấy rất nhiều các dụng-cụ bằng đồng đúc trong thời-kỳ này còn tàng-trữ ở Huế, Hà-nội rất đẹp. Phần lớn các dụng-cụ còn tồn-tại là những đồ thờ như bình hương , chậu đồng có chân v.v... (Hình 342, 343).

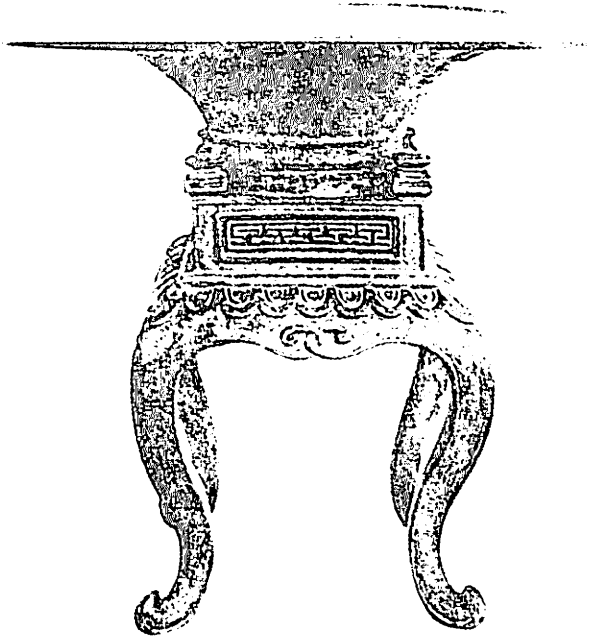

Hình 343 : Chậu tế có chân bằng đồng ở Văn-miếu Hà-nội.

Tượng đồng đúc dưới đời nhà Nguyễn có tượng thần Trấn vũ ở đền Quan-thánh Hà-nội. Tượng này tạc vị thần ngồi, tay trái đang dơ một ngón trỏ lên như đang làm phép, tay phải tỳ vào thanh-kiếm chung quanh có quấn con rắn và dựa trên một con rùa.

Tượng nặng đến trên 300 kg, cao 3 m do vua Thiệu-trị cho tạc để cúng cho đền này.

Đặc-biệt là tượng được hun đen (đồng đen) và được mặc áo kiểu nhà sư nên chúng ta không thể nghiên-cứu được

những chi-tiết trên thân tượng (Hình 344).

Hình 344 : Tượng thần Trấn-vũ ở đền Quan-thánh, Hà-nội.

Điêu-khắc

Các tượng đá được tạc trong đời nhà Nguyễn khá nhiều nhưng phần lớn đều theo một kiểu như voi đá, ngựa đá, quan văn, quan võ v.v...

Các tượng tướng-đối khá là những tượng ta đã thấy trong lăng Đồng-khánh (Hình 321 trang 313) nhưng các tượng ở lăng Hoàng-Cao-Khải ở Thái-hà ấp thì còn rất ấu-trĩ về phương-diện Mỹ-thuật : Thân hình ngựa không cân xứng với chân ngựa, chân ngựa thẳng đuỗn như các khúc gỗ.

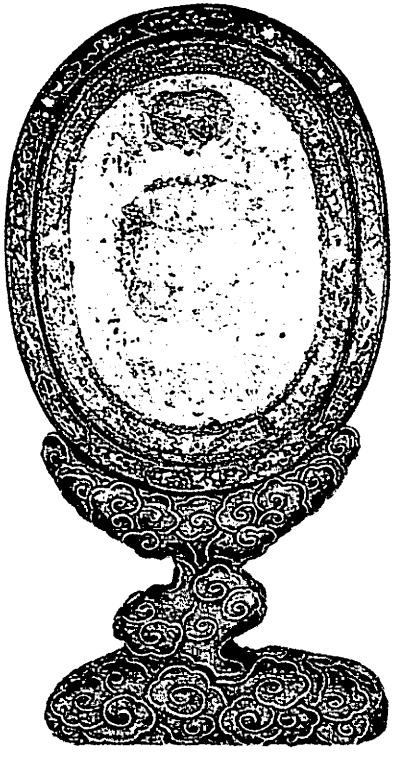

Hình 345 : Giá để hình bằng đồ gốm Huế.

ĐỒ SỨ MÀU LAM HUẾ.

Năm 1810, vua Gia-long cho thiết-lập trên đồi Long-thọ một lò làm đồ gốm và gạch men để cung ứng cho nhu-cầu của Kinh-thành. Lò này đón 3 người Tàu ở Quảng-châu sang làm cố-vấn cho các thợ Việt-nam trong nghề này.

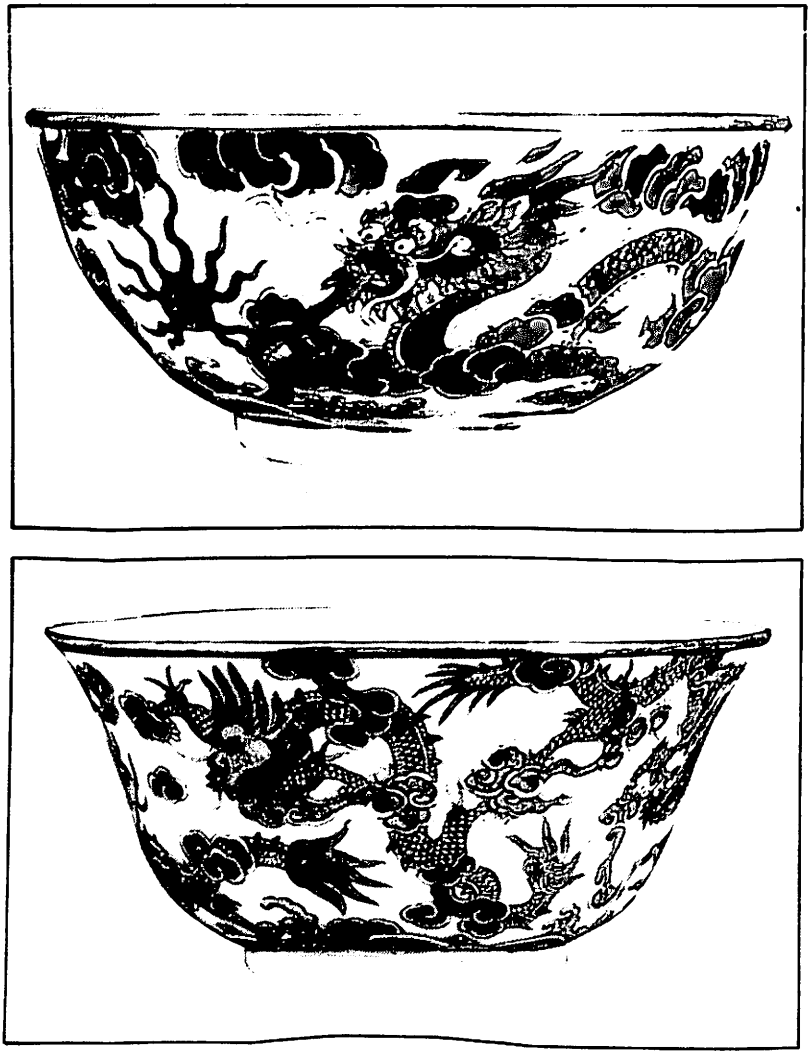

Hình 346 : Đồ sứ màu lam Huế :Bát con Rồng.(M.Guimet)

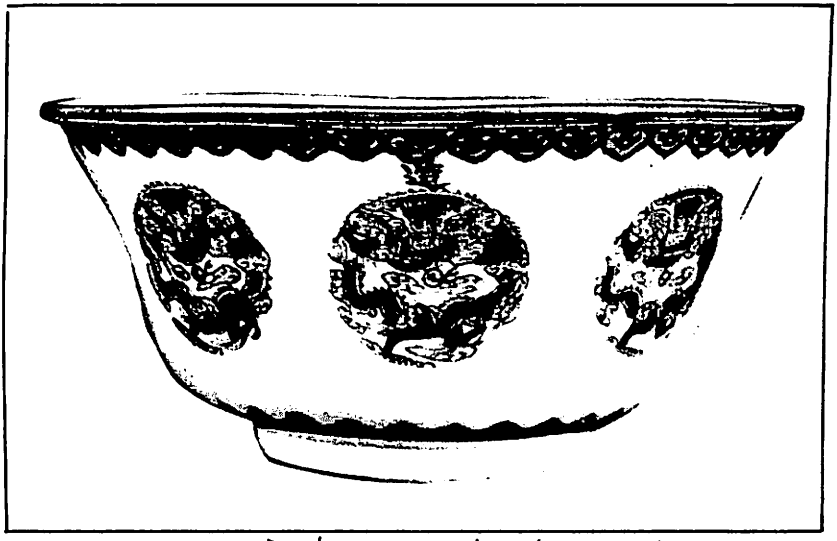

Hình 347 : Đồ sứ màu Lam Huế : Bát con Rồng (M. Guimet)

Song lò gốm này chỉ chế-tạo được các đồ sứ hạng thường các loại gạch, ngói tráng men ,các đồ trang-trí cho việc kiến-trúc cung-điện mà thôi (Hình 345).

Hình 348 : Đồ sứ màu Lam Huế : Bát Tứ linh.(M.Guimet)

Hình 349 : Đồ sứ mầu lam Huế : Đĩa con Rồng (M.Guimet)

Các đồ sứ còn tàng-trữ tại Kinh-thành Huế thường là những đồ đặt làm ở Cảnh-đức-trấn ,Giang-tây,Trung-quốc, theo những kiểu của Triều-đình đặt.

Các đồ sứ này còn thấy dưới nhiều hình-thức như độc-bình, song bình, đôn sứ, thống sứ,các dụng cụ như bát, đĩa, tách trà, bình trà,điếu hút thuốc v.v...

Các đồ này cơ ghi tên các đời vua Như Minh-mạng,Thiệu trị, Tự-đức,hay cơ viết chữ Nội-vụ (Cơ-quan lo việc hầu hạ ở trong triều) hay Đông-cung (cung điện của Hoàng Thái-tử).Cơ đồ còn mang tên nhà sản-xuất như Ngoạn-ngọc, Mỹ-trọng.

Các đồ sứ này thường trang-trí bằng các hình Rồng, Phượng, Kỳ-lân.

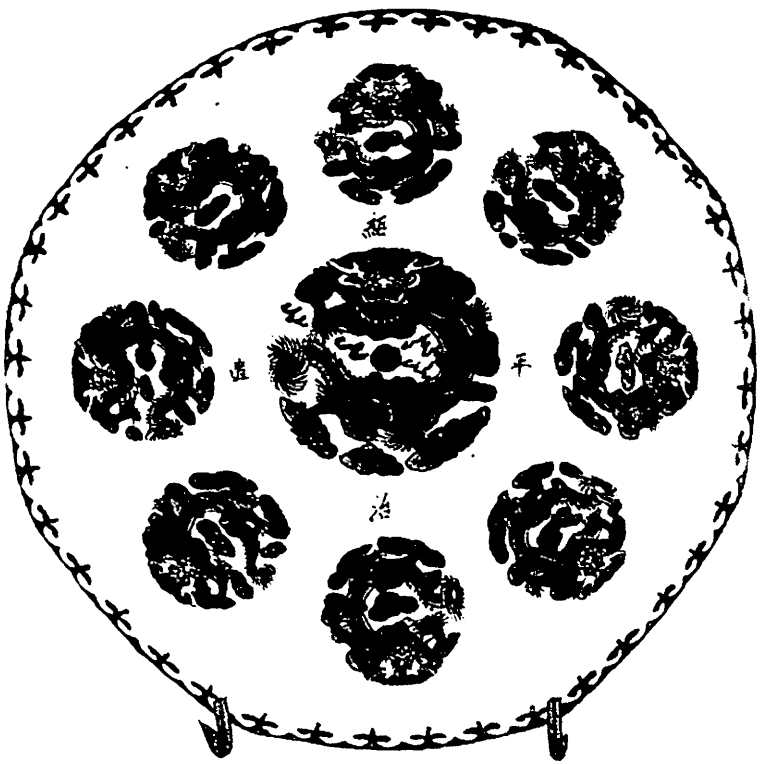

Hình 350 : Đĩa Cửu-long màu lam Huế (M.Guimet)

Đặc-biệt có một vài loại đĩa có vẽ theo các chủ-đề hay các truyện-tích như đĩa Gia-long tẩu-quốc, Đĩa Mai-Hạc, Đĩa Sơn-thủy-v.v...

Đĩa Gia-long tẩu-quốc vẽ hình vua Gia-long khi phải dùng thuyền chạy sang Thái-lan.

Đĩa Mai-Hạc vẽ hình con hạc đứng dưới cành mai, bên cạnh có ghi 2 câu thơ viết bằng chữ Nôm :

Nghêu-ngao vui thú yên-hà ,
Mai là bạn cũ, Hạc là người quen.

Ở viện Bảo-tàng Hà-nội còn có một âm tích vẽ hình Mai-Hạc tương-tự như đĩa trên nhưng nét vẽ không được đẹp lắm.

Hình 351 : Đồ sứ màu Lam Huế : bình đựng bút.
(M.Guimet)

Đĩa Sơn-Thủy vẽ cảnh 2 ngọn núi trên hai hòn đảo ,có một cây cầu nối với nhau. Tất cả nằm trong một vịnh nhỏ trên có một con thuyền có hai người đang chèo với một vẻ rất khoan-thai. Đĩa này có đề 8 câu thơ nôm :

Một thức nước in trời.
Đồ ai lửng-lơ khơi,
Non xanh xem với vợi,
Dòng biếc thấy vơi vơi.
Đằng Khứ thương lang gửi
Ưu tình lữ-khách chơi
Mong cho yên sóng gió,
Qua lại mặc người đơi.

Hình 352 : Đĩa con chim : Đồ sứ đời Nguyễn.

Các đĩa Mai Hạc, Sơn-thủy trên chắc chắn do các thương-dân hay các nhà nho thích ẩn-dật đặt làm chứ khẩu-khí trong các bài thơ trên không thể do Triều-đình hay các vị quan làm ra được.

DHình 353 : Đồ sứ Việt-nam : Đĩa điểu trúc.

Trong khi ấy ở Thổ-hà (Bắc-ninh), Bát-tràng vẫn còn sản-xuất các đồ sứ. Ở Mao-khê (Đông-triều) cũng có lò làm đồ sứ nhưng không đẹp bằng đồ sứ làm tại 2 làng trên.

Đồ sứ sản-xuất tại Việt-nam cũng dùng men màu trắng, vẽ các hình màu xanh nhưng cả màu trắng lẫn màu xanh không được trong và đẹp như men và màu của đồ-sứ Giang-tây.

Tuy nhiên các đồ này mang những nét vẽ đặc biệt Việt nam như các hình trang trí hoa, lá, chim cá v.v...

Hình 354 : Đồ sứ Việt-nam :Đĩa con cá.

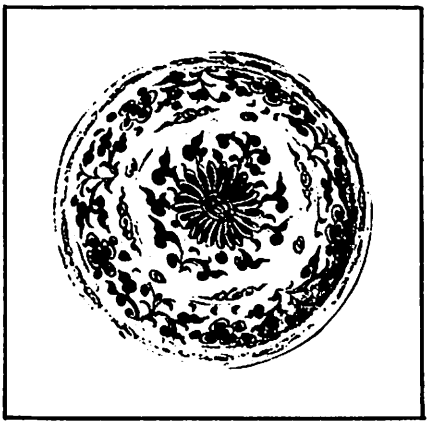

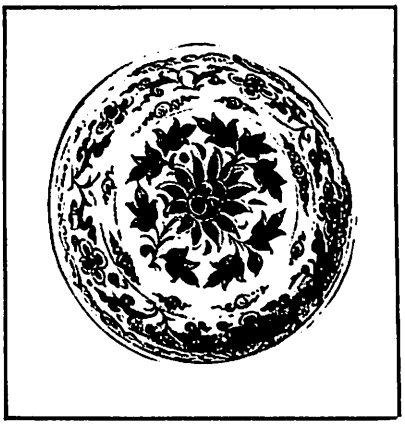

Hình 355 : Đồ sứ Việt-nam : Đĩa hoa cúc.

Hội-họa

Hội-họa đời Nguyễn tiếp-tục phát-triển theo đà tiến của văn-hóa dân-tộc. Các họa-sĩ Việt-nam thường vẽ trên giấy và trên lụa đủ các loại tranh như Sơn-thủy, Chân-dung, Tứ-bình, Truyện-tích , tôn-giáo v.v...

Hình 356 : Tranh chân-dung cụ Phan-Thanh-Giản.

Tranh Sơn-thủy thường bắt-chước theo các tranh Thủy-mạc của Tầu, tranh thường vẽ núi, vẽ biển, có cây thông, cây liễu, có ngư ông ngồi trên thuyền câu cá, có ông Tiều gánh củi ở trên núi v.v...

Tranh chân dung được coi là một loại tranh khá thịnh hành vì các nhà khá giả đều vẽ tranh để thờ.

Tranh chân-dung đời Nguyễn một số vẫn còn giữ lối vẽ truyền-thần cổ-truyền của xứ ta, vẽ người đủ cả tứng ngón chân, ngón tay.

Trong bức chân-dung cụ Phan-Thanh-Giản tác-giả đã vẽ rất tỉ-mỉ hình cụ mặc triều-phục, đội mũ cánh chuồn ngồi hai tay để trên đầu gối.

Bức chân-dung này đã diễn-tả được những nét thông-minh, quắc-thước của một vị lão-thần đời nhà Nguyễn (Hình 356).

Sau này khi ảnh-hưởng người Pháp đã mạnh ở Việt-nam, các họa-sĩ đã bỏ được thói quen này và người ta đã thấy các bức tranh chân dung bán thân. Bức chân-dung Vua Khải định để thờ ở Lăng Khải-định là một thí-dụ điển-hình (Hình 322 trang 314).

Tranh tứ-bình là một loại tranh phổ-thông nhất ở xứ ta. Tranh được vẽ trên giấy hay trên lụa, theo khổ dài như câu đối, với 4 tấm vẽ cùng một chủ-đề.

Thường thường người ta vẽ 4 mùa Xuân-Hạ-Thu-Đông tượng-trưng bằng các loại cây-cỏ, cầm thú điển-hình của mùa đó.

Thí-dụ mùa Xuân với bụi trúc có măng mọc, với cành mai đầy hoa nở, có những con chim én đùa thoi. Mùa Hạ vẽ cây Tùng, dưới gốc có hoa thược-dược, có con nai đớm, trên không có đôi chim khuyên đang đùa với nhau. Mùa Thu vẽ Hoa Cúc, hoa mẫu đơn lẫn với vài tàu lá chuối trên đó có đôi chào mào đậu. Mùa Đông vẽ cành đào, dưới có cây hoa hồng, trên cành có đôi chim sáo (Hình 357).

Tranh Truyện-tích dựa vào những truyện cổ hay những truyện đang được phổ-thông thời này mà vẽ nên tranh.

Về đời nhà Nguyễn, Truyện Kiều đang được phổ-biến rộng-rãi nên tranh Truyện Kiều cũng được nhiều họa sĩ vẽ hay khắc trên gỗ để in ra.

Bộ tranh Truyện-Kiều gồm 4 bức sau đây được coi là bộ tranh vẽ đẹp.

a b

Hình 357 : Tranh Tứ-bình Xuân,Hạ,Thu,Đông (a,b: Xuân-Hạ)

Hình 357 : Tranh Tứ-bình Xuân,Hạ,Thu,Đông (c,d:Thu,Đông)

a1

b1

a2

b2

Hình 358 : Tranh truyện Kiều (a1: Vưởng-quan quen mặt ra chào, Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa .a2.Rằng nghe nổi tiếng cầm đài, Nước non luống những lắng tai Chung-Kỳ.) (b1. Đoạn trường thay lúc phân-kỳ, Vó câu khấp-khểnh, bánh xe gập-ghềnh) (b2. Nhận ngùng nuốt tủi đứng ra, Tiểu-thư đâu đã rẽ hoa tiến vào.)

c1

d1

c2

d2

Hình 358 : Tranh truyện Kiều (c1. Đội-trời đạp đất ở đời, Họ Từ tên Hải vốn người Việt-Đông) (c2.Hoạn-thư hồn lạc, phách xiêu, Khấu đầu dưới trướng lựa điều kêu ca), (d1.Kim thi cải nhâm Nam-bình.Chàng Vương cũng cải nhậm thành Phú-dương) (d2. Tỉnh xưa lại-láng khôn hàn Thong dong lại hỏi ngọn đàn ngày xưa).

Bộ tranh Truyện Kiều có 4 bức nhưng mỗi bức vẽ 2 cảnh theo thứ tự như sau :

Tranh thứ nhất, bên trên vẽ lúc hai Kiều và Vương-Quan đi chơi xuân, gặp Kim-trọng.Cảnh này có ghi câu chữ Hán : *Phùng cố-hữu xuân nhật đàm đạo (gặp bạn cũ ngày xuân nói chuyện)*,bên dưới vẽ cảnh Kiều gảy đàn cho Kim-trọng nghe, với câu chú-thích *Ngộ tri-âm thư-viện cổ-cầm (Gặp tri-âm đánh đàn nơi Thư-viện)*.

Tranh thứ hai ,bên trên vẽ lúc Kiều bán mình, theo Mã-giám-Sinh về Lâm-tri , với câu chú-thích chữ Hán : *Hồi Lâm-tri vọng thân vi hiếu (Vì hiếu bán mình về Lâm tri)*.Bên dưới vẽ cảnh Hoạn-thư bắt được Thúc-sinh lén đến gặp Thúy-kiều ở Quan-âm-các.

Tranh thứ Ba bên trên vẽ Từ-Hải cầu hôn Thúy-kiều,với câu chú-thích : *Hậu thanh-lâu Từ-Hải cầu hôn*.Bên dưới vẽ cảnh Kiều báo ân báo oán, với câu chú-thích :*Tiền quan-quân sĩ Thúy-Kiều báo oán (Trước mặt quân-sĩ Thúy-Kiều báo oán)*.

Tranh thứ tư ,bên trên vẽ Vương Quan và Kim-trọng cùng thi đỗ, cùng đi nhậm chức 1 ngày , với câu chú-thích : *Vương Kim Phụng chỉ Huynh-đệ đồng phó nhậm (Vâng lệnh vua hai anh em cùng nhận chức)*.

Bên dưới vẽ cảnh Kim-Kiều tái hợp với câu chú-thích : *Tái hồi phu phụ đại đoàn viên* (Hình 358)

Tranh tôn-giáo thường trưng-bày trong các chùa, đền hoặc các nhà thờ.

Tranh thường thấy trưng bầy trong chùa là các tranh Phật hay các đệ-tử nhà Phật như Phật bà Quan âm, Mục-liên. (Hình 359).

Ở các chùa còn thấy trưng-bầy các tranh vẽ các cảnh dưới địa-ngục để giáo-dục con người làm điều lành, tránh điều ác.Thường thường là các cảnh tra tấn,cho chó ngao cắn, đi cầu vồng, cưa người v.v.. (Hình 360).

Ở các đền lên đồng thường có các tranh Ngọc-hoàng, Thánh-mẫu thượng ngàn, tranh tứ-phủ v.v...

Tranh Ngọc-Hoàng Thượng-Đế , vị Chúa-tể của Vũ-trụ , vẽ vị Thần tay cầm hốt ngọc,ngồi trên ngai,hai bên có 2 vị Nam-tào và Bắc-đẩu đứng hầu (Hình 361).

Hình 359 : Tranh cổ vẽ Phật Quan-âm và Mục-liên.

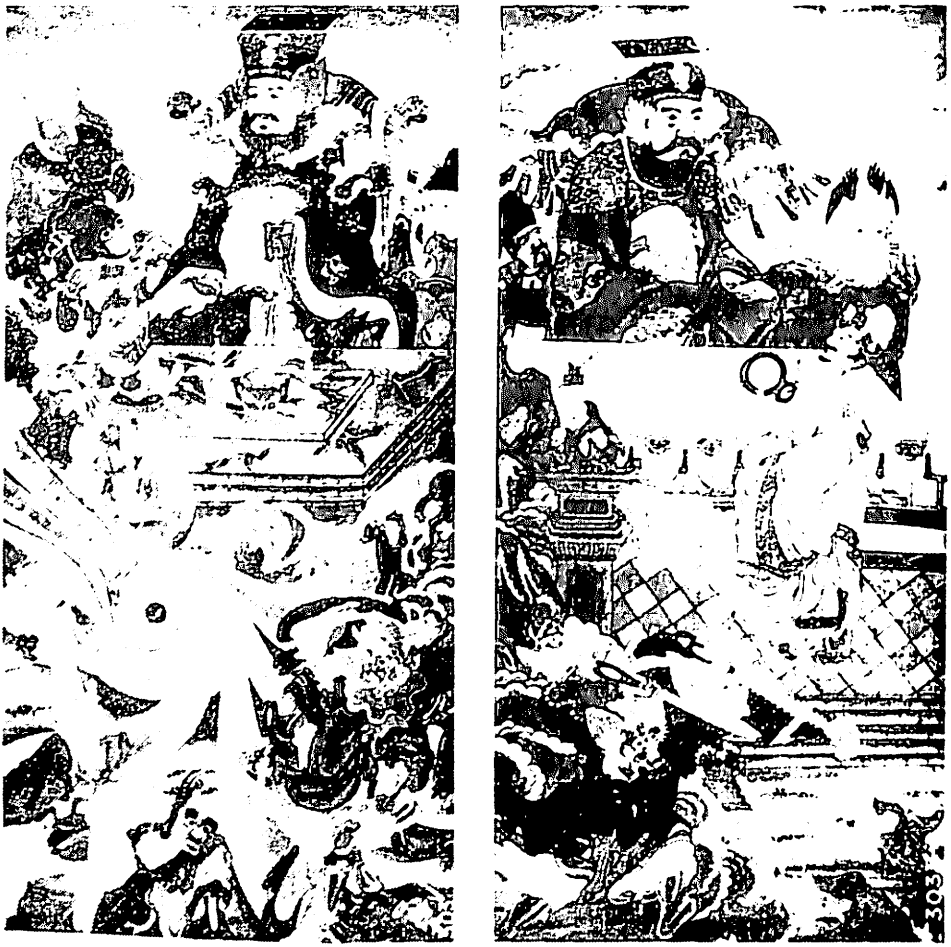

a b

Hình 360 : Địa ngục (a. Đi cầu vồng. b. Cưa người).

c

d

Hình 360 : Địa-ngục (a. Chó ngao cắn d. Bỏ vạc dầu).

Hình 361 : Tranh Ngọc-Hoàng Thượng-Đế.

Tranh Bà Thánh-Mẫu Thượng-Ngàn vẽ một bà ngồi trên cáng ,mắc ở trong rừng,chung quanh các Tiên đứng hầu. Bên ngoài, các cầm thú,cua cá,tôm rắn cũng đến chầu. (Hình 362).

Hình 362 : Tranh Bà Thánh-Mẫu Thượng-ngàn.

Tứ-phủ là 4 Bà Chúa của Trời, Đất, Nước và Rừng vẽ 4 Bà tóc quấn đuôi gà, mặc áo dài kiểu Việt-nam, tay cầm quạt có vẽ hoa (Hình 363).

Các tranh thờ này tuy được coi là những tranh bình-dân nhưng nét vẽ rất linh-động, các nhân-vật trong tranh mỗi người một vẻ đủ diễn-tả cá-tính của từng nhân-vật, nên chúng ta có thể coi là những tác-phẩm mỹ-thuật có giá-trị.

Hình 363 : Tranh Tứ-phủ .

Về phía Công-giáo cũng còn để lại một số tác-phẩm hội họa trong đó Bức tranh Các thánh Tử-đạo được coi là một bức tranh có giá-trị cả về phương-diện nghệ-thuật lẫn phương-diện tài-liệu.

Tranh này vẽ hình các giáo-sĩ và các tín-đồ Công-giáo bị Triều-đình Nhà Nguyễn tàn-sát ở Nam-định trong các năm 1857,1858.Tranh trình-bầy cảnh quan quân Triều-đình do một Phó-quản cầm đầu (người mặc áo dài, che lọng,tay cầm cuộn giấy) đưa các giáo-sĩ và các tín-đồ ra xử.

Hình 364 : Tranh Các Thánh tử đạo ở Nam-định.

Trên thực-tế, mỗi người bị xử ở một nơi và trong thời-gian khác nhau nhưng ở đây họa-sĩ đã vẽ chung cả lại trong một bức tranh.

Tranh vẽ thành 2 hàng: Hàng trên vẽ quân lính cầm giáo, cờ, kiếm, đánh trống, vây quanh Đức Thầy (Monseigneur) An đang bị đóng gông ở cổ và Đức Thầy Y đang bị khiêng đi trong một cái thúng lớn. Hàng dưới vẽ các ông Tiệp, ông Hiền, Đức Thầy Xuyên, Cố chính Hiền, Cụ Tư, Thầy Chiểu, Đức-thầy Minh đang bị đóng gông dẫn ra pháp-trường (Hình 364).

Ngoài các tranh trên người ta cũng thấy một loại tranh rất phổ-thông trong dân chúng. Đó là các tranh Tố-nữ (Con gái đẹp).

Tranh này thường vẽ các thiếu-nữ mặc áo dài, tóc quấn hay đội khăn, đang đứng hay ngồi đánh đàn, thổi sáo hoặc dâng hoa. Bên cạnh thường có trình-bầy một lọ hoa (Hình 365).

Hình 365 :

Tranh Tố-nữ gảy đàn.

Trang-trí

Mỹ-thuật đời Nguyễn, phần vì bị ảnh-hưởng nhiều của Trung-hoa, phần vì muốn biểu-dương uy-quyền của Chế-độ Quân-chủ ,nên việc trang-trí chú-trọng nhiều đến về uy-nghiệm. Do đó các chủ-đề trang-trí thường dùng là Tứ-linh, Bát-bảo, chữ Thọ.

TỨ-LINH

Tứ-linh : Long,Ly,Qui,Phượng là một chủ-đề rất phổ-thông trong nghệ-thuật trang-trí ở Huế cũng như ở các địa phương đời Nguyễn.

Rồng đời Nguyễn được diễn-tả với thân Rồng và đầu Rồng khá lớn,chân khoẻ nên trông có vẻ thô hơn Rồng đời Lý,Trần. (Hình 366a).

Hình 366 : Tứ-linh (a. Rồng . b. Lân

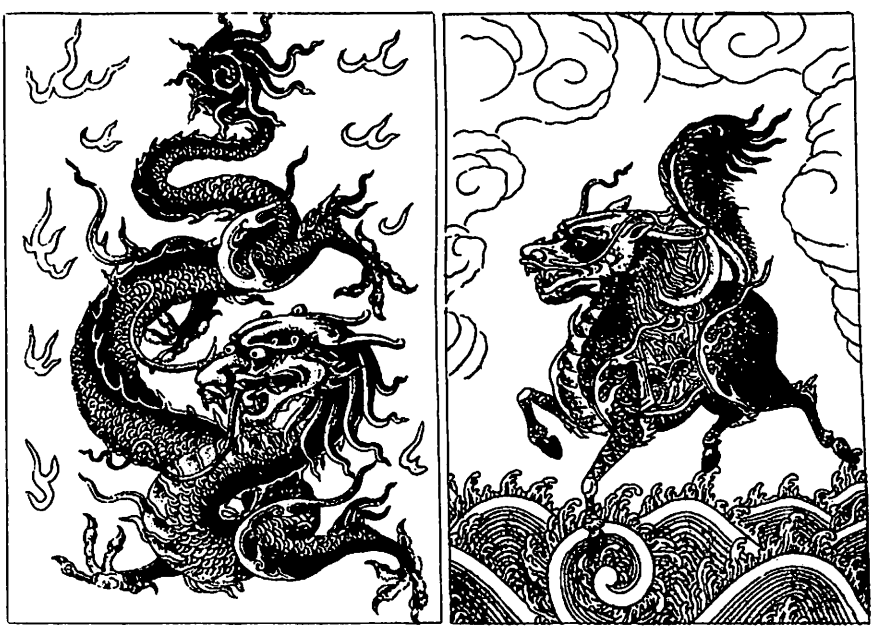

Ly hay Lân được trình-bầy với thân một con ngựa có vẩy,đầu Rồng, đi trên sóng nước (Hình 366 b).

Qui hay Rùa,được vẽ có mang trên lưng một giá sách, đang đi trên sóng nước (Hình 366c).

Phượng được vẽ ngậm bông hoa,đuôi có quấn những cuộn giấy. Phượng đời Nguyên tượng-đối thanh hơn Phượng đời Lý, những nét của Chim thần Garuda đã không còn nữa (Hình 366d).

Rồng và Phượng còn thường được trình-bầy dưới hình-thức 2 Rồng hay 2 Phượng châu mặt nguyệt.Các hình này thường được vẽ theo lối tượng-trưng nên các hình trang-trí trang nhã hơn các hình vẽ đơn-độc (Hình 367,368).

Đôi khi trong một đề-tài trang-trí, người ta còn thấy cả Tứ linh được trình-bầy với các chủ đề khác như chữ Thọ, hoa lá,phong cảnh v.v.. (Hình 369).

H.366 c. Rùa d.Phượng)

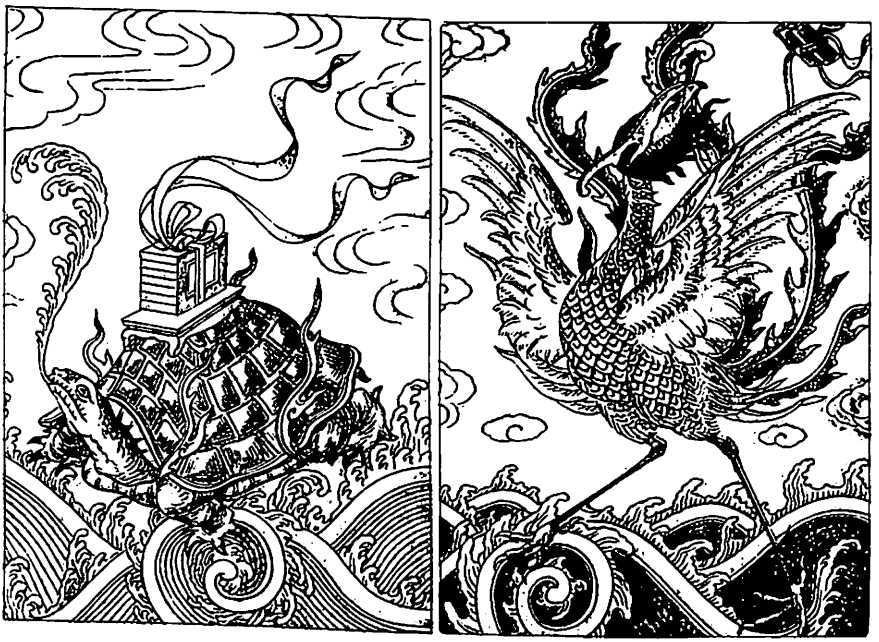

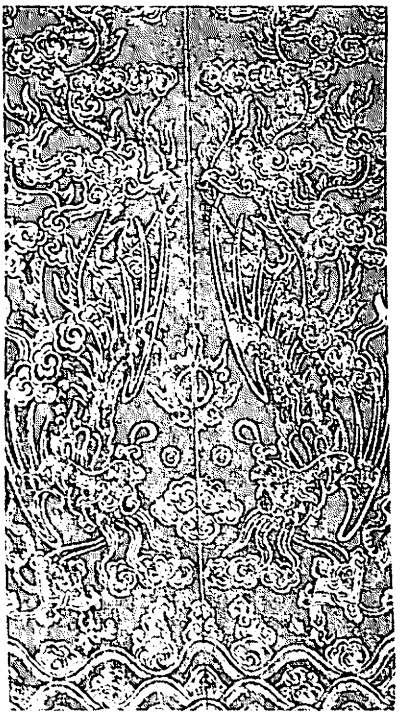

Hình 367: Rồng chầu mặt nguyệt.Hình 368 : Phượng chầu mặt nguyệt

BÁT BẢO.

Bát bảo là 8 vật quí của nhà nho ngày xưa như sách, bút,mực, quạt .v.v.cũng thường dùng làm đề tài trang-trí.Những vật này thường được vẽ đi kèm với hình mây để tỏ cái chí của nhà nho mong gặp hội phong-vân (Hình 370)

CHỮ THỌ.

Chữ Thọ được trang-trí dưới rất nhiều hình-thức: Hoặc trong một vòng tròn như ta đã thấy trong hình 369 Hoặc được xếp theo hình chữ nhật,hoặc được vẽ thành hình mây,Rồng, cành lá, tạo thành một mô-thức trang-trí rất thanh-nhã (Hình 371. 372 373

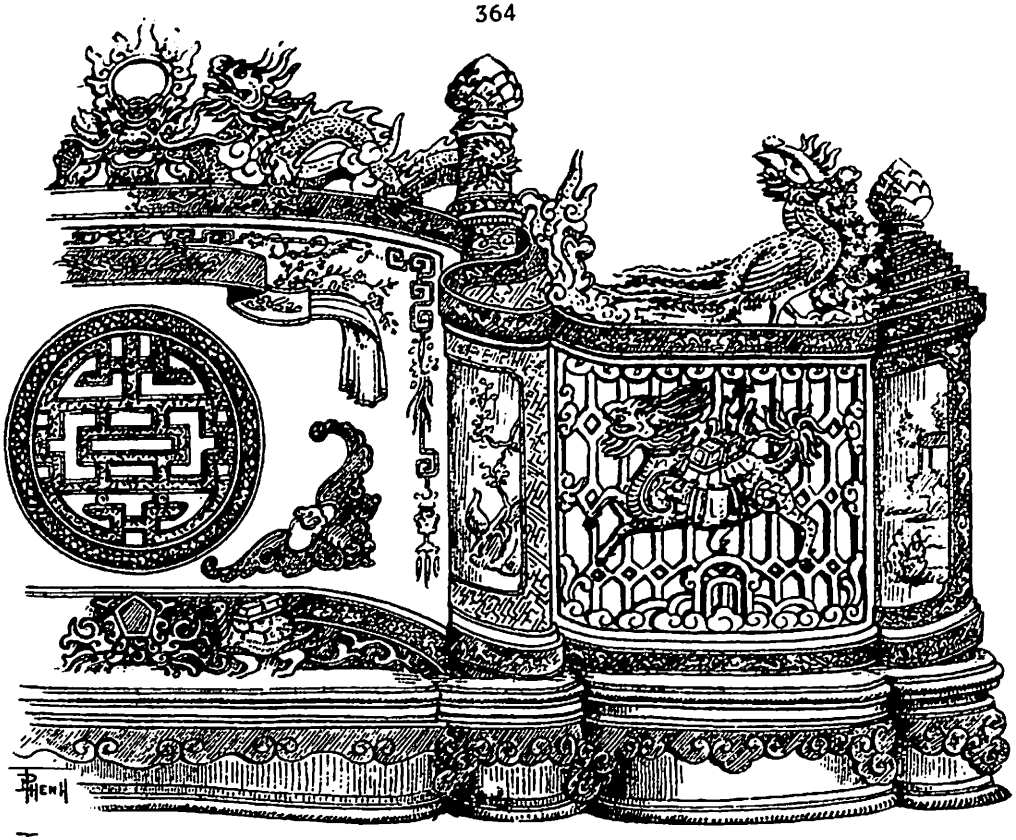

Hình 369 : Long,Ly,Qui,Phượng trang-trí trong Bình-phong xây ở trước cửa Viện Cơ-mật ,Huế.

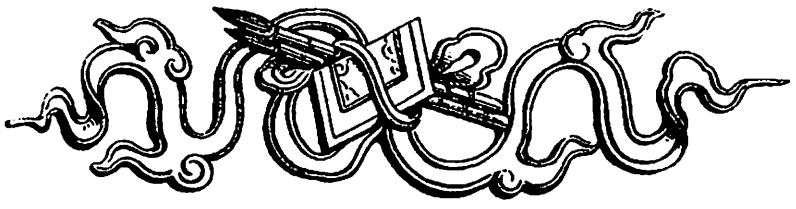

Hình 370 : Sách và bút trong Bát-bảo.

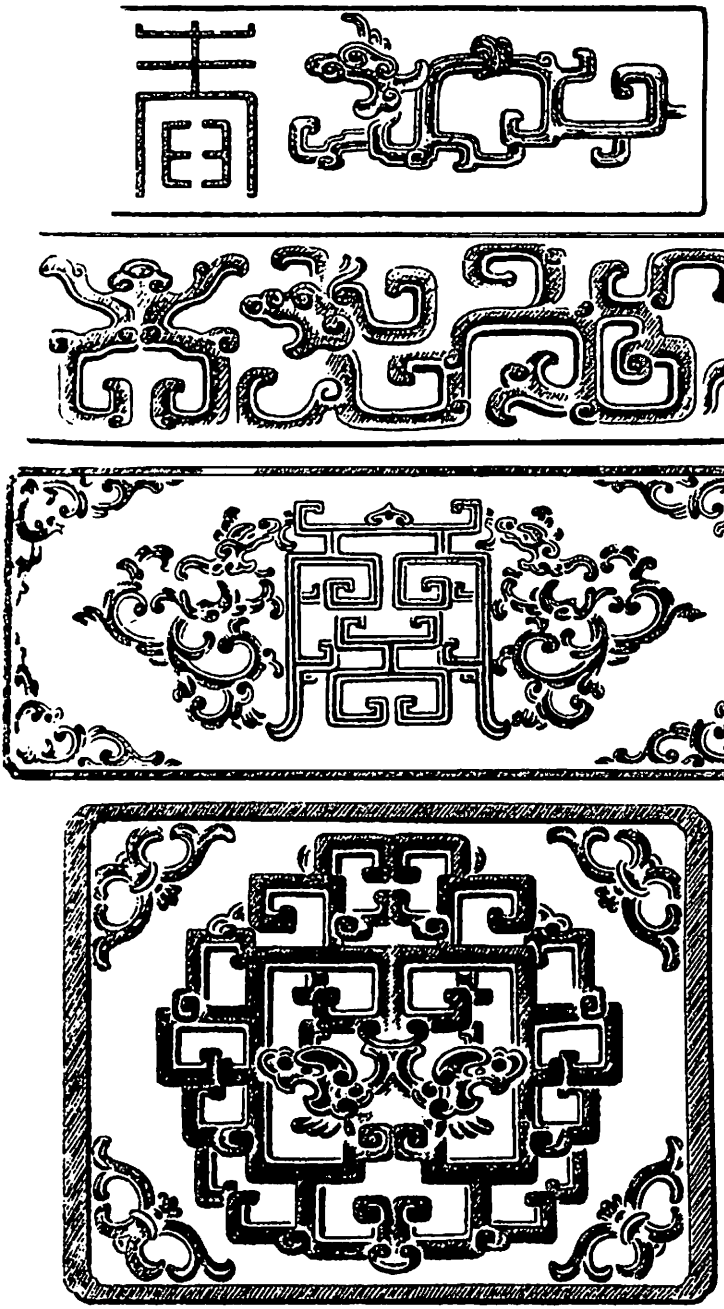

Hình 371 : Trang-trí hình chữ Thọ , Huế.

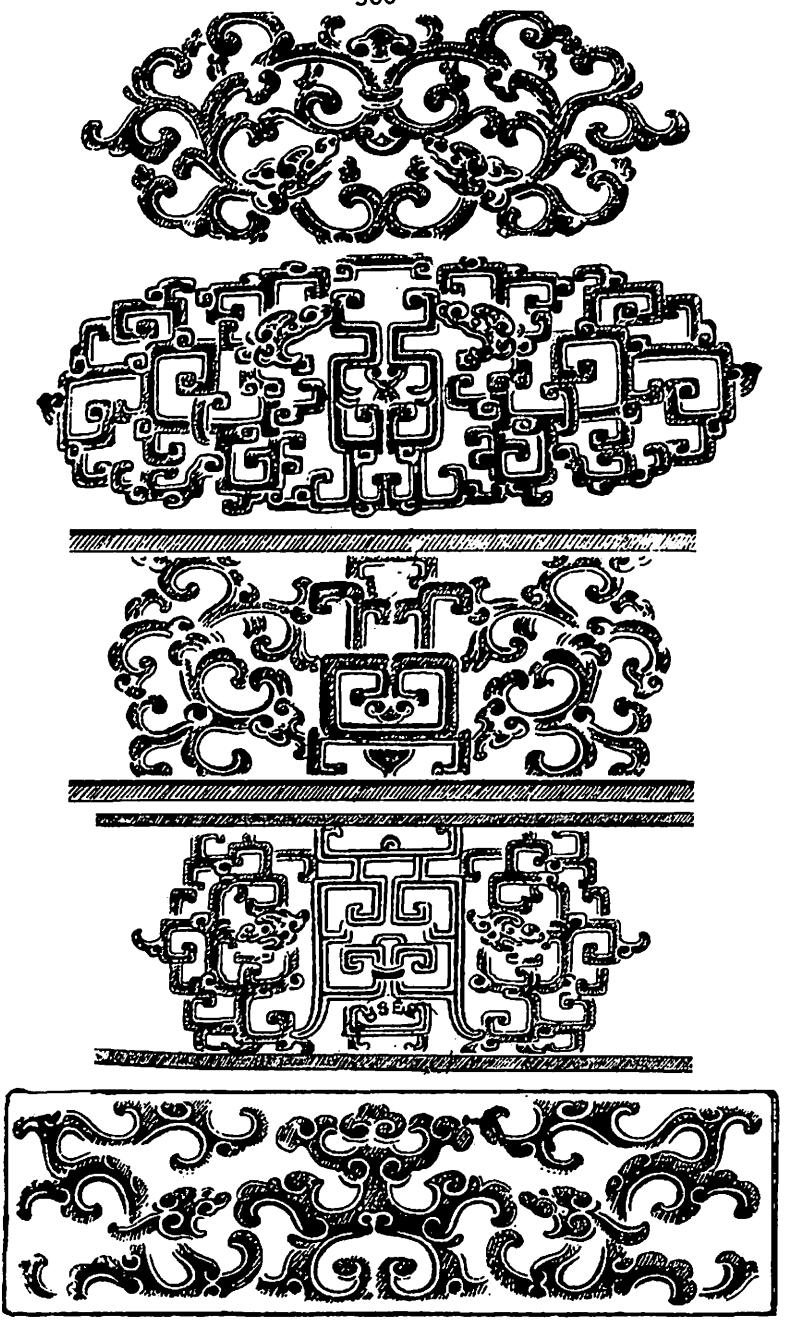

Hình 372 : Trang-trí hình chữ Thọ ,Huế.

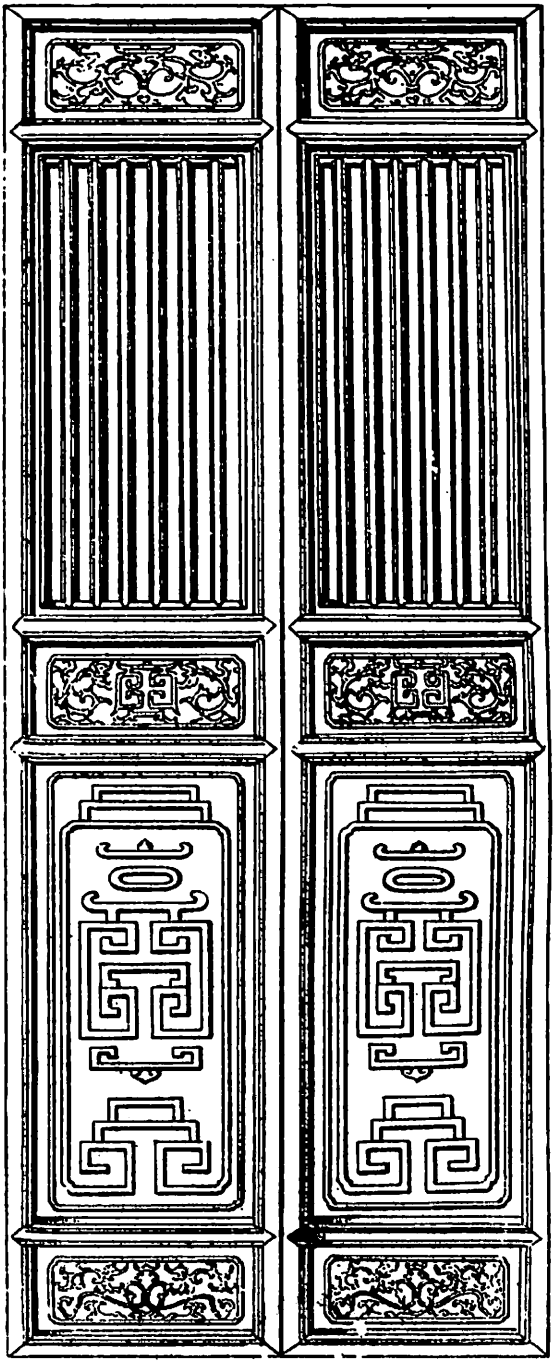

Hình 373 : Cửa gỗ trang-trí chữ Thọ , Huế

TRANG-TRÍ HOA LÁ.

Hoa lá cũng là một đề tài trang-trí rất phổ-thông trong đời các vua nhà Nguyễn.

Hoa lá được trang-trí trong các đồ gỗ, các riềm cửa bằng gỗ ở các cung-điện ở Huế. Nhưng Hoa, Lá ở đây cũng được kết thành hình Rồng để cho khác với các hình hoa-lá ở dân gian (Hình 374).

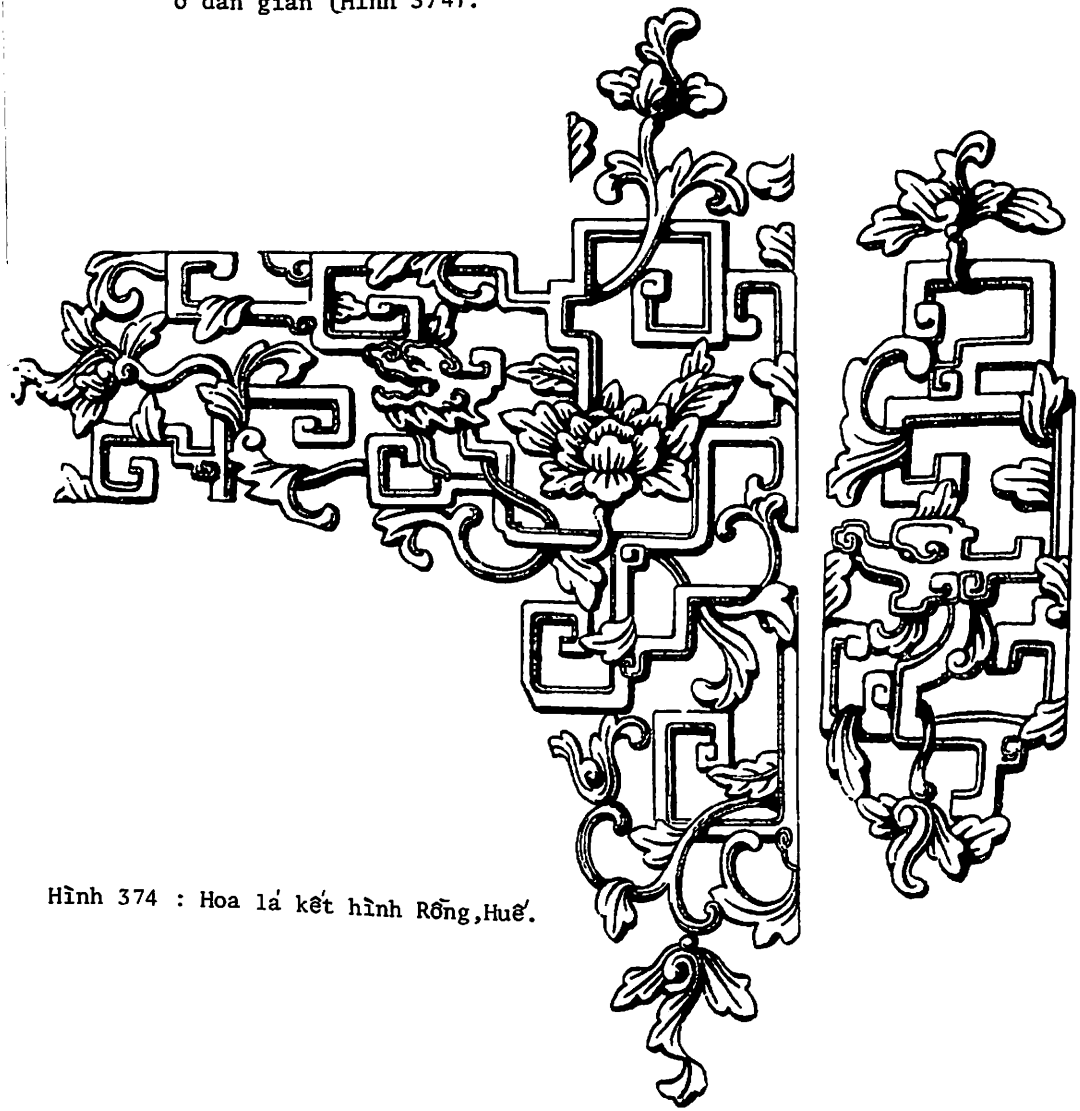

Hình 374 : Hoa lá kết hình Rồng, Huế.

Trang-trí Đồ gỗ

Đồ gỗ trạm-trổ, sơn quang dầu hay sơn son thếp vàng, trong đời nhà Nguyễn được coi là những đồ gỗ đẹp nhất từ trước đến nay.

Đồ làm rất thanh nhã, trang-trí mỹ-thuật và nhất là giữ được những nét đẹp cổ-truyền của dân-tộc.

Các đồ gỗ thường thấy là án-thư, bình-phong, khay trà bàn ghế, sập, tủ-chè v.v... (Hình 375, 376,377,378).

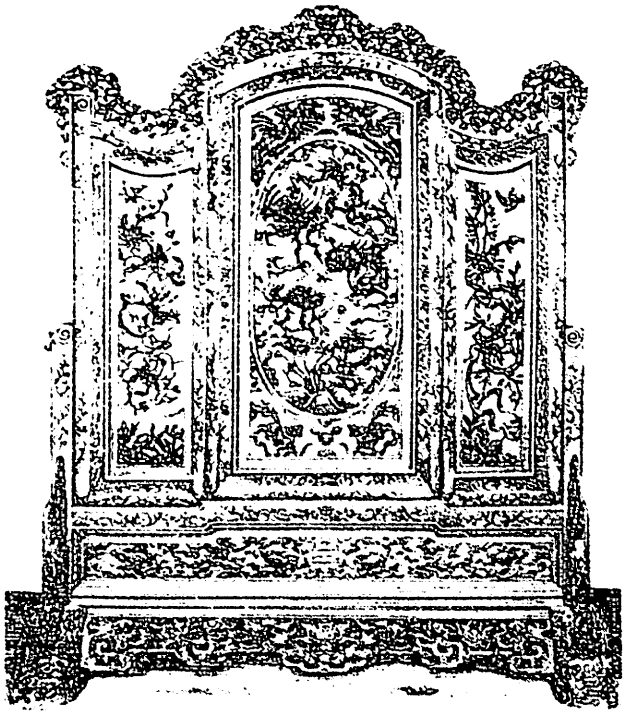

Hình 375 : Bình phong bằng gỗ trạm-trổ, Huế.

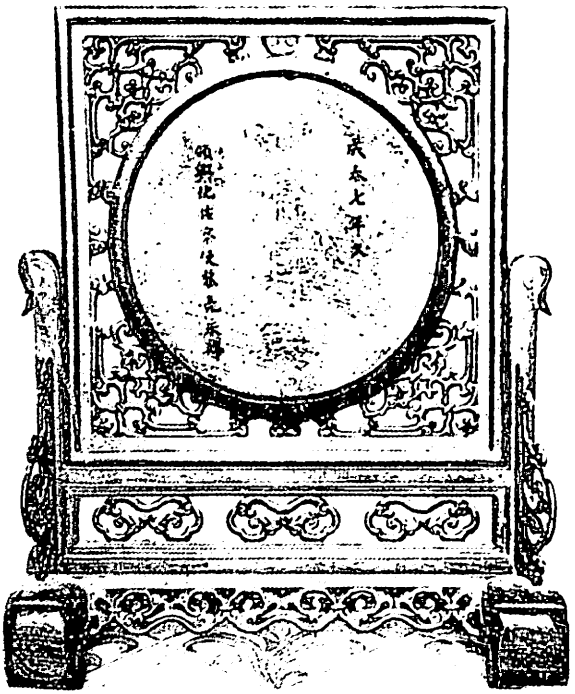

Hình 376 : Khung hình mặt đá dùng làm bình-phong, Huế.

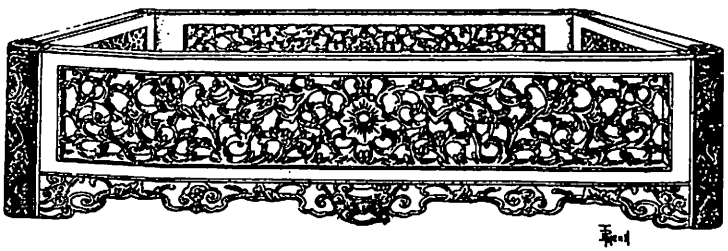

Hình 377 : Khay trầu bằng gỗ trạm-trổ, Huế.

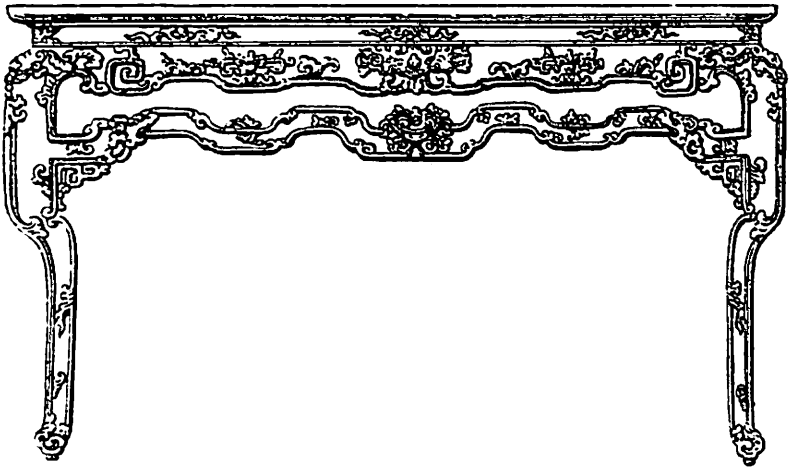

Hình 378 : Án thư, bằng gỗ trạm-trổ.

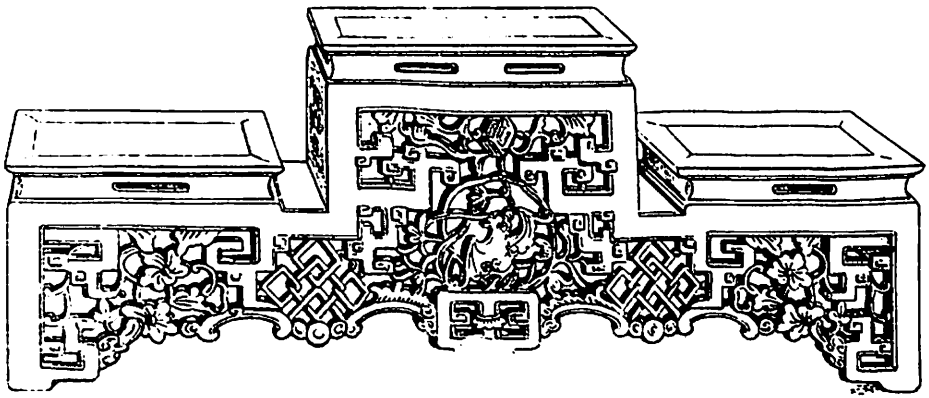

Hình 379 : Giá sách bằng gỗ trạm-trổ, Huế.

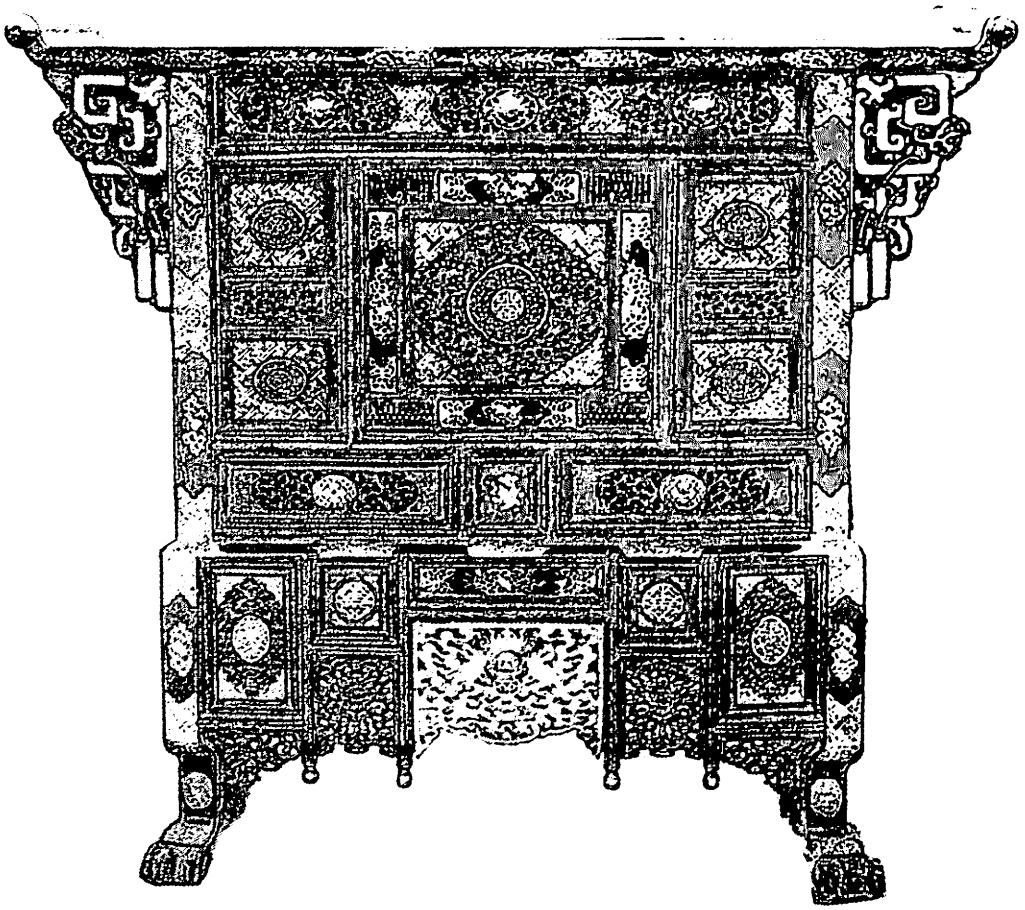

Hình 380 : Bàn thờ (Bắc-Việt).

THAY LỜI KẾT.

Trong các chương trên chúng tôi đã trình-bầy những sắc-thái của Mỹ-thuật Việt-nam qua các giai-đoạn của lịch-sử, liên-hệ với những sự thăng-trầm của đất-nước.

Từ cuối đời Nhà Nguyễn, người Pháp chiếm Nam-kỳ, bảo-hộ Bắc và Trung-kỳ, đã đem ảnh-hưởng của Tây-phương sang xứ ta càng ngày càng nhiều.

Từ đó Mỹ-thuật xứ ta bước vào một giai-đoạn mới từ kỹ-thuật đến tư-tưởng đều khác với những giá-trị cổ-truyền.

Chúng tôi sẽ trình-bầy giai-đoạn mới của Mỹ-thuật Việt-nam này trong cuốn tới :

MỸ-THUẬT VIỆT-NAM HIỆN-ĐẠI.

Montreal mùa tuyết 1981.

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO

ANH-TRỨ — Tháp Bình-sơn.- Nghệ-thuật - Niên-đại. TẠC-PHẨM MỚI số 2 1969.

ALBRECHT P. — Les motifs d' art ornemental annamite :Le dragon. BAVH HUẾ 1916.

ARDANT DU PICQ — Les fortifications de la citadelle de Hue BAVH HUẾ 1935.

AURROUSSEAU L. — Le Văn-miếu de Hà-nội. RI 1913

BARBIER V — Les poteries du Nghệ-an. RI 1916.

BARBOTIN — La poterie inddigène de Lam-sơn. BEI 1912.

BATTEUR CH. — Relevé des monuments annamites anciens :Le Đình de Đình-bảng. J VAN OEST PARIS 1932.

BERNANOSE M. — Les Arts décoratifs au Tonkin. H LAURENS PARIS 1922.

BEZACIER L. — Les sépultures royales de la dynasties des Lê postérieurs. BEFEO t.XLIX HANỌI 1951.

Nt — Conception du plan des anciens citadelles du Nord Việt-nam. JA t. 1952.

Nt — Le stupas de Phổ-minh-tự.Tombeau de Trần-Nhân-Tôn à Tức-mạc. AA VII PARIS 196o.

Nt — Le stupa de Trạch-lâm. AA V PARIS 1958.

Nt — Relevé des monuments anciens du Nord Việt-nam. PEFEO VI PARIS 1959.

BEZACIER L — Les bas reliefs du temple Ninh-phúc à Bút-tháp. AA XI PARIS 1965.

Nt — L' Art Vietnamien. UNION FRANCAISE.PARIS 1954.

Nt — LE VIETNAM. J PICARD PARIS 1972.

BOISSELIER — La statuaire du Champa PEFEO LIV PARIS 1963.

BONHOMME A — La pagode de Thiên-mâu. BAVH HUE 1915.

Nt — La pagode de Quốc-ân:Le fondateur des divers supérieurs . BAVH. HUE 1914.

BOS R — L'Art Annamite. BSGC PARIS 1915.

BOUGER — La pagode des Lê à Thanh-hóa. BAVH HUE 1921.

BRIS H LE — Les canons génie du palais de Huê. BAVH HUE 1914.

CADIERE L — Les murs de Đồng-hới. BEFEO VI 1906.

Nt — La porte dorée du palais de Huê et les palais adjacents. BAVH HUE 1914.

Nt — L' Art de Huê. BAVH HUE 1919.

Nt — Le tombeau de Gia-long BAVH HUE 1923.

Nt — La citadelle de Huê. BAVH 1933.

CHAIGNEAU DUC — Souvenir de Huê. PARIS 1867.

CHAPUIS — La maison annamite au point de vue religieux BAVH HUE 1937.

CHOCHAD L — La question de la ceramique en Annam et le bleu de HUE. BCAF PARIS 1900.

CLAEYS — L' autel de Thiên-Phúc. BEFEO XXVIII HANOI 1928.

COLANI M — L'âge de pierre dans la province de Hõa-bình MSGI XIV 1927.

Nt — Recherches sur le Préhistorique Indochinois BEFEO XXX 1930.

Nt — Notice sur la Prehistoire du Tonkin BSGI XVII Ha-NOI 1938.

CROSTE L — Etude sur l' habitation annamite a Huê et dans les environs. BAVH 1939.

DELAMARRE E — La stèle du tombeau de Tự-đức. BAVH HUE 1918.

Nt — La stèle du tombeau de Minh-mạng. BAVH HUE 1920.

DUMOUTIER G — Étude historique et archéologique sur Cổ-loa. NAMSL'III 1892.

Nt — Étude historique et archéologique sur Hoa-lư BGHD I 1893.

Nt — L' astrologie chez les annamites. RI PARIS 1915.

ĐÀO DUY ANH — Văn-hóa đồ đồng và trống đồng Lạc-Việt. KHXH HÀ-NỘI 1957.

DUTREUIL DE RHINS JL — Le Royaume d Annam et les annamites PLON PARIS 1889.

DURAND M — Imagerie populaire Vietnamienne. PEFEO XLVII PARIS 1960.

DURIER A — Décoration Annamite Calavis PARIS 1925.

Nt — Notice sur L' art moderne annamite 1882-1925. EXTREME ASIE PARIS 1929.

GASPARDONE E — Les stèles royales de Lam-sơn. PEFEO HANOI 1935.

GOLOUBEW V La province de Thanh-hóa et sa ceramique.
AA VII PARIS 1931-1932.

Nt L' âge de bronze au Tonkin et dans le Nord Annam.
BEFEO XXIX HANOI 1929.

Nt Le peuple de Đông-sơn et les Mường.
CEFEO X HANOI 1937.

Nt Le tambour métallique de Hoằng-hạ.
BEFEO XL HANOI 1940.

GOURDON L' Art de L' Annam.
BOCCARD TOULOUSE 1932.

GOUROU P Le paysan du delta Tonkinois.
PEFEO XXVIII HaNOI 1936.

Nt Esquisse d' une étude de L' habitation annamite dans L' Annam septentrionale et central.
PEFEO XXVIII HA-NOI 1936.

Nt La terre et L' homme en Extrême Orient.
FLAMARION PARIS 1972.

GRAVELLES CH L' Art Annamite
BAVH HUE 1925.

GROSLIER BP Indochine NAGEL GENEVE 1966.

Nt Indochine carefour des arts.
A MICHEL PARIS 1966.

HÀ-VĂN-TẤN, TRẦN-QUỐC-VƯỢNG Sơ-yếu khảo-cổ-học nguyên-thủy VN
KHXH HÀNỘI 1961.

HÀ VĂN TẤN Về vấn-đề người Indonésien và loại hình Indonésien trong thời-đại Nguyên-thủy VN. TBKH I HÀNỘI 1962.

Nt Lại bàn về xương sọ người Indonésien trong thời-đại đồ đá ở VN. TBKH II HÀ-NỘI 1966.

HEGER F Sur D' anciens tambours de métal du Sud Est de L' asie.
PCIE EO PARIS 1902.

HOÀNG-XUÂN-CHINH, NGUYỄN-NGỌC-BÍCH
Di-chỉ Khảo-cổ-học Phùng-nguyên
KHXH HÀ-NỘI 1978.

HEJZLAR ,W&B FORMAN L' Art du Việt-nam.
Cercle d' ART PARIS 1973.

JANSE O Archaelogical research in Indochina. IBHE Bruge 1958.

Nt Récentes fouilles au Tonkin et dans le Nord Annam. CEFEO II HANOI 1935.

KARLEGREN B The date of the early Đông-son Culture. BMFEA XIV STOCKHOLM 1942.

LABORDE A La pagode de Bảo-quốc. BAVH HUE 1917.

Nt les batiments du palais de Huế. BAVH HUE 1928.

LAUGRAND G Les tombeau de Thiệu-tri. BAVH 1939.

LÊ-QUÍ-ĐÔN Kiến-văn tiểu-luc SỬ-HỌC HÀ-NỘI 1962.

LÊ-THÀNH-KHÔI Việt-nam,histoire et civilisation. MINUIT PARIS 1955.

LÊ-VĂN-HẢO Introduction à L'Ethnologie du Đình. BSEI XXXVII SÀI-GÒN 1962.

LÊ-VĂN-LAN, PHẠM-VĂN-KỈNH, NGUYỄN-LINH Những vết-tích đầu-tiên của thời-đại đồng thau ở VN, KHXH HÀNỘI 1963.

LEFEVRE D' ARGENCE Les céramiques à base chocolatée au musée Louis Finot. PEFEO XLIV PARIS 1958.

LEVY P Origine de la forme du tambour de bronze du type I DÂN VIỆT NAM 2, HÀ-NỘI, 1948.

LING SHUN SHENG New interpretations of the decoration designs of the bronze drums of SEA. ANNALS OF ACADEMIA SINICA TAPEI 1955.

LO HSIANG LIM. The Yueh bronze drum, their manufacture and use. HONGKONG 1967.

LICHTENFELDE. Notice sur les sépultures des rois d' Annam aux environs de HUẾ. SCHNEIDER HÀ-NỘI 1893.

Nt Notice sur le tombeau de Minh-mạng. BAVH HUE 1937.

MALLERET L Eléments D' une monographe des anciennes fortifications et citadelles de Saigon. BSEI X SAIGON 1935.

MANSUY H Gisement préhistorique de la caverne de Phố Binh-gia ANTHROPOLOGIE XX PARIS 1909.

nt La caverne sépulerale néolithique de Hàm-rồng BSGI XIV. HANOI .

MASPERO G L' Art Annamite. VAN OEST PARIS BRUXELLE 1929.

Nt Sur quelques objets de L' époque de Hán ETUDE D' ORIENTALISME PARIS 1942.

MAYBON A Sur L' Art Annamite. ART DECORATIF PARIS 1912.

NGÔ-SĨ-LIÊN Đại-Việt Sử-ký Toàn-thư. (Bản dịch Cao-Huy-Giu,Đào-duy-Anh) KHXH HÀNỘI 1967.

NGÔ-THỜI-SĨ Việt-sử Tiêu án. VHAC SÀIGON 1961.

NGUYỄN-BÁ-LĂNG Đại-nội Huế. VHNS I SÀI-GÒN 1968.

Nt Kiến-trúc Phật-giáo Việt-nam. VẠN-HẠNH,SÀIGÒN 1972.

NGUYỄN-CAO-LUYỆN Từ những mái nhà tranh cổ-truyền. VĂN-HÓA,HÀ-NỘI,1977.

NGUYỄN-ĐÌNH-HOÈ La pagode de L' élephant qui barrit. BAVH HUE 1918.

Nt La pagode Diệu-Đế . BAVH HUE 1916.

NGUYỄN-ĐỖ-CUNG Nhân đọc quyển Essai sur L' Art Annamite. THANH-NGHỊ 96,HÀNỘI 1944.

NGUYỄN-PHI-HOANH Lược-sử Mỹ-thuật Việt-nam. KHXH HÀ-NỘI 1970.

NGUYỄN-PHÚC-LONG Les nouvelles recherches archéologiques au VN AA XXXI PARIS 1975.

NGUYỄN-PHƯỜNG Việt-nam thời Khai-sinh.
NCS HUẾ 1965.

NGUYỄN-TRÃI Dư-địa-chí (trong Nguyễn-Trãi toàn-tập)
KHXH HÀ-NỘI 1976.

NGUYỄN-VĂN-HUYÊN Contribution à l' étude d'un génie titulaire annamite Lý-Phục-Man. BEFEO XXXVIII HÀ-NỘI 1938.

Nt La civilisation annamite.
HÀ-NỘI 1943.

NGUYỄN VĂN KHOAN Essai sur le Đình et le culte du génie titulaire du village au Tonkin. BEFEO XXX HA-NOI 1930.

SOLHEIM II W G New light on a forgotten past.
NATIONAL GEOGRAPHIC 139 WASHINGTON 1971.

SULLIVAN M The Art of China.
CARDINAL MONTREAL 1973.

TRẦN-LÂM-BIỀN Trở lại niên-đại tháp Bình-sơn.
NGHIÊN-CỨU NGHỆ-THUẬT 4, HÀ-NỘI, 1974.

ORBAND H Les bronzes D' art de Minh-mạng.
BAVH HUE 1914.

nt Les tombeaux des Nguyễn.
BEFEO XIV HA-NOI 1914.

Nt & CADIERE Le sacrifice de Nam-giao.
BAVH 1915.

PARMENTIER H Anciens tombeaux au Tonkin.
BEFEO XVII HA-NOI 1917.

Nt Anciens tambours de bronze.
BEFEO XVIII HA-NOI 1918.

Nt Le tombeau de Nghi-vệ.
BEFEO XVIII HA-NOI 1918.

Nt & MERCIER Elements anciens D' architecture au Nord VN
BEFEO XLV HA-NOI 1952.

PATKO I & REV M. L' Art du Việt-nam.
AIMERY SOMOGY, PARIS 1967.

PATTE E Les ossements du Kjokkenmoding de Đa-bút.
BSEI XL SAIGON 1965.

POUVOURVILLE A — L' Art Indochinois
PARIS 1894.

RESUMAT C — Les Arts de L' Indochine
ART ET HISTOIRE PARIS 1938.

RIGAUX H — Long-thọ ,ses poteries anciennes et modernes.
BAVH HUẾ 1917.

SULLET & NGUYỄN-ĐÌNH-HÒE — Enumeration des pagodes et des lieux de Cultes à Huế . BAVH HUE 1914.

SAURIN ED — Un site archeologique à Dầu-giây.
KCTS SAIGON 1966.

Nt — Nouvelles observations préhistoriques à L' Est de Saigon. BSEI XLIII 1968.

SOGNY L — Les urnes dynastiques du palais de Huế.
BAVH HUE 1914.

Nt — Les vasque en bronze du palais.
BAVH HUE 1921.

THÁI-VĂN-KIỂM — Cổ-đô Huế.
BGD VH SAIGON 1960.

TRẦN-HÀM-TẤN — Etude sur le Văn-miếu de Hà-nội .
BEFEO XLV 1951.

TRẦN-VĂN-TỐT — Introduction à L' Art Ancien du VN.
BSEI XLIV I 1969.

WOLIFLIN — Principes of Art History.
DOVER NEWYORK 1950.

ƯNG-TRÌNH — Le Temple des lettres.
BAVH 1916.

TẬP THỂ. — Hùng-vương dựng nước.
KHXH I,II,III,IV HÀ-NỘI 1971,1972,1973,1974.

Những phát-hiện mới về khảo-cổ-học.
KHXH HÀ-NỘI 1973.

(NGUYỄN-ĐỨC-NÙNG, NGUYỄN-BÁ-CHI, NGUYỄN-TIẾN-CẢNH, CHU-QUANG-TRỨ, NGUYỄN-BÁ-VÂN) — Mỹ-thuật thời Lý.
VĂN-HÓA HÀ-NỘI 1973.
Mỹ-thuật thời Trần.
VĂN-HÓA HÀ-NỘI 1977.
Mỹ-thuật thời Lê-sơ.
VĂN-HÓA HÀ-NỘI 1978.

HÌNH-ẢNH *(Tiếp-theo trang 16)*

295 Lọ độc-bình cơ hình Rồng, Lân và Phượng 283
296 Chân đèn cơ gắn hình Rồng 283
297 Bát hương hình hoa sen cơ trạm hình hoa sen, hoa mai 284
298 Bình cơ trạm hình Rồng và mây 284
299 Đỉnh trạm rồng và hoa cúc 285
300 Cây đèn hình Kỳ-lân 286
301 Thành Huế nhìn từ Mang-cá 288 289
302 Bản-đồ thành Huế và vùng phụ-cận 290
303 Bản-đồ cổ thành Phiên-an 293
304 Thành Phiên-an 293
305 Tỉnh thành Hà-nội năm 1831 295
306 Sơ đồ thành Hà-nội 296
307 Cột cờ trong thành Hà-nội 296
308 Cửa ô Quan-Chưởng ở Hà-nội 297
309 Mặt tiền Ngọ-môn ở Huế 298
310 Lối lên lầu Ngũ-phụng 299
311 Mặt sau Ngọ-môn, Huế 299
312 Sơ-đồ Hoàng-thành và Tử-cấm thành Huế 300
313 Từ lầu Ngũ-phụng nhìn xuống điện Thái-hòa 301
314 Ngai vàng trong điện Thái-hòa 302
315 Thái-miếu trong Hoàng-thanh Huế 303
316 Cửa cung Càn-thành trong Tử-cấm thành Huế 305
317 Các cửa nhỏ giữa các cung điện ở Huế 306
318 Thế đất long-che hổ-phục 307
318b Bình đồ hướng bằng đồng ở lăng Gia-long 309
318c Mộ Gia-long trên núi Chính-trung 310
319 Lăng Minh-mạng 312
320 Nhà thủy-tạ và hồ sen ở lăng Tự-đức 313
321 Tượng đá và cổng chào ở lăng Đồng-Khánh 314
322 Bàn-thờ ở trong chính-điện lăng Khải-định 315
323 Sơ-đồ Văn-miếu, Hà-nội 318 319
324 Cổng chính vào Văn-miếu, Hà-nội 318
325 Khuê-văn các ở Văn-miếu Hà-nội 319
326 Hồ-nước, miếu thờ và bia Tiến-sĩ 320
327 Từ Khuê-văn-các nhìn vào cửa Đại-thành và Văn-miếu 321
328 Một cổng chùa kiểu 4 cột 322
329 Chùa Hoang-gia ở Thái-nguyên 323
330 Chùa Tân-phước ở gần Huế 324
331 Tháp chùa Linh-mụ ở Huế 326
332 Tháp chùa Cổ-lê 325
333 Nhà thờ Phát-diệm, 326
334 Nhà dân gian ở Bắc-Việt 327
335 Nhà kiểu một hàng cột cái ở cửa Tùng 328
336 Nhà dùng 2 hàng cột cái và 2 mái chồng lên nhau ở Mỹ-hòa, Bình-định 329

337	Nhà bố-trí hình chữ môn ở Mỹ-hoá	329
338	Vạc đồng ở trước điện Cần-chính, Huế	330
339	Chuông Đại-hồng ở chùa Thiên-mụ, Huế	331
340	Đỉnh đồng ở Thế-miếu, Huế	332
341	Súng Thần-công trong Kinh-thành Huế	333
342	Bình hương bằng đồng ở Huế	334
343	Chậu tê co chân bằng đồng ở Văn-miếu, Hà-nội	335
344	Tượng thần Trấn-Vũ ở đền Quan-thánh, Hà-nội	336
345	Giá để hình bằng đồ gốm Huế	337
346	Đồ sứ mầu Lam Huế : Bát con Rồng	338
347	Đồ sứ mầu Lam Huế : Bát con Rồng	339
348	Đồ sứ mầu Lam Huế : Bát tứ linh	339
349	Đồ sứ mầu Lam Huế : Đia con Rồng	340
350	Đĩa Cửu-long mầu Lam Huế	341
351	Đồ sứ mầu Lam Huế : Bình đựng bút	342
352	Đĩa con chim : Đồ sứ đời Nguyễn	343
353	Đồ sứ Việt-nam : Đĩa điểu trúc	344
354	Đồ sứ Việt-nam : Đĩa con cá	345
355	Đồ sứ Việt-nam : Đĩa hoa cúc	345
356	Tranh chân dung cụ Phan-Thanh-Giản	346
357	Tranh tứ bình Xuân, Hạ, Thu, Đông	348 349
358	Tranh truyện Kiều	350 351
359	Tranh cổ vẽ Phật Quan-âm và Mục-liên	353
360	Địa ngục	354 355
361	Tranh Ngọc-hoàng Thượng-đế	356
362	Tranh bà Thanh-mẫu Thượng-ngàn	357
363	Tranh Tứ phủ	358
364	Tranh các thánh tứ đạo ở Nam-định	359
365	Tranh Tô-nữ gảy đàn	360
366	Tứ-linh	361 362
367	Rồng chầu mặt nguyệt	364
368	Phượng chầu mặt nguyệt	363
369	Long Ly Qui Phượng trang-trí trong bình-phong xây ở trước cửa Viện Cơ-mật	364
370	Sách và bút trong bát bảo	364
371	Trang-trí hình chữ Thọ, Huế	365
372	Trang-trí hình chữ Thọ Huế	366
373	Cửa gỗ trang-trí chữ Thọ, Huế	267
374	Hoa lá kết hình Rồng, Huế	368
375	Bình-phong bằng gỗ trạm-trổ, Huế	369
376	Khung hình mặt đá dùng làm bình-phong, Huế	370
377	Khay trầu bằng gỗ trạm-trổ	370
378	Án thư bằng gỗ trạm-trổ	371
379	Giá sách bằng gỗ trạm-trổ	371
380	Bàn thờ, Bắc-Việt	372

CHỮ VIẾT TẮT.

AA	Art Asiatique.
BAVH	Bulletin des Amis du Vieux Huế.
bdd	bài đã dẫn.
BEFEO	Bulletin de L' Ecole Française D' Extrême Orient.
BEI	Bulletin Economique de L' Indochine.
BMFEA	Bulletin of the Museum of Far Eastern Antiquities.
BSEI	Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises.
BSGC	Bulletin de la Société de Géographie Commerciale.
BSGI	Bulletin du Service Géologique de L' Indochine.
IBHE	Institut Belge des hautes Etudes.
KCTS	Khảo-cổ tập-san.
KHXH	Khoa học Xã-hội.
MSGI	Mémoires du Services Géologique de L' Indochine.
NAMSL	Nouvelle archive des missions Scientifiques et Littéraires
NCS	Nghiên-cứu Sử.
PCIEEO	Premier Congrès Internationnal des études d' Extrême Orien
PEFEO	Publication de L' Ecole Francaise d' Extrême Orient.
RE	Revue d' Ethnographie.
RI	Revue Indochinoise.
Sdd	Sách đã dẫn.
TBKH	Thông-báo Khoa-học.

TỦ SÁCH NGHIÊN-CỨU SỬ-ĐỊA

sẽ xuất-bản

Cùng một tác-giả :

NGUỒN-GỐC DÂN-TỘC VIỆT-NAM.

Một tác-phẩm trình-bầy nguồn-gốc của dân-tộc Việt-nam theo một quan-điểm mới.

LỊCH-SỬ VIỆT-NAM 1940-1945.

Trình-bầy những biến-chuyển lịch-sử từ khi Nhật-bản mới xâm-nhập Việt-nam đến đảo-chính Việt-Minh.

Và những tác-phẩm của các Giáo-sư :

NGUYỄN-THẾ-ANH, PHẠM-CAO-DƯƠNG , PHẠM-ĐÌNH TIẾU NGUYỄN-HUY, ĐỖ-PHAN-HẠNH.